

TRẦN TRỌNG KIM - NGUYỄN VĂN NGỌC - DẶNG DÌNH PHÚC - DỖ THẬN
biên soạn



QUỐC VĂN GIÁO KHOA THƯ



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

<http://hocto.hopto.org>



TRẦN TRỌNG KIM - NGUYỄN VĂN NGỌC - ĐẶNG ĐÌNH PHÚC - ĐỖ THẬN
biên soạn



QUỐC VĂN GIÁO KHOA THƯ

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ



<http://tieulun.hopto.org>

Giới thiệu

QUỐC VĂN GIÁO KHOA THU và LUÂN LÝ GIÁO KHOA THU là hai bộ sách giáo khoa tiếng Việt được dạy song hành ở các trường Tiểu học Việt Nam trong suốt những thập niên thuộc nửa đầu thế kỷ XX.

Nhóm biên soạn sách gồm các ông Trần Trọng Kim, Nguyễn Văn Ngọc, Đặng Đình Phúc và Đỗ Thận – đều là những học giả, nhà văn, và là nhà giáo dục nổi tiếng, đương thời rất được tín nhiệm. Công việc biên soạn sách của họ còn mang tính định hướng của một nền giáo dục. Việc dạy song hành hai bộ sách QUỐC VĂN GIÁO KHOA THU và LUÂN LÝ GIÁO KHOA THU từ lớp Đồng ấu, lớp Dự bị đến lớp Sơ đẳng ở bậc Tiểu học cho thấy vấn đề **luân lý, đạo đức và công dân giáo dục** không chỉ là một tiết học mà là một nội dung lớn xuyên suốt quá trình phát triển trí óc và tâm hồn trẻ thơ. Điều đó thể hiện rất rõ phương châm giáo dục **Tiên học lễ, hậu học văn**. Với định hướng đó, nhóm soạn giả nói trên đã dạy cho lớp thiếu niên nhi đồng những bài học đầu tiên thật ngắn gọn, dễ nhớ và đáng nhớ suốt cả đời người:

“Công cha như núi Thái Sơn
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra
Một lòng thờ mẹ kính cha
Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con.”

Hoặc:

“Cha sinh mẹ dưỡng
Đức cù lao lấy lượng nào đong
Thờ cha mẹ phải hết lòng
Ấy là chữ Hiếu dạy trong luân thường
Chữ Đễ nghĩa là nhường
Nhường anh nhường chị, lại nhường người trên...”

Bộ sách tuy nhỏ, bài học tuy ngắn nhưng giá trị sư phạm, chất lượng văn học và hiệu quả giáo dục tâm hồn trẻ thơ thì điểm lại từ trước tới nay trong rừng sách giáo khoa quốc ngữ chưa dễ có công trình nào ghi được những dấu ấn sâu đậm như vậy.

Ngày nay hầu hết các bạn học sinh sinh viên đều đã học và rất yêu thích bài thơ **Quê hương** của Giang Nam:

“Thuở còn thơ ngày hai buổi đến trường
Yêu quê hương qua từng trang sách nhỏ
Ai bảo chăn trâu là khổ
Tôi mơ màng nghe chim hót trên cao...”.

Các bạn biết không – những trang sách nhỏ mà nhà thơ Giang Nam đã xem như tình yêu chính là những trang sách QUỐC VĂN GIÁO KHOA THƯ này đây. Chính cái tình yêu quê hương mơ màng xinh xắn ấy ấp ủ trong tâm hồn nhà thơ, sau này sẽ lớn lên thành bài thơ **Quê hương** của thời chống Mỹ cứu nước:

“Xưa tôi yêu quê hương vì có hoa có bướm
Có những ngày trốn học bị đòn roi
Nay tôi yêu quê hương vì trong từng nắm đất
Có một phần xương thịt của em tôi”

Trong tác phẩm **Hương rừng Cà Mau**, một quyển thảo thom của phía Nam Tổ quốc, tác giả Sơn Nam cũng đã “phải lòng” một thứ tình nghĩa giáo khoa thư ngọt ngào trong sáng như giai điệu mùa xuân:

“Văn chương nghe như đàn Nam Xuân: Nước mềm đã rần, thế mà nước chảy mãi đã cũng phải mòn. Sợi dây nhỏ, cây gỗ lớn, thế mà dây cua mãi gỗ cũng đứt. Con kiến nhỏ, cái tổ to, thế mà kiến tha lâu cũng đầy tổ. Người ta cũng vậy...”

(Trích truyện ngắn **Tình nghĩa giáo khoa thư** trong tập **Hương rừng Cà Mau** của Sơn Nam; xem truyện này ở phần phụ lục cuối sách)

Thực ra không chỉ các nhà văn như Giang Nam và Sơn Nam mà rất nhiều thế hệ học trò, thuở ấy còn để tóc trái đào, tóc bờm, tóc vá... nay đã thành bậc phụ lão, tóc trắng như sương mà vẫn có thể thuộc nằm lòng những bài học của QUỐC VĂN GIÁO KHOA THƯ và LUÂN LÝ GIÁO KHOA THƯ.

Sách được biên soạn vào thời kỳ chữ Quốc ngữ bắt đầu phát triển, thay cho chữ Hán và chữ Pháp trong nhà trường, xã hội Việt Nam còn chịu áp lực nặng nề của chế độ thực dân nửa phong kiến. Không thể nói tất cả những nội dung chuyển tải của nó đều hoàn toàn phù hợp với quan điểm giáo dục hiện nay. Tuy nhiên, giá trị của bộ sách được nhìn nhận ở sức khai tâm, ở sự gìn giữ và kế thừa đạo đức và truyền thống dân tộc, sao cho trí tuệ và hạnh kiểm của con em chúng ta có thể phát triển theo một dòng chảy liên tục, và trên nền tảng vững chắc của 4000 năm văn hiến.

Một bộ sách như thế rõ ràng là vốn quý trong kho tàng văn hóa của dân tộc. Tuy rằng việc học ngày nay đã khác xưa, nhưng dầu

chế độ nào, thời đại nào cũng cần phải biết tôn vinh những đạo lý muôn thuở: công cha, nghĩa mẹ, học trò biết ơn thầy... chỗ quê hương đẹp hơn cả... Những viên đá tảng đó đều đã có sẵn trong bộ sách này và cho dù ngôn ngữ văn học của nó có phần cổ lỗ nhưng vẫn rõ ràng, dễ hiểu và đầy đủ sức truyền cảm, thuyết phục.

Từ đầu thập niên 1990 đến nay, bộ sách QUỐC VĂN GIÁO KHOA THƯ và LUÂN LÝ GIÁO KHOA THƯ đã được Nhà xuất bản Trẻ tái bản nhiều lần và được đông đảo bạn đọc nhiệt tình đón nhận. Lần tái bản này, cũng như các lần trước, chúng tôi chủ trương giữ đúng nguyên tác từ các bản in của Việt Nam Tiểu học Tùng thư, kể cả phần minh học khắc trên bản gỗ. Ngoại trừ một số bài mang dấu ấn chính trị rõ rệt của thời Pháp thuộc hoặc thời phong kiến đã được loại bỏ, những gì mang phần hồn của QUỐC VĂN GIÁO KHOA THƯ và LUÂN LÝ GIÁO KHOA THƯ đều được phục hiện trong tuyển tập này.

Những lần tái bản này cách xa lần xuất bản đầu tiên đã hơn nửa thế kỷ, một khoảng thời gian đủ để nhớ và để quên trong tâm trí và tình cảm của bạn đọc. Dù nhớ dù quên, xin hãy đón nhận tuyển tập này như một món quà tinh thần trong hành trang của những người thầy và những người học trò, hôm qua và hôm nay.

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ



LỚP ĐỒNG ẤU

1 Tôi đi học



Học trò cấp sách đi học

Năm nay tôi lên¹ bảy tuổi. Tôi không chơi đùa *lêu lổng*² như mấy năm còn bé. Tôi đi học. Tôi học đọc, học viết, học tính, học vẽ và nhiều *khoa học* khác nữa.

Tôi cố tôi học. Tôi chăm tôi học, học sao cho mau tấn tới cho “văn hay chữ tốt” cho cha mẹ và thầy giáo được vui lòng.

Giải nghĩa: *Lêu lổng* = tha hồ chơi đùa không ai ngăn cấm. **Khoa học** = các môn học dạy ở nhà trường như luân lý, toán pháp, địa dư, sử ký. **Tấn tới** = mỗi ngày một giỏi hơn lên. **Văn** = chỉ các bài tập tiếng Việt

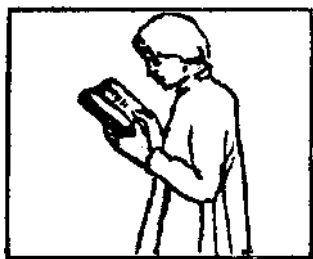
BÀI TẬP

Học tiếng: *Lêu lổng, khoa học, cố học, chăm học, tấn tới, văn hay chữ tốt, vui lòng.*

Câu hỏi: Năm nay anh lên mấy? Anh ra trường học được bao lâu rồi? Anh học những gì? Anh học làm sao?

1. Nên. 2. Cà rớn.

2 Tập đọc



Thầy bảo anh Xuân đọc

Anh ấy đứng dậy. Hai tay cầm quyển sách, *nâng lên vừa tầm* con mắt không che lấp mặt đi. Anh đứng thẳng, đầu không *lúc lắc*. Mắt nhìn mồm đọc. Anh ấy đọc thông thả rõ ràng, từng câu một. Chúng tôi ngồi nghe ai nấy cũng hiểu cả.

Anh ấy đọc hết bài, thầy bảo ngồi xuống.

Giải nghĩa: *Lúc lắc* = đưa đi đưa lại sang hai bên. *Vừa tầm con mắt* = vừa để con mắt trông rõ không xa không gần quá.

BÀI TẬP

Học tiếng: *Ngay, thông thả, rõ ràng, lúc lắc, vừa tầm.*

Đặt câu:

Phép đọc sách: Người phải đứng cho... Đầu không được...

Quyển sách nâng cho... con mắt.

Tiếng đọc cho... và...

Đọc sách thông thả rõ ràng.

3 Tập viết



Học trò ngồi viết

Anh Hạ đang tập viết. Anh ngồi ngay ngắn. Đầu hơi ngả về đằng trước, ngực không dựa vào bàn. Anh nhìn chữ mẫu thấy viết trên bảng đen. Anh cúi xuống viết. Tay trái để lên quyển vở, thẳng với mép bàn. Tay phải (tay mặt) cầm bút, đưa lên đưa xuống, trông cũng dẻo. Anh viết nét

còn hơi run, nhưng thầy cho là *khá*, vì anh cẩn thận, chịu *nắn nót* từng nét một.

Giải nghĩa: **Chữ mẫu** = chữ dùng làm kiểu cho mình cứ theo thế mà viết. **Khá** = gần được. **Nắn nót** = để ý cố viết cho tốt.

BÀI TẬP

Học tiếng: *Ngồi ngay ngắn, ngả đầu, dựa, tay trái, tay phải, dẻo, run, khá, nắn nót.*

Câu hỏi: Phép ngồi viết: 1. Người ngồi viết phải thế nào? 2. Đầu phải thế nào? 3. Ngực phải thế nào? 4. Tay trái để đâu? 5. Tay phải làm gì?

4 Yêu mến cha mẹ



Hai bà cháu

Sáng nay lúc tập viết xong, tôi lại *thăm* bà tôi.

Bà tôi nắm lấy tay tôi mà nói rằng:

- Cháu có yêu thầy mẹ cháu không? – Cháu có yêu. – Tại sao mà yêu? – Cháu biết rồi, hôm qua thầy giáo mới dạy rằng: cha mẹ *sinh* ra

con, nuôi cho con lớn, lại chăm cho con học, vậy kể làm con phải biết yêu cha mẹ.

Giải nghĩa: **Thăm** = hỏi han ân cần. **Sinh** = đẻ ra. **Bà** = người sinh ra cha hay mẹ mình.

BÀI TẬP

Học tiếng: *Biết yêu, lớn, chăm, con.*

Đặt câu:

Cha mẹ sinh ra...

Nuôi cho con...

Kể làm con phải... cha mẹ

Thầy dạy rằng học trò phải... học.

5 Giúp đỡ cha mẹ



Đứa bé quét nhà

Cha mẹ tôi sáng nào cũng dậy sớm, nấu cơm ăn rồi đi ra đồng, làm lụng khó nhọc. Về nhà lại phải chăm nom lợn, gà, xay lúa, giã gạo. Tôi thấy thế lấy làm thương lắm, cho nên khi học, viết xong, thì tôi quét nhà, giữ em, hay chăn bò để giúp cha mẹ. Và khi cha mẹ có sai bảo việc gì, tôi cũng làm ngay.

Tôi giúp đỡ được việc cho cha mẹ như vậy, thì tôi rất lấy làm sung sướng.

Giải nghĩa: Nấu cơm = đổ nước, tra gạo vào nồi, đun nấu lên cho chín. Xay lúa = đổ thóc vào cối, rồi quay cho vỏ rời hạt gạo ra. Giã gạo = lấy gạo đã xay rồi để vào cối mà đập.

BÀI TẬP

Học tiếng: Nấu cơm, khó nhọc, giúp đỡ, dậy sớm.

Đặt câu:

Sáng nào tôi cũng...

Cha mẹ tôi... ăn rồi mới ra đồng làm.

Cha mẹ tôi làm lụng... tôi lấy làm thương lắm.

Tôi... được nhiều việc cho cha mẹ.

6 Thân thể người ta



Thân thể người ta chia làm ba phần: đầu, mình và chân tay. Trên đỉnh thì có tóc, đằng trước là mặt. Đầu thì có cổ, liền với mình. Đằng trước mình thì trên là ngực, dưới là bụng. Đằng sau mình là lưng. Chân tay liền với mình. Tay thì có cánh tay và bàn tay. Chân thì có đùi, *ống chân* và bàn chân. Tay để cầm, chân để đi.

Người ta lại có tai, mắt, mũi, mồm. Tai để nghe, mắt để trông, mũi để ngửi, mồm để ăn.

Giải nghĩa: **Thân thể** = mình mẩy, chân tay. **Ống chân** = phần từ đầu gối đến bàn chân.

BÀI TẬP

Câu hỏi: Thân thể con người ta chia làm mấy phần? Đằng trước mình có những gì? Đằng sau là gì? Chân tay để làm gì?

7 Khuyên học



Cậu bé đang ngồi học

Bài học thuộc lòng

Hỡi các cậu bé con!

Đang lúc **tuổi còn non**,

Các cậu phải **chăm học**.

Có học mới nên **khôn**.

Giải nghĩa: **Khuyên học** = khuyên bảo về việc học. **Hỡi** = tiếng gọi đặt ở đầu câu. **Tuổi còn non** = còn ít tuổi. **Khôn** = biết hay, dở, phải trái.

BÀI TẬP

Học tiếng: *Khuyên học, chăm học, khôn, tuổi còn non.*

Đặt câu:

Những bài ca khuyên bảo về việc học hành là bảo...

Lúc ta...

Ta phải cố mà...

Ta có chịu khó thì mới...

8 Đồ dùng của học trò



Sách vở giấy bút

Học bài thì phải có sách; chép bài thì phải có vở; viết thì phải có quần bút¹, ngòi bút² và mực. Kẻ dòng (gạch hàng) thì phải có thước và bút chì. Muốn cho mực viết chóng khô thì phải có giấy thấm. Muốn xóa bỏ những chữ sai lầm phải có cái tẩy³.

Tập viết, tập vẽ, làm tính muốn cho tiện, phải có *bảng đá* và *bút chì*⁴ đá.

Học trò đi học phải *sắm* cho đầy đủ đồ dùng, mà lại phải giữ gìn cho cẩn thận, chứ để mất mát, làm tốn tiền của cha mẹ.

Giải nghĩa: *Bảng đá*, *bút chì đá* = gọi như vậy là vì làm bằng một thứ đá mềm và xanh xám đen. *Sắm* = mua cái gì để dùng.

BÀI TẬP

Học tiếng: *Học bài, chép bài, thấm, tẩy, sắm, cẩn thận, tốn tiền.*

Câu hỏi: Sách, vở dùng làm gì? Bút, bút chì dùng làm gì? Thước, tẩy dùng làm gì? Bảng đá và bút chì đá dùng làm gì?

1. Cây viết. 2. Ngòi viết. 3. Cục gôm. 4. Viết chì.

9 Trường học làng tôi



Trường học làng tôi

Trường học làng tôi *ngăn* làm *ba gian*. Một gian là một lớp học, mỗi lớp có một thầy giáo và nhiều học trò. Tôi học lớp *Đồng ấu*, đi vào thì ở bên tay phải (tay mặt).

Xung quanh trường có một khoảng đất thật to. Đằng trước thì là vườn hoa, cây cảnh tốt tươi đẹp đẽ. Đằng sau thì là sân chơi rộng. Ra chơi bời và *tập thể thao* ở đó.

Giải nghĩa: *Ngăn* = chia cách biệt ra. *Gian* = khoảng, có nơi gọi là căn. *Đồng ấu* = trẻ con. *Tập thể thao* = tập thân thể cho cứng mạnh.

BÀI TẬP

Học tiếng: *Gian, lớp, tay, tay phải (tay mặt), vườn hoa, sân chơi.*

Câu hỏi: Trường học làng anh có mấy lớp? Anh học ở lớp nào? Xung quanh trường học có gì? Đằng trước có gì? Đằng sau có gì?

10 Ăn uống có lễ phép



Cả nhà ngồi ăn cơm

Đến bữa ăn, tôi thấy cha mẹ, anh chị ngồi đông đủ cả rồi, tôi mới ngồi. Trước khi ăn, tôi mời cha mẹ, anh chị, rồi tôi mới ăn. Lúc ăn, tôi không nhai *nhồm nhoàm*, không *khua bát*, và không *đánh roi*, *đánh vãi*. Cha mẹ cho món gì, tôi ăn món ấy. Không

bao giờ tôi dám đòi ăn thứ nọ thứ kia, hoặc chê ít chê nhiều. Khi ăn xong, bao giờ tôi cũng nói “xin phép cha mẹ anh em” rồi tôi mới đứng dậy.

Giải nghĩa: **Nhồm nhoàm** = phồng mồm nhai tóp tép nhóp nhép, không gọn gàng. **Khua** = đụng chạm, gõ đập rầm rĩ. **Đánh roi, đánh vãi** = có nơi gọi là làm roi rớt.

BÀI TẬP

Học tiếng: *Bữa ăn, mời, khua bát khua đũa, đánh roi, đánh vãi.*

Câu hỏi: Trước khi ăn thế nào là lễ phép? Lúc ăn thế nào là ngoan? Khi ăn xong phải nói gì?

11 Đứa trẻ có lễ phép



Cậu bé chấp tay chào ông Bá

Anh Bình đang ngồi xem sách *chợt* thấy một người khách *lạ* đến nhà. Anh liền đứng dậy chấp tay vái chào. Khách hỏi: “Thầy mẹ em có nhà không?” Anh đáp: “Thưa ông, thầy mẹ con ra chợ vắng cả”. Khách bảo: “Khi thầy mẹ về thì em nói rằng có ông Bá ở làng bên lại chơi, nhé”. Anh

Bình cúi đầu nói: “Vâng ạ”.

Ông khách ra về, khen *thâm*: thằng bé này thật có lễ phép.

Giải nghĩa: *Chợt* = vụt chốc, bất thành lình. *Lạ* = không quen biết. *Thâm* = nghĩ trong bụng không nói ra.

BÀI TẬP

Học tiếng: *Chợt, khen, chấp tay, khách lạ.*

Đặt câu:

Thấy... vào nhà phải chào.

Anh Bình đứng dậy... vái chào.

Trẻ có lễ phép thì ai cũng...

Mẹ tôi ra... vắng.

12 Những giống vật nuôi trong nhà



Giống vật nuôi trong nhà

Những giống vật người ta nuôi trong nhà là: mèo, chó, lợn¹, gà, trâu, bò, ngựa.

Mèo thì bắt chuột, chó thì giữ nhà, lợn gà thì để ăn thịt, trâu bò thì để cày bừa ruộng đất, ngựa thì để cưỡi, hay kéo xe. Giống nào cũng có ích cho ta cả, cho nên khi ta nuôi nó thì phải cho nó ăn uống và *chăm nom*² đến nó, đừng đánh đập nó mà *tội nghiệp*.

Giải nghĩa: **Chăm nom** = có bụng ân cần săn sóc đến. **Tội nghiệp** = làm cái gì để tội cho mình.

BÀI TẬP

Học tiếng: *Giữ nhà, cày, bừa, cưỡi.*

Đặt câu:

Ở nhà quê ai cũng nuôi chó...

Ngồi trên lưng ngựa gọi là... ngựa.

Lật đất lên gọi là...

Làm nhỏ đất đã cày lên tức là...

1. Heo. 2. Coi sóc.

13 Gọi dạ bảo vâng



Cha gọi con

Bài học thuộc lòng

Bảo vâng, gọi dạ con ơi!

Vâng lời sau trước, con thời chớ quên.

Công cha, nghĩa mẹ khôn đền,

Vào thưa ra gửi, mới nên con người.

Giải nghĩa: Sau trước = cận kề, bao giờ cũng vậy. Khôn = khó, không dễ. Đền = bồi thường, trả lại. Gửi = trình, hỏi thưa.

BÀI TẬP

Học tiếng: Quên, vâng, dạ, đền.

Đặt câu:

Cha gọi thì tôi...

Mẹ bảo gì tôi...

Nó không dám... lời thầy dạy.

Con phải ăn ở hiếu thảo để... công cha mẹ.

Câu hỏi: Mẹ gọi là con thưa thế nào? Cha bảo gì thì con trả lời làm sao? Một đứa trẻ ngoan phải làm thế nào để đền công cha mẹ?

14 Người học trò tốt



Thầy khen học trò

Anh Cần rất *chăm chỉ*. Bài học nào anh cũng thuộc. Bài làm nào anh cũng được thầy khen. Anh đi học đúng giờ. Trong lớp anh có *ý tứ* và *dễ dạy*. Anh lễ phép với thầy, tử tế với bạn. Nên thầy và bạn ai cũng có lòng yêu mến anh.

Anh Cần là một người học trò tốt.

Tôi cố bắt chước theo cho được như anh Cần.

Giải nghĩa: *Ý tứ* = để bụng nghĩ đến cái gì. *Dễ dạy* = bảo cái gì nghe cái ấy.

BÀI TẬP

Học tiếng: *Chăm chỉ, đúng giờ, ý tứ, lễ phép, tử tế.*

Đặt câu: *Người học trò tốt đi học... nghe lời thầy.*

15 Người học trò xấu



Học trò biếng nhác

Anh Tam ngày ngày cũng cắp sách đến trường, nhưng kỳ thực anh *ham chơi* hơn thích học. Anh biếng nhác lắm. Đã lười nhác, anh lại còn lơ đãng (lơ đãng), khó bảo, vô phép và bần thiú¹ nữa. Nên ở trong lớp, thầy quở phạt anh luôn và bạn hữu chúng tôi chẳng mấy người ưa anh được.

Nếu anh Tam không mau mau sửa tính lại, thì chẳng là đáng thẹn với quyển sách anh cắp đến trường sao.

Giải nghĩa: **Ham chơi** = mê chơi quá. **Lơ đãng** = không để ý vào việc mình làm. **Đáng thẹn** = làm điều lỗi mà trong lòng lấy làm xấu hổ.

BÀI TẬP

Học tiếng: *Lười biếng, bần thiú, vô phép, lơ đãng.*

Đặt câu:

Người học trò không chăm chỉ là...

Không có ý tứ gì....

Không có phép là...

Không sạch là...

1. Dơ dáy.

16 Đi phải thưa về phải trình



Giáp đi học về thưa trình mẹ

Trước khi anh Giáp đi đâu, anh cũng xin phép, cha mẹ có cho đi, anh mới dám đi. Nếu không cho đi thì chưa bao giờ anh dám đi. Đến lúc về, anh lại *trình* cha mẹ rằng anh đã về. Như thế là anh Giáp biết giữ lễ phép với cha mẹ, đi phải thưa về phải *trình*.

Giải nghĩa: **Trình** = Nói với người trên là mình có việc gì hay làm việc gì.

BÀI TẬP

Học tiếng: *Đi đâu, xin phép, về, trình, lễ phép.*

Đặt câu:

Anh... mà vội thế?

Cha ra đồng đã... rồi.

Con phải giữ... với cha mẹ.

Hãy đợi đấy, để tôi về... cha mẹ tôi đã.

Em thưa... cha mẹ chưa mà đã dám đi?

17 Thờ cúng tổ tiên



Người trưởng tộc thắp hương

Tổ tiên là các cụ ngày xưa sinh ra ông bà, cha mẹ mình. Bởi có tổ tiên mới có ông bà cha mẹ và có cha mẹ mới có mình. vậy mình phải nhớ ơn tổ tiên mới được.

Cho nên cứ đến ngày giỗ, ngày tết, thì con cháu đều đến tại nhà *trưởng tộc* mà *cúng* lễ tổ tiên.

Cũng có nhà cứ ngày giỗ cụ nào thì người trưởng tộc lại kể *tính hạnh* và *công đức* của cụ ấy cho con cháu nghe. Vậy cũng là một cách tỏ lòng nhớ ơn rất hay.

Giải nghĩa: **Trưởng tộc** = người đầu họ. **Cúng** = lễ bái trước bàn thờ. **Tính hạnh** = tâm địa và nết na. **Công đức** = sự nghiệp tốt.

BÀI TẬP

Học tiếng: *Trưởng tộc, nhớ ơn, cha mẹ, tổ tiên.*

Đặt câu:

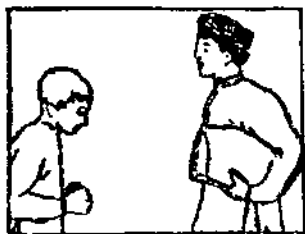
Bởi có... mới có cha mẹ.

Bởi có... mới có mình.

Đến ngày giỗ con cháu đều đến tại nhà... mà cúng lễ.

Cúng giỗ là một cách tỏ lòng...

18 Học trò đối với thầy



Học trò chào thầy

Ở trường học, thầy dạy gì tôi phải nghe, thầy bảo gì tôi phải làm. Tôi *vâng lời* thầy. Lúc vào học lúc học về, tôi phải chào thầy. Cả những khi gặp ở giữa đường, hoặc ở nhà ai, tôi cũng *vái* chào cho có lễ phép.

Tôi thật có bụng kính mến thầy tôi, chẳng khác gì kính mến cha mẹ vậy.

Giải nghĩa: *Vâng lời* = bảo sao nghe vậy. *Vái* = chắp tay cúi xuống. Có nơi gọi là xá.

BÀI TẬP

Học tiếng: *Kính mến, chào, làm, nghe.*

Đặt câu:

Khi thầy dạy gì thì phải...

Thầy bảo gì thì phải...

Khi gặp thầy ở đâu thì phải...

Trong bụng lúc nào cũng phải... thầy.

19 Anh em bạn học



Học trò chơi ở sân

Ở nhà trường anh em bạn học nhiều. Mà chẳng mấy người là giống nhau, anh bé, anh lớn, anh cao, anh thấp. Anh thì quần nâu áo vải, anh thì tơ lụa lượt là¹. Có anh thì thật hiền lành tử tế, có anh thì *hung dữ* đáo để. Tôi thì coi anh nào cũng như anh nào.

Tôi không *ăn hiếp* ai, cũng không xấc xược với ai. Tôi có bụng nuông nhịn yêu quý tất cả các anh ấy như anh em một nhà.

Giải nghĩa: *Hung dữ* = tính táo tợn, hay quấy (khuấy) chọc. *Ăn hiếp* = cậy khỏe mà đè nén những kẻ yếu hơn mình.

BÀI TẬP

Học tiếng: *Anh em ruột, anh em bạn, bắt nạt, yêu quý, nuông nhịn.*

Đặt câu:

Anh em trong một nhà là...

Anh em chơi bời với nhau là...

Anh em chơi bời với nhau chẳng nên...

Phải có bụng... và... nhau mới được.

Coi anh em bạn như là anh em ruột.

1. Anh thì quần bầu áo vải, anh thì quần lụa áo hàng.

20 Sớm tối thăm nom cha mẹ



Sáng dậy con đến thăm cha

Tối nào tôi cũng thăm nom¹ cha mẹ rồi tôi mới đi ngủ. Sáng nào dậy, tôi *súc miệng* rửa mặt, mặc quần áo *tuom tất* rồi tôi lại đến hỏi thăm cha mẹ xem đêm qua có *ngủ ngon* không. Cha mẹ ngủ ngon thì tôi lấy làm vui mừng hoặc phải khi cha mẹ ngủ không được yên giấc, thì tôi lấy

làm buồn rầu. Bao giờ tôi cũng mong cho cha mẹ được ăn ngon ngủ yên luôn.

Giải nghĩa: *Súc miệng* = ngậm nước vào mồm mà rửa rồi nhổ đi. *Tuom tất* = tử tế, chỉnh tề. *Ngủ ngon* = ngủ được thích mắt, đầy giấc.

BÀI TẬP

Học tiếng: *Sáng sớm, rửa mặt, vui mừng, buồn rầu, yên giấc.*

Câu hỏi: Trước khi con đi ngủ phải làm gì? Sáng sớm dậy phải làm gì? Cha mẹ ngủ ngon thì mình thế nào? Cha mẹ ngủ không yên giấc thì mình thế nào?

Sớm tối thăm nom cha mẹ.

1. Viếng.



Thợ cấy (công cấy)

Ở nhà quê đến vụ cấy lúa, ngoài đồng trông cũng vui mắt, chỗ này (này) cày chỗ kia bừa, chỗ thì năm bảy người đàn bà cúi *lom khom*, tay cầm nắm mạ, tay cấy xuống ruộng. Những người đi cấy hay chuyện trò vui vẻ lắm. Có khi vừa làm vừa hát. Họ hát lắm câu thật là *dịu dàng* êm ái, ai cũng muốn nghe.

Giải nghĩa: *Lom khom* = cúi người xuống gần mặt đất. *Dịu dàng* = êm giọng dễ nghe.

BÀI TẬP

Học tiếng: *Định công đặt giá, ruộng nương, rủ nhau, đủ ăn.*

Câu hỏi: Người đi cấy đứng thế nào? Hai tay làm gì? Người đi cấy làm gì mà vui?

22 Mùa gặt



Thợ gặt (công gặt)

Đến mùa lúa chín, những người không có ruộng nương rủ nhau đi gặt thuê¹.

Mỗi người vác cái *đòn sóc* hay cái *đòn càn* và đeo cái *hái*, đi từng bọn năm bảy người. Họ đến những nhà có ruộng mà kiếm việc làm. Nhà chủ ruộng định công đặt giá xong rồi,

cho người đưa họ ra đồng gặt.

Những người đi gặt thuê như thế thường được tiền và thóc đủ ăn trong hai ba tháng.

Giải nghĩa: *Đòn sóc* = đòn sóc làm bằng nửa ống tre cái, hai đầu nhọn. *Đòn càn* = cũng như đòn sóc nhưng thường làm bằng cả ống tre đục. *Hái* = một thứ đồ dùng để cho người đi gặt, gặt lúa, có nơi gọi là *văng*.

BÀI TẬP

Học tiếng: *Định công đặt giá, ruộng nương, rủ nhau, đủ ăn.*

Đặt câu:

Có người làm lụng khó nhọc mà không có...

Những nhà có... phải lo cày cấy.

1. Mướn.

Có... rồi mới cho thợ ra đồng đi gặt.

Những người không có ruộng nương đến mùa... đi gặt thuê.

23 Anh em như thể tay chân



Anh em chị em thương yêu nhau

Bài học thuộc lòng

Anh em nào phải người xa.

*Cùng chung **bác mẹ**
một nhà cùng **thân**.*

Yêu nhau như thể tay chân.

*Anh em hòa thuận **hai thân** vui vầy.*

Giải nghĩa: **Bác mẹ** = cha mẹ. **Thân** = gần gũi, thiết tha. **Hai thân** = hai cha mẹ.

BÀI TẬP

Học tiếng: *Chân tay, bác mẹ, hai thân, hòa thuận.*

Đặt câu:

Anh em có... thì cha mẹ mới được vui.

Anh em yêu nhau như thể...

Nói... là... cũng nghĩa là nói cha mẹ.

Câu hỏi: Anh em phải yêu nhau như thế nào? Anh em không hòa thuận yêu nhau thì cha mẹ làm sao? Những người cùng chung bác mẹ là ai? Anh em là người xa hay gần?

Anh em như thể tay chân.

24 Chú, bác, cô, dì



Mẹ đang mắng con

Hôm nay nhân cơ hội, thấy em tôi có *hỗn* với cô tôi, nên mẹ tôi đánh mắng nó bảo chúng tôi rằng:

“*Chú, bác, cô, dì, cậu, mợ* những bậc ngang hàng với cha mẹ mình, cũng dự phần vui buồn với cha mẹ mình. Vậy con là cháu, cũng phải kính mến các bác ấy như là cha mẹ.

Các con cũng phải có lễ phép và vâng lời mà không được *hỗn* láo, thì mới phải *đạo* làm cháu.”

Giải nghĩa: *Hỗn* = vô phép với người bề trên. *Chú* = em cha. *Bác* = anh cha. *Cô* = chị em với cha. *Dì* = chị em với mẹ. *Cậu* = anh em với mẹ. *Mợ* = vợ cậu mình.

BÀI TẬP

Học tiếng: *Ngang hàng, lễ phép, đánh mắng, vâng lời.*

Đặt câu:

Vì em tôi hỗn láo nên tôi... nó.

Chú, bác là bậc... với cha mẹ.

Cháu phải... với cô, dì.

Chú cũng như cha.

25 Thức khuya dậy trưa



Chị bảo em đi ngủ

Đêm đã khuya, hai em còn cứ chơi cười mãi. Chị hỏi: “Sao các em chưa đi ngủ thế?” Hai em đáp: “Chúng tôi chưa buồn ngủ, hôm nay chúng tôi thức khuya chơi cũng được. Mai, chủ nhật¹ nghỉ, *tha hồ* mà ngủ trưa.”

Chị bảo: “Không nên. Các em không nên thức khuya: thức khuya hại sức khỏe lắm. Mà các em cũng không nên dậy trưa: dậy trưa thì nặng nề khó chịu, mà lại sinh ra lười biếng. Người ta thức ngủ phải có *điều độ* mới được.”

Giải nghĩa: *Tha hồ* = ý nói ngủ trưa đến bao giờ cũng được.
Điều độ = vừa phải.

BÀI TẬP

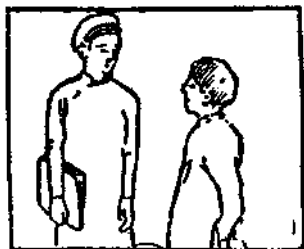
Học tiếng: *Buồn ngủ, nặng nề, khó chịu, điều độ.*

Câu hỏi: Tại làm sao không nên thức khuya? Tại làm sao không nên ngủ trưa? Thức ngủ thế nào là phải?

Thức ngủ phải có điều độ.

1. Chúa nhật.

26 Học quốc ngữ



Tí nói chuyện với Sửu

Tí: - Anh đi đâu đấy?

Sửu: - Tôi đi học đây.

Tí: - Anh đi học từ bao giờ. Anh học cái gì?

Sửu: - Tôi đi học đã vài tháng nay. Tôi học *quốc ngữ*.

Tí: - Quốc ngữ là cái gì?

Sửu: - Khốn nạn! Anh không biết quốc ngữ là chữ của nước ta ư? Học quốc ngữ thú lắm anh ạ. Mới có mấy tháng nay mà giấy má gì tôi đọc cũng chạy, và ai nói gì tôi cũng viết được.

Tí: - Ô thế à! Thế thì để tôi về nói với *thầy* mẹ tôi cũng cho tôi ra tròng học.

Giải nghĩa: **Quốc ngữ** = chính nghĩa là tiếng nói riêng của một nước. Trong bài này chỉ lối chữ của nước ta dùng thay chữ nôm. **Thầy** = tiếng trẻ dùng để gọi cha.

BÀI TẬP

Học tiếng: *Học đọc, viết, quốc ngữ, ra tròng.*

Đặt câu:

Tôi... quốc ngữ đã mấy tháng nay.

Bây giờ tôi... quốc ngữ đã thông lắm.

... chính là chữ của nước nhà.

Trẻ nước nhà ai cũng phải... học quốc ngữ.

Tới trường học quốc ngữ.

27 Cảnh mùa xuân



Cảnh mùa xuân

Một năm chia ra bốn mùa: Xuân, Hạ, Thu, Đông. Mà trong bốn mùa, thì mùa xuân là vui vẻ hơn cả. Vì mùa xuân trời không nóng không lạnh. Lại có *mưa phùn* làm cho quả cây hoa lá đều có vẻ tốt tươi. Đến mùa ấy thì những *loài* chim loài bướm, loài nào cũng hình như mạnh mẽ, *hón hờ* hơn cả các mùa khác.

Giải nghĩa: *Mưa phùn* = mưa hạt nhỏ lấm tấm. *Loài* = cũng như tiếng giống. *Hón hờ* = có vẻ vui mừng thỏa thích.

BÀI TẬP

Học tiếng: *Tốt tươi, hón hờ, có vẻ.*

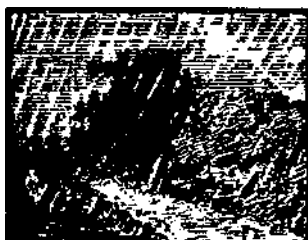
Đặt câu:

Cây cối mà có chăm bón thì mới...

Đến mùa có mưa phùn, thì cây cối xem... đẹp dễ lắm.

Anh cu Tí đi học được thầy khen, xem ra bộ...

Mùa xuân là mùa vui vẻ.



Trời mưa

Về mùa mưa lắm khi trời mưa đến ba bốn ngày không *ngớt*. Những ngày mưa như thế, trên trời thường có mây kéo *đen nghịt*. Thỉnh thoảng có cơn gió mát lạnh hay cái chớp lờ¹. Rồi trận mưa này chưa dứt, trận khác đã đến, cứ như trời *trút* nước xuống vậy.

Ngoài đồng thì nước mưa ngập cả. Đường sá thì bùn lầy, trong nhà thì ướt át bẩn thỉu², thật là khó chịu.

Giải nghĩa: *Ngớt* = dứt trận mưa nhưng chưa tạnh hẳn. *Đen nghịt* = đen khắp cả không hở chỗ nào. *Trút* = đổ xuống như rót. *Bẩn thỉu* = có nơi gọi là nhóp nhúa, nhơ nhớp.

BÀI TẬP

Học tiếng: *Mây kéo, ướt át, trận mưa, cái chớp.*

Đặt câu:

Lúc trời sắp mưa thì... kín cả.

Trước khi nghe thấy sấm thì ta trông thấy...

Hôm qua tôi đi học bị... ướt hết cả.

Trời mưa lâu thì trong nhà... lắm.

Trời mưa như trút nước xuống.

1. Lòa. 2. Dơ dáy.

29 Mấy điều cần cho sức khỏe



Tập thể thao

Ăn uống vừa phải chớ có tham lam. Thức ngủ *điều độ*, chớ nên thức khuya mà cũng chớ nên dậy trưa.

Làm lụng mệt nhọc phải có lúc nghỉ ngơi chơi bời.

Thân thể phải *năng vận động*.

Trong mình và nơi ăn chốn ở lúc nào cũng phải giữ cho sạch.

Giải nghĩa: *Điều độ* = cùng nghĩa như chừng mực. *Năng* = luôn luôn. *Vận động* = cất nhắc chân tay mình mẩy.

BÀI TẬP

Học tiếng: *Tham, nhiều, khuya, trưa, điều độ.*

Đặt câu:

Không nên ăn...

Không nên ngủ...

Không nên thức...

Không nên dậy...

Ăn ngủ phải cho có... mới khỏe mạnh.

Thân thể phải năng vận động.

30 Làm ruộng phải mùa



Hai người tát nước

Bài học thuộc lòng

Mùng tám tháng tư không mưa

Bỏ cả cây bừa mà lấp lúa đi

*Bao giờ cho đến **tháng mười***

*Lúa tốt **bời bời** nhà đủ người no.*

Ca dao

Giải nghĩa: Mùng tám tháng tư =

kỳ lúa trở đồng đồng, nếu không mưa thì hoa lúa không tốt được.

Lấp = chính nghĩa đen là đem đất đổ đè lên trên. Đây là ý nói bỏ đi, vứt đi. **Đến tháng mười** = kỳ lúa chín gặt được đem về nhà. Ý nói nghề làm ruộng bao giờ gặt lúa về mới chắc. **Bời bời** = nhiều, bẻ bộn.

BÀI TẬP

Câu hỏi: Cây bừa để làm gì? Làm ruộng mà trời không mưa thì thế nào? Thế nào gọi là nhà đủ người no?

Lúa tốt bời bời nhà đủ người no.

31 Công việc ngoài đồng



Cày ruộng đập đất

Hàng ngày tôi đi học phải qua một cánh đồng ruộng.

Tôi thường thấy: đàn ông thì cày bừa, đàn bà thì đập đất, trẻ con thì chăn trâu, chăn bò. Lúc trời làm *khô cạn*, thì tôi thấy nào là *khơi ngòi đắp bờ*, nào là người tưới cây, tát nước.

Lúc nào ngoài đồng cũng có người làm trông thật vui vẻ.

Giải nghĩa: *Hàng ngày* = ngày nào cũng thế. *Khô cạn* = cạn hết cả nước. *Khơi ngòi* = cuốc đất làm rãnh cho nước chảy. *Đắp bờ* = be đất cao lên để giữ nước.

BÀI TẬP

Học tiếng: *Tát nước, đắp bờ, cánh đồng, cày, đập, chăn.*

Đặt câu:

Muốn sang bên làng kia, phải đi qua... này (này).

Cha tôi... ruộng mẹ tôi... đất.

Em tôi... bò. Khi ruộng khô ráo thì phải... vào.

Muốn giữ lấy nước ở ruộng thì phải...

Nhiều người làm việc ở ngoài đồng.

32 Con gà sống (trống)



Ở nhà quê nhà nào cũng nuôi một đàn gà (bầy con) năm bảy con. Trong một đàn như thế ít ra cũng có một con sống (trống).

Con gà sống (trống) trông ra mạnh mẽ, *oai vệ* hơn cả, mào¹ đỏ và cao, đuôi dài, chân to và có *cựa* sắc. Khi nó ăn một mình thì xem ra bộ điệu dàng êm ái. Bới² đất tìm được cái gì thì hay gọi những gà mái lại ăn. Nhưng khi nào có con gà sống (trống) khác đến, thì *hung hăng* đuổi đánh có khi đá nhau cả ngày, trụi cả lông, trầy cả cổ mà không thôi. Thật là một giống bạo dạn không sợ kẻ khỏe.

Giải nghĩa: *Oai vệ* = ra dáng hách, trông đáng sợ. *Cựa* = cái móng sau chân con gà. *Hung hăng* = dáng bộ dữ tợn.

BÀI TẬP

Học tiếng: *Oai vệ, trụi, điệu dàng, ít ra, thấy.*

Đặt câu:

Con gà này đem bán... cũng được bốn hào (giác).

Con gà mái giờ cũng... hơn... sống.

Hai con gà đánh nhau... cả lông...

Nó ngã tuột... da ra.

Con gà sống trông... lắm.

Gà trống trông mạnh mẽ oai vệ.

1. Mồng. 2. Bươi.



Khuyên cậu bé ăn ở sạch sẽ

Một cậu bé đầu bù tóc rối, mặt mũi *nhem nhuốc*¹ tay chân dơ bẩn. Có người bảo: “Học trò sao mà dơ bẩn thế?”. Cậu bé đáp lại rằng: “Học giỏi thì hơn, ở sạch ích gì?”. Người kia cầm lấy tay cậu bé, thông thả mà bảo rằng: “Người ta trước hết phải sạch sẽ thì mới khỏe mạnh. Có khỏe

mạnh thì trong mình mới được *khoan khoái*, muốn học tập. Nếu ăn dơ ở bẩn thì hay sinh ra bệnh tật, nay đau mai ốm còn thiết gì đến việc học nữa”. Cậu bé nghe nói cúi đầu xuống, biết là lời nói phải.

Giải nghĩa: *Đầu bù tóc rối* = tóc để không chải chuốt gọn gàng. *Nhem nhuốc* = nhọ bẩn, không rửa ráy cho sạch. *Khoan khoái* = sung sướng dễ chịu.

BÀI TẬP

Học tiếng: *Dơ bẩn, nhem nhuốc, đầu bù tóc rối, nay ốm mai đau.*

Đặt câu:

Một đứa học trò... là đứa lười biếng.

Anh Giáp cú... thì học làm sao được.

1. Lem luốc.

Anh kia, mặt mũi... đi học phải thầy mắng.

Người nào... thì trông góm ghê không ai muốn đứng gần.

Có sạch mới khỏe mạnh.

34 Cây tre



Một bụi tre

Ở nước ta có cây tre nhiều hơn cả. Làng nào, xóm nào cũng có tre trồng ở bờ rào bờ lũy. Cây tre có ích cho người ta lắm. Lá thì để cho bò cho ngựa ăn, cành (nhành) thì làm rào làm *giậu*; cây già thì làm cột nhà kèo nhà, cây non thì làm dây *lạt*; *măng* thì làm đồ ăn; rễ thì làm *bàn chải* để giặt quần áo. Một thứ cây mà có ích cho người ta như thế, thì thật là quý lắm.

Giải nghĩa: *Giậu* = hàng rào làm bằng tre, hay bằng nứa. *Lạt* = dây ngấn làm bằng tre non chẻ mỏng. *Măng* = mầm tre mới mọc. *Bàn chải* = làm bằng một miếng gỗ cắm rễ tre xén bằng nhau để khi giặt quần áo chải cho sạch.

BÀI TẬP

Học tiếng: *Bờ lũy, cột, kèo, bàn chải.*

Đặt câu:

Làm nhà phải có... thì nhà mới vững.

Những cái... làm bằng tre không được bền.

Người ta hay dùng... để giặt quần áo.

Làng nào cũng có...

Tre là một loài cây có ích.

35 Chim hoàng anh



Chim hoàng anh

Trong các thứ chim, có chim hoàng anh, ai cũng cho là đẹp. Mình vàng mỏ đỏ, chân đen, tiếng hót *véo von* nghe vui tai lắm. *Hàng năm* đến vụ tháng hai tháng ba, và tháng tám tháng chín, giống chim ấy hay đi từng đàn bốn năm con, ăn sâu bọ ở những cây cối nhà quê. Ấy là một loài chim có ích cho sự *trồng trọt*.

Giải nghĩa: *Véo von* = giọng cao và hay. *Hàng năm* = năm nào cũng thế. *Sự trồng trọt* = nói chung cả các công việc của nhà làm vườn và làm ruộng màu.

BÀI TẬP

Học tiếng: *Mỏ, vụ sâu bọ, đi từng đàn, cây cối.*

Đặt câu:

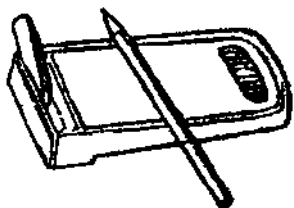
Ở Bắc phần mỗi năm có hai... gặt.

Mồm lắm... ăn hại lá cây.

Trời có mưa thì... mới tốt.

Đừng hại những loài chim có ích.

36 Học hành phải siêng năng



Cây viết (cây bút) và cái nghiên

Bài học thuộc lòng

*Nhỏ còn **thơ đại biết chi**,
Lớn rồi đi học, học thì phải **siêng**.
Theo đòi cũng thể **bút nghiên**,
Thua em kém chị cũng nên **hổ** mình.*

Giải nghĩa: **Thơ đại** = ít tuổi chưa

biết gì. **Biết chi** = chưa biết gì. **Siêng** = là chăm học, chăm làm. **Bút nghiên** = bút là cái để viết, nghiên là cái để mài mực; đây bút nghiên nói về sự học hành. **Hổ** = cùng nghĩa như tiếng thẹn.

BÀI TẬP

Học tiếng: *Siêng, đi học, hổ mình.*

Đặt câu:

Lúc còn bé chưa... gì.

Năm tôi nhón rồi tôi...

Trẻ con đi học phải...

Học dốt không bằng ai, cũng nên...

Câu hỏi: Trẻ còn bé đại thì thế nào? Trẻ đã lớn rồi thì làm gì?
Biếng học thì thế nào?

Trẻ con phải siêng học.

37 Cháu phải biết kính mến ông bà



Cháu phải biết kính trọng ông bà

Cha mẹ mình nuôi mình khó nhọc những thế nào, thì *ông bà* mình khi trước nuôi cha mẹ mình cũng khó nhọc như vậy. Vả lại lúc mình còn bé, chẳng những cha mẹ phải *nâng niu* trông nom mình mà thôi, ông bà cũng nhiều khi vì mình mà phải khó nhọc.

Ông bà yêu cháu chẳng khác gì cha mẹ yêu con. Vậy mình làm cháu, nên phải kính mến ông bà, cũng như kính mến cha mẹ thì mới *phải đạo*.

Giải nghĩa: Ông bà = người sinh ra cha hoặc sinh ra mẹ. **Nâng niu** = vỗ về ôm ấp. **Phải đạo** = hợp lẽ, hết bốn phận mình.

BÀI TẬP

Học tiếng: Nuôi, khó nhọc, kính mến, ông bà.

Đặt câu:

Phải biết cha mẹ... mình khó nhọc lắm.

... cháu phải... ông bà cũng như cha mẹ.

Khi trước... mình nuôi cha mẹ mình cũng... như cha mẹ mình nuôi mình.

Cháu phải kính mến ông bà.

38 Cây to bóng mát



Trẻ chơi dưới bóng mát

Ở trước đình làng ta có một khu đất rộng có những cây đa, cây đề (bồ đề). Nhiều cây to đến hai người *ôm không xuể* (phì). Những cây ấy cành (nhành) *tỏa* ra và lá rậm *um tùm*. Các thứ chim thường hay bay đến *tụ hội* ở đó. Thật là một chỗ vui vẻ mát mẻ nhất trong làng. Bởi thế cứ chiều

mát trẻ đi học về, rủ nhau ra nghỉ ngơi chơi đùa ở đấy cho giải trí.

Giải nghĩa: *Ôm không xuể* = ôm không vừa. *Tỏa* = chia ra ngoài. *Um tùm* = rậm rạp, nhiều lá, nhiều cành. *Tụ hội* = họp lại, nhóm lại.

BÀI TẬP

Học tiếng: *Vui thú, giải trí, xuể, khu đất.*

Đặt câu:

Trước nhà trường có một... để lúc nghỉ học học trò ra chơi.

Học rồi thì phải chơi cho...

Cái cây này to quá, tôi ôm không...

*Ngồi chỗ này cây mát mẻ, nghe tiếng chim hót véo von, thật là **lắm**.*

Cây to bóng mát chim hót véo von.

39 Thờ mẹ kính cha



Công cha như núi Thái Sơn

Bài học thuộc lòng

Công cha như núi Thái Sơn

Nghĩa mẹ như nước

trong nguồn chảy ra

Một lòng thờ mẹ kính cha

Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con.

Giải nghĩa: Thái Sơn = tên một trái

núi cao ở bên Tàu, người ta thường dùng để ví với cái gì to lớn.

Như nước trong nguồn chảy ra = ý nói nhiều không bao giờ hết.

Thờ = yêu mến kính trọng. Cho tròn = vẹn toàn, đầy đủ. Hiếu =

con biết giữ bổn phận đối với cha mẹ thì gọi là có hiếu. Đạo con

= bổn phận kẻ làm con.

BÀI TẬP

Học tiếng: Núi, nguồn, hiếu, đạo con.

Câu hỏi: Trong bài ví công cha như gì? Công mẹ như gì? Tại sao làm con phải thờ kính cha mẹ? Đạo làm con đối với cha mẹ thế nào?

Một lòng thờ mẹ kính cha.

40 Đừng để móng tay



Cắt móng tay

Các anh đừng tưởng để móng tay dài là đẹp. Nay (này) các anh thử coi mười đầu ngón tay thẳng Ba xem? Ghét¹ nó đóng đen lại còn trông rất bẩn. Đã bẩn² lại còn *vướng* nữa. Vì làm ăn mà để móng tay dài thì khó chịu. Nên các anh hãy nghe tôi, các anh đừng để móng tay dài làm gì. Hễ nó dài thì nên lấy kéo cắt đi.

Giải nghĩa: **Vướng** = lúng túng khó làm.

BÀI TẬP

Học tiếng: *Ngón tay, cắt.*

Đặt câu:

Mỗi bàn tay có năm...

Hễ móng tay dài thì... ngay đi.

Không nên để móng tay dài.

1. Đắt. 2. Dơ.

41 Chờ nên nhỏ bậy



Cái ống nhỏ

Tài ở trong lớp cứ hay nhỏ vật. Một hôm bà giáo bắt được bảo Tài rằng: “Con chờ nên nhỏ bậy trong lớp như thế mà bẩn¹ lắm. Ở nhà cũng vậy, chờ nên bắt chước những bà *ăn trâu toe toét* bạ đâu nhỏ đấy. Hòn gạch chân tường không phải là ống nhỏ. Nhỏ bậy như thế chẳng những là

bẩn khi nào trong đóm đó có vi trùng thì lại còn *nguy hiểm* cho người khác nữa.”

Giải nghĩa: *Ăn trâu toe toét* = quét trâu dây ra môi ra mép. Vi **trùng** = vật nhỏ, mắt không trông thấy. **Nguy hiểm** = có thể hại đến sức khỏe, đến đời người.

BÀI TẬP

Học tiếng: *Nhỏ bậy, ống nhỏ, bẩn, nguy hiểm.*

Đặt câu:

Ta không nên... xuống đất bao giờ.

Vì nhỏ chẳng những là... mà lại có khi... nữa.

Ta nên nhỏ vào những...

Không nên nhỏ bậy xuống đất.

1. Dơ.

42 Việc cấy cày



Cái bừa

Bài học thuộc lòng

Rủ nhau đi cấy đi cày.

*Bây giờ khó nhọc có ngày **phong lưu***

*Trên **đồng cạn** dưới **đồng sâu***

Chồng cày vợ cấy con trâu đi bừa.

Giải nghĩa: **Phong lưu** = đủ ăn đủ tiêu. **Đồng cạn** = đồng đất cao không có nước. **Đồng sâu** = đồng đất thấp thường hay có nước.

Câu hỏi: Người ta cấy ở đâu? Người ta cày bằng gì? Cái cày và cái bừa khác nhau thế nào? Trong bài nói ai cày ai cấy? Con trâu làm gì?

Rủ nhau đi cấy đi cày.

43 Quyển gia phả (gia phổ)



Xem quyển gia phả (gia phổ)

Hôm nọ nhà có *giỗ*, tôi thấy cha tôi lấy một quyển sách ở tủ ra xem. Tôi hỏi: - Cha xem sách gì đấy? - Cha xem quyển gia phả. - Gia phả là gì? - Gia phả là quyển sách để chép rõ tên tuổi, đức hạnh và công trạng của *tổ tiên*.

- Vậy hôm nay cha xem để làm gì? - Xem cho biết rõ danh hiệu của ông để mà *khấn*, vì ngày mai là ngày *giỗ* ông.

Giải nghĩa: *Giỗ* = ngày kỵ, là ngày *tổ tiên* đã mất đi. *Tổ tiên* = các cụ đời xưa. *Khấn* = quỳ trước bàn thờ mà lẩm nhẩm xin chứng minh cho.

BÀI TẬP

Học tiếng: *Chép, danh hiệu, gia phả, tử.*

Đặt câu:

Cất quyển sách vào...

Trong quyển... có... cả công trạng của tổ tiên.

Xem gia phả thì biết rõ... các cụ.

Quyển gia phả của nhà tôi.

44 Cái đồng hồ của anh tôi



Đồng hồ quả quýt

Anh tôi có một cái *đồng hồ quả¹ quýt* vỏ bạc. Trông qua mặt kính (gương) tôi thấy trên mặt đồng hồ có những chữ số chỉ giờ và những gạch nhỏ chỉ phút.

Hai cái² kim chạy vòng tròn. Kim dài chỉ phút. Kim ngắn chỉ giờ. Tôi để cái đồng hồ vào tai nghe tiếng tích tắc, *tích tắc* máy chạy thật đều.

Giải nghĩa: Đồng hồ quả quýt = gọi thế là vì đồng hồ nhỏ và tròn như quả quýt. Tích tắc = tiếng đồng hồ chạy.

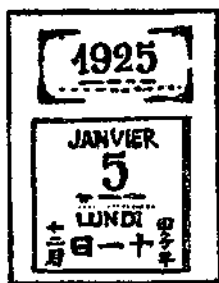
BÀI TẬP

Học tiếng: Đồng hồ quả quýt, vỏ, mặt đồng hồ, mặt kính, giờ, phút, kim, tích tắc.

Câu hỏi: Cái đồng hồ của anh làm bằng gì? Trên mặt đồng hồ anh trông thấy gì? Để đồng hồ vào tai anh nghe thấy gì?

I II III IV V VI VII VIII IX X XI XII.

1. Trái. 2. Cây.



Quyển lịch

Sáu mươi giây là một phút. Sáu mươi phút là một giờ. Một ngày có hai mươi bốn giờ, một tuần lễ có bảy ngày là: chủ nhật¹, thứ hai, thứ ba, thứ tư, thứ năm, thứ sáu và thứ bảy.

Một năm có mười hai tháng là: *tháng giêng*, tháng hai, tháng ba... đến mãi cho đến *tháng một*, *tháng chạp*. Tháng tây có ba mươi ngày, hay ba mươi mốt ngày. Tháng ta có hai mươi chín hay ba mươi ngày.

Giải nghĩa: **Tháng giêng** = tháng đầu năm. **Tháng một** = tháng thứ mười một. **Tháng chạp** = tháng thứ mười hai trong một năm.

BÀI TẬP

Học tiếng: *Giây, phút, giờ, ngày, tuần, lễ, tháng, năm, chủ nhật, tháng giêng, tháng một, tháng chạp.*

Câu hỏi: Một giờ có bao nhiêu phút? Một phút có bao nhiêu giây? Một ngày có bao nhiêu giờ? Một tuần lễ có mấy ngày? Mà những ngày nào? Một năm có bao nhiêu tháng? Là những tháng nào? Tháng tây có bao nhiêu ngày? Tháng ta có bao nhiêu ngày?

Thời giờ thắm thoát thoi đưa.

1. Chúa nhật.



Nấu cơm

Bài học thuộc lòng

Lạy trời mưa xuống,

Lấy nước tôi uống.

Lấy ruộng tôi cày

Lấy đầy bát cơm

*Lấy **rom** đun¹ bếp.*

Giải nghĩa: Cầu mưa = xin trời cho

mưa. **Lấy ruộng tôi cày** = ý nói có mưa để cày ruộng. **Rom** = ngọn cây lúa gặt về đã đập hết hạt rồi.

BÀI TẬP

Học tiếng: Đun, thổi cơm, cày ruộng, mưa.

Đặt câu:

Người ta cầu trời...

Có mưa thì mới có nước mà cấy... có nước mà... ruộng.

Ruộng cày cấy thì mới có gạo mà... có rom mà... bếp.

Trời mưa có nước mà làm ruộng.

1. Chụm.



Con cóc

Hễ đến chiều tối thì cóc hay nhảy ra đường, ra sân để kiếm ăn. Hình con cóc thật là xấu; mồm rộng, bụng to, mắt lồi, da lưng xù lên¹ từng cục. Tuy thế nhưng nó không *độc* mà lại là giống có ích.

Nó ăn những con sên, con giun (trùn) là giống hay phá hoại những rễ cây và lá cây của người ta giống (trồng). Vì thế cho nên nó nhảy đâu mặc nó, không ai đánh nó bao giờ.

Giải nghĩa: Xù lên = mồm nổi trên da. **Độc** = nọc có thể hại người được.

BÀI TẬP

Câu hỏi: Con cóc thường hay ở đâu? Tại làm sao cho con cóc là xấu? Con cóc có ích thế nào?

Con cóc là giống có ích.

1. Nổi lên.

48 Chim chèo bẻo



Chim chèo bẻo

Có một thứ chim ta thường hay trông thấy ở ngoài đồng, là chim chèo bẻo. Mình nó nhỏ, lông nó đen, đuôi dài và xòe ra như đuôi cá, mỏ hơi quắm lại và sắc. Nó bay ăn những giống côn trùng hay ở trên trời như *chuồn chuồn*, *châu chấu*.

Nó tuy nhỏ nhưng bạo dạn lắm. Một đôi khi ta trông thấy nó đuổi đánh những con chim to và mạnh hơn nó, như quạ và *diều hâu*. Thế mà những loài chim khác không con nào dám đánh nó.

Giải nghĩa: **Côn trùng** = tiếng nói chung tất cả các thứ sâu bọ, hoặc có cánh, hoặc không có cánh như chuồn chuồn, bướm, sâu róm v.v... **Chuồn chuồn** = một thứ côn trùng có bốn cánh xòe ra. **Châu chấu** = một thứ côn trùng có bốn cánh để bay và cẳng để nhảy. **Diều hâu** = một thứ chim dữ bay lượn ở trên trời, để bắt thành linh sà xuống bắt gà con hay các thứ chim nhỏ khác mà ăn.

BÀI TẬP

Học tiếng: *Quắm lại, xòe, bạo dạn, sắc.*

Đặt câu:

Con chim bay thường thấy... đuôi ra.

Những con chim dữ có cái mỏ...

Dao... thì cắt gì cũng đứt.

Thấy sự nguy hiểm mà không hãi là người...

Chim chèo bẻo đánh cả điều hâu.

49 Thương yêu kẻ tội tở



Vú già quét nhà

Kẻ ăn người ở trong nhà.

Sớm khuya công việc

giúp ta nhọc nhằn.

Thương ngày đầy đọa chút thân

Chớ nên ngược đãi lòng nhân mới là.

Giải nghĩa: Kẻ ăn người ở = những người tội tở. **Sớm khuya** = cả ngày cả

đêm. **Đầy đọa chút thân** = phải đem thân tội tở người ta. **Ngược đãi** = xử tệ nghiệt ác. **Lòng nhân mới là** = nói xuôi là: “mới là lòng nhân”, nghĩa là lòng tử tế thương người.

BÀI TẬP

Học tiếng: *Thương, giúp, tội tở, lòng nhân.*

Đặt câu:

Ta chớ nên nghiệt ngã với kẻ...

Xin anh... tôi việc ấy.

Cha tôi hay... kẻ yếu hèn.

Bà tôi có... không xử tệ với ai bao giờ.

Câu hỏi: Sao ta phải thương yêu kẻ tội tở? Thế nào gọi là có

lòng nhân? Làm sao người ở trong nhà mình lại gọi là người phải đầy đọa?

Thương yêu kẻ tội tở.

50 Chỗ tắm rửa nước bẩn (nhớ)



Vo gạo cầu ao

Muốn giữ cho sạch, thì phải tắm rửa luôn. Nhưng ta phải biết rằng tắm rửa bằng nước bẩn, thì cũng hại như ở bẩn.

Ở nhà quê, nước ao thường bẩn lắm. Giặt quần áo, *vo gạo* rửa rau, làm thịt gà thịt vịt, cái gì cũng đem ra ao. Lại có những cóc *nhái* rắn rết¹ chết thối ở trong ao mà nước thì không chảy đi đâu được. Thế mà ta cứ ra đấy tắm rửa, thì làm gì chẳng dâm ra đau mắt, đau tai, lở lóy² bệnh tật. Vậy ta nên tắm rửa bằng nước sông, nước giếng chứ đừng tắm rửa bằng nước ao.

Giải nghĩa: *Vo gạo* = rửa gạo cho sạch đất, sạch cám, trước khi bỏ vào nồi nấu cơm. *Nhái* = vật thuộc về loài cóc, mình dài và nhỏ, da hơi nhơn nhớt mà không xù ra như da cóc.

BÀI TẬP

Câu hỏi: Tắm rửa bằng nước bẩn thế nào? Tại làm sao mà

1. Rít. 2. Lở loét.

nước ao lại bẩn? Tắm rửa bằng nước ao thì hay sinh ra những bệnh tật gì?

Không nên tắm rửa bằng nước ao.

51 Đói cho sạch rách cho thơm



Người giặt áo quần

Người ta ăn mặc bao giờ cũng phải sạch sẽ. Quần áo cần phải giặt giữ luôn. Mình mấy lần có tắm rửa sạch sẽ mà quần áo dơ bẩn thì cũng *hôi hám* không ai ưa. Người ta chỉ *đói* cơm, *đói* gạo, nghèo tiền, nghèo bạc, chứ không ai *đói nước*, *nghèo nước* bao giờ. Chỉ có lười biếng¹ mới ăn

mặc dơ bẩn mà thôi. Ta phải nhớ câu: “Đói cho sạch rách cho thơm”.

Giải nghĩa: Hôi hám = mùi khó ngửi. **Đói nước** hay **nghèo nước** = ý nói ít nước không đủ dùng.

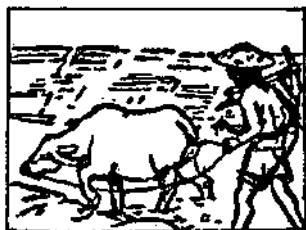
BÀI TẬP

Câu hỏi: Áo quần không giặt thì thế nào? Người để quần áo bẩn mà mặc là người thế nào?

Đói cho sạch rách cho thơm.

1. Làm biếng.

52 Con trâu với người đi cày



Dắt trâu đi cày

Bài học thuộc lòng

Trâu ơi ta bảo trâu này:

Trâu ra ngoài ruộng trâu cày với ta.

*Cấy cày vốn **ng nghiệp nông gia**,*

*Ta đây trâu đấy ai mà **quản công**?*

Bao giờ cây lúa còn bông.

Thì còn ngọn cỏ ngoài đồng trâu ăn.

Giải nghĩa: **Ng nghiệp nông gia** = công việc của nhà làm ruộng.

Quản công = ý nói làm ăn khó nhọc mà không ngại.

BÀI TẬP

Học tiếng: *Trâu, trâu cày, ghé, chặn trâu, chuồng trâu.*

Đặt câu:

Cày những ruộng sâu thế nào cũng phải có...

Thứ trâu cày ruộng gọi là...

Con trâu con gọi là con...

Chỗ nuôi trâu gọi là...

... là đem nó ra ngoài đồng cho nó ăn cỏ.

Câu hỏi: Trong bài người ta bảo con trâu đi làm gì? Nhà làm ruộng cốt làm những công việc gì? Người ta bảo con trâu được ăn làm sao?

Nuôi trâu để cày ruộng.

53 Tham thực cực thân



Tranh nhau hoa quả

Sáng hôm mùng năm tháng năm, một nhà kia mua *bánh trôi* để cho lũ trẻ *giết sâu bọ*. Lũ trẻ tranh nhau ăn nhiều quá. Chẳng dè đến trưa, đứa thì kêu đau bụng đứa thì kêu nhức đầu. Bà mẹ vội vàng lấy dầu xoa¹ và lấy thuốc cho uống, đoạn bà gọi cả mấy đứa lại bảo rằng: Chúng bay hư

quá. Ăn cái gì phải có *điều độ*, chớ tại sao lại tham ăn đến nỗi đau bụng nhức đầu như thế. Có phải là tham thực cực thân không? Từ nay phải chừa đi mới được.

Giải nghĩa: **Tham thực cực thân** = tham ăn thì khổ đến thân. **Bánh trôi** = nói chung các thứ bánh và hoa quả. **Giết sâu bọ** = người ta tưởng rằng sáng hôm mùng năm tháng năm ăn hoa quả thì trừ được sâu bọ trong bụng. **Đoạn** = xong rồi. **Điều độ** = chừng mực, vừa phải. **Chừa** = không làm như thế nữa.

BÀI TẬP

Học tiếng: *Chẳng dè, bệnh tật, lấy dầu xoa, tranh nhau.*

Đặt câu:

Tôi chơi tử tế với nó... nó lại đánh tôi.

Anh ấy nhức đầu, mẹ anh ấy...

1. Thoa.

Ba cậu học trò... một ngòi bút đứt cả tay.

Ăn uống có chừng mực thì không hay sinh ra...

Tham thực cực thân.

54 Cả nhà ai cũng có công việc



Người ngồi may

Cha tôi và anh tôi cày cuốc ở ngoài đồng. Mẹ tôi buôn bán ở ngoài chợ. Chị tôi ở nhà thì quét tước dọn dẹp, trông nom *bếp núc*, may vá quần áo. Vậy cả nhà tôi ai cũng có công việc. *Duy có tôi* còn bé, chưa làm được việc gì. Nhưng ngày ngày tôi cấp sách đi học. Bây giờ tôi cố học để ngày sau

lớn lên, tôi cũng làm được việc mà giúp đỡ mọi người.

Giải nghĩa: **Bếp núc** = núc: đầu rau; bếp núc là tiếng chỉ chỗ đun nấu. Nói bếp nước là sai. **Duy có tôi** = chỉ có một mình tôi.

BÀI TẬP

Học tiếng: *Quét tước, dọn dẹp, may vá, giúp đỡ mọi người.*

Câu hỏi: Cha anh và anh anh làm gì? Mẹ anh làm gì? Chị anh làm gì? Còn anh làm gì?

Người ta ai cũng có công việc.

55 Cánh đồng nhà quê



Cánh đồng

Cánh đồng nhà quê, thì đâu đâu cũng giống nhau không mấy nơi có *phong cảnh* lạ. Nhưng nhìn cho kỹ, thì cũng có vẻ đẹp. Nhất là vào khoảng mùa xuân, ra ngoài đồng, trông thấy màu lúa *xanh biếc* ngọn gió lướt qua coi như sóng gợn. *Thỉnh thoảng* lại có con cò con diệc bay

chỗ này (này) qua chỗ khác, trông thật vui mắt.

Giải nghĩa: **Phong cảnh** = nơi có vẻ đẹp và thú. **Xanh biếc** = màu xanh sẫm và bóng nhoáng. **Thỉnh thoảng** = từng lúc một, chốc chốc lại có.

BÀI TẬP

Học tiếng: *Vẻ đẹp, lướt, khoảng, mùa xuân, lóng lánh.*

Đặt câu:

Vào... tháng năm ta thì học trò được nghỉ hè.

Trông cảnh chùa làng ta có...

Ở nước ta... vào độ tháng giêng tháng hai.

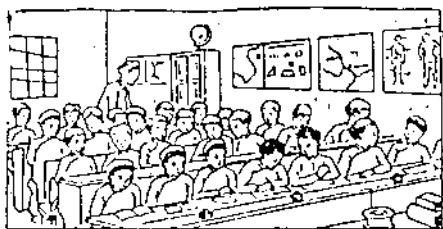
Lúc gió hiu hiu thì ngọn lúa hơi...

Gió lướt trên ngọn lúa.



LỚP DỰ BỊ

1 Tròng học vui



Một lớp học

Nhà gạch mái ngói thật cao ráo, chắc chắn. Ngoài thì cửa chớp (cửa lá sách) sơn xanh, trong thì cửa kính (cửa gương) sáng sủa.

Lớp nào lớp ấy, bàn ghế toàn bằng gỗ lim, *đánh bóng*. Trên tường treo nhiều bản đồ. Trong tủ có nhiều sách chữ tây và chữ quốc ngữ.

Thầy giáo dạy biết bao nhiêu học trò, cậu nào cậu ấy ngồi nghe có ý chăm chỉ lắm.

Ấy, tròng học vui vẻ như vậy. Sao ta chẳng rủ nhau đi học. Có học mới biết, mới khôn được.

Giải nghĩa: **Đánh bóng** = làm cho bóng, đánh gỗ lên nước. Người ta thường đánh bàn ghế bằng lá chuối khô hoặc bằng giẻ.

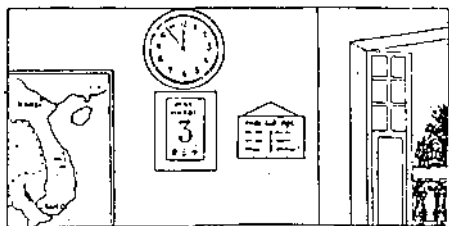
BÀI TẬP

Học tiếng: *Nhà gạch, mái ngói, cửa chớp, cửa kính, bàn ghế, bản đồ, sách vở, thầy giáo, học trò, tròng học.*

Làm văn: Trả lời những câu hỏi sau này: *Nhà tròng làm bằng gì? Cửa ngõ thế nào? Trong các lớp học, trông thấy những gì? Sao ta nên bảo nhau đi học?*

Ta nên bảo nhau đi học.

2 Ngày giờ đi học



Những đồ dùng để xem ngày giờ ở lớp học

nào cũng có nghỉ mười lăm phút vào khoảng giữa buổi, để học trò ra chơi cho *giải trí*.

Ấy ngày giờ tôi học là thế, còn cách học tập thì mỗi giờ thầy dạy một bài, mà bài nào cũng có ích cả. Thầy chịu khó dạy, tôi chăm chỉ học, chẳng khi nào bỏ phí thì giờ.

Giải nghĩa: Giải trí = nghỉ trí khôn.

BÀI TẬP

Làm văn: Trả lời những câu hỏi sau này: *Mỗi tuần lễ học mấy ngày? Nghỉ những ngày nào? Một ngày học mấy buổi? Mỗi buổi học mấy giờ? Cho học trò nghỉ mười lăm phút để làm gì? Cách thầy dạy thế nào? Học trò chăm học thì thế nào?*

Đừng bỏ phí thì giờ.

3 Đi học để làm gì?



Cậu bé viết thư

Cậu bé đọc thư

Bác hỏi tôi đi học để làm gì. Tôi xin nói bác nghe.

Tôi đi học để biết đọc những thư từ người ta gửi cho tôi và viết những thư từ tôi gửi cho người ta. Tôi đi học để biết đọc

sách, đọc nhật báo, thấy điều gì hay thì bắt chước.

Tôi đi học để biết tính toán, biết mọi sự vật và biết phép vệ sinh mà giữ thân thể cho khoẻ mạnh.

Nhưng tôi đi học cốt nhất là biết luân lý, cho hiểu cách ăn ở để thành được người con hiếu thảo và người dân *luong thiện*.

Giải nghĩa: *Luong thiện* = hiền lành, tử tế.

BÀI TẬP

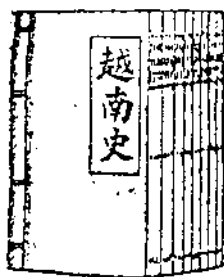
Học tiếng: Đọc, viết, tính, học.

Đặt câu: Tìm những tiếng trong bài mà đặt vào những câu sau này: *Tôi ra trường tôi...*

Nhờ có chút học ấy mà tôi... và tôi... được các thư từ giấy má.

Người không học, không biết lẽ.

4 Lịch sử nước ta



Sử Việt Nam

Ta học sử để biết những việc đời trước. Thuở người ta chưa biết đặt ra chữ viết thì chỉ đem những công việc trong đời mình và những chuyện xảy ra trong nước kể lại cho con cháu nghe. Những chuyện ấy cứ truyền miệng như thế hết đời nọ sang đời kia, nên quên đi ít nhiều cùng sửa đổi lại mà thành ra chuyện cổ tích. Chuyện cổ tích không phải là thực cả, nhưng hay, nên ta thích kể.

Ta biết sử nhất là vì có sách cổ để lại. Trong lăm pho sách như pho Quốc sử, tổ tiên ta có chép những công việc lớn lao trong nước Việt Nam và chuyện các đấng *vĩ nhân anh hùng* nữa. Tổ tiên ta còn để lại những bút tích trong đền chùa, *lăng tẩm* và bia nữa.

Giải nghĩa: **Vĩ nhân** = người tài giỏi hơn mọi người khác. **Anh hùng** = người làm những việc hiển hách. **Bút tích** = cái gì người đời xưa chép mà còn lại đến bây giờ. **Lăng tẩm** = mồ mả của vua chúa xây đắp đẹp đẽ.

BÀI TẬP

Học tiếng: *Truyền miệng, cổ tích, pho sử sách cổ, đấng vĩ nhân, anh hùng, tổ tiên, bút tích, lăng tẩm.*

Câu hỏi: *Ta học sử để làm gì? Nhờ có gì mà ta biết được lịch sử*

các người đã mất rồi? Trước khi đặt ra chữ viết thì những công việc đời xưa làm thế nào mà truyền lại được?

Truyện cổ tích hay.

5 Khuyên hiếu đễ



Chữ Hiếu và chữ Đễ

Bài học thuộc lòng

Cha sinh, mẹ **duỡng**,
Đức cù lao lầy lượng nào **đong**,
Thờ cha mẹ ở hết lòng,
Ấy là chữ hiếu dạy trong
luân thường.
Chữ **đễ** nghĩa là **nhường**,
Nhường anh, nhường chị,
lại nhường người trên.
Ghi lòng tạc dạ **chớ quên**,
Con em phải giữ lấy **nền** con em.

Giải nghĩa: **Duỡng** = nuôi nấng. **Đức cù lao** = công lao cha mẹ. **Lầy lượng nào đong** = nhiều lắm, không thể nào đong. **Luân thường** = ngũ luân, ngũ thường, nghĩa là đạo ăn ở với mọi người. **Nền** = đây nghĩa là thứ bậc.

BÀI TẬP

Làm văn: Trả lời những câu hỏi sau này: Công lao cha mẹ thế nào? Hiếu nghĩa là gì? Thế nào là đễ? Bốn phận làm con phải làm

thế nào? Em đối với anh chị phải thế nào? Sao con phải hiếu với cha mẹ? Sao em phải yêu mến anh chị?

Con phải hết lòng thờ cha mẹ.

6 Mau trí khôn



Tý nứ sào lên bờ

Một hôm, anh Giáp và lũ trẻ trong làng rủ nhau ra chơi ở trước sân đình, bên cạnh cái ao. Trong khi mấy anh em đang đánh quần,

đánh đáo với nhau, thì anh Tý nom thấy con *chuồn chuồn* đậu trên cành đào, ở gần bờ ao, liền bỏ chạy đi đuổi bắt. Bỗng nghe tiếng kêu, mọi người ngoảnh lại, thì thấy anh Tý đang lơ lửng (cựa quậy) dưới nước. Mấy đứa trẻ kia trông thấy, *hoảng hốt*, sợ hãi bỏ chạy mỗi đứa một nơi kêu la *rầm rĩ*. Anh Giáp không chạy đâu cả, trông trước, trông sau, thấy có cây sào dựng bên cạnh đình, liền vác ra, bỏ xuống ao cho anh Tý *nứ* lấy mà lên. Thế là nhờ có anh Giáp mau trí khôn mà cứu được anh Tý khỏi chết đuối.

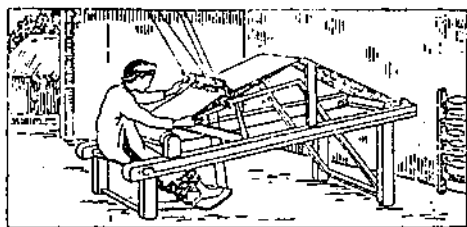
Giải nghĩa: **Mau trí khôn** = sáng trí, gặp việc khó mà tinh thần tỉnh táo, không hốt hoảng. **Chuồn chuồn** = một thứ côn trùng có bốn cánh mỏng, đuôi dài. **Hoảng hốt** = vội vàng, sợ hãi. **Rầm rĩ** = om sòm. **Nứ** = nắm chặt.

BÀI TẬP

Làm văn: Trả lời những câu hỏi sau này: *Anh Giáp với lũ trẻ chơi ở đâu? Anh Tý trông thấy gì? Anh làm thế nào? Khi lũ trẻ trông thấy anh Tý ngã xuống ao, thì làm thế nào? Anh Giáp làm thế nào? Nếu anh Giáp cũng chạy như lũ trẻ kia, thì làm sao?*

Lúc nguy cấp cần phải mau trí khôn.

7 Người ta cần phải làm việc



Thợ dệt dệt vải

Người làm ruộng có *trông trọt* cấy cày, thì ta mới có thóc gạo mà ăn. Thợ nề, thợ mộc có làm nhà, thì ta mới có nhà mà ở. Thợ dệt có dệt vải, thợ may có

may quần áo, thì ta mới có đồ mặc vào mình. Quyển sách ta học cũng phải có người làm, người in. Cái đường đi cũng phải có người sửa, người quét. Nói tóm lại, nhất thiết một chút gì ta cần dùng đến, cũng là có người chịu khó làm việc mới nên.

Giải nghĩa: *Trông trọt* = có nơi gọi là trông tĩa, trông triá. **Nhất thiết** = cái gì cũng đều như thế cả.

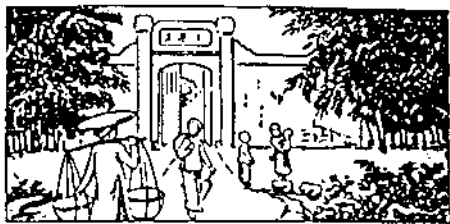
BÀI TẬP

Học tiếng: *Người làm ruộng, thợ nề, thợ mộc, thợ dệt, thợ may, người làm sách, người in sách, phu quét đường.*

Làm văn: Trả lời những câu hỏi sau này: *Người làm ruộng làm gì? Thợ nề, thợ mộc làm gì? Thợ dệt, thợ may làm gì?*

Ai ai cũng phải làm việc.

8 Làng tôi



Cổng làng

Làng tôi ở gần tỉnh. Xung quanh làng có *lũy tre*, đứng ngoài không nom thấy nhà cửa. Đầu làng cuối làng có cổng¹ xây bằng gạch. Trong làng có nhà cửa phần

nhieu là nhà lá. Nhà nào cũng có sân, có vườn, hoặc có ao nữa, xung quanh có hàng rào tre. Ngoài vườn thì trồng rau, khoai cùng các thứ cây có quả.

Đường sá thì chỉ con đường chạy thẳng qua làng là rộng, còn thì những lối đi hẹp, khúc khuỷu quanh co. Được ít lâu nay, đường ngõ lát gạch khắp cả, nên mới sạch sẽ, chứ trước hễ trời mưa là *lầm lội* dơ bẩn², đi lại rất khó chịu.

Giải nghĩa: *Lũy* = bờ đất có trồng tre để làm hàng rào. *Lầm lội* = có bùn, có nước.

1. Cửa ngõ. 2. Dơ dáy.

BÀI TẬP

Học tiếng: *Lũy, lấp, ngỗ, lằm lội.*

Đặt câu: Tìm những tiếng trong bài mà đặt vào những câu sau này:

Xung quanh làng tôi có...

Những ao tù thì nên... đi cho khỏi sinh muỗi.

Ở nhà quê, xung quanh nhà thường hay có...

Trời tối mà đi vào những... thì nên sợ giẫm phải gai.

Trời mưa, đường sá...

Sống ở làng, sang ở nước.

9 Chọn bạn mà chơi

Thói thường “gần mực thì đen...”

Anh em bạn hữu phải nên chọn người.

Những người lêu lổng chơi bời,

Cùng là lười biếng, ta thời tránh xa.



Bố khuyên con phải chọn bạn

Đại ý: Tục ngữ có câu rằng: “Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng”, nghĩa là mực có sắc đen, đèn có ánh sáng, mình gần mực thì vấy mực, gần đèn thì được sáng. Ý nói: chơi với kẻ

dở thì hóa dở, chơi với người hay thì được hay. Vậy ta phải chọn bạn mà chơi.

Giải nghĩa: **Hữu** = cũng có nghĩa là bạn bè. **Lêu lổng** = chơi bời, không có nghề nghiệp gì.

BÀI TẬP

Học tiếng: *Bạn hữu, bạn bè, chọn bạn, lêu lổng, chơi bời, lười biếng.*

Làm văn: Trả lời câu hỏi sau này: *Nhắc lại và giải nghĩa câu tục ngữ trong bài. Chơi với ai, phải kén chọn làm sao? Phải tránh những người như thế nào? Phải chọn những người như thế nào?*

Ở bầu thì tròn, ở ống thì dài.

10 Khuân tảng đá



Cụ già khuôn tảng đá

Trời nhá nhem (chạng vạng) tối. Tôi thấy một ông cụ già hì hục khuôn một tảng đá. Nhắc lên, để xuống đến bốn

năm lần, mới đem được từ giữa đường đến chỗ bụi cây mà bỏ đấy. Tôi lấy làm lạ, chạy lại hỏi, thì ông cụ vừa thở vừa nói rằng: “Lão đi lữ vấp phải tảng đá này, sảy cả chân, đau lắm. Nên lão khuôn bỏ vào đây, sợ cứ để đấy, lại có người vấp ngã nữa chằng.”

Tôi thấy nói, lấy làm nghĩ. Ông cụ già chịu nhọc mình một chút, để đỡ cho người đi đêm trên con đường không vấp phải tảng đá, cũng là một việc làm phúc đáng khen vậy.

Giải nghĩa: Lão = tiếng người già tự xưng. Sầy = rách da.

BÀI TẬP

Đặt câu: Tìm những tiếng trong bài mà đặt vào những câu sau này:

Lúc trời tranh tối tranh sáng là lúc...

Khuân vác một cái gì mà ra dáng nặng nhọc là...

... là đang đi, chân đạp phải cái gì.

Khi vấp mà rách da thịt gọi là...

Làm văn: Trả lời những câu hỏi sau này: *Trời nhá nhem tối, một ông cụ già đang làm gì? Ông cụ già làm thế, là có ý gì vậy? Các anh nghĩ ông cụ già làm việc ấy là thế nào?*

Ta nên giúp đỡ lẫn nhau.

11 Ông tôi



Ông kể chuyện
cho cháu nghe

Ông tôi năm nay đã ngoài sáu mươi tuổi. Đầu râu tóc bạc, da đã giãn (nhăn), má đã *lõm* (cọc), lưng đã còng¹, đi đâu phải chống gậy.

Ông tôi không phải làm việc gì nặng nhọc nữa. Thường ở nhà coi sóc cho ba mẹ tôi và dạy bảo chúng tôi. Thỉnh thoảng ông lại kể chuyện *cổ tích* cho chúng tôi nghe, chúng tôi lấy làm thích lắm. Những khi đi học về, thường thường tôi lại đem những chuyện nhà trường nói cho ông tôi nghe. Ông tôi lại nhân đấy mà giảng giải cho tôi học được nhiều điều khác nữa.

Giải nghĩa: *Lõm* = trũng xuống. *Cổ tích* = chuyện đời xưa.

BÀI TẬP

Học tiếng: *Giãn, lõm, kể chuyện.*

Đặt câu: Tìm những tiếng trong bài mà đặt vào những câu sau này: *Da trẻ con thì phẳng, da người già thì...*

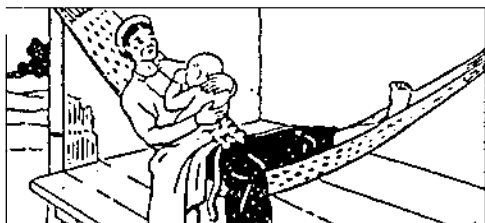
Người này gầy (ốm) lắm, hãy còn ít tuổi mà đã...

Ông tôi hay... cổ tích cho tôi nghe.

Ông tôi già mà vui tính.

1. Còm.

12 Bà ru cháu



Bà ru cháu

Trưa mùa hè, trời nắng chang chang, gió im phăng phắc. Trong nhà, ngoài ngõ, vắng vẻ, tĩnh mịch. Ở một chái bên, bà ôm cháu vào

lòng. Hai bà cháu nằm trên cái võng, đưa đi đưa lại, tiếng kêu cò cò kêu kệt, theo *một điệu*.

Bà cất tiếng hát, bà ru:

*“Cái ngủ mày ngủ cho lâu,
Mẹ mày đi cấy đồng sâu chưa về...”*

Cháu nghe êm tai, ra chùng thiu thiu ngủ, mà bà cũng ra dáng lim dim hai con mắt...

*“Ừ, cái ngủ mày ngủ cho say,
Mẹ mày vất vả chân tay tối ngày”.*

Giải nghĩa: Một điệu = cứ thế mãi, không thay đổi. Thiu thiu ngủ = sắp ngủ. Lim dim hai con mắt = ý nói hai con mắt chập chờn sắp ngủ. Lim dim có nơi gọi là riu riu.

BÀI TẬP

Học tiếng: Võng, lòng, ngủ, mắt, ru.

Đặt câu: Tìm những tiếng trong bài mà đặt vào những câu sau này:

Bà ôm cháu vào...

Hai bà cháu nằm trên...

Bà cất tiếng...

Cháu thiu thiu... bà cũng lim dim hai con...

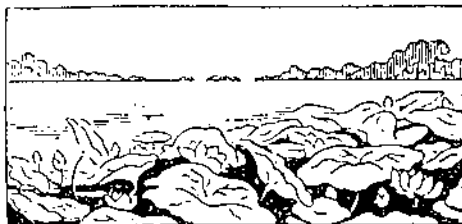
Bà đánh võng ru cháu.

13 Cây sen

Bài học thuộc lòng

*Trong **đầm** gì đẹp bằng sen,
Lá xanh **bông** trắng, lại chen nhị vàng.
Nhị vàng, bông trắng, lá xanh,
Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn.*

Ca dao



Đầm sen

Đại ý: Bài này nói cây sen mọc ở chỗ bùn mà vẫn giữ được hương thơm sắc đẹp. Cũng như người hiền, dầu ở với người gian ác thế nào cũng không bỏ cái lòng ngay thẳng của mình.

Giải nghĩa: **Đầm** = vũng nước to mà không sâu. **Bông** = cũng nghĩa như hoa. **Nhị** = phần ở giữa cái hoa, có hương thơm. Có nơi gọi là nhụy.

BÀI TẬP

Đặt câu: Tìm những tiếng trong bài mà đặt vào những câu sau này:

Làng ta có cái... đến mùa nực có nhiều sen.

Có thứ sen... trắng, có thứ sen... đỏ.

Người ta lấy... sen để ướp chè.

Sen mọc ở... lên mà không có...

Làm văn: Trả lời những câu hỏi sau này: *Sen thường mọc ở đâu? Cây sen thế nào? Hoa nó thế nào? Người ta giống sen để làm gì?*

Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn.

14 Truyện hai chị em bà Trưng



Đền thờ hai bà họ Trưng (Hà Nội)

Bà Trưng Trắc là con gái một quan lạc tướng, lấy ông Thi Sách là lạc tướng một châu nay thuộc tỉnh Vĩnh Yên. Bà giận vì quan thái thú Tàu là Tô Định chánh

sách tàn bạo, bèn đứng lên *xướng xuất* cùng với em là Trưng Nhị, chồng và các *tù trưởng* trong nước nổi lên. Bà đánh đâu được đấy; quân Tàu phải chạy trốn cả. Bà bèn tự xưng làm vua, đóng đô ở Mê Linh, thuộc tỉnh Phúc Yên bây giờ.

Nhưng hai năm sau, vua Tàu sai một viên tướng tên Mã Viện đem một đạo quân sang đánh nước ta. Bà Trưng Trắc bị thua nhiều lần, sau cả hai chị em đều chết. Nước ta lại phải phụ thuộc nước Tàu như trước.

Hai chị em bà Trưng thực là hai vị nữ anh hùng đầu tiên ở nước ta.

Giải nghĩa: *Xướng xuất* = chỉ bảo cho người ta theo. *Tù trưởng* = người đàn anh cai quản một bọn.

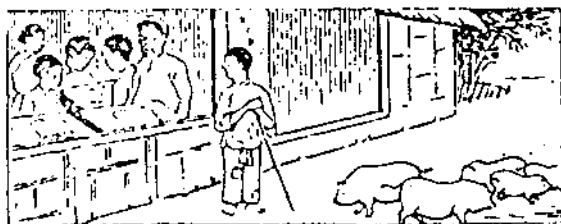
BÀI TẬP

Học chữ: *Chánh sách, xướng xuất, tù trưởng, tự xưng, đóng đô.*

Câu hỏi: Kể chuyện hai chị em bà Trưng nổi lên đánh người Tàu. Sao hai bà bị đánh thua?

Hai chị em bà Trưng là hai vị nữ anh hùng nước ta.

15 Truyện người Thừa Cung



Thừa Cung chần lợn đi qua tràng học

Thừa Cung nhà nghèo mồ côi cha từ lúc hãy còn nhỏ. Khi mới lên tám, làm nghề chần lợn (heo)

để *nuôi thân*. Trong làng có ông Từ Tử Thịnh mở tràng dạy học, học trò xa gần đến học đông lắm. Thừa Cung mỗi khi chần lợn qua tràng, thấy tiếng giảng sách, thì dừng lại nghe, trong lòng lấy làm vui lắm, muốn đi học. Sau anh ta xin đến ở nhà học để dọn dẹp, quét tước. Từ Tử Thịnh thấy Thừa Cung mặt mũi khôi ngô, thuận cho ở. Lúc *rảnh việc*, anh ta chỉ chăm chăm chúí chúí học hành. Được vài ba năm Thừa Cung thành một người học trò giỏi, có tiếng thời bấy giờ.

Nghèo mà chịu khó học như vậy, chẳng đáng khen lắm ru!

Giải nghĩa: *Nuôi thân* = kiếm ăn cho khỏi đói. *Rảnh việc* = không có việc gì làm.

BÀI TẬP

Đặt câu: Tìm những tiếng trong bài mà đặt vào những câu sau này:

Con mà cha mẹ chết sớm cả gọi là con...

Thầy đồ dạy học thì phải...

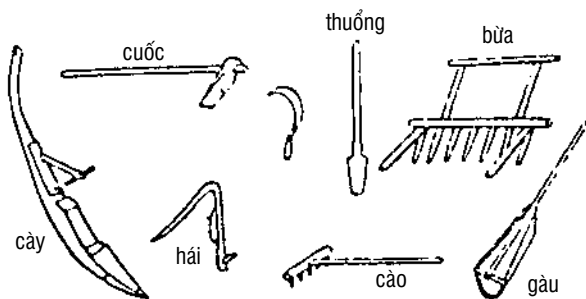
Công việc kẻ tôi tớ trong nhà là phải...

Ai có... thì mới thành được người học trò giỏi.

Làm văn: Trả lời những câu hỏi sau này: *Tại làm sao Thừa Cung phải đi chăn lợn? Khi Thừa Cung đi qua trường học thì làm thế nào? Thừa Cung làm thế nào mà sau thành người học trò giỏi?*

Nghèo mà chăm học thực sự đáng khen.

16 Đồ làm ruộng



Đồ làm ruộng

Muốn xới đất lên, thì người ta dùng cày hay dùng cuốc và cào. Cày và bừa thì dùng ở ngoài đồng, phải có trâu bò kéo. Cuốc và cào thì dùng ở vườn tược, tay người ta làm lấy. Đào đất thì người ta dùng cái thuổng (xuổng, thêu), hay là cái mai. Đập đất cho nhỏ, thì người ta dùng cái vỡ bằng gỗ. *Giữ cỏ* cho sạch, thì người ta dùng cái nạo. Còn nhiều nơi người ta dùng quả lăn cho nhỏ đất, hoặc để *trang* cho phẳng mặt đất. Đến mùa lúa chín, thì người ta dùng cái hái (vải) để gặt, cái liềm để cắt rạ. Hết thấy những đồ ấy là đồ cần dùng cho những nhà làm ruộng.

Giải nghĩa: **Giũ** = nạo cho sạch. Có nơi gọi là xủ. **Trang** = san cho phẳng.

BÀI TẬP

Đặt câu: Tìm những tiếng trong bài mà đặt vào những câu sau đây:

Người ta dùng cái... hay cái... để đào đất.

Cái... thì để đập đất.

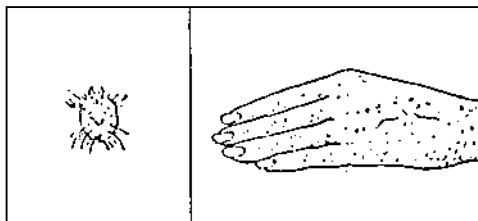
Mặt đất không... thì đàn ra.

Người đi gặt thì cần phải có cái...

Làm văn: Kể những công việc người đi gặt.

Cày và bừa thì phải có trâu bò kéo.

17 Bệnh ghẻ



Cái ghẻ to gấp 40 lần

Tay ghẻ

Bệnh ghẻ là một bệnh ngoài da, do con ghẻ mà sinh ra.

Ai bệnh ấy, thì lúc đầu ngứa ngáy, khó chịu. Sau thấy có những nốt (mọt),

trước còn mọc ở kẽ tay, cổ tay, nếu không chữa ngay thì dần dần¹ lan ra khắp cả mình mẩy.

Bệnh ghẻ là một bệnh hay lây, nghĩa là có thể truyền người nọ sang người kia được. Người ta thường lây bệnh ấy, là vì hay ở chung chạ với người có ghẻ, hoặc chung chăn² chiếu, chung quần áo với họ. (Còn nữa)

Giải nghĩa: Lan = ăn rộng mãi ra. Chung chạ = ở lẫn với nhau.

BÀI TẬP

Học tiếng: Bệnh ngoài da, bệnh hay lây, con ghẻ, nốt ghẻ, ngứa ngáy, chung chạ.

Làm văn: Trả lời những câu hỏi sau này: Bệnh ghẻ là gì? Con ghẻ là gì? Bệnh ghẻ sinh ra thế nào? Bệnh ghẻ hay lây làm sao?

Bệnh ghẻ hay lây.

1. Lăn lăn. 2. Mền.

18 Bệnh ghẻ (tiếp theo)



Muốn không mắc phải bệnh ghẻ, thì ta chớ nên dùng những đồ đạc mà người có ghẻ đã dùng. Ta lại phải ở cho sạch sẽ, vì ở bẩn¹ thường sinh ra ghẻ lở. Bệnh ghẻ không *nguy hiểm* gì, nhưng ghê tởm lắm.

Ai mắc bệnh ấy, thì nên chữa ngay. Mà chữa thì phải lấy *xà phòng* đen và bàn chải cứng mà xát vào những chỗ ghẻ cho bật máu ra, rồi tắm rửa cho thật sạch. Đoạn lấy thuốc ghẻ mà bôi. Còn quần áo thay ra thì phải bỏ vào nước sôi mà nấu. Cứ làm như vậy, thì chẳng bao lâu khỏi (lành) ghẻ.

Giải nghĩa: *Nguy hiểm* = có thể hại đến sức khỏe hay tính mệnh. *Xà phòng* = do tiếng Pháp savon mà ra. Xà phòng dùng để tắm giặt cho sạch.

BÀI TẬP

Học tiếng: *Mắc bệnh, chữa bệnh, bệnh nguy hiểm, xà phòng đen, bàn chải cứng.*

Làm văn: Trả lời những câu hỏi sau này: *Muốn không mắc phải bệnh ghẻ, ta phải giữ gìn thế nào? Tại sao người có bệnh ghẻ lại ghê tởm? Cách chữa bệnh ghẻ thế nào?*

Ghẻ thường tại bẩn mà sinh ra.

1. Dơ.

19 Học trò chăm học



Sửu xem sách

Sửu chăm học lắm. Khi ngồi trong lớp học thì nó cúi đầu nom vào bài, lắng tai nghe lời thầy dạy. Bao nhiêu tâm trí đem vào sự học cả. Nó không nhìn ngang, nhìn ngửa, không thui *ngằm*, nghịch *trộm* anh em.

Ở nhà, lúc nó chơi, thì hẳn ra chơi, mà lúc nó học bài hay tập viết, thì chỉ chăm học, chăm viết mà thôi, chứ chẳng bao giờ nghĩ lảng đi đâu cả. Nó học tập như vậy, trách nào mà chẳng mau tấn tới.

Giải nghĩa: **Ngằm** = giấu giếm không cho ai biết. **Trộm** = cũng nghĩa là ngằm.

BÀI TẬP

Làm văn: Trả lời những câu hỏi sau này: *Khi Sửu ngồi trong lớp học thì nó thế nào? Những trẻ lười biếng thì hay làm gì? Tại sao Sửu học chóng tấn tới?*

Ta phải nên chăm học.

20 Học trò lười biếng



Bính trốn học đi chơi

Bính là một đứa học trò lười biếng (nhắc nhón). Sáng ngày dậy trưa nên đi học trễ, mà tiếng rằng đi học, nhưng chẳng mấy khi nó thuộc bài và làm đủ bài. Khi nó ở nhà cha mẹ sai làm

việc gì, thì tìm đường trốn tránh. Cả ngày chỉ thích chơi bời *lang thang* ở ngoài đường, ngoài ngõ. Cha mẹ nó đánh mắng luôn và thầy giáo cũng *quở* phạt luôn.

Nếu nó cứ lười biếng như thế mãi, thì về sau chắc sẽ phải khổ suốt đời. Những người lười biếng thì không làm gì nên thân. Ta chớ nên lười biếng.

Giải nghĩa: *Lang thang* = vơ vẩn ngoài đường. *Quở* = cũng nghĩa là mắng.

BÀI TẬP

Học tiếng: *Trễ nải, lười biếng, trốn tránh, quở phạt.*

Làm văn: Trả lời những câu hỏi sau này: *Thế nào là học trò lười biếng? Lúc đi học thì thế nào? Khi ở nhà thì nó thế nào? Những người lười biếng thì ngày sau thế nào?*

Ta chớ nên làm biếng.



故中軍正會龍將銅鑄
 欽差廣南護衛阮文
 勝路浪雄風凌波巨
 忠誠堂與提龍之會
 運送有講無橫權使
 馬之功涉用假利經
 彰備請宜修德恩特
 準陳爲正堂龍鈐銅
 鑄欽差廣南護衛阮
 文勝會軍內贈堅水
 一二二隊員雲等曉
 候中軍戎務尚其勳
 有威有翼之能武共
 戎服當印輪印影之
 勞與建武功展合戎
 致令名勿替欽敬啟

Một đạo sắc của vua Gia Long (trích ở Bulletin des Amis)

Thời nội thuộc nước Tàu, có mấy ông thái thú Tàu sang cai trị nước ta mở trường học và *khuyến khích* việc học chữ nho.

Đến khi nước Việt Nam đã lấy lại quyền tự chủ rồi, thì chữ ấy vẫn dùng để viết *công văn* như *chỉ dụ*, *chế*, *sắc* nhà vua, tờ sớ, tờ bẩm của các quan, luật lệ, đơn từ và cả những giấy má việc tư nữa, như thư tín, *khế ước*, *chúc thư*, văn tế; chữ ấy vẫn dạy trong các trường học và dùng trong việc thi cử, còn tiếng ta thì không dùng đến. Chữ ấy các nhà văn sĩ ta phần nhiều cũng dùng để làm thơ văn, sách vở nữa.

Chữ nho ở bên nước ta không đọc như người Tàu đọc, lại đọc một cách riêng của ta và đã có lắm chữ thành hẳn tiếng ta rồi. Bởi vậy ta nay cũng phải học và biết ít nhiều để nói tiếng ta và viết văn ta cho thông.

Giải nghĩa: **Khuyến khích** = khuyên nhủ, thúc giục. **Công văn** = giấy má việc quân. **Chỉ dụ** = mệnh lệnh nhà vua ban ra. **Chế**, **sắc** = nhời vua viết ra phong thưởng tước phẩm cho các quan. **Khế ước** = giấy giao kèo của hai bên về việc mua bán, cầm cố vãn vân. **Chúc thư** = nhời người chết dặn lại.

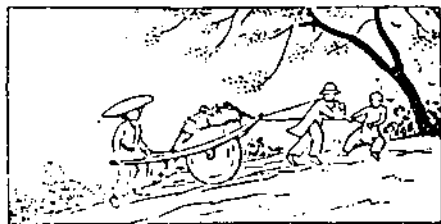
BÀI TẬP

Học tiếng: *Khuyến khích, công văn, chỉ dụ, chế, sắc, tờ sớ, tờ bẩm, kế ước, chúc thư, văn tế, nhà văn sĩ, thông.*

Câu hỏi: Chữ nho mang sang nước ta từ bao giờ? Chữ ấy ngày xưa thường dùng để làm gì? Chữ nho ở bên ta đọc ra cách thế nào? Có nhiều chữ nho đã thành tiếng gì? Tại sao ngày nay ta cần phải học chữ nho?

Ta nên học chữ nho.

22 Nên giúp đỡ lẫn nhau



Hai cậu bé kéo xe giúp ông lão

Trời nắng to. Đường thì dốc. Một ông lão đẩy cái *xe lợn*¹. Trên cái xe có ba bốn con lợn to, chân trời, bụng phoi và mồm kêu eng éc. Ông lão cố đẩy cái xe, mặt đỏ bừng, mồ hôi

chảy, mà xe vẫn không thấy *chuyển*.

Mấy cậu bé đang chơi trên bờ đê, thấy thế, vội vàng chạy tới, xúm lại, buộc dây vào đầu xe mà kéo hộ. Xe lên khỏi dốc, ông lão cảm ơn các cậu và các cậu cũng lấy làm vui lòng, vì đã giúp được việc cho người.

1. Heo.

Giải nghĩa. Xe lộn = thứ xe một bánh để chở lợn, gà và các đồ vật. Chuyển = nhúc nhích, động dẩy.

BÀI TẬP

Học tiếng: Đường dốc, xe lộn, mô hôi, chuyển, bờ đê.

Làm văn: Trả lời những câu hỏi sau này: *Trời nắng làm sao? Đường đi thế nào? Một ông lão đang đẩy cái gì? Xe không chuyển được là tại làm sao? Máy cày bé chạy lại làm gì? Máy cày bé ấy làm như vậy, các anh nghĩ thế nào?*

Ta phải giúp đỡ lẫn nhau.

23 Lễ phép với người tàn tật



Đứng nép hai bên đường để người tàn tật đi

Anh Trung, nhân ngày chủ nhật, cùng với lũ trẻ rủ nhau ra cổng¹ xóm chơi. Lũ trẻ đang nô đùa với nhau, bỗng trông thấy một người ở đằng xa chống gậy đi đến. Người ấy què một chân, đi khắp khệnh. Lũ trẻ cười ầm cả lên.

Anh Trung mắng lũ trẻ mà bảo rằng: “Người ta là một người tàn tật, thì chúng ta lại càng phải giữ lễ phép lắm; sao các anh trông thấy lại cười ầm lên như vậy, chẳng hóa ra là vô hạnh lắm ru.”

1. Cửa ngõ.

Lũ trẻ nghe nói, không dám cười nữa. Khi người què đến, anh Trung đứng nép ra bên đường để cho người ấy đi, lũ trẻ cũng bắt chước như vậy.

Giải nghĩa: **Nô đùa** = chơi nghịch với nhau, có nơi gọi là trêu giỡn hay chơi giỡn. **Vô hạnh** = không có nề na, không biết giữ lễ phép.

BÀI TẬP

Đặt câu: Tìm những tiếng trong bài mà đặt vào những câu sau này:

Làng nào cũng có... đến đêm thì đóng cửa lại.

Người kia ngã, què mất một chân, bây giờ đi...

Khi gặp người già yếu hay tàn tật, thì ta phải... cho người ta đi.

Những đứa trẻ hay cười chế những người tàn tật, là đứa...

Làm văn: Trả lời những câu hỏi sau này:

Thế nào gọi là người tàn tật?

Tại sao ta phải giữ lễ phép với những người tàn tật?

Những người không giữ lễ phép với người tàn tật là người thế nào?

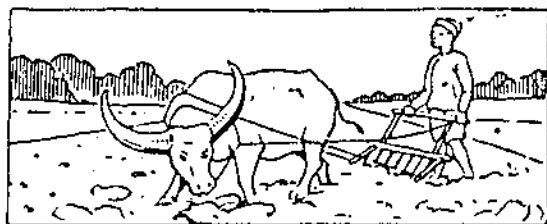
Không nên nhạo báng những người tàn tật.

24 Cày cấy

Bài học thuộc lòng

*Ơn trời mưa nắng phải thì,
Nơi thì **bừa cạn**, nơi thì **cày sâu**.
Công lành chẳng quản bao lâu,
Ngày nay **nước bạc**, ngày sau **com vàng**.
Xin ai đừng bỏ ruộng hoang,
Bao nhiêu **tắc đất**, **tắc vàng** bấy nhiêu.*

Ca dao



Người đi bừa

Giải nghĩa:

Bừa cạn, **cày sâu**
= bừa cạn, cày
chỗ sâu. **Nước
bạc** = nước ngập
cả ruộng, trắng
xóa, nghĩa là

ruộng chưa cấy, chỉ có nước thôi. **Com vàng** = ý nói có gạo thóc, thóc quý như vàng, cũng có ý nói thóc lúa chín đỏ như vàng. **Tắc đất tắc vàng** = ý nói mỗi tắc đất thật quý như vàng. Hễ ai có ruộng đất mà chăm chỉ làm lụng thì là có tiền của ở đó.

BÀI TẬP

Học tiếng: *Phải thì, công lành, ruộng hoang, bao nhiêu, bấy nhiêu.*

Đặt câu: Tìm những tiếng trong bài mà đặt vào những câu sau này:

Ai đã đi làm ruộng thì không quản...

Năm nào mưa nắng... là năm ấy được mùa.

Ruộng bỏ không cày là...

Người đi học mất... công là lợi...

Làm văn: Trả lời những câu hỏi sau này: *Người đi cày làm thế nào mà cày? Lưỡi cày làm bằng gì? Hình lưỡi cày thế nào? Ruộng bỏ không thì gọi là ruộng gì?*

Bao nhiêu tấc đất, tấc vàng bấy nhiêu.

25 Truyện ông Ngô Quyền



Ngô vương Quyền đánh giặc Nam Hán

Một đạo quân Tàu đi đường biển vào sông Bạch Đằng. Ông Ngô Quyền sai quân lấy gỗ đẽo nhọn bịt sắt cắm xuống lòng sông rồi chờ nước thủy

triều lên, cho thuyền nhẹ ra khiêu chiến quân giặc. Được ít lâu, ông giả cách thua, ngược dòng sông chạy. Quân Tàu đuổi theo, nhưng ngay lúc đó nước thủy triều xuống, thuyền của họ chạm vào cọc vỡ nát cả. Quân Tàu bị một trận thua to.

Được trận rồi ông Ngô Quyền lên làm vua, đóng đô ở Cổ Loa

(nay thuộc huyện Đông Anh, tỉnh Phúc Yên). Ông trị vì được sáu năm. Từ lúc ông lên làm vua là hết cuộc nội thuộc nước Tàu và bắt đầu thời kỳ tự chủ trong lịch sử nước Việt Nam.

Giải nghĩa: **Sông Bạch Đằng** = nhánh sông Thái Bình chảy vào gần tỉnh lỵ Quảng Yên. **Nước thủy triều** = nước biển lên mỗi ngày dâng lên lại rút xuống. **Khiêu chiến** = kêu cho người ta đánh nhau với mình.

BÀI TẬP

Học tiếng: *Đường biển, khiêu chiến, trị vì, thời kỳ tự chủ.*

Câu hỏi: Kể lại trận đánh ở Bạch Đằng. Đánh được quân Tàu rồi ông Ngô Quyền làm gì?

Ông Ngô Quyền đóng đô ở Cổ Loa.

26 Mây và mưa

Khi ta nấu nồi nước, thì ta thấy hơi bốc lên *nghi ngút* như khói. Giá ta lấy cái *vung úp* lên trên miệng nồi một lát, thì thấy ở cái nắp vung có giọt nước chảy xuống. Vậy mây ở trên trời cũng giống như hơi nước ở nồi nước. Nhưng mây là hơi nước ở sông, ở bể bốc lên, mà thành ra. Lúc đầu thì mây là những giọt nước nhỏ mà nhẹ, rồi dần dần¹ lên trên cao, gặp khí lạnh, hợp lại thành ra giọt nước lớn và nặng. Khi giọt nước nặng quá, thì rơi² xuống, thành ra mưa.

1. Lăn lăn. 2. Rớt.



Trời mưa

Nước mưa một phần thấm xuống đất, một phần chảy vào ao, vào ruộng, hay là chảy vào ngòi, vào sông, rồi lại ra bể.

Giải nghĩa: Nghi ngút = hơi bay khói bốc lên nhiều. Vung = cái nắp đặt trên cái nồi.

Đặt câu: Tìm những tiếng trong bài mà đặt vào những câu sau này:

Mây che kín trời một... là có mưa.

Trời mưa lâu thì... và... đầy những nước.

Khi mây gặp... thì thành ra mưa.

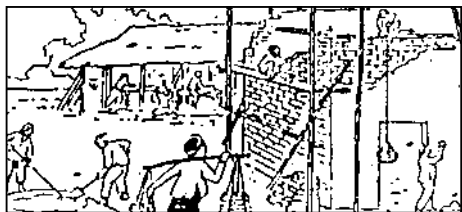
Làm văn: Trả lời những câu hỏi sau này: *Nước mưa tự đâu thành ra? Mưa có ích lợi gì? Không mưa thì làm sao? Mưa nhiều thì đồng điền ở nhà quê thế nào?*

Hạt mưa ở trên trời sa xuống.

27 Thợ làm nhà

Làm một cái nhà gạch, phải dùng biết bao nhiêu thứ thợ. Đào móng, đổ nền, phải có thợ đấu¹. Đặt móng xây tường phải có thợ nề². Làm cột, làm kèo, làm gác, làm cửa phải có thợ mộc.

1. Thợ làm đất. 2. Thợ hỏ.



Thợ làm nhà

Lại còn thợ chạm, chạm *cửa võng*; thợ thiếc làm máng, thợ sơn sơn cửa.

Ấy là ta không nói những thợ cửa gỗ, nung¹ vôi, làm gạch

cùng những thợ lắp kính, lắp khóa, v.v...

Làm thành một cái nhà, phải dùng biết bao nhiêu thợ thuyền và tốn bao nhiêu công của.

Giải nghĩa: *Cửa võng* = gỗ chạm lõng, thường đặt ở gian (căn) giữa nhà, từ bên nọ sang bên kia.

BÀI TẬP

Đặt câu: Tìm những tiếng trong bài mà đặt vào những câu sau này:

... đào móng, đổ đất... xây tường, lợp mái... làm những đồ gỗ...

Xẻ gỗ ra từng tấm... đục chạm thành những cửa võng, cửa bức bàn.

Thợ mộc làm những đồ gỗ.

1. Đốt.

28 Chăn trâu



Chăn trâu

BÀI TẬP

Học tiếng: *Nón mê, ngành tre, lọng, roi, chim hót, bướm lượn, xanh biếc.*

Làm văn: Trả lời những câu hỏi sau này: *Ta thường chăn trâu ở đâu? Ta chăn trâu để làm gì? Đi chăn trâu có gì là thú vị?*

Dắt trâu ra đồng cho nó ăn cỏ.

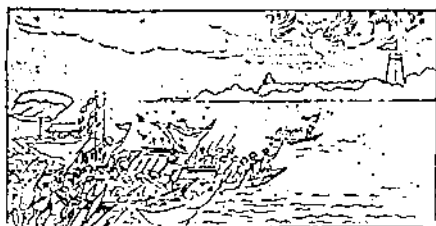
Ai bảo chăn trâu là khổ?

- Không, chăn trâu sướng lắm chứ! Đầu tôi đội *nón mê* như lọng che. Tay cầm ngành¹ tre như roi ngựa, *ngất ngểu* ngồi trên mình trâu, tai nghe chim hót trong chòm cây, mắt trông bướm lượn trên đám cỏ. Trong khoảng trời xanh, lá biếc, tôi với con trâu thả thoi vui thú, tưởng không còn gì sung sướng cho bằng!

Giải nghĩa: *Nón mê* = nón rách. **Ngất ngểu** = có ý nói ngồi trên mình trâu lấy làm đắc chí.

1. Cành.

29 Vua Lý Thái Tổ dời đô ra thành Hà Nội



Vua Lý Thái Tổ dời đô ra Thăng Long

Vua Lý Thái Tổ thấy đất Hoa Lư là chỗ nhà Đinh và nhà Lê đóng đô trước chật hẹp quá, mới dời đô ra thành Đại La là nơi *thủ phủ* nước ta về cuối thời nội thuộc Tàu. Sử chép

rằng khi thuyền rồng nhà vua ra đến nơi, thì thấy một con rồng vàng bay lên trời. Nhà vua cho là *điềm* tốt mới đổi tên là Thăng Long nghĩa là “Rồng lên”. Thế là thành Thăng Long, tức là thành Hà Nội bây giờ, thành ra *kinh đô* nước Việt Nam.

Giải nghĩa: **Thủ phủ** = chỗ các quan cai trị một hạt đóng. **Điềm** = cái chứng triệu gì cho ta biết rằng công việc sau này tốt hay xấu. **Kinh đô** = chỗ có triều đình nhà vua.

BÀI TẬP

Học tiếng: *dời đô, thủ phủ, điềm.*

Câu hỏi: Tại sao vua Lý Thái Tổ lại dời đô ra Hà Nội? Vì sao ngài đổi tên thành Đại La là thành Thăng Long?

Thành Thăng Long là thành Hà Nội ta ngày nay.

30 Chỗ quê hương đẹp hơn cả



Người đi du lịch về nhà

Một người đi *du lịch* đã nhiều nơi. Hôm về nhà, kể quen người thuộc, làng xóm láng giềng đến chơi đông lắm. Một người bạn hỏi: “Ông đi *du sơn du thủy*, thế tất đã trông thấy nhiều cảnh đẹp. Vậy ông cho ở đâu là thú hơn cả?”. Người du lịch đáp rằng: “Cảnh đẹp mắt tôi trông thấy đã nhiều, nhưng không đâu làm cho tôi cảm động, vui thú bằng lúc trở về chốn quê hương, trông thấy cái hàng rào, cái tường đất cũ kỹ của nhà cha mẹ tôi. Từ cái bụi tre ở xó vườn, cho đến con đường khúc khuỷu trong

làng, cái gì cũng gọi ra cho tôi những mối cảm tình *chứa chan*, kể không sao xiết được.”

Giải nghĩa: *Du lịch* = (du là chơi, lịch là trải) người đi chơi, trải nhiều nơi. *Du sơn du thủy* = chơi chỗ sông nước, chỗ núi, những chỗ phong cảnh đẹp. *Chứa chan* = nhiều, bề bộn.

BÀI TẬP

Đặt câu: Tìm những tiếng trong bài mà đặt vào những câu sau này:

Người ta đi đâu về thì... đến thăm hỏi đông lắm.

Cái nhà tôi đã ba đời nay rồi, cho nên trông nó... lắm.

Có đi ra ngoài mới biết nhớ... nhà mình.

Làm văn: Trả lời những câu hỏi sau này: *Quê hương anh ở đâu? Nhà quê anh có cái gì đẹp hơn cả? Anh đã được đi những nơi nào rồi?*

Chỗ quê hương đẹp hơn cả.

31 Ngoan (giỏi) được khen, hư phải chê



Đứa bé ngoan và đứa bé hư

Đứa bé¹ yêu mến cha mẹ, vâng lời thầy dạy, là đứa ngoan. Đứa bé kính nể anh chị, nhường nhịn các em, cũng là đứa ngoan. Đứa bé biết lễ phép, ăn ở tử tế với cả mọi người, cũng là đứa ngoan. Ngoan thì ai cũng yêu, cũng khen, cũng *chiều chuộng*.

Còn những đứa bé không kính mến cha mẹ, không nghe lời thầy dạy, không nhường nhịn anh em và *xác láo* với cả mọi người, đều là những đứa hư cả. Hư thì ai cũng ghét, cũng chê, cũng mắng mỏ (la mắng). Vậy các trẻ con đứa nào cũng

nên ăn ở cho ngoan ngoãn.

Giải nghĩa: *Chiều chuộng* = theo ý mình mà làm cho mình bằng lòng. *Xác láo* = vô phép, ngược đãi người bề trên, cũng như hỗn hào, xác xược.

1. Nhỏ.

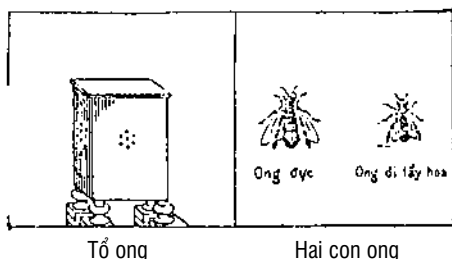
BÀI TẬP

Học tiếng: *Kính nể, nhường nhịn, mắng mỏ, ngoan ngoãn.*

Làm văn: Trả lời những câu hỏi sau này: *Trẻ con thế nào là ngoan? Thế nào là hư? Ngoan thì được gì? Hư thì thế nào? Một đứa trẻ đã trót hư thì phải làm thế nào cho được ngoan?*

Ngoan được khen, hư phải chê.

32 Con ong



Người ta nuôi ong, phải làm tổ¹ cho nó ở. Ong ở từng đàn. Những ngày nắng ráo, thì từ sáng đến tối nó bay đi tìm hoa, lấy *nước mật* hoa đem về làm mật, lấy *phấn hoa* đem về làm sáp.

Ta nuôi ong để lấy mật và lấy sáp. Mật để ăn, sáp để làm nến (cây đèn); ta lại còn dùng sáp ong để đánh các đồ đạc bằng gỗ cho bóng. Ong có ngòi (nọc) đốt đau; ai vô ý mà đến gần tổ ong, thường bị nó đốt.

1. Ổ.

Giải nghĩa: Nước mật hoa = nước có vị ngọt ở trong hoa. **Phần hoa** = phần vàng bám ở nhị hoa. **Sáp ong** = một chất dẻo, có sắc vàng, lấy ở tổ ong ra. **Nến** = thứ nến làm bằng sáp ong ta gọi là nến sáp.

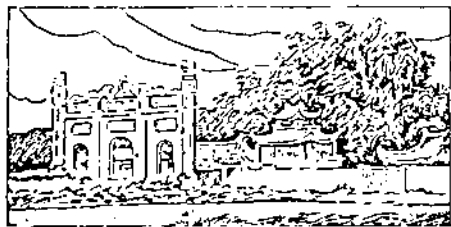
BÀI TẬP

Học tiếng: Tổ ong, sáp ong, phần hoa, đánh bóng, ngòi, đốt.

Làm văn: Trả lời những câu hỏi sau này: *Người ta nuôi ong ở đâu? Khi nắng ráo thì ong làm gì? Mật ong dùng làm gì? Sáp ong dùng làm gì? Lại gần tổ ong thì thế nào? Tại làm sao?*

Người ta nuôi ong để lấy mật và sáp.

33 Ông Trần Quốc Tuấn



Đền Kiếp Bạc ở Hải Dương

Hồi nước Việt Nam phải quân Mông Cổ sang đánh, vua ta giao *binh quyền* cho ông Trần Quốc Tuấn. Ông đánh trận đầu, vì quân Mông Cổ nhiều hơn quân ta,

nên ông bị thua. Vua thấy thế mới bảo ông rằng: “Thế giặc mạnh lắm, trẫm sợ đánh nhau mãi khổ dân. Hay là *trẫm hàng* cho dân khỏi khổ?” Ông tâu rằng: “Bệ hạ phán thế, thực có bụng thương dân lắm; nhưng dám xin Bệ hạ biết cho rằng cái đạo làm vua,

trước hết phải gìn giữ lấy *giang sơn* tiên tổ để lại cho đã. Nếu Bệ hạ muốn hàng xin hãy chém đầu thần đi đã.” Vua nghe nói thế, vững dạ, không nghĩ đến việc ra hàng nữa.

Giải nghĩa: **Bình quyền** = quyền rèn tập, coi bảo quân lính. **Trẫm** = tiếng vua dùng để chỉ mình như ta nói “tôi”, “ta”, v.v... **Hàng** = chịu phục, thôi không dám kháng cự lại, mà theo quyền phép người. **Giang sơn** = đất cát, sông núi của một nước.

BÀI TẬP

Học tiếng: *Bình quyền, thế giặc, phán, giang sơn, hàng.*

Câu hỏi: Khi quân Mông Cổ sang đánh nước Việt Nam thì vua giao việc gì cho ông Trần Quốc Tuấn? Khi vua bàn với ông ra hàng thì ông tâu gì?

Thế quân Mông Cổ rất mạnh.

34 **Mấy lời khuyên về vệ sinh**



Mẹ bảo: khi có mồ hôi chớ nên uống nước lã

Khi chơi đừng có chạy nhanh¹ lắm.

1. Lạnh.

Khi mồ hôi chảy, chớ có uống nước lã, chớ có đứng chỗ *luồng gió* (gió lồng).

Trời mưa ẩm ướt, chớ có chơi đùa dầm chân ở dưới nước.

Đi đường gặp mưa, quần áo có ướt phải thay ngay.

Những khi ngủ, phải đắp bụng, ăn uống phải có điều độ.

Khi ốm đau, không nên ăn đồ *độc*: có *kiêng* có *lành*.

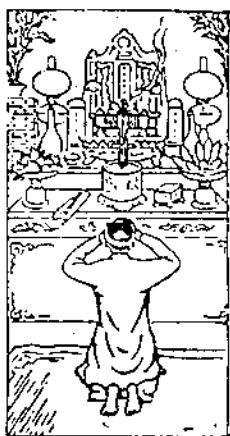
Giải nghĩa: *Luồng gió* = lối gió thổi mạnh. *Kiêng* = giữ không ăn hay không làm những cái gì có thể hại đến sức khỏe. *Nhanh* = lành.

BÀI TẬP

Học tiếng: *Luồng gió, ẩm ướt, của độc, kiêng.*

Làm văn: Trả lời những câu hỏi sau này: *Khi chơi không nên làm gì? Khi mồ hôi chảy, không nên làm gì? Khi trời mưa ẩm ướt và khi quần áo bị ướt, nên làm thế nào? Khi ngủ, khi ốm nên phòng giữ những gì?*

Khi có mồ hôi không nên uống nước lã.



Khấn tổ tiên

Trên bàn thờ, đồ đồng, đồ sơn *bóng lộn* (trong bóng), đèn nến¹ sáng choang, khói hương nghi ngút, trông thật là nghiêm trang. Thầy tôi đứng ở trước chằm một nắm hương, cắm vào bình hương, lạy hai lạy, rồi quỳ xuống hai tay chắp để ngang trán, miệng *lẩm nhẩm* khấn. Thầy tôi khấn và lạy xong, thứ đến những người trong họ và chúng tôi cứ lần lượt vào lạy, mỗi người bốn lạy. Lễ xong một chốc hết *tuần hương*, thì cổ bàn trên bàn thờ hạ xuống, dọn rượu, cả nhà hội họp ăn uống rất vui vẻ.

Giải nghĩa: *Bóng* = nhẵn và sáng trông nhấp nháy. *Lẩm nhẩm* = nói sẽ trong mờ, người ngoài không nghe tiếng. *Tuần hương* = một lượt hương cháy hết.

BÀI TẬP

Học tiếng: *Bóng, nghi ngút, lẩm nhẩm.*

Đặt câu: Tìm những tiếng trong bài mà đặt vào những câu sau này:

Đồ đồng năng đánh thì...

1. Sáp.

Lúc nào nấu cơm thì trên nóc bếp khói lên...

Thầy tôi... khẩn trước bàn thờ.

Khói hương bay nghi ngút.

36 Bữa cơm ngon



Cả nhà đang ăn cơm

Cậu Tí đi học về một chốc, thì cha ở ngoài đồng cũng vác cây, dắt (dắt) trâu, về đến nhà.

Cơm đã chín. Mẹ và chị dọn ra để trên giường. Cả nhà ngồi ăn.

Cơm dẻo, canh rau, chẳng có gì là *cao lương mỹ vị*. Nhưng cơm sốt, canh nóng, bát đũa sạch sẽ, cả nhà ăn uống ngon miệng no nê.

Nhất là cha mẹ, con cái, trên thuận dưới hòa, một nhà đoàn tụ *sum họp* với nhau, thì dầu cơm rau cũng có *vị* lắm.

Giải nghĩa: *Cao lương mỹ vị* = đồ ăn quý, đắt tiền. *Sum họp* = họp mặt đông đủ. *Có vị* = ăn ngon miệng.

BÀI TẬP

Học tiếng: *Chín, nóng, sốt, dọn, no nê, ngon miệng.*

Đặt câu: Tìm những tiếng trong bài mà đặt vào những câu sau này:

Cơm thổi đã vừa... đến nơi.

Mâm bát đã... đủ trên giường.
Com... canh... cả nhà ăn uống...
Bữa com rau như thế mà...

Làm văn: Trả lời những câu hỏi sau này: Ai nấu com, dọn com? Những ai ngồi ăn com? Com ăn có những gì? Ăn uống như thế, sao mà ngon miệng?

Com sốt canh nóng ăn ngon.

37 Ông Lê Lai liều mình cứu Chúa



Lê Lai bị giặc Tàu bắt

Vua Lê Lợi bấy giờ ở Chí Linh bị quân Tàu *vây riết* lắm; quân giặc sắp *hạ* được đồn, vua Lê tất bị giết. Vua mới hỏi tướng tá rằng: “Ai dám thay trẫm ra phá vòng *vây*, đánh nhau với giặc? Người ấy sẽ bị giặc bắt, còn trẫm thì nhân lúc giặc lui, mộ thêm quân, họp binh lại, mưu sự báo thù.” Ông Lê Lai ra nhận việc ấy.

Ông mặc áo *ngự bào*, cưỡi voi ra ngoài đồn, tự xưng là “Bình định vương”

là hiệu vua Lê Lợi bấy giờ. Quân nhà Minh tưởng là vua Lê Lợi thực, xúm nhau lại bắt ông giết đi. Ông Lê Lai liều mình như thế thành ra cứu được vua Lê Lợi thoát nạn, mà nhân đó nước ta mới được tự chủ, khỏi phải quân Tàu *áp chế*.

Giải nghĩa: Vây = cho quân đứng xung quanh mà đánh. Riết =

quân vây rất nhiều mà đánh rất hăng. **Hạ** = đánh lấy được. **Ngự bào** = áo vua mặc. **Áp chế** = đè nén, hà hiếp.

BÀI TẬP

Học tiếng: *Vây, hạ, tương tá, áo ngự bào, thoát nạn.*

Câu hỏi: *Vua Lê Lợi bị vây ở đâu? Vua hỏi tướng tá thế nào? Ông Lê Lai làm gì?*

Ông Lê Lai cứu vua khỏi chết, cứu nước khỏi khổ.

38 Tối ở nhà



Một nhà sum vầy buổi tối

Cơm nước xong, trời vừa tối. Ngọn đèn treo, thấp ở giữa nhà. Cha ngồi đọc nhật báo. Anh đang ngồi cúi xuống xem sách hay làm bài. Mẹ và chị, kim chỉ vá may. Ở bên cạnh,

hai đứa em nhỏ đang nghe bà kể câu *chuyện cổ tích*, thỉnh thoảng lại khúc khích cười với nhau rất vui vẻ.

Ban ngày đi làm ăn khó nhọc; tối đến cả nhà được đông đủ *sum vầy* như vậy, tưởng không có cảnh nào vui hơn nữa.

Giải nghĩa: *Chuyện cổ tích* = chuyện đời xưa. *Sum vầy* = hội họp, quây quần với nhau.

BÀI TẬP

Học tiếng: *Sum vầy, vui, thỉnh thoảng.*

Làm văn: Trả lời những câu hỏi sau này: *Trời tối, ngọn đèn thấp ở đâu? Trong nhà, cha, mẹ, chị, em làm gì? Cái cảnh một nhà sum vầy với nhau như thế, anh nghĩ làm sao?*

Một nhà sum vầy vui vẻ.

39 Con cò mà đi ăn đêm



Con cò mà đi ăn đêm

Bài học thuộc lòng

*Con cò mà đi ăn đêm,
Đậu phải cành mềm lộn cổ xuống ao,
Ông ơi ông vớt tôi nao!
Tôi có lòng nào, ông hãy xáo măng.
Có xáo thì xáo nước trong,
Đừng xáo nước đục đau lòng cò con.*

Ca dao

Đại ý: Bài này mượn chuyện con cò mà ngụ ý luân lý rất cao. Con cò sa xuống nước, người ta bắt được sắp đem làm thịt, mà nó vẫn xin nấu bằng nước trong, để cho chết cũng được trong sạch. Cũng như người ta nghèo khó đi làm ăn lỡ sa cơ thất thế, bị phải tai nạn, nhưng bao giờ cũng giữ lấy tấm lòng trong sạch, không làm điều gì ô uế.

Giải nghĩa: **Lộn cổ** = rơi đầu đầu xuống. **Vớt** = lôi từ dưới nước lên. **Xáo măng** = nấu chung với măng để làm món ăn.

BÀI TẬP

Đặt câu: Tìm những tiếng trong bài mà đặt vào những câu sau này:

Con vạc thì thường hay...

Đừng uống... mà độc.

Con chim đậu trên... tiếng hót véo von.

Con gà vào bể phải... nó lên.

Phải giữ tấm lòng cho trong sạch.

40 Ta không nên ngã lòng



Kiến tha mồi

Nước mềm, đá rắn (cứng), thế mà nước chảy mãi đá cũng phải mòn. Sợi dây nhỏ, cây gỗ lớn, vậy mà dây cửa mái cũng đứt. Con kiến nhỏ, cái tổ¹ to, thế mà

kiến tha lâu cũng đầy tổ.

Người ta cũng vậy, *phàm* làm việc gì dầu thấy khó cũng đừng nên ngã lòng. Gặp việc gì khó ta cũng cứ vững lòng mà làm, cứ cố vào, cố nữa, cố luôn mãi, thì việc dầu khó đến đâu, cũng có ngày ta làm nên được. Những kẻ hay ngã lòng chẳng bao giờ làm được việc gì cả.

1. Ổ.

Giải nghĩa: **Tha**: cắn vào miệng mang đi. **Phàm** = gồm tất cả.

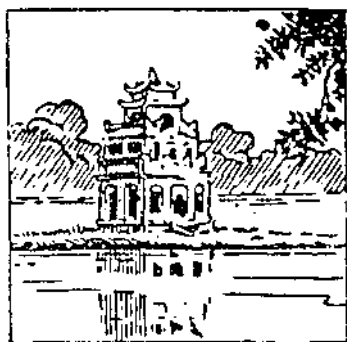
BÀI TẬP

Học tiếng: *Mềm, rần, mòn, cua đứt, vũng lòng, bền chí.*

Làm văn: Trả lời những câu hỏi sau này: *Gặp việc khó ta phải làm thế nào? Những kẻ hay ngã lòng thì thế nào? Tại sao nước làm cho đá phải mòn? “Kiến tha lâu có ngày đầy tổ” nghĩa là thế nào?*

Gặp việc khó ta chớ nên ngã lòng.

41 Truyện gương thần của vua Lê Lợi



Hồ Hoàn Kiếm

Tục truyền rằng vua Lê Lợi, trước khi nổi lên đánh quân Minh, vẫn ở Hà Nội làm nghề đánh cá.

Một hôm ngài quăng lưới xuống hồ Hoàn Kiếm, bấy giờ còn gọi là hồ Tả Vọng, lúc kéo lên không được cá, lại được một thanh gương rất đẹp, lưới rộng, cứng mà sáng loáng. Ngài được thanh gương ấy, nổi lên đánh

quân Tàu, đuổi ra ngoài nước, rồi lên ngôi vua ở Thăng Long (Hà Nội bây giờ).

Một hôm ngài *ngự* thuyền chơi trên hồ; ngài thấy có một con rùa to nổi lên, bơi lại gần ngài. Ngài sợ, lấy gương gạt ra, nhưng

con rùa đớp lấy gương rồi biến mất. Ngài bấy giờ mới biết rằng con rùa ấy là vị thần hồ đã giúp ngài đánh quân Tàu. Sau người ta xây ở giữa hồ một cái tháp gọi là “Quy Sơn tháp” (tháp núi rùa), còn cái hồ ấy thì gọi là “Hoàn Kiếm hồ” (hồ giả gương).

Giải nghĩa: Ngự = tiếng để chỉ những việc vua làm, hay là những cái gì vua dùng như: ngự lãm (vua xem), ngự thuyền (vua đi thuyền), ngự bào (áo vua mặc).

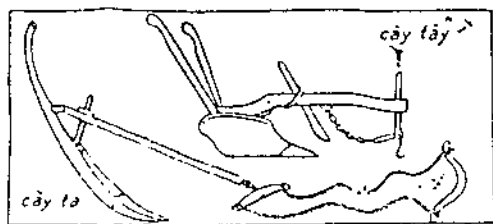
BÀI TẬP

Học tiếng: Thanh gương, lên ngôi, đớp.

Câu hỏi: Một hôm vua Lê Lợi đánh cá bắt được gì? Từ hôm đó trở đi ngài làm gì? Lên ngôi vua rồi ngài làm gì? Thanh gương của ngài biến đi ra làm sao?

Con rùa thần nổi lên mặt nước.

42 Cái cày



Cày tây và cày tía

Cái cày là đồ làm ruộng cần nhất. Cái cày của ta dùng còn đơn sơ lắm, gần hết làm bằng gỗ. Thân cày, náng cày, chỗ tay cầm (seo cày) toàn bằng gỗ cả. Cái

bắp cày thì bằng tre hay bằng gỗ. Chỉ có cái lưỡi cày và cái *diệp* là

bằng sắt mà thôi. Cái cây tây thì gần hết làm bằng thép cả, và đủ bộ phận hơn cây ta. Bên Tây nhiều khi lại còn ghép mấy cái cây vào một cái bắp, rồi dùng máy kéo. Bên ta dùng cây máy không tiện, vì ruộng của ta bùn lầy, lại chia ra từng miếng nhỏ hẹp. Sự cày bừa của ta *quanh đi quẩn lại* chỉ nhờ sức trâu bò mà thôi.

Giải nghĩa: **Diệp cày** = một miếng gang hay một miếng sắt để gắn liền ở trên cái lưỡi, để khi cày nó lật đất ra hai bên. **Quanh đi quẩn lại** = chỉ có thế mà thôi, không có gì khác nữa.

BÀI TẬP

Đặt câu: Tìm những tiếng trong bài mà đặt vào những câu sau này:

Đồ làm ruộng của ta còn... lắm.

Cái... cày của ta thì nhọn và hẹp.

Cái cày của tây thì các... đủ hết cả.

Cày của... thì kéo bằng ngựa.

Làm văn: Trả lời những câu hỏi sau này: *Những đồ làm ruộng của ta cần có những gì? Ta dùng những giống gì để cày bừa?*

Có cày ruộng mới có thóc ăn.

43 Con trâu



Trâu ở dưới đầm

Trâu lớn hơn bò và sức mạnh hơn. Lông đen, cứng và thưa, thỉnh thoảng có con lông trắng. Mất *lờ*

đờ, sừng to và cong lên. Trâu xem nặng nề và chậm chạp hơn bò. Tính nó thuần và hay chịu khó. Ăn uống ít, mỗi ngày chỉ vài ba nắm cỏ khô cũng đủ. Nó ưa *đầm* (mẹp) xuống nước, xuống bùn, và có thể lội qua sông, qua đầm được.

Trâu dùng để cày ruộng, kéo xe, hoặc kéo *che đập mía*. Thịt trâu không ngon bằng thịt bò. Da trâu dùng để bịt trống hay làm giày dép. Sừng trâu dùng làm các đồ vật như: cán dao, lược, ống thuốc v.v...

Trâu thật là con vật có ích. Ta vẫn cho vào hạng *lục súc* rất có công với người.

Giải nghĩa: *Lờ đờ* = trông không nhanh trãi. *Đầm* = lặn xuống cho có nước, có bùn. *Che đập mía* = máy ép mía. *Lục súc* = sáu giống vật của người ta nuôi: trâu, ngựa, dê, gà, chó, lợn.

BÀI TẬP

Đặt câu: Tìm những tiếng trong bài mà đặt vào những câu sau này:

Con trâu tuy to, nhưng... hơn con bò.

Ở làng tôi có cái... thường cho trâu đi ăn phải lội qua.

Cái tù và này làm bằng...

Nhà kia nuôi một đàn trâu để kéo...

Làm văn: Tả hình một con trâu mà anh trông thấy.

Trâu to hơn và khỏe hơn bò.

44 Con chim với người làm ruộng



Chim hét ăn giun

Chim là loài ăn những *côn trùng* làm hại lúa. Nhờ có chim mới *trừ* được những giống ấy. Chim có thể đuổi bắt *côn trùng* ở trên không, hay nhặt (lặt)¹ nó ở luống cây. Chim

chính là *tuần ngoại* của ta đó. Người làm *tuần ngoại*, thì chỉ giữ được kẻ trộm cắp *hoa màu*² mà thôi, chứ chim làm *tuần ngoại*, thì mới giữ nổi các loài sâu bọ đâu đâu cũng vào lọt.

Vậy loài chim có ích cho nhà nông lắm. Chớ nên giết hại nó.

Giải nghĩa: *Côn trùng* = nói chung các loài sâu bọ. *Trừ* = làm mất đi, giết đi. *Tuần ngoại* = tuần coi lúa má ở ngoài đồng. *Hoa màu* = các thứ cây ăn được trồng ở nơi cận như: ngô, khoai, rau đậu.

1. Lượm. 2. Đổ hoa quả.

BÀI TẬP

Học tiếng: Trừ, côn trùng, tuần ngoại, hoa màu.

Đặt câu: Tìm những tiếng trong bài mà đặt vào những câu sau này:

Loại chim... được những côn trùng ăn hại lúa.

Châu chấu là một thứ... có cánh.

Làng nào cũng phải có... để giữ lúa và hoa màu.

Người ta trồng... về vụ tháng tư, tháng năm.

**Không nên giết hại loài chim vì nó có ích
cho người làm ruộng.**

45 Vua Lê Thánh Tôn



Hồng Đức Luật

Vua Lê Thánh Tôn sai quan làm bộ quốc sử và vẽ địa đồ nước ta. Ngài họp tập các nhà *danh sĩ* thời bấy giờ và khuyến khích việc văn học, ngài có soạn ra nhiều thơ chữ nho và *thơ nôm* nữa. Ngài tìm cách mở mang nghề làm ruộng và nghề chăn nuôi. Ngài cho khai khẩn những đất hoang, mở ra hơn bốn mươi sở đồn điền cho dân nghèo khổ có việc mà kiếm ăn. Ngài lập ra nhà tế sinh để nuôi dưỡng những người già yếu tàn tật, không có nơi nương tựa; khi nào có dịch tễ thì sai quan đem thuốc phát cho các người mắc bệnh.

Ngài lại đánh lấy được nước Chiêm Thành nữa.

Nói tóm lại đời vua Lê Thánh Tôn là một thời kỳ vẻ vang nhất trong lịch sử nước Nam.

Giải nghĩa: **Danh sĩ** = người làm văn có tiếng. **Thơ nôm** = thơ tiếng ta.

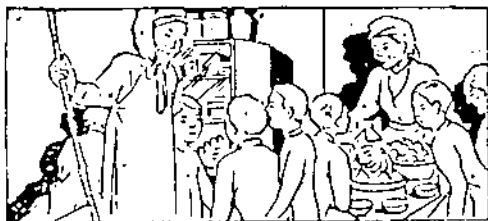
BÀI TẬP

Học tiếng: *Bộ quốc sử, khai khẩn, đồn điền, nhà tế sinh.*

Câu hỏi: *Về đời nhà Hậu Lê, có ông vua nào giỏi nhất? Ngài làm gì để khuyến khích người làm ruộng? Ngài đánh lấy nước nào?*

Vua Lê Thánh Tôn đánh được nước Chiêm Thành.

46 Kính trọng người già cả



Cậu học trò nhường chỗ cho ông cụ

Một lũ học trò ngồi *xúm xít* ở hàng nước, đang cười cười nói nói. Có một cụ già lưng cong, tóc bạc, cũng muốn vào hàng nước nghỉ. Nhưng mấy cái ghế *chật*

ních cả rồi, cụ cứ loay quanh (xa xẩn) đứng ở ngoài.

Một cậu học trò ít tuổi nhất, thấy thế, vội vàng đứng ngay dậy, nhường chỗ mời cụ ngồi. Sau lại cầm hộ cả cái điều đưa cho cụ hút thuốc. Mấy cậu ngồi bên cạnh, bây giờ cùng bảo nhau ngồi dồn lại cho rộng chỗ.

Cụ già ăn thuốc xong, khen các cậu rằng:

“Các cậu là học trò trằng nào, mà khéo học được những điều lễ phép như thế! *Lão* đây thật lấy làm quý hóa cái nết của các cậu”.

Giải nghĩa: Xúm xít = đông người tụ họp với nhau. **Chật ních:** chật lăm, không còn chỗ hở nào. **Lão** = tiếng người già tự xưng.

BÀI TẬP

Đặt câu: Tìm những tiếng trong bài mà đặt vào những câu sau này:

Học trò ngồi... ở hàng nước.

Mấy cái ghế đều... cả.

Có ông cụ đứng... ở ngoài.

Một cậu học trò... nhường chỗ cho cụ.

Mấy cậu nữa... ngồi dồn lại cho rộng chỗ.

Kính lão đắc thọ.

47

Lòng thương kẻ tội tử

Ông Lưu Khoan thuở xưa là một ông quan có tiếng nhân từ. Một hôm, ông mặc áo, đội mũ *chỉnh tề*, sắp đi châu. Con *thị tì* bung bát cháo lên hâu. Chẳng may lỡ tay đánh đổ cháo ra áo châu. Con *thị tì* sợ hãi, vội vàng lấy tay vuốt chỗ cháo đổ. Ông Lưu Khoan *không đổi sắc mặt*, từ từ nói rằng: “Mày có bỏng¹ tay không?”

1. Phồng.



Mày có bóng tay không?

Ồi! Tay người ta bỏng thì đau đớn nhiều, áo quí mà *hoen*¹ bẩn là việc nhỏ. Ông Lưu Khoan biết quên cái áo bị bẩn của mình, mà chỉ nghĩ đến tay bỏng của người đầy tớ, thật là kẻ có *đại độ*, biết thương người dưới.

Giải nghĩa: **Chỉnh tề** = ngay ngắn, đứng đắn. **Thị tì** = đầy tớ gái. **Không đổi sắc mặt** = ý nói không có giận dữ chút nào. **Hoen** = giọt mỡ, giọt cháo rơi vào vải, lụa, làm cho mất màu đi. Có nơi gọi là quện. **Đại độ** = bụng rộng rãi, biết dong thứ người ta.

BÀI TẬP

Học tiếng: *Đi châu, đánh đổ, vuốt, bỏng, dong.*

Đặt câu: Tìm những tiếng trong bài mà đặt vào những câu sau này:

Biết... kẻ dưới, mới là lượng trên.

Đời trước, sáng nào các quan cũng phải... vua.

Thằng kia bụng mâm cơm, lơ tay... cả.

Nó đánh đổ cháo ra áo, phải đem... đi.

Nó nghịch lửa... tay.

Ta nên biết thương kẻ tôi tớ.

1. Vấy ố.

48 Học trò biết ơn thầy



Ông Carnot chào thầy học

Ông Carnot xưa là một ông quan to nước Pháp, một hôm nhân lúc *rảnh việc*, về chơi quê nhà. Khi ông đi ngang qua trường học ở làng, trông thấy ông thầy dạy mình lúc bé, bây giờ đã đầu tóc bạc phơ, đang ngồi trong lớp dạy học. Ông ghé vào thăm trường và chạy ngay lại trước mặt thầy giáo, chào hỏi lễ phép mà rằng: “Tôi là Carnot, thầy còn nhớ tôi không?” Rồi ông ngoảnh lại khuyên bảo học trò rằng: “Ta *bình sinh*, nhất là ơn cha, ơn mẹ, sau ơn thầy ta đây, vì nhờ có thầy chịu khó dạy bảo, ta mới làm

nên *sự nghiệp* ngày nay.”

Giải nghĩa: *Rảnh việc* = thong thả, không có việc làm. *Bình sinh* = sống ở đời. *Sự nghiệp* = công cuộc của mình đã làm nên.

BÀI TẬP

Làm văn: Trả lời những câu hỏi sau này: Ông Carnot, một hôm nhân lúc rảnh việc, đi đâu? Ông đi qua làng thấy gì? Lúc vào thăm trường thì ông làm gì? Khuyên bảo học trò thế nào?

Học trò phải biết ơn thầy.

49 Các khoa thi



Xương danh tại tràng thi Hương

Ngày xưa, học trò chữ nho đi thi để có chân khoa mục và ra làm quan. Thi có hai khoa: *thi Hương* và *thi Hội*.

Những người đậu thi Hương chia ra làm hai hạng: một là *huong*

cống sau gọi là *cử nhân*, hai là *sinh đồ* sau gọi là *tú tài*. Còn người đậu thi Hội thì có ba hạng gọi là tiến sĩ (nhà Trần gọi là thái học sinh). Vua Lê Thái Tôn muốn cho việc thi cử thêm bề trọng thể, mới lập ra lệ xương danh và lệ *vinh quy*. Ngài lại sai khắc tên những người đậu tiến sĩ vào bia đá. Những bia đá ấy nay còn dựng ở nhà văn miếu ở Hà Nội và Huế.

Giải nghĩa: **Khoa mục** = thi đậu, có bằng sắc nhà vua ban cho. **Thi hương** = khoa thi mới mở ở các hạt trong nước để tuyển lấy tú tài và cử nhân. **Thi hội** = khoa thi mở ở kinh đô để tuyển tiến sĩ. **Hương cống, cử nhân** = người thi Hương đậu cao từ số 50 trở lên. **Sinh đồ, tú tài** = người thi Hương đậu từ số 50 trở xuống. **Vinh qui** = thi đậu về làng được người rước sách linh đình.

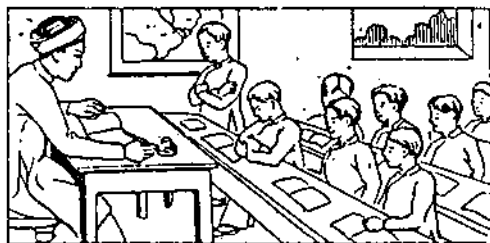
BÀI TẬP

Học tiếng: *Chân khoa mục, thi Hương, thi Hội, xương danh, vinh quy.*

Câu hỏi: Những người đậu các khoa thi ngày trước thì gọi là gì? Vua Lê Thái Tông đặt ra lệ gì để việc thi cử thêm bề trọng thể? Những tấm bia khắc tên những người đậu tiến sĩ nay dựng ở đâu?

Ngày xưa thi đậu thì được vinh qui.

50 Học thuộc lòng



Thằng Bút đọc bài ở lớp học

Thằng Bút học bài *ngụ ngôn*. Nó đọc cả hai ba lượt rất có ý và nhận nghĩa cho thật nhiều.

Nó đọc câu đầu, rồi không nhìn vào sách mà đọc lại. Nó

đọc thông thả, rõ ràng, không sai chút nào.

Nó đọc sang câu thứ hai. Thuộc rồi, đọc lại cả với câu đầu. Rồi nó đọc luôn như thế cho đến câu cuối cùng.

Sau Bút học lại cả bài, năm bảy bận. Lúc bấy giờ, gấp sách lại, đọc lâu lâu, chắc mai vào lớp không sợ *ngắc ngư*¹ (trúc trắc).

Giải nghĩa: *Ngụ ngôn* = chuyện đặt ra, có ý để dạy bảo người ta. *Ngắc ngư* = đọc vấp vấp, không trôi chảy. Có nơi gọi là *ngúc ngắc*.

1. Ngập ngừng.

BÀI TẬP

Học tiếng: Ý tứ, thông thả, lâu lâu, ngắc ngứ.

Đặt câu: Tìm những tiếng trong bài mà đặt vào những câu sau này:

Học bài phải có... cho thật hiểu nghĩa.

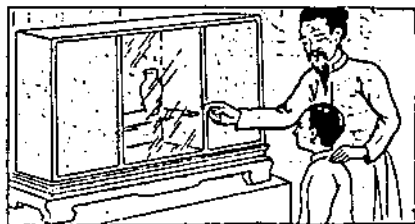
Khi học phải cho... và...

Đã gọi là học thuộc lòng thì phải cho... chứ có...

Đọc bài thuộc lâu lâu.

51 Làm người phải học

*Ngọc kia chẳng giũa, chẳng mài,
Cũng thành vô dụng, cũng hoài ngọc đi.
Con người ta có khác gì,
Học hành **quí giá**, ngu si **hư đời**.
Những anh **mít đặc** thôi thời,
Ai còn mua chuộc, đón mời làm chi.*



Cha bảo con: “Ngọc có giũa,
có mài mới có giá”.

Đại ý: Bài này nói người ta không học, thì ngu dốt, chẳng biết nghĩa lý gì. Ví như hòn ngọc dầu quý, nhưng không giũa không mài, thì cũng chẳng thành đồ mà dùng được. Vậy người ta ai cũng phải học thì mới khôn.

Giải nghĩa: Vô dụng = không dùng được việc gì. **Quý giá** = tôn trọng lên. **Hư đời** = hỏng cả đời người, chẳng làm được việc gì. **Mít đặc** = dốt chẳng biết một tí gì cả.

BÀI TẬP

Làm văn: Trả lời những câu hỏi sau này: *Ngọc mà không giũa thì thế nào? Người mà có học thì thế nào? Người mà không học thì thế nào?*

Làm người phải học.

52 Chùa làng tôi



Một cảnh chùa

Chùa làng tôi lợp bằng ngói, đằng trước có sân, bên cạnh có ao; xung quanh có vườn. Ở trước sân có *tam quan*, trên là gác chuông,

dưới là cửa để ra vào. Trong chùa, trên bệ cao, thì có nhiều tượng Phật bằng gỗ, sơn son thiếp vàng. Sau chùa thì có *nhà tổ* và chỗ các sư ở. Hai bên thì là nhà khách. Ngoài sân chùa thì có bia đá, ghi công đức những người đã có công với nhà chùa. Ngoài vườn có vài ngọn tháp, là nơi những vị sư đã tịch ở đấy.

Ngày rằm, mồng một, cứ đến tối, tôi thường theo bà tôi lên

chùa lễ. Sư cụ tụng kinh, gõ mõ, ngồi ở trên; bà tôi và các già ngồi ở dưới, vừa lễ vừa nam mô Phật.

Trên bàn thờ thì đèn nến¹ sáng choang, khói hương nghi ngút, trông thật nghiêm trang.

Giải nghĩa: **Tam quan** = cửa chính của nhà chùa, có ba cửa ra vào. **Nhà tổ** = nhà thờ những vị sư đã tu ở chùa đã tịch rồi.

BÀI TẬP

Học tiếng: *Tam quan, nhà tổ, bia, tháp, tụng kinh.*

Đặt câu: Tìm những tiếng trong bài mà đặt vào những câu sau này:

Ở trên... là gác chuông.

Chùa nào cũng có... ở đằng sau.

Ở chùa nào cũng có... ghi công đức những người có công với chùa... tức là mộ các nhà sư.

Sư cụ gõ mõ...

Nhà sư gõ mõ tụng kinh.

1. Sáp.

53 Một kẻ thoán nghịch: Mạc Đăng Dung



Mạc Đăng Dung
vào thi võ

Bấy giờ là lúc nhà Hậu Lê đã suy. Vua thì nhu nhược hèn yếu. Trong nước thì giặc giã nổi lên. Giặc đến đánh phá kinh thành, vua phải chạy trốn. Mạc Đăng Dung là quan coi *lính túc vệ* ra cầm quân đánh giặc, tan rồi, nhân dịp ấy giữ lấy binh quyền và các quyền hành trong nước, việc gì cũng quyết định cả. Vua thấy thế lo sợ, chạy trốn, định lấy quân các nơi về đánh Đăng Dung. Nhưng Đăng Dung bắt được vua, đem giết đi rồi tự xưng làm vua mà lập ra nhà Mạc.

Tuy Đăng Dung đã lên ngôi rồi, nhưng trong nước còn nhiều người theo về nhà Lê.

Giải nghĩa: **Thoán nghịch** = người bầy tôi làm phản đánh lại nhà vua cướp lấy ngôi. **Lính túc vệ** = lính theo hầu, trông nom cho vua phòng ngừa kẻ phản trắc.

BÀI TẬP

Học tiếng: *Thoán nghịch, nhu nhược, lính túc vệ, quyền hành.*

Câu hỏi: *Mạc Đăng Dung làm thế nào mà cướp được ngôi nhà Lê?*

Về cuối đời nhà Lê, trong nước có nhiều giặc giã.

54 Mưa dầm gió bắc



Cảnh mưa dầm

Về mùa đông, khi gặp mưa dầm gió bắc, thì phong cảnh nhà quê thật *tiêu điều* buồn bã. Ngoài đồng thì nước giá, thỉnh thoảng mới thấy lác đác có người cày hay bừa. Người nào người nấy *cặm cùi* (lui cui) mà làm, không trò chuyện vui vẻ như khi ấm áp. Trong làng thì đường sá vắng tanh, *bùn lầy* đến mất cá chân. Xung quanh mình, không có một tiếng động, chỉ nghe gió thổi vào bụi tre ù ù, giọt nước rơi xuống đất lách tách.

Giải nghĩa: *Tiêu điều* = vắng vẻ buồn bã.

Giá = lạnh cóng chân tay. **Cặm cùi** = cặm đầu làm, không nghĩ đến việc khác. **Bùn**

lầy = đất lũng bồng nước.

BÀI TẬP

Học tiếng: *Mưa dầm, gió bắc, giá, lác đác, cặm cùi, ấm áp.*

Đặt câu: Tìm những tiếng trong bài mà đặt vào những câu sau này:

Khi nào trời... thì đường sá lầy lội. Về mùa đông, nước hay...

Khi nào... thì rét.

Mưa đám mây, không khi nào to, chỉ... vài hạt rồi lại tạnh.

Người thợ này chăm việc cả ngày... làm chẳng mấy lúc nghỉ.

Về mùa xuân, khí trời...

Mưa dầm lâu cũng lụt.



Chạy mưa

Trời đương nóng nực, lá cây ngọn cỏ im phẳng phắc, bỗng có cơn gió mát thổi. Ngẩng¹ lên trông² thấy về phía đông nam mây kéo *đen nghịt* một góc trời. Ai cũng bảo rằng sắp có trận mưa to. Ngoài đường cái kẻ đi người lại, người nào cũng *bước rảo cẳng* (lạnh chân) để chóng về đến nhà, hay tìm *chỗ trú* (núp) cho khỏi ướt. Ở trong nhà thì tiếng gọi nhau ới ới chạy mưa. Nào là quần áo, chiếu chăn³, thóc lúa, rom rạ, phải *chạy* cho mau. Đâu đâu cũng có tiếng động xôn xao, khác thường. Duy chỉ có ở ngoài đồng, anh đi cày, chị đi cấy, là cứ điềm nhiên làm việc, vì họ đã phòng bị đủ cả nón và áo toi rồi.

Giải nghĩa: *Đen nghịt* = đen khắp cả, không hở chỗ nào. *Chỗ trú* = chỗ nghỉ, chỗ tránh mưa. *Bước rảo cẳng* = bước rảo cho nhanh. Có nơi gọi là sấn chân. *Chạy* = đây là cất đồ vào nhà.

BÀI TẬP

Học tiếng: *Đen nghịt, bước rảo cẳng, chỗ trú, áo toi.*

Đặt câu: Tìm những tiếng trong bài mà đặt vào những câu sau này:

1. Ngược. 2. Coi. 3. Mền.

Trên trời mây kéo đến... cả, là điềm sắp mưa.
Trời nổi cơn mưa, phải... mà về kéo ướt.
Đi đường mà gặp mưa thì phải tìm...
Người nhà quê đi làm, trời mưa, mặc...

Mây kéo đen ngịt một góc trời.

56 Đứa bé¹ và con mèo



Cô Miao kéo đuôi con mèo

Cô Miao *thơ thần* ngồi chơi một mình ở trong vườn. Cô thấy con mèo lượn qua, cô gọi, cô vẫy²

lại. Mèo đến *lẩn quẩn* ở bên cạnh, cái đuôi ve vẩy như vui mừng, cái đầu ngẩng lên như chào hỏi, miệng thì kêu “meo meo” ra đáng bằng lòng lắm.

Cô Miao chơi với con mèo cũng lấy làm vui thích. Cô lấy tay vuốt ve nó, ôm nó vào trong lòng. Nhưng được một chốc, cô nắm lấy đuôi con mèo, kéo một cái thật mạnh. Mèo bị đau, giận quá, giờ ngay chân ra cào cô một cái, xước cả tay, rồi bỏ mà đi mất.

Cô Miao *xít xa*, lại *thơ thần* ngồi một mình ở trong vườn. Thế mới biết người ác chẳng ai chơi với.

1. Nhỏ. 2. Ngắt.

Giải nghĩa: *Thơ thần* = buồn bã, vì chỉ có một mình. *Lấn quẩn* = quanh ở bên mình không rời đi chỗ khác. *Xít xa* = ý nói đau đớn, muốn kêu cho ra tiếng. Có nơi gọi là thít tha.

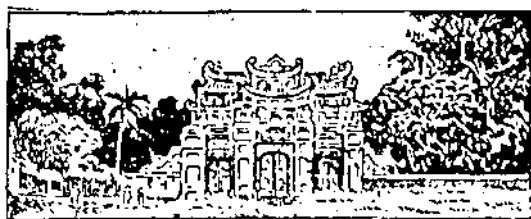
BÀI TẬP

Học tiếng: *Thơ thần, lượn, lấn quẩn, ra dáng, xúi giục, cào, xước tay.*

Làm văn: Trả lời những câu hỏi sau này: *Mão ngồi một mình ở đâu? Có con vật gì lượn qua? Mão gọi mèo đến làm gì? Lúc trước hai bên chơi với nhau tử tế thế nào? Về sau xảy ra chuyện làm sao? Ý bài này muốn dạy ta gì?*

Không ai muốn làm bạn với người ác.

57 Ông Nguyễn Kim



Triệu Tường: Cửa tam quan

Khi nhà Mạc cướp ngôi vua rồi, thì ông Nguyễn Kim là người *trung thành* với nhà Lê, chạy trốn sang Lào. Người

Lào giúp ông lương và tiền để ông đánh nhà Mạc phò nhà Lê. Ông lập ông hoàng tử Ninh là dòng dõi nhà Lê lên làm vua, rồi *chiêu tập* những người còn có bụng giúp nhà Lê.

Lúc ông đã đủ quân lính lương thực rồi, ông bèn về nước, đánh

lấy đất Thanh Hóa, Nghệ An, rước vua Lê về, rồi lập một triều đình ở phía Nam. Năm sau ông đem quân ra Bắc đánh nhà Mạc, nhưng đến nửa đường thì bị một người hàng tướng nhà Mạc đánh thuốc độc chết.

Ông Nguyễn Kim thực là một người có công khôi phục lại nhà Lê.

Đền thờ ông nay ở Triệu Tường trong Thanh Hóa.

Giải nghĩa: **Trung thành** = có bụng chỉ thờ một người hay một họ đã cho mình ăn lộc. **Chiêu tập** = họp lại làm một đảng. **Khôi phục** = đánh lấy lại nước, lại quyền.

BÀI TẬP

Học tiếng: *Trung thành, phò, chiêu tập, khôi phục.*

Câu hỏi: *Tại sao ông Nguyễn Kim lại trốn sang Lào? Ông ấy lập ai lên làm vua? Ông ấy mất bao giờ và tại làm sao mà mất?*

Ông Nguyễn Kim là một bầy tôi trung.



Cô Năm đánh phấn

Cô Năm chẳng học hành gì, chẳng may vá gì. Cả ngày chỉ cái gương, cái lược, chải chuốt, vuốt ve, sắm sửa trong mình cho đẹp. Bà mẹ thấy vậy, một hôm mắng rằng: “Mày tưởng chỉ có môi son, má phấn, áo quần là lượt mới là đẹp thôi ư? Không, con ơi! Người ta đẹp không cốt gì ở cái *trang sức* bề ngoài. Chỉ có người làm ăn chăm chỉ *nết na* tử tế mới thật là đẹp mà thôi. Mày học

hành khá, khâu vá giỏi, xếp đặt mọi việc trong nhà cho có ngăn nắp, ấy là cái đẹp của mày ở đấy, con ạ!”

Giải nghĩa: Trang sức = quần áo, phấn sáp cho đẹp. Nết na = tính tốt.

BÀI TẬP

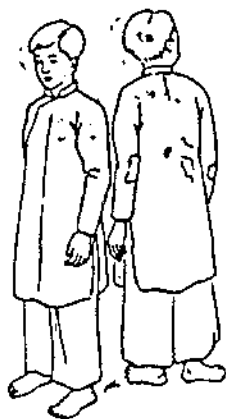
Học tiếng: Gương, quần áo, phấn sáp, son.

Đặt câu: Tìm những tiếng trong bài mà đặt vào những câu sau này: Người đàn bà soi..., đánh..., bôi..., sắm sửa...

Làm văn: Trả lời những câu hỏi sau này: Cô Năm chỉ thích ngắm, vuốt thế nào? Một hôm bà mẹ mắng cô làm sao? Trong bài nói người ta cốt đẹp ở cái gì?

Tốt gỗ hơn tốt nước sơn.

59 Ăn mặc phải giữ gìn



Không giữ gìn thì áo
chóng rách

Cùng một ngày, bà mẹ may cho anh Giáp và anh Ất, mỗi người một cái áo *luong*. Thế mà chưa được bao lâu, áo của anh Ất đã *sòn* rách năm bảy chỗ, còn áo của anh Giáp vẫn nguyên lành như mới. Tại sao vậy? Tại anh Ất có áo mà không biết giữ; lúc mặc thì *lê la* giày vò; lúc cởi ra thì bạ đâu quăng đấy. Trách sao áo không chóng¹ rách được! Còn áo của anh Giáp thì vẫn nguyên lành, là vì khi nào mặc thì anh giữ gìn sạch sẽ, và khi nào cởi ra, thì anh chịu treo, chịu gấp cẩn thận.

Các anh nên bắt chước anh Giáp mà ăn mặc để cho khỏi tổn hại cha mẹ, và lại tập được cái tính tốt không *đuềnh đoàng*² (lài xài).

Giải nghĩa: *Luong* = có khi gọi là the, một thứ dệt bằng tơ và hay nhuộm thâm. *Sòn* = sợi đã bợt ra, sắp rách. *Lê la* = bạ đâu cũng sà xuống, không giữ gìn. *Đuềnh đoàng* = lười trễ, không giữ gìn cẩn thận.

1. Mau. 2. Tăm phào.

BÀI TẬP

Đặt câu: Tìm những tiếng trong bài mà đặt vào những câu sau này:

Mặc áo... thì chóng rách.

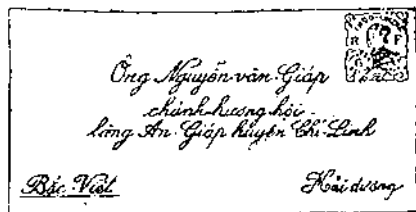
Giữ gìn quần áo là để khỏi... cha mẹ.

Khi cởi áo thì nên... lên hay là... lại.

Làm văn: Trả lời những câu hỏi sau này: *Mặc quần áo thì phải thế nào? Tại làm sao mà quần áo hay rách? Đuềnh đoàng thì hay thiệt hại thế nào?*

Ăn mặc phải giữ gìn cẩn thận.

60 Một cái thư



Tôi viết thư cho anh tôi ở Hải Dương. Tôi lấy một tờ giấy trắng. Trên đầu dòng, tôi đề ngày tháng, dưới tôi kể những tin tức ở nhà cho anh tôi biết. Sau tôi chúc

cho anh tôi mọi sự bình yên, rồi tôi gấp¹ lại, bỏ vào phong bì² trên dán cái tem sáu xu. Xong tôi sai người nhà đem thư ra bỏ vào thùng nhà dây thép cạnh ga. Thế là cái thư của tôi chỉ độ chiều mai là xuống tới Hải Dương, có người đem lại tận nhà cho

1. Xếp. 2. Bao thư.

anh tôi. Nghĩ mất có sáu xu mà được việc như thế, thật cũng là tiện lợi.

Giải nghĩa: **Tem** = cái dấu in sẵn, phải mua, dán vào thư thì mới gửi được. **Nhà dây thép** = nhà gửi các thư từ giấy má. **Ga** = nhà xe lửa đỗ.

BÀI TẬP

Học tiếng: *Thư, tem, phong bì, thùng.*

Đặt câu: Tìm những tiếng trong bài mà đặt vào những câu sau này:

Người ta viết... để thông tin cho nhau.

Thư viết bỏ vào...

Trên phong bì có dán...

Đoạn đem bỏ vào... nhà dây thép.

Nhà dây thép giúp chúng ta được nhiều việc.

61 Ông tổ sáng nghiệp ra nhà Nguyễn: Ông Nguyễn Hoàng



Hiện cảnh trại Ái Tử bây giờ (Quảng Trị)

Ông Nguyễn Hoàng là con thứ hai ông Nguyễn Kim, làm *trấn thủ* đất Thuận Hóa.

Lúc ông đến *nhậm chức*, dân ở đó mang dung ông bảy chum nước. Ông lấy làm lạ; người cậu bảo ông rằng: “Thế là lòng trời bảo cho biết đó: đây là điềm tướng công mở ra nước sau này đây!” Vì chữ “nước” vừa có nghĩa là “nước uống” vừa có nghĩa là “đất nước”.

Về trấn Thuận Hóa rồi, ông bèn ra công làm cho trong hạt được yên ổn, lập đồn canh giữ, khai khẩn đất hoang, chọn dùng những người tài giỏi, hết sức làm cho dân mên phục. Ông thực là người gây dựng ra cơ nghiệp nhà Nguyễn ngày nay.

Giải nghĩa: **Trấn** = tên đặt cho những tỉnh lớn về đầu nhà Nguyễn. **Trấn thủ** = quan cai trị một trấn. **Nhậm chức** = bắt đầu nhận công việc làm quan.

BÀI TẬP

Học tiếng: *trấn thủ, nhậm chức, mở nước, cơ nghiệp.*

Câu hỏi: Ông Nguyễn Hoàng là con ai? Lúc ông đến nhậm chức dân ở đó mang dung ông gì?

Lòng trời lựa ông Nguyễn Hoàng.

62 Thư gửi mừng thầy học



Bỏ thư vào thùng

Ngày... tháng... năm...

Thưa thầy,

Năm mới, con ở nhà được chúc mừng cha mẹ con. Con tiếc không được gần thầy để chúc mừng thầy.

Con còn bé dại, chưa biết viết thư thế nào cho hay. Con chỉ biết chúc thầy được mạnh khỏe, sống lâu, cũng như con đã chúc cho cha mẹ con vậy. Nhân dịp (nhịp) con lại xin *hứa* cùng thầy rằng: năm nay con hết sức học hành và không bao giờ dám quên công phu khó nhọc thầy dạy dỗ chúng con.

Học trò kính lạy.

Nguyễn Văn...

Giải nghĩa: Mừng tuổi = mừng ai được thêm một tuổi ngày mồng một đầu năm. **Hứa** = nhận làm một việc hay nhận cho cái gì.

BÀI TẬP

Học tiếng: Mừng tuổi, chúc, viết thư.

Đặt câu: Tìm những tiếng trong bài mà đặt vào những câu sau này:

Năm mới, người ta... nhau.

Người ta... cho nhau những sự tốt lành.

Gần thì đến thăm nhau, xa thì... cho nhau.

Mừng tuổi nhau năm mới.

63 Cái cò, cái vạc, cái nông

Bài học thuộc lòng

Cái cò, cái vạc, cái nông,

Sao mà giậm lúa nhà ông, hỡi cò?

Không, không tôi đứng trên bờ,

Mẹ con cái vạc đổ gạo cho tôi.

Chẳng tin thì ông đi đôi,

Mẹ con nhà nó còn ngồi đây kia.

Ca dao



Cò, vạc, nông ở ngoài đồng

Đại ý: Bài này lấy chuyện con, cò, con vạc, con nông, mà ngụ cái ý chê người nhà quê hay có tính xấu đôi co (chối) mách lẻo.

Giải nghĩa: **Cái vạc** = cái vạc tức là con vạc, một thứ chim về loài cò, lông xám hay lốm đốm, thường đi ăn về ban đêm. **Cái nông** = một thứ chim thuộc về loài vịt, ta thường gọi là bồ nông hay bè bè, mình to bằng ba con vịt, mỏ dài và ở dưới có một cái túi để đựng cá. **Đi đôi** = đi đôi co (chối) để đối tụng.

BÀI TẬP

Học tiếng: *Đổ ngò, giậm, chẳng tin, bờ.*

Đặt câu: Tìm những tiếng trong bài mà đặt vào những câu sau này:

Người ta đắp... để giữ nước ở ruộng hoặc để phân giới hạn ruộng của mình.

Hai đứa bé kia đi bắt chuồn chuồn... cả lên ngô của người ta.

Nó nói thế mà ông... thì đi hỏi xem.

Anh kia mất cái quăn bút (cây viết), lại... cho tôi lấy.

Làm văn: Trả lời những câu hỏi sau này: *Con cò hình nó thế nào? Các anh biết mấy thứ cò? Giống cò ăn ở đâu và ăn những gì? Cò có hại gì cho ruộng lúa không?*

Ta không nên đôi co mách lẻo.

64 Chim sơn ca (chuyện chuyện)



Chim sơn ca

Chim sơn ca là một thứ chim ở ngoài đồng, mình và lông gần giống như chim sẻ, nhưng mỏ dài và chân nhỏ hơn.

Chim sơn ca là giống chim hay hát, nhất là về mùa xuân. Thường thường nó vừa bay, vừa hát, càng bay cao, giọng càng *véo von*. Tiếng hát to, có khi nó bay thật cao, trông không thấy, mà vẫn nghe tiếng hát. Khi không bay thì đậu ở dưới đất, chứ không *đậu* trên cành cây mà những lúc đậu ở dưới đất, thì không hát bao giờ.

Người ta thường nuôi chim sơn ca để nghe nó hát; song nuôi nó thì công phu lắm, và phải bắt từ khi mới nở thì mới nuôi được.

Giải nghĩa: *Véo von* = cao giọng mà nghe hay. *Đậu* = đứng một chỗ, nói về loài chim.

BÀI TẬP

Học tiếng: *Chim sơn ca, hát, véo von, đậu.*

Đặt câu: Tìm những tiếng trong bài mà đặt vào những câu sau này:

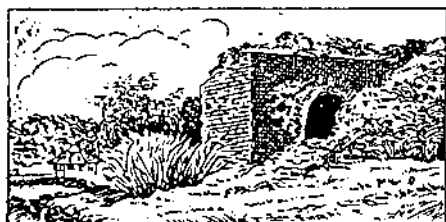
... giống như chim sẻ.

Buổi sáng ra đồng, thường được nghe chim sơn ca...

*Giọng chim họa mi nghe cũng... như giọng chim sơn ca.
Chim sơn ca... ở dưới đất chứ không đậu trên cao.*

Chim sơn ca hay hát về mùa xuân.

65 Lũy Đồng Hới



Lũy Thầy ở Quảng Bình

Lũy Đồng Hới là cái lũy chúa Nguyễn đắp lên để giữ *bờ cõi* cho quân Trịnh ở ngoài Bắc khỏi tràn vào. Lũy ấy bắt đầu từ cửa sông Nhựt Lệ đến chân núi Đầu Mâu, cao

gần 6 thước tây, dài 12 ki-lô-mét. Lũy đắp bằng đất, ngoài cắm đà bằng gỗ lim, trong có đường cho voi ngựa đi lại. Lũy ấy *kiên cố* lắm, thường quân Bắc vào đến đó là không tiến lên được nữa.

Lũy ấy tục gọi là lũy Thầy, vì người đời bấy giờ thường gọi ông Đào Duy Từ là “thầy”, mà ông Đào Duy Từ là người vẽ kiểu và trông nom việc đắp cái lũy ấy.

Giải nghĩa: *Bờ cõi* = chỗ hai nước giáp nhau. *Đà* = ván gỗ cắm xuống đất mà sát vào mặt lũy. *Kiên cố* = bền chặt, không ai phá được.

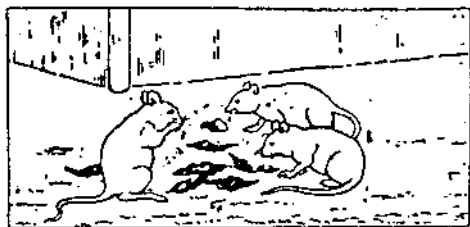
BÀI TẬP

Học tiếng: *Lũy, bờ cõi, đà, kiên cố.*

Câu hỏi: *Lũy Đồng Hới là thế nào? Tại sao người ta thường gọi lũy ấy là lũy “Thầy”?*

Lũy để giữ bờ cõi.

66 Con chuột



Ba con chuột

Con chuột, mình nhỏ, mõm nhọn, mắt to, tai rộng, đuôi dài mà *thót* (nhọn). Lông nó ngắn và mềm. Chuột ở đâu cũng có, trong nhà, ngoài đồng, vườn tược,

rừng rú. Chuột to ở dưới cống gọi là chuột cống, chuột nhỏ ở trong nhà gọi là chuột nhắt (lắt); chuột ngoài đồng gọi là chuột đồng. Nó ăn quả, ăn hạt, ăn củ, ăn cây, cắn giấy, cắn vải, cắn gỗ, cắn da, cái gì nó cũng *gặm* được. Răng chuột cứng và sắc, nên nó khoét được cả tủ và *ruong*. Lúc đói, nó cắn cả quần áo của ta nữa. Giống chuột chỉ làm hại ta và lại nguy hiểm cho ta nữa, vì nó có thể đem bệnh dịch hạch mà truyền đi mọi nơi.

Giải nghĩa: *Thót* = dài mà đuôi cuối cứ nhỏ dần mãi. *Gặm* = cắn bằng răng cửa. *Ruong* = hòm để đựng đồ.

BÀI TẬP

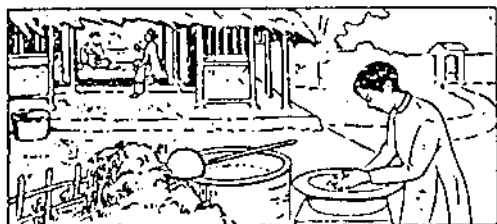
Học tiếng: *Vườn tược, rừng rú, khoét thủng.*

Làm văn: Trả lời những câu hỏi sau này: *Hình thù con chuột*

thế nào? Ở đâu có chuột? Nó ăn những gì? Muốn trừ bớt chuột đi, thì ta phải làm thế nào?

Chuột chẳng được ích lợi gì cho ta cả.

67 Ở sạch thì không hay đau mắt



Bính rửa tay

Một hôm cậu thành Bính đến chơi, đang ngồi nó chuyện thì thành Bính chạy ra nghịch đất, rồi lấy tay giụi vào mắt. Bà mẹ trông thấy mừng

rằng: “Tay mày bẩn¹ thế mà *giụi* (chùi) vào mắt. Mày lại muốn mù như thành Phác hay sao? Đi rửa ngay đi!”. Bính nghe lời mẹ, vội vàng đi múc nước rửa.

Bà mẹ lại nói: “Trẻ con ta nhiều đũa đau mắt cũng chỉ vì dơ bẩn (nhóp nhúa) thế mà thôi”. Ông cậu nói: “Phải, bệnh đau mắt nước ta nhiều thật, nhưng nghe nói rằng từ khi Nhà nước đặt ra cuộc *y tế*, các thầy thuốc tây đi chữa đã bớt nhiều”. Bà mẹ nói: “Thế là may lắm, chứ người ta còn có gì khổ bằng hư hai con mắt”.

Giải nghĩa: *Giụi* = lấy tay cọ vào mắt. *Y tế* = cuộc chữa thuốc giúp người bệnh tật.

1. Dơ.

BÀI TẬP

Học tiếng: *Vội vàng, dơ bẩn, cuộc, đỡ, hồng.*

Làm văn: Trả lời những câu hỏi sau này: *Thằng Bính chơi nghịch gì? Mẹ nó thấy vậy mừng nó thế nào? Sau lại nói chuyện gì với cậu thằng Bính?*

Ở sạch thì không hay đau mắt.

68 Lý¹ trưởng làng ta



Lý trưởng thu thuế

Lý trưởng là người của dân cử ra làm việc làng. Trong làng có việc gì ra đến Công sở, thì lý trưởng đi thay mặt dân. Công chức cao cấp có lệnh gì truyền về làng, cũng trách cứ

ở lý trưởng. Hương hội có quyết định việc gì, thì lý trưởng phải thi hành. Nhưng công việc hệ trọng nhất của lý trưởng là việc sưu thuế. Vì bao nhiêu tiền *thuế đình*, *thuế điền*, cùng một tay lý trưởng thu để đem nộp quan cả. Xem thế thì công việc lý trưởng nặng nhọc lắm.

Giải nghĩa: Thuế đình = thuế người. Thuế điền = thuế ruộng.

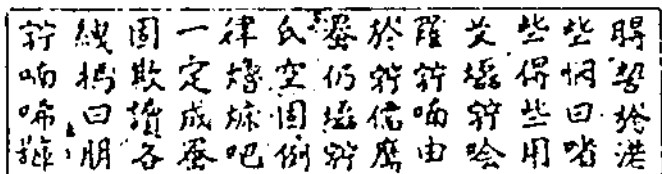
1. Lão.

BÀI TẬP

Làm văn: Trả lời những câu hỏi sau này: Lý trưởng là thế nào? Lý trưởng làm những việc gì? Công việc nặng nề nhất của lý trưởng là việc gì?

Lý trưởng là người của làng cử ra.

69 Cố Alexandre De Rhodes và việc đặt ra chữ quốc ngữ



Một trang chữ nôm

Ngày xưa, ở nước ta, muốn viết tiếng ta, thì người ta dùng một lối chữ gọi là “chữ nôm” do ở chữ nho ra. Nhưng chữ ấy khó đọc lắm.

Đến khi các ông cố đạo ở Âu châu sang nước Việt Nam, các ông ấy mới dùng những chữ cái vần *la tinh* mà đặt ra chữ “quốc ngữ” tức là chữ ngày nay trong nước ta đã *thông dụng* vậy.

Các ông cố người Pháp và nhất là cố Alexandre de Rhodes có công trong việc đặt ra lối chữ ấy lắm.

Cố Alexandre de Rhodes ở bên nước Việt Nam ngoại bảy năm.

Ông có viết nhiều sách về nước Nam, nhất là quyển lịch sử đất Bắc Việt và một quyển *tự điển* tiếng la tinh và tiếng Bồ Đào Nha. Các sách của ông là những sách in đầu tiên bằng chữ quốc ngữ.

Giải nghĩa: **La tinh** = tiếng người La Mã nói đời xưa mà là gốc tiếng Pháp, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Ý pha nho, tiếng Ý đại lợi, tiếng Bồ Đào Nha ngày nay. **Thông dụng** = dùng khắp mọi nơi trong nước. **Tự điển** = sách chép hết cả những chữ dùng trong một tiếng mà chứa nghĩa rõ ràng.

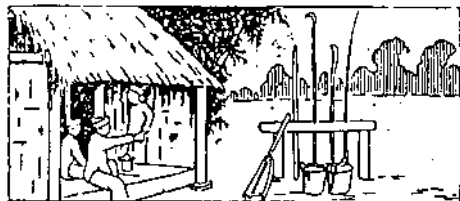
BÀI TẬP

Học tiếng: *Chữ cái, chữ la tinh, chữ quốc ngữ, quyển tự điển.*

Câu hỏi: *Ngày xưa muốn viết tiếng ta thì người ta dùng lối chữ gì? Ai đặt ra chữ quốc ngữ? Cố Alexandre de Rhodes làm gì?*

Các ông cố đạo Âu châu đặt ra chữ quốc ngữ.

70 Tuần phu



Điểm canh

Tuần phu là trai tráng trong làng cất ra để canh phòng cho dân. Hoặc họ ngồi trong điểm¹ đánh trống cầm canh, hoặc họ *đi lòng* đây đó, xó chợ, đầu

1. Nhà họ.

đình, ngoài đồng, trong ngõ, để rình bắt những kẻ gian phi, trộm cướp. Vì có tuần phu nên của cải ta để trong nhà, không sợ mất cắp, thóc lúa ở ngoài đồng không sợ gặt trộm; ngày ta được yên tâm làm ăn, đêm ta được vững dạ ngủ ngon. Thật là việc *trị an* chung cho cả dân làng, mà tuần phu phải sớm khuya khó nhọc. Có khi họ liều mình, xông vào chỗ đầu gậy, mũi dao, nguy hiểm đến nỗi phải bị thương hay là *bỏ mạng*. Vậy ta há lại không biết công cho họ ru?

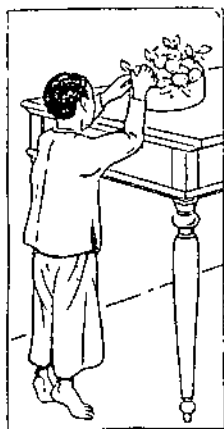
Giải nghĩa: *Đi lòng* = đi khắp mọi nơi để tìm tòi ai, hay tìm cái gì. *Gian phi* = kẻ làm điều trái phép. *Trị an* = coi sóc cho được yên ổn. *Bỏ mạng* = chết.

BÀI TẬP

Học tiếng: *Tuần phu, trai tráng, canh phòng, liều mình, nguy hiểm.*

Làm văn: Trả lời những câu hỏi sau này: *Ai canh giữ việc canh phòng trong làng? Tuần phu canh phòng ban đêm thế nào? Nếu không có tuần phu canh phòng thì ta sợ gì?*

Tuần phu là trai tráng trong làng cắt ra.



Tô lấy trộm quít

Cậu Tô thơ thần chơi một mình ở trong phòng. Bỗng cậu trông thấy có quít để trong nắp quả, trên bàn. Ôi chà! Những quả quít sao mà đồ đẹp làm cho người ta *thèm* rỏ dãi (nhỏ nước miếng)! Không sao nhịn được, Tô chạy lại, lấy một trái bóc ăn.

Chiều đến, lúc mẹ về, gọi các con lại để cho quít thì thấy mất một trái. Mẹ liền hỏi: “Đứa nào lấy quít đây?” Tô đỏ bừng mặt, cúi đầu xuống, *lặng* *lặng* một lúc, rồi thú ngay rằng: “Thưa mẹ, con.”

Mẹ mắng: “À! Thằng này ăn vụng à! Ăn vụng xấu lắm, từ giờ phải chừa đi. Tao tha cho bạn này, vì mày đã biết thú thật mà nhận lỗi.”

Giải nghĩa: **Thèm** = muốn ăn. **Lặng im** = im không nói gì.

BÀI TẬP

Học tiếng: *Thơ thần, quả tròn, thèm rỏ dãi, đỏ bừng mặt, lặng* *lặng.*

Làm văn: Trả lời những câu hỏi sau này: *Thằng Tô chơi một mình ở đâu? Nó trông thấy gì? Nó thèm rồi làm gì? Chiều đến, mẹ nó thấy mất quít, hỏi gì? Tô thú thật làm sao?*

Khi phạm lỗi, nên thú thật.



Câu cá

Những ngày nghỉ học, thỉnh thoảng tôi lại theo anh tôi đi *câu cá*. Anh tôi vác cần đi trước, tôi cầm mồi và xách giỏ theo sau. Chúng tôi thường hay câu ở các bờ ao,

những nơi có bóng mát. Khi móc mồi rồi, thả xuống ao, *phao* nổi lênh bênh. Lúc nào thấy phao động đập ấy là cá cắn. Hễ phao chìm xuống, là anh tôi giật. Mà giật được con nào, tôi bỏ ngay vào giỏ. Anh tôi câu như thế, thường hay được cá rô, cá giếc, cá trê, cá chép, bạn nào cũng được ít nhiều, có khi ăn đến hai bữa không hết.

Giải nghĩa: Câu = bắt cá bằng cần câu. **Phao** = ống lồng ngỗng hay miếng gỗ bộp, buộc vào chỉ câu để nổi trên mặt nước.

BÀI TẬP

Học tiếng: Cần câu, phao, mồi, cá rô, cá trê.

Đặt câu: Tìm những tiếng trong bài mà đặt vào những câu sau này:

Hễ thấy... động đập là cá cắn.

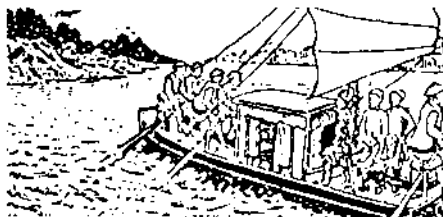
Câu cá thường lấy giun hay châu chấu làm...

... là thứ cá ở ao, bụng vàng, vẩy đen hay rạch ngược dòng nước.

... đâu có ngạch, có râu, mình không có vẩy.

Tôi theo anh tôi đi câu.

73 Vua Gia Long



Vua Gia Long lánh nạn ở Nam Kỳ

Vua Gia Long, *húy* là Nguyễn Phúc Ánh, là cháu ông chúa cuối cùng nhà Nguyễn. Chúa Nguyễn bị quân Tây Sơn giết, ngài mới họp *thủ hạ* lại, vào đánh lấy đất Nam Việt.

Nhưng sau nhà Tây Sơn mang quân vào đánh, ngài bị thua. Ngài phải trốn sang Xiêm, rồi sai con là hoàng tử Cảnh đi với ông Bá Đa Lộc sang Pháp cầu cứu.

Sau ngài lại trở về Nam Việt, đánh lấy được thành Sài Gòn. Được ít lâu thì có tàu chiến, quân, tướng và binh khí bên Pháp sang giúp. Ngài bèn tiến ra Bắc, đánh lấy thành Qui Nhơn, Huế và Hà Nội. Ngài *thu phục* được cả giang sơn nước Việt Nam, mới lên ngôi hoàng đế mà lập ra cơ nghiệp nhà Nguyễn.

Giải nghĩa: **Húy** = tên tục, cha mẹ đặt ra để gọi mình. **Thủ hạ** = người theo về với người khác, thuộc quyền người ta sai bảo. **Thu phục** = lại lấy lại.

BÀI TẬP

Học tiếng: *Thủ hạ, cầu cứu, thu phục, lập ra cơ nghiệp.*

Câu hỏi: *Vua Gia Long, sau khi chúa Nguyễn là chú ngài mất đi rồi thì ngài làm gì? Ngài phải cầu cứu nước nào? Nhờ có gì mà ngài mới đánh được nhà Tây Sơn?*

Vua Gia Long sáng nghiệp ra nhà Nguyễn.

74 Người đi cấy

Bài học thuộc lòng

Người ta đi cấy lấy công,
Tôi nay đi cấy còn trông nhiều bề:
Trông trời, **trông đất**, trông mây,
Trông mưa, trông gió, trông ngày, trông đêm.
Trông cho **chân cứng, đá mềm**,
Trời êm, bể lặng mới yên tấm lòng.

Ca dao



Thợ cấy

Đại ý: Bài này nói người làm ruộng quanh năm ngày tháng cứ phải lo lắng luôn, vì

có được mưa thuận, gió hòa thì mới được mùa và mới có đủ ăn, và mong thiên hạ được thái bình.

Giải nghĩa: Trông = mong mỏi, ao ước. Chân cứng, đá mềm = tục ngữ, ý nói được khỏe mạnh để làm công việc. Yên tấm lòng = khỏi phải lo sợ.

BÀI TẬP

Đặt câu: Tìm những tiếng trong bài mà đặt vào những câu sau này:

Người ta đi cấy thuê và đi gặt thuê để...

Người làm ruộng phải vất vả... nào cày, nào cấy, nào tát nước, làm cỏ.

Đã cấy cây mạ xuống ruộng rồi, người ta phải... được nắng, được mưa cho cây mạ chóng thành cây lúa tốt.

Làm văn: Trả lời những câu hỏi sau này: *Mạ để làm gì? Thế nào gọi là cấy? Cấy mạ xuống ruộng rồi, người ta còn phải làm những việc gì cho cây lúa chóng tốt?*

Có cày, có cấy mới có thóc gạo mà ăn.

75 Da



Lau mình

Da bọc khắp thân thể, che chở cho các cơ quan ở trong.

Da lại còn có công việc cần hơn nữa. Khi ta vận động nhiều, hay mùa nực, ta uống nước, ra nắng, thì thấy mồ hôi chảy, mồ hôi chảy, tức là đem những chất vô ích hay chất độc trong mình ra ngoài. Mồ hôi chảy là do những lỗ chân lông rải rác khắp trên mặt da.

Ta chớ để cho ghét bụi làm bít những lỗ chân lông lại. Ta phải *năng* tắm rửa cho sạch sẽ, để cho thông hơi, thì những cơ quan trong người mới khỏe mạnh.

Giải nghĩa: **Cơ quan ở trong** = là nói thịt, gân, mạch máu, v.v...
Do = bởi đó mà ra. **Năng** = luôn luôn.

BÀI TẬP

Học tiếng: *Thân thể, cơ quan, mồ hôi, chất độc, chân lông.*

Làm văn: Trả lời những câu hỏi sau này: *Da người ta làm những việc gì? Lỗ chân lông là gì? Bởi đâu mà mồ hôi chảy ra ngoài? Muốn giữ cho da sạch sẽ thì ta phải làm gì?*

Da phải giữ cho sạch.

76 Người ta cần phải vận động



Đá bóng

Người Ngô Phổ hỏi ông Hoa Đà cái cách giữ vệ sinh thể nào, ông Hoa Đà nói rằng: “Người ta phải làm lưng vận động luôn, thì ăn

uống mới dễ tiêu hóa, *huyết mạch* mới dễ *lưu thông* và bệnh tật không sinh ra được. Cái chìa khóa mà không gỉ, là vì dùng đến luôn. *Nước giữa dòng* mà không dơ bẩn, là vì chảy luôn. Người ta cũng vậy, có vận động thì mới khỏe mạnh.” Người Ngô Phổ theo lời dạy ấy. Quả nhiên, mỗi ngày một khỏe ra, và sống được ngoài chín mươi tuổi.

Giải nghĩa: **Hoa Đà** = một người chữa thuốc giỏi đời cổ. **Huyết**

mạch lưu thông = nói máu luôn trong mạch máu. **Nước giữa dòng** = nước ở giữa dòng sông.

BÀI TẬP

Đặt câu: Tìm những tiếng trong bài mà đặt vào những câu sau này:

Người ta phải... luôn thì mới được mạnh.

Khi trong mình thấy... thì nên gượng mà vận động cho khỏi.

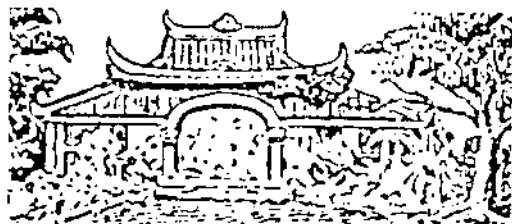
Nước ở đầm, ở ao... là vì cứ đứng một chỗ, không chảy đi đâu được.

Trẻ con phải... thì mới khỏe mạnh.

Làm văn: Trả lời những câu hỏi sau này: *Tại làm sao người ta phải vận động? Người không vận động thì phải thế nào? Tại sao mà nước chảy luôn không hồi tanh?*

Có vận động thì huyết mạch mới lưu thông.

77 Ông Bá Đa Lộc



Mả đức cha Bá Đa Lộc gần Sài Gòn

Ông Bá Đa Lộc là người Pháp. Ông sang Nam Việt để truyền đạo Thiên Chúa. Đến đây thì ông gặp vua Gia Long bị nhà Tây

Son đánh thua, đang phải trốn tránh. Ông thấy nhà vua *thế cùng lực tận*, ông bèn đi với hoàng tử Cảnh về bên Pháp cầu cứu, rồi lại sang nước ta giúp vua Gia Long khôi phục lại cơ nghiệp cũ. Ông Bá Đa Lộc *thủy chung*, đến lúc chết vẫn là một người bạn tận tâm và một người *phò tá* sáng suốt của vua Gia Long, ông theo ngài trong các trận mạc mà lại là thầy dạy hoàng tử học nữa.

Về phần vua Gia Long cũng yêu mến ông lắm. Lúc ông mất, ngài làm lễ chôn cất rất trọng thể: Nhà vua, các quan, các *hoàng thân, tôn thất* đều đi đưa cả. Lẽ ông xây gần thành phố Sài Gòn, trong khu vườn mà hồi sinh thời, ông hay chăm nom trồng trọt.

Giải nghĩa: **Thế cùng lực tận** = chỉ còn một mình, không có ai giúp, mà phải chịu nhiều nỗi khổ sở. **Thủy chung** = từ trước đến sau. **Phò tá** = người giúp việc. **Hoàng thân** = người họ gần với vua. **Tôn thất** = người trong họ nhà vua.

BÀI TẬP

Học tiếng: *Truyền đạo, khôi phục, thủy chung, phò tá.*

Câu hỏi: Ông Bá Đa Lộc là người nước nào? Ông sang bên ta làm gì? Ông có công gì với vua Gia Long?

Ông Bá Đa Lộc là một người bạn hiền
của vua Gia Long.

78 Ba thầy thuốc giỏi



Ông thầy thuốc với ba người học trò

Một ông thầy thuốc già, chữa bệnh giỏi có tiếng. Phải khi ông ốm nặng, các học trò đến châu chực, thuốc thang bên cạnh. Ông *cố giọng* nói rằng: “Lão biết mình lão đã đến ngày *tận số* rồi, nhưng lão có nhắm mắt, cũng cam *lòng*, vì lão có để lại cho đời ba thầy thuốc rất hay”. Ông nói đến đây, nhọc quá, phải nghỉ. Các thầy thuốc học trò thấy ông nói thế, đều lắng tai nghe, ai cũng nghĩ bụng, trong ba người ấy, thế nào cũng có tên mình. Ông nghỉ rồi lại nói: “Trong ba thầy thuốc ấy, thì hay nhất là thầy Sạch sẽ, thứ nhì là thầy Điều độ, thứ ba là thầy Thể thao. Sau khi thầy mất rồi, nếu các anh biết theo ba thầy ấy mà chữa cho người ta, thì *thiên hạ* khỏi được biết bao nhiêu là bệnh tật”.

Đại ý: Bài ngụ ngôn, ý nói thầy thuốc nào cũng không bằng ăn ở sạch sẽ, ăn uống điều độ, năng tập thể thao.

Giải nghĩa: *Cố giọng* = ra sức, gắng giọng mà nói, vì lúc ấy ông lang đã già yếu lắm rồi. *Tận số* = hết số, sắp chết. *Cam lòng*: thỏa lòng hả dạ. *Thiên hạ*: nói chung cả mọi người ta.

BÀI TẬP

Học tiếng: *Chầu chực, lắng tai, nghĩ bụng, thuốc thang.*

Đặt câu: Tìm những tiếng trong bài mà đặt vào những câu sau này:

Thầy yếu đau, thì học trò phải...

Thầy dạy điều gì, thì học trò phải... nghe.

Cha mẹ yếu đau, thì con cái phải... hầu hạ.

Sạch sẽ, Điều độ, Thể thao là ba thầy thuốc giỏi.

79 Phải có thứ tự



Cô Phong gấp áo

Đồng hồ đánh bảy giờ. Cô Phong *ung dung* cấp sách đi học. Trong cặp nó đã sắp sẵn đủ cả sách, vở, bút¹, mực, bút chì và những đồ dùng khác. Ở lớp học cần đến cái gì, là có ngay. Nó không bỏ quên hay để mất cái gì bao giờ.

Hết buổi học về, Phong thay áo, treo lên mắc hay xếp vào hòm (rương), rất cẩn thận. Nên quần áo của Phong lúc nào trông cũng như mới.

Cả đến những chăn², gối, ở trên giường, giày, guốc để ở dưới đất, các đồ chơi để trong rương Phong cũng thu xếp đâu vào đấy,

1. Viết. 2. Mền.

thật là *gọn ghẽ*. Nên khi dùng đến cái gì, là thấy ngay, không phải tìm (kiếm) mất công mất thời giờ. Phong là một đứa trẻ có thứ tự, ta nên bắt chước.

Giải nghĩa: **Ung dung** = ôn hòa, thư thả. **Gọn ghẽ** = cái gì cũng có một chỗ để, không bỏ bậy, bỏ bạ.

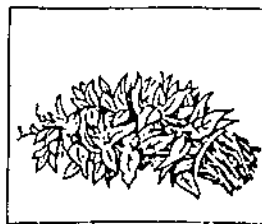
BÀI TẬP

Học tiếng: *Thứ tự, ung dung, cẩn thận, hàng lối, gọn ghẽ.*

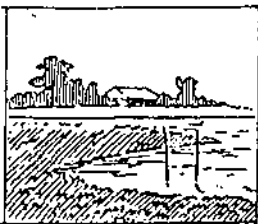
Làm văn: Trả lời những câu hỏi sau này: *Trong cặp sách cô Phong sắp những gì? Quần áo thay ra, nó treo hay xếp thế nào? Những chăn gối, giày, guốc, đồ chơi. Phong xếp đặt làm sao? Có thứ tự như Phong thì được những lợi gì?*

Đồ đạc xếp đặt có thứ tự.

80 Rau muống



Bó rau muống



Ao rau muống

Rau muống mọc ở các ao hồ là một thứ rau ta rất hay ăn. Người ta thường hái và bó nhiều ngọn với nhau, thành từng

mớ, các ngọn rau có lá, người ta nhặt¹ những lá sâu, lá úa và

1. Lặt.

bỏ những cuống (cọng) già đi, rồi đem luộc, hoặc xào, hoặc nấu canh. Xào, thì phải có mỡ và thường cho thêm tỏi. Nấu canh, thì thường nấu với tương hoặc nấu với cua đồng, *tôm he* hay sườn lợn¹. Rau muống luộc mà chấm với tương ăn cũng ngon còn nước luộc rau thì đem chan vào cơm mà ăn với cà, cũng thú vị.

Giải nghĩa: **Lá sâu** = những lá sâu bọ đã cắn dở. **Lá úa** = những lá vàng, không tươi tốt. **Tôm he** = tôm bể.

BÀI TẬP

Học tiếng: *Mọc, hái, bó, mớ, luộc, xào, nấu canh, chấm tương.*

Làm văn: Trả lời những câu hỏi sau đây: *Rau muống mọc ở đâu? Tại sao những chỗ cao, rau muống không mọc được? Người ta hái rau muống thế nào? Ăn rau muống thế nào? Xào rau làm thế nào? Luộc rau làm thế nào?*

Còn ao rau muống, còn đầy chum tương.

1. Heo.

81 Ông Phan Thanh Giản



Ông Phan Thanh Giản¹ làm *kinh lược sứ* ba tỉnh phía tây trong Nam Việt. Khi chánh phủ Pháp đánh lấy ba tỉnh ấy, ông biết rằng chống với nước Pháp không được nào, mới truyền đem thành trì ra nộp. Nhưng ông muốn tỏ lòng trung với vua và tự trị tội mình không giữ nổi tỉnh thành cho nước, ông bèn uống thuốc độc tự tử.

Chánh phủ Pháp thấy ông là một bậc vĩ nhân mà chết như thế, lấy làm cảm phục lắm, mới làm ma cho ông rất trọng thể, cho một chiếc tàu chiến đem linh cữu ông về quê ông, lúc chôn có lính tây làm lễ chào.

Giải nghĩa: *Kinh lược sứ* = quan đại thần vua cho rộng quyền cai trị một hạt. *Tự tử* = tự giết mình.

BÀI TẬP

Học tiếng: *Chánh phủ, nộp thành, cảm phục.*

Câu hỏi: Ông Phan Thanh Giản làm gì? Ông mất ra làm sao? Khi ông mất rồi thì chánh phủ Pháp làm gì cho ông?

Người Pháp làm ma cho ông Giản rất trọng thể.

1. Chú thích của Nhà xuất bản Trẻ: Phan Thanh Giản tuy đã tự tử nhưng vẫn bị triều đình bắt tội, và công hay tội ngày nay lịch sử còn chưa thống nhất quan điểm.

82 Bắp ngô



Bắp ngô

Ngoài bắp có mấy lá mỏng bao bọc, trên đầu có ít sợi, gọi là râu ngô¹. Bóc (lột) hết lá ra, thì thấy các hạt ngô xếp liền nhau, đều từng hàng. Khi *lấy* (lật) hạt đi, thì thấy cái lõi (cùi). Ngô để cả bắp, thì người ta luộc, hoặc nướng mà ăn. Bắp nào càng non bao nhiêu, thì ăn càng ngon ngọt bấy nhiêu. Ngô thật già, thì người ta lấy hạt ra, phơi khô để dành. Rồi rang bỏng, gọi là bỏng ngô², hoặc *bung dừ* (nhừ), gọi là ngô bung³, ăn cũng ngon. Có khi người ta nấu lẫn với cơm mà ăn.

Giải nghĩa: *Lấy* = tĩa hạt ở bắp ra. **Rang bỏng** = bỏ hạt ngô vào chảo hay nồi rang, rồi đun cho nó nổ và nở ra. **Bung** = nấu cho nhừ.

BÀI TẬP

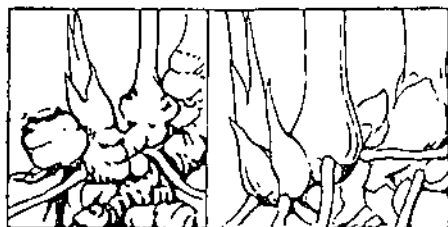
Học tiếng: *Mỏng, dày, bóc, bửa, lõi, nướng.*

Làm văn: Trả lời những câu hỏi sau này: *Ngoài bắp ngô có cái gì? Đầu bắp ngô có cái gì? Muốn ăn ngô để cả bắp, thì người ta làm thế nào? Bắp ngô dùng làm gì? Ngô muốn để lâu thì phải làm thế nào?*

Ngô nấu lẫn với cơm ăn cũng được.

1. Bắp. 2. Bắp rang. 3. Bắp nấu.

83 Gừng và riềng



Khóm riềng

Khóm gừng

Củ gừng thường có lắm *nhánh*, nhưng nhiều khi nó *vặn vẹo*, sù sì, không ra hình rạng gì cả. Nhấm nó vào lưỡi, thì thấy cay, nên người ta hay nói: “Cay như gừng”. Thế

mà gừng nấu với đường, làm thành *mứt*, ăn cũng ngon. Gừng lại dùng làm đồ *gia vị* và làm thuốc nữa. Khi đau bụng mà ăn một miếng gừng nướng, thì thấy nóng bụng và đỡ ngay.

Riềng cũng thuộc về một giống với gừng, nhưng củ nó đỏ và vị nó thì *hắc*. Riềng thường dùng để kho cá, nấu *giả cầy* và làm đồ gia vị cũng được.

Giải nghĩa: **Nhánh** = chồi mọc ở củ cải ra. **Vặn vẹo** = cong queo, không thẳng. **Mứt** = một thứ thắng với đường để ăn. **Gia vị** = thêm vị, như: cay, chua, ngọt, chát, v.v... **Hắc** = mùi xông lên mũi. **Giả cầy** = giả làm thịt chó.

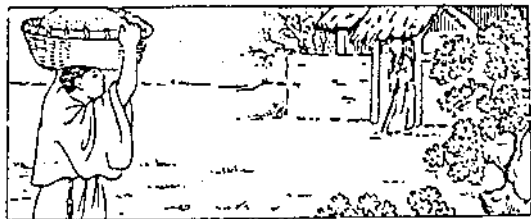
BÀI TẬP

Học tiếng: *Nhấm, cay, hắc, sù sì, nhánh gừng.*

Làm văn: Trả lời những câu hỏi sau này: *Hình củ gừng thế nào? Gừng nhấm vào mồm thì thế nào? Người ta dùng gừng làm gì? Riềng là cái gì? Người ta dùng riềng làm gì?*

Gừng thì cay, riềng thì hắc.

84 Chuyện ông Tử Lộ



Ông Tử Lộ đội gạo

Ông Tử Lộ, xưa nhà nghèo, phải đi đội gạo để lấy tiền nuôi cha mẹ. Vậy mà lúc nào ông cũng lấy làm vui vẻ trong lòng,

vì có thể thì con mới tỏ hết lòng hiếu với cha mẹ.

Về sau, ông chịu khó học tập, thành người có danh vọng, khi được đi làm quan, thì cha mẹ đã *khuất núi cả*. Nên tuy là sang trọng giàu có, mà lúc nào ông cũng có ý buồn rầu nghĩ ngợi. Ông thường phàn nàn, tiếc rằng không còn cha mẹ, để lại đội gạo, lấy tiền nuôi nấng như khi xưa.

Ông Tử Lộ là một bậc *hiền triết* thuở xưa, ăn ở với cha mẹ được hiếu thảo như thế, ta há chẳng nên trông đó mà bắt chước hay sao! Lúc cha mẹ còn, ta phải dốc lòng thờ phụng cho hết đạo làm con.

Giải nghĩa: *Khuất núi* = mất rồi. *Hiền triết* = người đức hạnh tốt và học vấn rộng.

BÀI TẬP

Học tiếng: *Đội gạo, khuất núi, buồn rầu, hiền triết, thờ phụng.*

Làm văn: Trả lời những câu hỏi sau đây: *Ông Tử Lộ xưa nuôi cha mẹ làm sao? Lúc ông làm nên thì cha mẹ ông thế nào? Ông than tiếc thế nào?*

Con phải hết lòng thờ phụng cha mẹ.

85 Giặc khách ở Bắc Việt



Quân Cờ đen

Về đời vua Tự Đức, có những bọn giặc khách gọi là Cờ đen và Cờ vàng tràn sang Bắc Việt ta, đi đến đâu phá hại dân sự, đốt cháy làng mạc, **bắt hiếp** đàn bà con gái đến

đấy. Chúng tàn phá đến nỗi ngày nay, nói đến chúng mà dân sự vẫn còn khiếp sợ. Lại thêm những quan trộm cướp **bắt lương** trong nước **nhập đảng** với chúng nữa. Đang khi ấy thì có những “giặc tàu ô” quấy nhiễu ngoài ven biển xứ Bắc Việt và tàn phá những làng mạc vùng đó. Mãi đến lúc nước Pháp đặt cuộc bảo hộ, cho quân lính đi **đẹp**, giặc mới tan mà trong nước trước bị loạn lạc mãi bấy giờ mới được yên.

Giải nghĩa: **Bắt hiếp** = bắt đem đi mà làm cho khổ sở. **Bắt lương** = có tính hung ác. **Nhập đảng** = theo làm một bọn. **Đẹp** = đánh đuổi cho đến cùng.

BÀI TẬP

Học tiếng: *Giặc Cờ đen, Cờ vàng, quân tàu ô, bắt hiếp, tàn phá, đẹp.*

Câu hỏi: *Đời vua Tự Đức, xứ Bắc kỳ phải những nỗi khổ gì? Những bọn giặc ấy bao giờ mới đẹp tan, mà nhờ có ai mới đẹp được?*

Giặc khách tàn phá các làng.

86 Phải bạo dạn mới được



Thằng Ba hoảng sợ

Thằng Ba vào giường ngủ. Đèn đuốc tắt cả rồi. Ba hoảng sợ kéo chăn¹ trùm kín mít. Một lát, vừa mở chăn ra, Ba kêu lên một tiếng: “Ôi chao! Có người đứng rình ven tường!”. Bà mẹ nghe tiếng, vội vàng cầm đèn chạy vào hỏi: “Cái gì thế, cái gì mà kêu thế?”.

- Ôi chao! Có người.

- Người đâu? Đâu nào?

Ba ngổm² dậy, trở vào tường, thì ra chỉ có cái áo treo ở đấy. Lúc bấy giờ Ba mới *hoàn hồn*.

Bà mẹ vừa cười vừa nói: “*Rõ sợ hãi sợ huyền*. Con trai đâu mà nhút nhát như vậy!”

Ba lấy làm xấu hổ, lại nằm xuống ngủ.

Giải nghĩa: *Hoảng sợ* = thốt nhiên sợ ở đâu đến. *Hoàn hồn* = lúc sợ như mất hồn đi rồi tỉnh lại. *Sợ hãi sợ huyền* = sợ cái không đáng sợ.

1. Mền. 2. Xổm.

BÀI TẬP

Học tiếng: *Hoảng sợ, trùm kín, ngổm, hoàn hồn, hão huyền, nhút nhát.*

Làm văn: Trả lời những câu hỏi sau này: *Thằng Ba đi ngủ sao mà hoảng sợ? Lúc sợ, nó tưởng tượng trông thấy gì? Mà thật là cái gì? Các anh đọc bài này, cho thằng Ba là thế nào?*

Người ta phải bạo dạn mới được.

87 Chuyện Sơn Tinh, Thủy Tinh



Sơn Tinh, Thủy Tinh
đánh nhau

Tục truyền rằng vua Hùng Vương thứ mười tám có người con gái rất đẹp. *Sơn Tinh* và *Thủy Tinh* đều muốn hỏi làm vợ.

Hùng Vương hẹn ai đem đồ lễ đến trước, thì gả cho. Sáng hôm sau, *Sơn Tinh* đến trước, lấy được vợ đem lên núi.

Thủy Tinh đến sau, tức giận lắm, bèn làm mưa to gió lớn, rồi dâng nước lên đánh *Sơn Tinh*.

Sơn Tinh ở trên núi, hễ nước lên cao bao nhiêu thì lại làm núi cao bấy nhiêu. *Thủy Tinh* đánh mãi không được, phải rút về. Nhưng từ đó về sau, năm nào *Sơn Tinh* và *Thủy Tinh* cũng đánh nhau một lần. Khi hai bên đánh nhau thì trời mưa, nước sông lên *mênh mông* làm hại cả đồng điền.

Đại ý: Nhân vì ở nước ta năm nào cũng có nước lũ xuống, ngập

cả đồng bằng, và lại hay có mưa gió, người ta không hiểu tại lẽ gì, cho nên bịa đặt ra chuyện này.

Giải nghĩa: **Son Tinh** = thần trên núi. **Thủy Tinh** = thần dưới nước. **Mệnh mông** = lai láng khắp cả mọi nơi.

BÀI TẬP

Học tiếng: *Mệnh mông, dăng, đồng điền.*

Đặt câu: Tìm những tiếng trong bài mà đặt vào những câu sau này:

Mùa mưa, ngoài đồng... những nước.

Thủy Tinh... nước lên đánh Sơn Tinh.

Trời nắng lắm... khô khan cả.

Trời nắng thì trời lại mưa.

88

Anh em phải hòa thuận

Nhà kia có hai anh em hay ganh tị, thường cãi nhau luôn. Người cha thấy thế, mới bảo rằng: “Các con nghe câu chuyện này: Một hôm tay trái thấy tay phải¹ việc gì cũng tranh lấy mà làm. Mới đem lòng ganh tị và sinh sự cãi nhau. Hễ tay phải cầm cái gì, là tay trái giựt lại. Rồi hai tay đánh đập nhau, đến nổi cùng bị đau cả. Lúc ấy, đầu mới bảo hai tay rằng: ‘Chúng bay là anh em chung một máu mủ, chúng bay không biết rằng đũa nọ làm đau đũa

1. Mặt.



Cha kể chuyện
cho hai con nghe

kia, tức là làm đau cả mình ư? Và khi anh em đánh nhau như vậy, thì mất cả công việc, còn làm ăn gì được? Chúng bay không nên đánh đập nhau, phải hòa thuận với nhau.’

Các con ơi, các con cũng như hai bàn tay trong chuyện này. Các con phải biết nhường nhịn nhau và thương yêu nhau mới được.”

Giải nghĩa: Sinh sự = bày chuyện để gây mối cãi nhau, đánh nhau. Hòa

thuận = hòa là êm đềm; thuận là nhường nhịn.

BÀI TẬP

Học tiếng: *Tay trái, tay phải (tay mặt), sinh sự, ganh tị, chung một máu mủ, hòa thuận, thương yêu.*

Làm văn: Trả lời những câu hỏi sau này: *Tại làm sao hai anh em cãi nhau? Một hôm cha kể chuyện gì cho hai anh em nghe? Hai bàn tay cãi nhau thế nào? Rồi sinh ra làm sao? Đầu thấy bảo gì? Ý bài này muốn dạy ta gì?*

Anh em như thể chân tay.



Thằng Canh đánh con chó dại

Một hôm thằng Canh đang chăn bò ngoài bãi cỏ, bỗng chốc nó nghe tiếng lũ trẻ chơi gần đấy kêu ầm lên. Nó ngoảnh lại thì thấy một con chó dại đang đuổi cắn. Thằng Canh sẵn gậy cầm tay, liền chạy lại đánh, thì con chó *chồm* lên cắn phải tay nó. Nó hăng lên *phang* vào đầu con chó mấy cái thật mạnh, thì con chó chết ngay.

Đoạn nó đánh bò về nhà, kể chuyện lại, cha nó liền đem nó vào *nhà thương* để chữa. Được ít lâu thì nó khỏi.

Ấy là nhờ có ông *bác sĩ* người Pháp là Pasteur đã tìm ra được thứ thuốc chữa bệnh chó dại, thì những người bị chó dại cắn mới chữa được, chứ như trước đã bị chó dại cắn, thì mấy khi sống.

Giải nghĩa: *Chồm lên* = nhảy xổ lên. *Phang* = cầm gậy đánh cho thật mạnh. *Nhà thương* = nhà chữa bệnh. *Bác sĩ* = người học thông thái.

BÀI TẬP

1. Điện.

Làm văn: Trả lời những câu hỏi sau này: *Thằng Canh chăn bò ở đâu? Nó nghe thấy gì? Tại sao con chó dại cắn phải tay nó? Cha nó đem nó đi đâu? Ai tìm ra được thuốc chữa bệnh chó dại?*

Ông Pasteur là một người có công với nhân loại.

90 Nước có trị thì dân mới an



Làm ăn yên ổn

Nước ta thuở xưa thường hay loạn lạc. Những quân gian phi nhân dịp quấy nhiễu, cướp phá mọi nơi, bắt người lấy của, đốt cửa đốt nhà, tàn

hại lương dân. Bây giờ không thế nữa, đâu đấy được yên ổn, ai nấy đều vui lòng mà làm nghề nghiệp mình. Được như thế, là nhờ pháp luật *ng nghiêm minh* định việc *quan phòng* cẩn mật.

Đâu đâu cũng vậy, trong nước có *yên trị* thì nhân dân mới được yên nghiệp mà làm ăn và mới phú cường được.

Giải nghĩa: **Ng nghiêm minh** = nghiêm là nghiêm ngặt, không dung túng, minh là rõ ràng, công bình. **Quan phòng** = canh giữ. **Yên trị** = được yên ổn, thái bình.

BÀI TẬP

Học tiếng: *Gian phi, quấy nhiễu, cần mật, yêu nghiệp, phú cường.*

Làm văn: Trả lời những câu hỏi sau này: *Nước ta thời xưa hay thế nào? Quân gian phi quấy nhiễu người ta thế nào? Bây giờ nước ta thế nào? Một nước muốn được thịnh vượng thì phải thế nào?*

Nước có trị thì dân mới an.

91 Đền Ngọc Sơn ở Hà Nội



Đền Ngọc Sơn

Ở Hà Nội có cái cảnh đẹp là cảnh đền Ngọc Sơn ở giữa hồ Hoàn Kiếm. Đền này làm từ đời nhà Hậu Lê, trên một cái gò (cồn) nổi lên ở giữa hồ. Người đi lại phải qua một cái cầu bằng gỗ. Ở ngoài đường đi vào, về bên trái, có một cái núi, người ta đắp lên và có xây một cái *tháp* vuông, ở trên ngọn có cái ngòi bút¹ đề là: “bút tháp”. Vào đến gần cầu, ở trên cái cửa tò vò có cái nghiên đá, đề là:

1. Viết.

“nghiễn đài”. Vì đền Ngọc Sơn thờ Văn Xương đế quân là một vị thần coi việc văn học, cho nên mới xây những nghiên bút như thế.

Trước cửa đền có cái nhà *thủy tạ*, gọi là “Trấn ba đình” giữa có dựng cái *bia đá* để ghi sự tích cái đền ấy. Đến mùa viêm nhiệt, người ta thường hay ra đây hóng mát và ngắm phong cảnh, thật là có bề thanh thú lắm.

Giải nghĩa: **Tháp** = cột xây bằng đá hay bằng gạch, ở chỗ đền chùa. **Thủy tạ** = nhà làm ở giữa hồ. **Bia đá** = một tảng đá người ta dựng lên, rồi khắc chữ vào để ghi nhớ sự tích gì.

BÀI TẬP

Đặt câu: Tìm những tiếng trong bài mà đặt vào những câu sau này:

Qua sông, qua hồ thì người ta hay bắc...

Ở trước cửa đền Ngọc Sơn có... và...

Ở trước đền có cái nhà... người ta thường ra đây hóng mát.

Đền Ngọc Sơn là chỗ có... thanh thú lắm.

Đền Ngọc Sơn là một cảnh đẹp ở Hà Nội.

92 Thành phố Sài Gòn



Bến Sài Gòn

Sài Gòn là *hải cảng* to nhất ở xứ Đông Dương. Thành phố ấy ở trên bờ sông Sài Gòn, có hai cái lạch chảy hai bên, có đường sắt, đường bộ và nhất là đường thủy, tức

các nhánh sông Cửu Long (Mekong), sông Đồng Nai và nhiều những *kênh*, ngòi, làm giao thông với các tỉnh khác và xứ Cao Mên nữa. Có rất nhiều những tàu, sà lan và các thuyền chở thóc lúa ở khắp xứ Nam Việt về Chợ Lớn, mang lên các nhà máy gạo để xay, giã, rồi lại chở sang bến Sài Gòn để *xuất cảng*. Ở ngoài bến thì có tàu biển chạy ra Bắc Việt, sang Tàu, Nhật, Xiêm, Phi Luật Tân, Nam Dương quần đảo, sang Pháp và các nước khác bên Âu Châu.

Giải nghĩa: **Hải cảng** = chỗ cửa bể người ta sửa sang cho tàu bè có chỗ đậu. **Kênh** = sông người đào ra. **Xuất cảng** = từ trong nước chở đi nước khác.

BÀI TẬP

Học tiếng: *Hải cảng, giao thông, sà lan, xuất cảng.*

Câu hỏi: *Có gì làm cho thành phố Sài Gòn giao thông với mọi tỉnh khác và xứ Cao Mên? Sản vật gì xuất cảng ở Sài Gòn nhiều nhất? Ở Sài Gòn có những tàu chạy đi đâu?*

Sài Gòn là hải cảng to nhất ở Đông Dương.

93 Không đánh đáo



Đá cầu chuyền

- Đi đánh đáo đi.
- Không, không đánh đáo.

Cậu Phái rủ cậu Tư không được, mới bảo rằng:

- Sao lại không đánh? Mày không có tiền à? Có muốn vay, tao cho vay.

Tư đáp:

- Tao không có tiền thật, mà tao cũng không muốn vay. Tao đã bảo tao không đánh đáo mà.

- Ừ, thế tại làm sao?

- Tại tao đánh không hay. Thua thì mất tiền của mẹ cha, mà được thì cái tiền ấy cũng *vào kẹp bánh hết*. Mày có *đá cầu chuyền* (đá kiện) chơi, thì tao đá với mày thôi. Tao sẵn có quả cầu đây.

Phái nghe, bằng lòng chơi đá cầu với Tư, thôi không đánh đáo nữa.

Giải nghĩa. Vào kẹp bánh = ý nói đem tiền đi mua kẹp bánh cả.
Đá cầu chuyền = lấy chân hay tay đá quả cầu sang để cho người khác đỡ mà đánh lại.

BÀI TẬP

Học tiếng: *Đánh đáo, đá cầu, thua, được, vay.*

Làm văn: Trả lời những câu hỏi sau này: *Thằng Phái rủ thằng Tư làm gì? Đánh đáo ăn nhau gì? Tư không đánh đáo và nói lại làm sao? Sau đó hai thằng chơi gì với nhau?*

Cờ bạc là bác thẳng bần.

94 Tiếng động ban đêm



Đêm nằm khó ngủ

Một đêm nằm mãi không ngủ được, tôi lắng tai nghe những tiếng động ở nhà.

Ở dưới giường, *con* một nghiêng gối kèn kẹt như người đưa vông.

Ở đầu giường, cạnh cái tủ, chuột chạy sột sạt (rọt rẹt) đưa cạnh mình, muỗi kêu vo vo. Thỉnh thoảng lại nghe tiếng con mồi (thần lẩn) bắt mồi. Con *nắc nể* bay xè xè bên vách.

Không những ở trong nhà, mà ở ngoài cũng có tiếng động. Cạnh nhà, gió thổi vào những tàu lá chuối, nghe như mưa; ngoài vườn, tiếng *dế* kêu ri rí. Trời mới mưa các chỗ trũng (hũm) đầy nước cả, nên cóc và ếch, nhái, đều kêu inh ỏi (vang). Xa xa, thì nghe tiếng chó sủa trắng.

Giải nghĩa: **Lắng tai** = cố hết sức nghe. **Con mọt** = con sâu ăn gỗ. **Nắc nẻ** = một thứ côn trùng về loài bướm, cánh nhỏ, mình to và có lốm phẩn. **Đế** = một thứ côn trùng có cánh, có càng hay ở lỗ, ở bãi cỏ.

BÀI TẬP

Đặt câu: Tìm những tiếng trong bài mà đặt vào những câu sau này:

Bạn... nghe thấy nhiều tiếng động.

Con... nghiêng gỗ kèn kẹt.

Mưa xong thì... kêu inh ỏi.

Đêm tháng năm chưa nằm đã dậy.

95 Gió



Cơn gió

Không khí trên mặt đất *chuyển động* luôn, không lúc nào đứng yên. Không khí *chuyển động* là vì nóng lạnh khác nhau. Không khí nóng thì nhẹ, lạnh thì

nặng. Nhẹ thì bốc lên, nặng thì chìm xuống. Bởi thế cho nên chỗ nào không khí nóng bốc lên, thì không khí lạnh đổ xô lại, để bù vào chỗ khuyết. Cũng như ở trong nhà đốt lửa thì hơi nóng theo

ống khói mà bay lên, hơi lạnh ở ngoài theo khe cửa mà luồn vào. Ở trên mặt *địa cầu* cũng vậy, không khí ở chỗ nóng bốc lên ở chỗ lạnh hay chạy lại. Không khí chuyển động như thế tức là gió.

Giải nghĩa: Không khí = khí trời ở trên không. Chuyển động = chạy đi chạy lại luôn, không đứng yên. **Địa cầu** = trái đất.

BÀI TẬP

Đặt câu: Tìm những tiếng trong bài mà đặt vào những câu sau này:

Người nào ở trong... cũng như cá ở dưới nước.

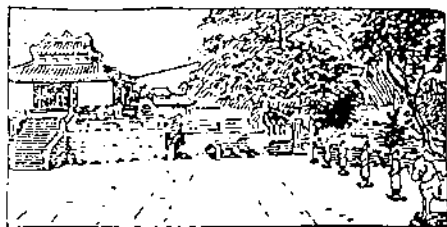
Mưa lạnh thì gió ở ngoài theo... mà vào trong nhà.

Gió là không khí... chỗ nọ ra chỗ kia.

Làm văn: Trả lời những câu hỏi sau này: *Tại làm sao mà có gió? Tại làm sao mà thành ra gió to? Gió là không khí... chỗ nọ ra chỗ kia.*

Cây muốn lặng, gió chẳng dừng.

96 Các lăng tẩm ở Huế



Lăng ở Huế

Cách kinh thành Huế một ít, ở trên bờ sông Hương có những *lăng tẩm* của vua nhà Nguyễn.

Muốn vào đấy thì phải đi qua những con đường rộng hai bên giống

(trồng) cây to, những cái sân rất rộng hai bên có tượng đá tạc hình các quan văn, võ, voi, ngựa đứng chầu, rồi trèo lên những bậc thềm đá hai bên có rồng chạy, những đợt bậc cao bày những cái thống lớn; lại đi qua những cái cửa bằng đồng, những cái cầu bắc qua hồ, ao, dưới thả sen. Cứ thế mà đi, thì trước đến chỗ bi đình, trong dựng bia kể sự nghiệp vua, rồi đến điện thờ ngài, rồi sau mới đến mộ có cây cối *um tùm*, không biết quan quách chôn ở nơi nào cả.

Giải nghĩa: **Lăng tẩm** = mộ vua, xây rất đẹp đẽ. **Bi đình** = nhà, trong có dựng bia. **Um tùm** = xanh tốt, rậm rạp.

BÀI TẬP

Học tiếng: *Lăng tẩm, bậc bậc, bi đình, điện, quan quách.*

Câu hỏi: *Lăng các vua nhà Nguyễn ở đâu? Chỗ cốt yếu ở lăng là gì?*

Lăng tẩm ở trong Huế.



Phố lò rèn

Ở Đông Dương có nhiều công nghệ. Nghề làm đồ đồng, đồ gỗ, đồ thêu, đồ cẩn, đồ sơn và nghề dệt các thứ tơ lụa đều có vẻ thịnh vượng. Nghề làm nồi, làm bát, chiếu, làm mật, làm đường đã có nhiều nơi *phát đạt* lắm. Nhưng xưa nay, các công nghệ của ta có cái thói lạ, là nhiều nơi có nghề gì riêng, thì cố giữ, không cho nghề ấy lọt ra ngoài. Mỗi nghề lại thờ một ông thánh sư, là người đã *sáng lập* ra nghề ấy. Ở chỗ thành thị cũng vậy, ai làm nghề gì, hay buôn bán thứ gì thường ở chung với nhau một phố, như phố hàng sắt, hàng đồng, hàng giấy, hàng lọng, v.v... Cái thói giữ riêng từng nghề như thế, thì ngày nay đã mất dần đi rồi, nhất là ở chỗ *thành thị*, các phố xá không chia từng nghề như trước nữa.

Giải nghĩa: **Phát đạt** = thịnh vượng, càng ngày càng hơn. **Sáng lập** = khởi đầu lập ra. **Thành thị** = chỗ có các công sở đông và có nhiều người ở buôn bán, và làm các công nghệ.

BÀI TẬP

Đặt câu: Tìm những tiếng trong bài mà đặt vào những câu sau này:

Ở làng tôi nghề dệt lụa, bây giờ... lắm.

Người ta mua ốc xà cừ về làm...

Người ta dùng cối để làm...

Làm văn: Trả lời những câu hỏi sau này: *Người dệt vải dùng những đồ gì? Thợ mộc dùng những đồ gì? Ông thánh sư là thế nào?*

Nhất nghệ tinh, nhất thân vinh.

98 Phải tuân theo pháp luật



Xử kiện

Có pháp luật, thì trong nước mới được bình yên, nhân dân mới được vui vẻ mà làm ăn. Pháp luật đặt ra là vì lợi ích chung cả mọi người, nếu

không có pháp luật thì không thành *xã hội* được.

Nhờ có pháp luật, đem pháp luật mà *thi hành*, phân xử mọi việc, trừng trị những kẻ gian phi, trộm cướp, thì *tính mệnh ta*, của cải ta, đánh giá ta, mới không sợ ai xâm phạm đến. Nhờ có pháp luật thì việc cấy cấy, việc buôn bán, và các nghề nghiệp mới được thịnh vượng, học hành mới được mở mang, đường xá mới được tốt đẹp; nói rút lại, mọi người mới được yên nghiệp làm ăn. Vậy dân trong nước, ai ai cũng phải tuân theo pháp luật.

Giải nghĩa: Xã hội = người ở quần tụ với nhau, cùng theo một lệ luật. **Thi hành** = đem ra bắt phải theo. **Tính mệnh** = đòi người.

BÀI TẬP

Học tiếng: *Bình yên, gian phi, lợi ích chung, phân xử.*

Làm văn: Trả lời những câu hỏi sau này: Ai đặt ra pháp luật? Pháp luật lợi cho những ai? Pháp luật có ích như thế nào? Nếu không có pháp luật thì ra làm sao?

Pháp luật che chở cho cả mọi người,
vậy ai cũng phải tuân theo.

99

Người đi buôn thật thà



Cửa hàng tạp hóa

Anh Thương, từ khi đậu được bằng *Việt Nam sơ học* rồi không học nữa ở nhà coi hàng giúp mẹ. Sau đi làm công cho một cửa hàng to¹, để học nghề buôn bán. Khi đã sành nghề rồi, anh ta mới về mở một cửa hàng buôn bán *tạp hóa*.

1. Tiệm lớn.

Anh ta đi buôn, biết lấy điều cẩn thận, thật thà làm đầu. Tuy thấy hàng bán chạy, có nhiều người đến mua nhưng không bao giờ anh ta giở lối *gian ngoa* để tham lấy nhiều lợi. Các bạn hàng thấy vậy, ai cũng tin bụng thật thà của anh Thương, mà đến mua rất đông. Bởi vậy cái cửa hàng¹ của anh ta *phát đạt* và thịnh vượng lắm.

Giải nghĩa: **Việt Nam sơ học** = đây là bằng của học trò đã học hết lớp sơ đẳng ra thi. **Tạp hóa** = hàng vật, đủ các thứ cần dùng của người ta. **Gian ngoa** = cách điêu đảo, giả dối. **Phát đạt** = buôn bán chạy, được nhiều lãi.

BÀI TẬP

Đặt câu: Tìm những tiếng trong bài mà đặt vào những câu sau này:

Cửa hàng anh Thương bây giờ... lắm.

Người đi buôn cần nhất phải... thì người ta mới tin.

Khách không đến mua hàng anh Ngoa nữa vì anh ấy... lắm.

Làm văn: Trả lời những câu hỏi sau này: *Buôn bán có những việc gì? Buôn bán thì cần như thế nào? Tại làm sao khách không đến hàng người gian ngoa?*

Khôn ngoan chẳng lọ thực thà.

1. Tiệm.

100 Hà Nội kinh đô mới ngày nay



Một phố ở Hà Nội

Xưa kia, về đời quốc triều ta, thành phố Hà Nội cũng đã là kinh đô nước Việt Nam rồi. Thời đó chỉ có khu thành trong là *dinh thự* các quan, ngoài thì dân sự buôn bán, phố xá chật hẹp khúc khuỷu. Từ ngày nước Pháp sang bảo hộ đến nay, thành phố ấy đã mở mang rộng rãi ra nhiều.

Ngày nay khu người bản xứ ở, thợ thuyền, buôn bán nay vẫn còn ở cùng với nhau thành từng nghề một như trước kia, nhưng đường đi đã mở rộng thêm ra, mà nhà cửa cũng đã xây thẳng hàng cho tiện đi lại và thoáng khí. Còn trong khu người Pháp ở thì có những đường rộng hai bên giống (trồng) cây to và có các nhà lầu đẹp để cùng các cửa hàng buôn trông rất *lộng lẫy*. Trong thành phố, có vườn Bách thú, dinh quan Toàn quyền, trường Cao đẳng, một nhà hát, hai *viện bảo tàng* và nhiều vườn hoa trong có tượng hoặc đài kỷ niệm làm cho quang cảnh thêm vẻ đẹp ra.

Giải nghĩa: **Dinh thự** = nhà các quan to. **Lộng lẫy** = sáng sủa, sạch sẽ mà có nhiều hàng bày trông rất đẹp mắt. **Viện bảo tàng** = nhà để chứa những đồ quý hoặc đời này hoặc đời xưa.

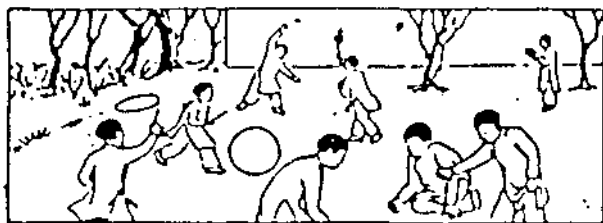
BÀI TẬP

Học tiếng: *Dinh thự, nhà lầu, cửa hàng lộng lẫy, viện bảo tàng, quang cảnh.*

Câu hỏi: *Hà Nội ngày xưa thế nào? Từ ngày nước Pháp sang bảo hộ thì thay đổi thế nào? Khu người bản xứ ở thế nào? Khu người Pháp ở thế nào?*

Trong thành phố Hà Nội có nhiều đường rộng.

101 Chơi đùa không phải là vô ích



Học trò chơi ngoài sân

Cứ đến giờ
chơi, học
trò ra cả
ngoài sân,
đùa thì
chạy nhảy,
đùa thì

đánh quay (đánh vù), chơi đùa âm ỉ, thật vui vẻ. Duy có cậu Tí cứ cầm quyển sách đọc, không chịu chơi.

Thầy giáo thấy thế đã nhiều lần, một hôm gọi cậu Tí lại hỏi. Cậu ấy thưa rằng: “Thưa thầy, con tưởng đã đi học, thì chỉ cốt chăm lo học hành, chơi đùa làm gì cho phí thời giờ”. Thầy nói: “Cũng khá khen cho con là đứa chăm học. Nhưng *miễn là* đừng lười biếng thì thôi, chứ chơi đùa chạy nhảy, cũng không phải là vô ích. Nếu con *mài miệt* học cả ngày, không nghỉ một phút nào, thì trí khôn

quần, mà thân thể cũng mỗi mệt, học sao tinh tường được. Vậy phải có học và có chơi, thì sự học mới dễ dàng và chóng tấn tới.

Giải nghĩa: **Miễn là** = cũng nghĩa như quý hồ. **Mãi miệt** = luôn với quyển sách, không lúc nào rời ra. **Quần** = bối rối, không sáng trí khôn.

BÀI TẬP

Đặt câu: Tìm những tiếng trong bài mà đặt vào những câu sau này:

Đến buổi nghỉ học, thì học trò ra chơi... cả lên.

Học mà không có lúc nghỉ chơi, thì thành ra...

Chơi đùa không phải là mất...

Làm văn: Trả lời những câu hỏi sau này: *Sao anh Tí không chơi? Học mà có chơi đùa thì có ích gì? Nếu không chơi đùa thì thế nào?*

Học hẳn ra học, chơi hẳn ra chơi.

102 Ông vua có lòng thương dân



Trăm yêu dân cũng như yêu con

Vua Thánh Tôn nhà Lý là một ông vua nhân từ, có lòng thương dân. Một năm, trời làm rét¹ lắm, vua nghĩ đến

những người tù phạm phải giam ở trong ngục, bèn bảo các quan rằng: “Trẫm ở trong cung, ăn mặc thế này mà còn rét. Những kẻ nghèo khó, những tù nhân phải trói buộc, cơm không có mà ăn, áo không có mà mặc, thì khổ sở đến đâu?”. Nói rồi truyền lấy chăn², chiếu phát cho tù. Lại có một hôm, đang buổi chiều, ông bảo các quan rằng: “Lòng trăm yêu dân cũng như yêu con trẫm vậy. Vậy từ nay về sau, tội gì cũng giảm bớt đi”.

Đại ý: Bài này trích ở sử ta. Nhà chép sử chỉ nói vua Lý Thánh Tôn tỏ lòng thương những kẻ tù phạm, mà không nói gì đến những người lương dân là có ý ngụ rằng: đến kẻ tù phạm, mà vua còn thương như thế, huống chi là những người làm ăn lương thiện. Cứ xem câu: “Lòng trăm yêu dân cũng như yêu con” thì đủ biết cái lòng nhân của ngài bao dung cả thiên hạ.

Giải nghĩa: Tù phạm = người có tội, phải giam trong ngục. Cung = nhà của vua ở. Trăm họ = dân gian, người thường dân.

1. Lạnh. 2. Mền.

BÀI TẬP

Làm văn: Trả lời những câu hỏi sau này: *Những người thế nào phải giam trong ngục? Tại làm sao phải làm tội những quân gian phi?*

Ông vua phải thương dân hơn con.

103

Mặt trời



Mặt trời mọc

Mặt trời cũng là một trái cầu tròn như trái đất ta ở, nhưng lớn hơn trái đất không biết bao nhiêu mà kể¹. Ta coi hình như bé, là

tại mặt trời xa trái đất vô cùng. Xung quanh mặt trời có những ngôi sao nhỏ gọi là hành tinh. Trái đất cũng là một vị *hành tinh*.

Khí nóng và ánh sáng do ở mặt trời mà ra. Ta ở trên mặt đất mà có ánh sáng và có khí nóng là nhờ ở cái khí nóng ở trên mặt trời chiếu xuống. Không có mặt trời thì trái đất đời đời tối tăm lạnh lẽo, cỏ cây không mọc được và người cũng không sống được.

1. Cái bán kính mặt trời dài hơn bán kính của trái đất một trăm lẻ chín lần.

Giải nghĩa: **Hành tinh** = ngôi sao đi quanh mặt trời.

BÀI TẬP

Đặt câu: Tìm những tiếng trong bài mà đặt vào những câu sau này:

Ở trên... thì có chỗ cao, có chỗ lõm.

Nhờ có ánh sáng mặt trời... thì ta mới có ngày có đêm.

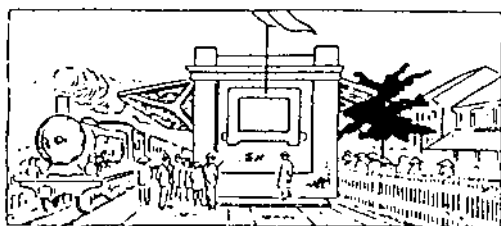
Những ngôi sao đi quanh mặt trời gọi là...

Làm văn: Trả lời những câu hỏi sau này: *Hình mặt trời thế nào? Tại làm sao ta trông thấy mặt trời bé? Mặt trời chiếu những gì xuống cho ta? Không có mặt trời thì trái đất thế nào?*

Mặt trời chiếu ánh sáng cho ta.

104

Đường xe lửa chạy suốt xứ Đông Dương



Nhà ga Đà Nẵng

Ở xứ Đông Dương, người Pháp đã đặt ra nhiều đường xe lửa để chở hành khách và hàng hóa cho chóng, hiện nay những đường ấy đã

qua những nơi giàu có và nông dân ở rồi.

Trong các đường xe lửa ấy, con đường quan trọng nhất là đường chạy suốt cõi Đông Dương, khi nào làm xong thì các nơi,

từ biên thủy nước Tàu cho đến biên thủy nước Xiêm, có thể giao thông với nhau được. Hiện nay đã làm xong được hai đoạn rồi: một đoạn về Bắc từ Na Sầm đến cửa Hàn, một đoạn về Nam từ Nha Trang đến Sài Gòn. Nhưng đợi đến khi cả đường làm xong thì có ô tô chở hành khách từ Nha Trang ra cửa Hàn và từ Sài Gòn sang Xiêm, thành thử từ Bắc vào Nam chẳng mất mấy nổi thời giờ, *đi thẳng một mạch* chỉ mất có hai ngày rưỡi mà thôi.

Giải nghĩa: **Đi thẳng một mạch** = đi luôn, không ở lại đâu lâu cả.

BÀI TẬP

Học tiếng: *đường xe lửa, giao thông.*

Câu hỏi: *Con đường xe lửa nào ở xứ ta quan trọng nhất? Đường xe lửa chạy suốt cõi Đông Dương đã làm xong được đoạn nào rồi? Còn phải làm những đoạn nào nữa?*

Đi xe lửa rất chóng.

105

Mặt trăng



Cảnh sáng trăng

Mặt trăng cũng là một trái cầu như trái đất chúng ta ở, nhưng nhỏ hơn trái đất. Mặt trăng không có khí nóng và ánh sáng. Cái

ánh sáng mà ta coi thấy ban đêm, là của mặt trăng chiếu sáng, cũng y như ánh sáng ngọn đèn giọi vào mặt gương vậy.

Mặt trăng đi xung quanh trái đất. Tính theo tháng ta thì từ ngày mỏng một, mỏng hai, lúc chập tối, chỉ coi thấy mặt trăng có cái vành sáng cong cong như lưỡi liềm, rồi dần dần¹ cái vành sáng ấy lớn ra. Đến ngày *rằm* thì sáng đủ cả mặt tròn. Từ hôm mười bảy trở đi, mãi đến khuya mới trông thấy trăng, mà mỗi ngày một *khuyết* dần² đến ngày hai mươi tám, hai mươi chín thì không thấy nữa.

Khi trăng sáng tròn đủ cả, gọi là trăng tròn; khi sáng có một phần gọi là trăng khuyết.

Giải nghĩa: **Rằm** = ngày mười lăm tháng ta. **Khuyết** = là thiếu, không đủ cả mặt tròn.

BÀI TẬP

Đặt câu: Tìm những tiếng trong bài mà đặt vào những câu sau này:

Mặt trăng thì...

Mấy hôm đầu tháng, hình mặt trăng sáng như cái...

Trăng hôm rằm thì...

Từ hôm mười bảy trở đi, thì trăng thế nào?

Mặt trăng chạy quanh trái đất.

1. Lần lần. 2. Lần.

106 Các cách đi thủy đi bộ



Xe lửa đỗ ở ga

Đời bây giờ, người ta đi lại thật lắm cách. Chẳng những đi chân, đi *cáng*, đi ngựa, như xưa thôi, lại còn đi xe tay, xe ngựa, đi thủy, thì chẳng những thuyền¹ chèo, thuyền buồm, bè mảng mà thôi, người ta lại còn đi tàu thủy, chạy bằng hơi bằng máy, rất mau nữa.

Ấy *đường bộ*, *đường thủy*, đã có lắm cách tài giỏi và mau chóng như thế, mà người ta còn cho là thường. Nên người ta lại chế ra thứ máy bay, bay bổng trên trời như chim, tàu lặn, lặn ngầm dưới nước như cá.

Giải nghĩa: *Cáng* = thứ vồng có mui che ở trên. **Đường bộ** = lối đi trên mặt đất. **Đường thủy** = lối đi trên mặt nước.

BÀI TẬP

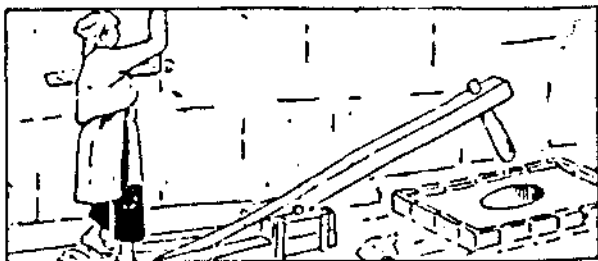
Học tiếng: *Cáng, thuyền, buồm, xe hỏa, tàu thủy, máy bay, tàu lặn.*

1. Ghe.

Làm văn: Trả lời những câu hỏi sau này: *Ngày xưa ta đi lại hay dùng những cách gì? Bây giờ đi lại dùng những cách gì?*

Đi một ngày đàng, học một sàng khôn.

107 Cối giã gạo



Gạo xay ra, phải giã cho trắng, thì mới ăn được. Giã gạo đã có một thứ cối lớn bằng đá, chôn xuống đất. Trên có cái cần lớn và dài, bằng gỗ. Một đầu cần, thì có cái chày, gọi là mỏ, bỏ xuống vừa vào giữa lòng cối. Chia ba một phần cần. Về đàng đầu kia, thì có cái *trục* suốt qua cái cần, và gối đầu vào hai súc gỗ có lỗ đục sẵn. Hai bên có hai tấm ván, gọi là bàn cối.

Gạo đã đổ vào cối, một người, hai tay *núu* vào hai cái dây treo trên mái nhà. Một chân đứng lên bàn cối, một chân đạp vào cái cần mà giã xuống, thì đầu cần gior lên. Khi nhấc chân lên, thì đầu chày rơi¹ vào cối. Cứ giã như thế độ một chốc, gạo xát hột nọ với hột kia, gióc (tróc) hết vỏ mà trắng dần² ra. Gạo giã xong,

1. Rớt. 2. Lần.

người ta đem *giần*: cắm thì cho lợn ăn, tấm thì để nấu ăn cũng như cơm.

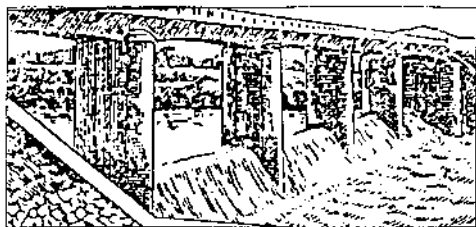
Giải nghĩa: **Trục** = then gỗ chốt ngang một cái. Có nơi gọi là cốt. **Niu** = tay nắm lấy mà vịn vào. **Gióc (tróc)** = tuột vỏ ra. **Giần** = để vào một thứ sàng mau mắt, rồi lắc cho cám và tấm rơi xuống.

BÀI TẬP

Làm văn: Trả lời những câu hỏi sau này: *Hột thóc gặt về, làm thế nào thành ra hạt gạo? Có hạt gạo rồi làm thế nào để ra hạt cơm?*

Giã gạo bằng cái cối đá to.

108 Cuộc dẫn thủy nhập điền



Máng nước

Muốn cấy lúa thì phải đem nước ở sông lạch xung quanh vào ruộng; cho được như thế thì phải làm những cuộc gọi là cuộc dẫn thủy nhập điền.

Từ ngày nước Pháp sang bảo hộ bên ta, đã làm nhiều những cuộc ấy, nhất là ở Kép, Vinh Yên, Sông Cầu ngoài Bắc Việt; ở Thanh Hóa, Phú Yên trong Trung Việt.

Cuộc lớn nhất là cuộc dẫn thủy nhập điền ở Thanh Hóa. Làm từ năm 1918 đến năm 1925 thì xong. Nhờ có cuộc ấy, những đất

trước kia bỏ hoang nay đã cấy lúa giống (trồng) bông, giống mía được mà những đất đã cày cấy này *thu hoạch* cũng khôn hơn lên được nhiều.

Giải nghĩa: **Thu hoạch** = thu các hoa màu ở ruộng đất.

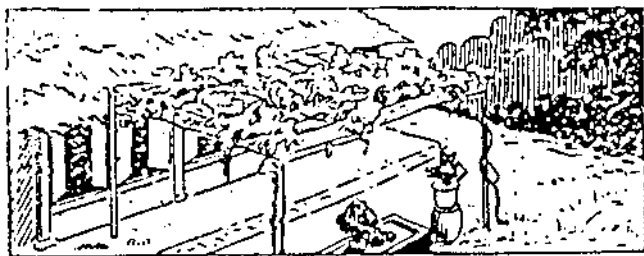
BÀI TẬP

Học tiếng: *Cuộc dẫn thủy nhập điền, thu hoạch.*

Câu hỏi: *Lúa phải có gì mới mọc được? Nếu thiếu nước thì phải làm gì? Cuộc dẫn thủy nhập điền đã làm ở Đông Dương là những cuộc nào?*

Dẫn thủy nhập điền để cấy lúa.

109 Nhà ở phải sạch sẽ và có ngăn nắp



Nhà ở sạch sẽ

Độ nọ tôi có vào chơi nhà anh Thanh, mà tôi cứ nhớ mãi đến bây giờ. Nhà anh ta chẳng lấy làm giàu có lịch sự, nhà gianh (tranh), vách đất, nhưng thật sạch từ cổng vào.

Trong nhà bày ít đồ đạc, chỉ những đồ tre gỗ *xuềnh xoàng* thôi,

nhưng cái nào cái nấy, xếp đặt có hàng lô phân minh ngăn nắp chỉnh tề. Kể từ bức tranh dán trên vách, cho đến cái khóm hoa, giàn lý trước cửa, cái gì cũng có ý nhị cả, ai ngó thấy cũng phải ưa.

Ấy thế mới biết người ta không giàu nghèo, hễ ai biết xếp đặt cho nó ngăn nắp, và biết giữ gìn cho được sạch sẽ, thì dầu ở đâu cũng vui cũng đẹp.

Giải nghĩa: Xuềnh xoàng = không có cái gì là trang hoàng lịch sự cả. Ngăn nắp = có trật tự, đâu ra đấy. Ý nhị = có vẻ đẹp con mắt và có thú vị.

BÀI TẬP

Đặt câu: Tìm những tiếng trong bài mà đặt vào những câu sau này:

Ở trong nhà cần phải có... thì trông mới đẹp.

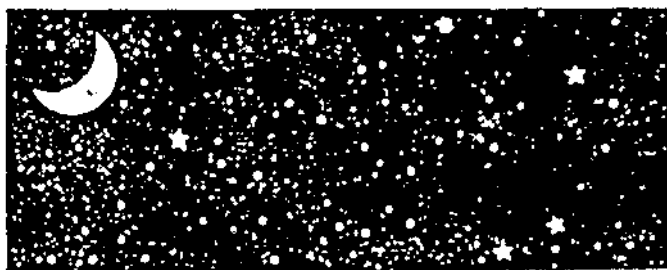
Nhà tuy ít... nhưng cái nào cái nấy xếp có trật tự.

Tôi vào nhà người anh em bạn thấy ba cái... dán trên tường.

Làm văn: Trả lời những câu hỏi sau này: *Trong nhà ở phải xếp đặt thế nào? Muốn cho chỗ của mình được vui vẻ, thì phải làm thế nào? Trữ tự thế nào?*

Nhà ở phải giữ sạch sẽ và có ngăn nắp.

110 Các tinh tú



Tinh tú

Những đêm sáng trời, ta thử ngửa mặt lên trời, mà coi, thì thấy không biết *co man* nào là những đốm sáng nhấp nháy, càng trông càng thấy nhiều. Ấy là những ngôi sao. Những ngôi sao ấy, ta trông thấy nhỏ *li ti*, nhưng chính thật thì lớn vô cùng, lớn hơn trái đất của ta hàng mấy mươi nghìn lần. To nhưng mà trông thấy nhỏ, là vì sao cách trái đất xa không biết thế nào mà kể. Mặt trời cũng là một ngôi sao nhưng mặt trời gần trái đất hơn, cho nên ta trông thấy lớn. Mặt trăng thì không phải là ngôi sao, và không to bằng mặt trời, nhưng ở gần trái đất hơn, cho nên ta trông được rõ.

Giải nghĩa: Tinh tú = tiếng nói gồm cả các sao ở trên trời. *Co man* = nhiều không thể đếm được. *Li ti* = nhỏ bằng hạt tằm.

BÀI TẬP

Đặt câu: Tìm những tiếng trong bài mà đặt vào những câu sau này:

Hôm nào trời thanh thì ta trông thấy nhiều sao... trên trời.

Sáng dậy, ánh mặt trời... vào trong buồng tôi.

... trông chói là vì nó tự sáng.

... trông không chói là vì nó chịu ánh sáng của mặt trời như trái đất vậy.

Làm văn: Trả lời những câu hỏi sau này: *Đêm ngẩng lên trời thì ta trông thấy gì? Mặt trời và ngôi sao khác nhau thế nào? Mặt trăng và ngôi sao khác nhau thế nào?*

Ban đêm sao nhấp nháy trên trời.

111 Công việc của người làm ruộng



Tát nước

Ở nhà quê, quanh năm ngày tháng, ai cũng chăm về việc cày cấy. Sớm tối lo làm ăn, hết công nọ đến việc

kia, không mấy khi được *nhàn hạ*. Khi hạt giống đã gieo xuống đất, đêm ngày mong được nắng, được mưa, cho cây mạ mọc lên, đem ra cấy vào ruộng. Ruộng cấy xong, nhưng công việc đã xong đâu. Còn phải bón phân, nhổ cỏ. Lỡ khi trời nắng khô khan, phải tát nước vào ruộng cho cây lúa được mạnh mẽ, thì rồi bông lúa hạt thóc mới được tốt đẹp. Đến khi lúa chín, gặt về, đập ra, phơi

khô. Bây giờ mới chắc được thóc gạo mà ăn. Nghề làm ruộng khó nhọc như thế, cho nên phải cần mẫn mới được.

Giải nghĩa: **Quanh năm ngày tháng** = nói cả năm lúc nào cũng thế. **Nhàn hạ** = thông thả, không phải làm lụng lo lắng gì.

BÀI TẬP

Đặt câu: Tìm những tiếng trong bài mà đặt vào những câu sau này:

Năm trời nắng nhiều quá, ruộng nương... hết cả.

Người ta ngâm thóc cho có mầm rồi mới đem... xuống ruộng.

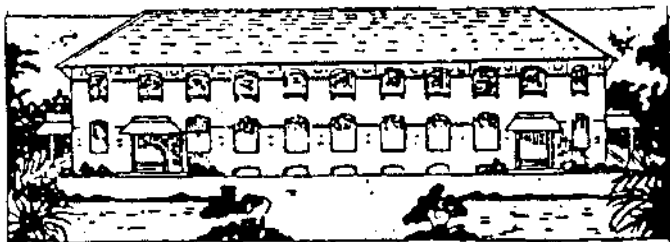
Thóc để làm... thì phải chọn những hạt tốt.

Ruộng khô hết nước thì phải... vào.

Nghề làm ruộng phải cần mẫn lắm.

112

Viện Pasteur



Viện Pasteur ở Sài Gòn

Có lắm bệnh như bệnh dịch hạch, bệnh tả, bệnh chó dại, bệnh lao, do những con *sinh vật* rất nhỏ, mắt không trông thấy được,

gọi là *vi trùng*, mà phát ra. Muốn trị các bệnh ấy, trước phải tìm xem giống vi trùng nào gây nên, rồi mới tìm thuốc hoặc để phòng, hoặc để chữa. Nay tìm được như thế là nhờ có một nhà khoa học đại tài người Pháp tên gọi là Pasteur. Chính ông đã tìm ra vi trùng bệnh chó dại và thuốc trị bệnh ấy; nhờ khoa học mới theo *phương pháp* của ông mà tìm ra vi trùng những bệnh khác. Các ông ấy làm việc trong những sở người ta lấy tên nhà khoa học Pasteur mà đặt ra viện Pasteur.

Ở Đông Dương nay có ba viện Pasteur: một viện ở Sài Gòn, một viện ở Nha Trang, một viện ở Hà Nội.

Giải nghĩa: **Sinh vật** = tên gọi những giống biết ăn, biết uống, hoặc vận động được, hoặc không, nhưng sinh sản được mà có sống có chết. **Vi trùng** = những con trùng nhỏ. **Phương pháp** = cách thức mình phải tuần tự theo làm một công việc gì.

BÀI TẬP

Học tiếng: Sinh vật, phương pháp, phòng bệnh.

Câu hỏi: *Ai tìm thấy ra những vi trùng bệnh? Ở Đông Dương có những viện Pasteur nào?*

Ông Pasteur là một nhà khoa học đại tài.

113 Nghỉ hè



Nhà trường khi nghỉ hè

Trời nóng nực khó chịu. Học nhiều, nghĩ lắm, sợ đuối sức và mệt trí, nên vào khoảng mấy tháng hè, từ *trung tuần* tháng sáu

đến đầu tháng chín tây, thì các trường đều đóng cửa.

Tuy vậy, người học trò tốt không *lấy nê*¹ rằng nghỉ mà xao nhãng sự học. Mỗi ngày cũng phải *ôn tập* lại các bài trong một giờ, thì mới không quên được những điều đã học. Có thể thì năm sau vào trường mới hòng có đủ sức mà ganh (tranh) đua với chúng bạn.

Giải nghĩa: *Trung tuần* = khoảng mười ngày vào giữa tháng. *Lấy nê* = nhấn một việc gì mà làm một việc khác. *Ôn tập* = học tập lại những bài cũ. *Hòng* = mong đợi.

BÀI TẬP

Học tiếng: *Nóng nực, đuối sức, mệt trí, trung tuần, lấy nê, xao nhãng, ôn tập, hòng, ganh đua.*

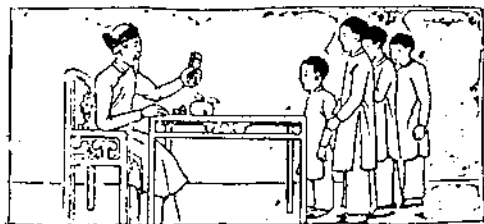
Làm văn: Trả lời những câu hỏi sau này: *Mùa nóng bắt đầu từ độ nào? Các trường nghỉ hè vào khoảng từ tháng mấy đến tháng*

1. Cố.

mấy tây? Là từ tháng mấy đến tháng mấy ta? Khi nghỉ hè các anh phải ôn bài làm sao?

Học hành không nên xao lãng bao giờ.

114 Ông già với bốn người con



Một ông lão làm ruộng có bốn người con trai. Một hôm, ông gọi cả bốn người lại trước một cái bàn, trên để một bó đuă

và một túi bạc. Ông bảo rằng: “Hễ đứa nào *bẻ* gãy được bó đuă này, thì ta cho túi bạc.”

Bốn người con, mỗi người thử một lượt, không ai *bẻ* được. Ông già bèn cõi bó đuă ra, *bẻ* từng chiếc một, thì *bẻ* gãy như chơi. Các con nói rằng: “Nếu *bẻ* cái một thì chẳng khó gì.”

Người cha bảo: “Này các con, như thế thì các con biết rằng: muốn có sức mạnh thì phải *hợp quần*. Khi ta chết rồi, thì các con phải nhớ đến chuyện bó đuă này. Các con phải thương yêu nhau, đùm bọc lấy nhau, thì mới đủ thế lực mà đối với người ngoài”.

Giải nghĩa: *Bẻ* = lấy tay uốn cho gãy. **Hợp quần** = nhiều người xum họp với nhau.

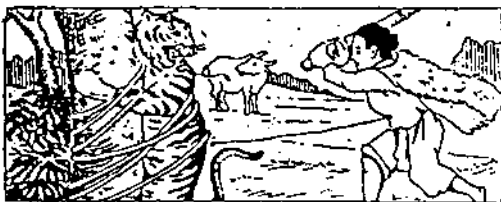
BÀI TẬP

Học tiếng: *Bể, hợp quần, bó.*

Làm văn: Trả lời những câu hỏi sau này: Ông già gọi bốn người con đến đâu? Ông nói gì? Tại làm sao những người con lại không bể được dừa? Ông già bể thế nào? Ông dặn các con những gì?

Muốn có sức mạnh, thì phải hợp quần.

115 Người khôn hơn loài vật



Người đi cày đánh con cạp

Ngày xưa, có một người đi cày đánh đập con trâu thế nào cũng phải chịu. Con cạp ngồi trên bờ, nom thấy mới hỏi trâu rằng: “Trâu kia, mày to lớn nhường ấy, sao mày để nó đánh đập như thế?”. - Trâu nói: “Nó bé nhưng trí khôn nó lớn”. Cạp lấy làm lạ, không biết trí khôn thế nào, mới bảo người rằng: “Người kia, trí khôn của mày ở đâu, cho tao xem?”. - Người nói: “Trí khôn tôi để ở nhà”. - “Mày về lấy đi”. - “Tôi về, rồi ông ăn mất trâu của tôi thì sao? Ông có thuận để cho tôi trói ông lại, tôi về lấy cho ông xem”.

Cạp muốn xem, thuận để trói. Trói xong, người lấy *bấp cày*

(ính cày) đánh mải, bảo rằng: “Trí khôn tao đây!”. Vậy mới biết: mạnh *chẳng* tày khôn.

Giải nghĩa: **Cọp** = giống ác thú ở trên rừng, hay bắt người và các loài vật khác mà ăn. Người ta còn gọi là hổ, hùm, beo, kễnh khái v.v... **Trí khôn** = cái trí để người ta biết cái hay, cái dở, cái phải, cái trái. **Bắt cày** = đoạn tre dài nối vào cái cày cho trâu bò kéo. **Chẳng tày** = không bằng.

BÀI TẬP

Đặt câu: Tìm những tiếng trong bài mà đặt vào những câu sau này:

Con trâu thì... mà không có trí khôn.

Người ta sai khiến được các loài vật là bởi có...

Hôm qua mấy người đánh bắt được...

Mạnh dùng sức, yếu dùng chước.

116 Trường đại học



Trường Cao đẳng ở Hà Nội

Ngày nay Nhà nước đã mở ra nhiều trường để dạy cho ta nhiều điều *thường thức*, mà ở đời này ai cũng cần phải biết. Năm 1917 thì mở ra một trường dạy về bậc cao đẳng;

đó là trường Đại học Đông Pháp. Trường Đại học nay cả thầy có 7 trường, mỗi năm sinh viên thi đỗ ra, làm y sĩ, như những y sĩ ta thường thấy ở các *bệnh viện* Đông Pháp - làm thú y chữa bệnh cho *gia súc* - làm tham tá công chánh như những viên tham tá ta thường gặp ở ngoài *đốc thúc* việc xây cầu cống hay là họa đường - làm giáo sư bậc Cao đẳng tiểu học, dạy ở trường Trung học Pháp Việt và những trường Cao đẳng Tiểu học Nam Định, Hải Phòng, Thái Bình, Bắc Ninh, Lạng Sơn. Lại còn có nhiều sinh viên đang học ở trường Đại học nữa để sau này ra, nhờ Nhà nước chỉ bảo cho, mà làm công kia việc nọ, cốt sao cho ta được *phong lưu* sung sướng, giỏi giang, nên người vậy.

Giải nghĩa: **Thuờng thúc** = điều thông thường cần phải biết. **Y sĩ** = thầy thuốc chữa bệnh cho người. **Bệnh viện** = nhà thương, nhà để chữa người ốm. **Gia súc** = vật nuôi trong nhà. **Đốc thúc** = trông nom bảo ban cho người ta làm. **Phong lưu** = không thiếu thốn gì, nhàn thân không phải lo lắng gì về đường sinh hoạt.

BÀI TẬP

Học tiếng: *Điều thường thúc, trường Đại học, y sĩ, thú y, công chánh.*

Câu hỏi: *Trường Đại học Đông Pháp mở ra từ bao giờ? Các trường Đại học Đông Pháp mục đích để làm gì?*

Có nhiều sinh viên học ở trường Đại học.



LỚP SƠ ĐẲNG

1 Đi học phải đúng giờ



Xuân đi học coi người **hón hử**,
Gặp cậu Thu đi ở giữa đường,
Hỏi rằng: “Sao đã vội vàng,
Trống chưa nghe đánh, đến tràng làm chi?
Thôi, **hãy hượm**¹, đừng đi, anh ạ.
Này **con khăng** tôi đã sẵn rồi.
Cùng nhau ta hãy đánh chơi.
Lát rồi ta sẽ tới nơi cũng vừa.”
- Thu đáp lại: “Dẫu giờ còn sớm,
Cũng nên đi, kéo chậm làm sao?
Nếu chờ khi đánh trống vào,
Dẫu ta **rảo bước** tài nào kịp cho.
Trễ giờ ta phải nên lo.”

1. Hướn.

Giải nghĩa: **Hón hỏ** = người nom có dáng vui vẻ. **Hãy huộm** = thông thả, đừng đi vội. **Con khăng** = con khăng thường làm bằng hai miếng tre hay gỗ, vót tròn, một miếng dài, một miếng ngắn. **Rảo bước** = đi mau chân.

BÀI TẬP

I. Tìm những tiếng có thể thay cho những tiếng này: *đến tràng, hãy huộm, lát, xảo bước, trễ giờ, làm chi.*

II. Chọn những tiếng ở dưới này mà đặt vào chỗ chấm cho hợp nghĩa: *chậm, sớm, đúng giờ, xảo bước, giữa làng.*

Đi học không nên đi... quá, cũng không nên đi... quá. Phải đi cho...

Đi học không nên thơ thẩn chơi ở... Phải... đi thẳng đến nhà làng.

III. Cất nghĩa những tiếng *giữa* và *rữa*; *tràng* với *chàng*, *trông* với *chông*, và mỗi tiếng đặt một câu thí dụ.

Làm văn: Trả lời những câu hỏi sau này: *Xuân đi học giữa làng gặp ai? Xuân bảo Thu gì? Thu đáp lại làm sao? Vậy ý bài này muốn dạy gì?*

2 Ai ơi, chớ vội khoe mình



Trẻ bắt bướm bướm

Con bướm bướm kia, cánh vàng rực rỡ, lại có những đốm đen, đốm đỏ, trông rõ thật đẹp. Một hôm, bay *nhỏ* như trên bụi cây

ở vệ đường. Hết ngành¹ nọ, sang ngành kia, *thảnh thơi* vui thú. Tưởng mình đã đẹp, thì ai chẳng mến yêu. Ngờ đâu có ba anh học trò đi học về, bỗng trông thấy bướm kia đang bay ở bụi cây trước mặt, vội vàng, anh thì lấy nón úp, anh thì lấy sách đập, xô đẩy nhau đuổi bắt cho được.

Con bướm bướm kia đã vào tay lũ trẻ, thôi thì hết anh này lôi cánh, lại đến anh kia kéo chân, thật là *rã rời toi tả*, chẳng được bao lâu mà hóa ra từng mảnh. Ấy cũng vì con bướm bướm có cái sắc đẹp, mà phải những tai hại *thảm thiết* như thế. Thật đáng thương thay!

Giải nghĩa: *Nhỏ* = nhí nhảnh, làm bộ làm dáng. *Thảnh thơi* = nhàn hạ phong lưu, không có bận bịu điều gì. *Rã rời toi tả* = tan nát ra. *Thảm thiết* = khốn nạn, đáng thương xót.

1. Nhàn.

BÀI TẬP

1. Lấy mỗi tiếng sau này mà đặt thành một câu: *rực rỡ, với vàng, đuổi, từng mảnh*.

2. Tìm những tiếng đồng âm với những tiếng này và cất nghĩa rõ: *đường, sang, lũ, sắc*.

3. Tìm những tiếng phản nghĩa với những tiếng này: *ác nghiệt, mỏng, đói rét, hành hạ*.

Làm văn: Tả một con bướm bướm.

3 Lòng thảo hiểm có



“Dì con mà còn ở lại, thì...”

Mẫn Tử Khiên, mẹ mất sớm, bị người dì ghẻ ác nghiệt, xử *tàn nhẫn* lắm. Mùa rét chỉ cho Mẫn Tử mặc một manh áo mỏng,

còn hai con riêng mình, thì cho mặc *áo bông*, áo mền tử tế.

Một hôm, người cha sai Mẫn Tử đi đẩy xe, Mẫn Tử rét quá, lập cập vấp ngã. Cha quả mắng, Mẫn Tử cũng không nói gì. Sau cha biết người dì ghẻ để cho Mẫn Tử phải chịu đói rét, và thường khi lại còn hành hạ khổ sở, thì muốn đuổi ngay đi.

Mẫn Tử biết ý, *can* cha rằng: “Dì con mà còn ở lại, thì chỉ có

một mình con chịu rét mà thôi, chớ dì con mà không ở đây nữa, thì ba anh em chúng con đều bị đói rét cả.”

Người cha nghe nói, cho là phải, và người dì ghẻ thấy Mẫn Tử hiếu dễ như thế, lấy làm *cảm động*, từ đó cư xử với Mẫn Tử rất là tử tế.

Giải nghĩa: **Tàn nhẫn** = làm cho người ta đau đớn, khổ sở. **Áo mền** = áo lót có lần dưng ở giữa. **Can** = ngăn không để ai làm một việc gì. **Cảm động** = thấy việc gì ở ngoài mà động đến trong lòng.

BÀI TẬP

1. Lấy mỗi tiếng sau này mà đặt thành một câu: *tàn nhẫn, hành hạ, cư xử, cảm động*.

2. Ba tiếng *dì, gì, rì* khác nghĩa nhau thế nào? Lấy mỗi tiếng đặt thành một câu.

3. Tìm những tiếng phản nghĩa với những tiếng này: *ác nghiệt, mỏng, đói rét, hành hạ*.

Làm văn: Trả lời những câu hỏi sau này: *Mẫn Tử Khiên bị người dì ghẻ hành hạ thế nào? Lúc người cha biết, định làm gì? Mẫn Tử Khiên can thế nào? Các anh nghĩ Mẫn Tử Khiên là người như thế nào?*

4 Lòng kính yêu chị



Lý Tích nấu cháo nuôi chị

Ông Lý Tích làm quan to đời xưa. Ông đã già mà vẫn yêu kính chị một cách khác thường. Một hôm, bà chị ốm¹, ông *thân hành* đi nấu cháo

cho chị ăn, chẳng may gió quạt ngọn lửa cháy cả râu. Bà chị nói rằng: “Nhà thiếu gì đầy tớ mà em lại *khổ thân* như vậy?” - Ông đáp lại rằng: “Nay chị đã già, mà em cũng già rồi, dẫu em có muốn nấu cháo cho chị ăn mãi, phỏng đã dễ mà được hay sao?”

Một người như ông Lý Tích, làm quan *quyền quý* bao nhiêu năm mà yêu chị như thế, thật là đáng khen thay!

Ồi! Anh em chị em là một cha mẹ sinh ra, ở với nhau từ thuở nhỏ dại cho đến khi khôn lớn, dạy bảo nhau, bênh vực nhau, lúc vui cười, lúc buồn bực, bao giờ cũng có nhau, thì cái tình *thân ái* biết bao giờ cho phai nhạt đi được!

Giải nghĩa: *Thân hành* = Tự mình đi làm lấy. *Khổ thân* = để thân mình phải chịu điều khổ. *Quyền quý* = có quyền tước sang trọng. *Thân ái* = yêu mến thân thiết.

1. Đau.

BÀI TẬP

I. Lấy mỗi tiếng sau này mà đặt thành một câu: *khác thường, thân hành, đáng khen, khôn lớn.*

II. Tìm những tiếng đồng âm với những tiếng này và giải nghĩa ra cho rõ: *thân, cách, đáp.*

Làm văn: Anh kể rõ mọi lẽ tại sao mà anh em, chị em phải yêu mến nhau.

5 Lời khuyên con



Trai đọc sách

Gái thêu thùa

Bài học thuộc lòng

*Con ơi, muốn nên thân người,
Lắng tai nghe lấy những lời mẹ cha,
Gái thì giữ việc trong nhà,
Khi vào **canh** **củi**, khi ra **thêu** **thùa**,
Trai thì **đọc** **sách**, **ngâm** **thơ**,
Dùi **mài** **kinh** **sử** để **chờ** **kịp** **khoa**.*

*Mai sau nối được nghiệp nhà,
Trước là đẹp mặt, sau là ấm thân.*

Ca dao

Giải nghĩa: **Canh cửi** = dệt tơ, dệt vải. **Dùi mài** = chăm chỉ học hành. **Kinh sử** = sách vở học để đi thi. **Kịp khoa** = đây là dịp khoa thi.

BÀI TẬP

I. Lấy mỗi tiếng sau này mà đặt thành một câu: *nên thân người, ấm thân, nối nghiệp nhà.*

II. Tìm những tiếng đồng âm với những tiếng sau này và cắt nghĩa ra cho rõ: *ngâm, kính.*

Làm văn: Trả lời những câu hỏi sau này: *Tại làm sao anh phải đi học? Đi học phải thế nào? Những người học lười biếng thì thế nào?*

6 Anh nói khoác



Quả bí to bằng cái nhà

Tí và Sửu đi qua một đám ruộng bí. Tí chợt trông thấy quả¹ bí to, nói rằng: “Chà! Quả bí đâu mà to như thế kia!” Sửu có tính hay *nói khoác*,

cười mà bảo rằng: “Thế đã lấy gì làm to. Tôi đã từng thấy những quả bí to hơn nhiều. Có một bận, thật mắt tôi trông thấy một quả bí to bằng cả một cái nhà ở trước mặt ta kia kìa.” - Tí nói: “Thế đã lấy gì làm lạ. Tôi còn nhớ một bận tôi trông thấy cái *xanh* đồng to vừa bằng cả cái đình làng ta ấy.” - Sửu hỏi: “Cái xanh ấy dùng để làm gì mà to quá như thế?” - “À, thế bác không biết à. Cái xanh ấy dùng để luộc quả bí của bác vừa nói ấy mà.”

S Sửu biết Tí chế nhạo mình, mới nói lảng ra chuyện khác.

Nói điều gì phải cho đúng với sự thật, chớ nên bịa đặt ra mà người ta chê cười.

Giải nghĩa: Nói *khoác* = nói quá sự thật. **Xanh** = đồ đồng dùng để đun nấu, có hai quai, và khác với cái chảo, vì nó bằng tròn.

1. Trái.

BÀI TẬP

I. Chọn những tiếng dưới này mà đặt vào chỗ có chấm cho hợp nghĩa: *nói khoác, nói dốt, nói cạnh, nói dèm, nói láo, nói mĩa.*

Biết sự thật mà nói sai đi là...

Nói quá sự thật là...

Nói chê bai hạ giá người ta là...

Nói để động chạm đến người ta là...

Nói hõn, không có lễ phép là...

Lấy cái xấu của người ta ra mà nói là...

II. Gắn nghĩa những tiếng *xau* viết *x* và tiếng *sau* viết *s*, tiếng *dùng* viết *d* và tiếng *rùng* viết *r*, và mỗi tiếng đặt một câu thí dụ.

Làm văn: Kể chuyện một cậu bé hay nói khoác, một bạn vì nói khoác mà bị anh em chế nhạo.

7 Cái lừa

Một hôm, người chủ nhà bảo tên đầy tớ rằng: “Mày ra bắt con lợn¹ đem làm thịt, và xem cái gì ngon hơn cả, thì đem về đây cho tao”.

Tên đầy tớ vâng lời, bắt lợn giết, và lấy cái lừa đem vào hầu chủ.

Mấy hôm sau, người chủ muốn *thử* tên đầy tớ, lại bảo nó đi

1. Heo.



Làm thịt lợn

làm thịt con lợn khác và dặn rằng: “Xem cái gì không ngon hơn cả thì đem vào”.

Tên đầy tớ làm lợn xong, lại đem cái lươi vào cho chủ.

Người chủ hỏi: “Thằng này *láo*! Sao lần này mày lại đem cái lươi vào cho tao như lần trước?”

“Thưa ông, cũng một cái lươi, khi tử tế ra thì không có gì tốt cho bằng, nhưng khi độc ác, thì lại không có gì xấu bằng”.

Đại ý: Bài này là bài ngụ ngôn nói cũng một cái lươi, lúc nói hay thì thật hay, mà lúc dở thì thật dở.

Giải nghĩa: **Thử** = đây là để xem ý thằng đầy tớ thế nào. **Láo** = lời mắng, đây là làm không theo ý chủ.

BÀI TẬP

I. Con lợn còn gọi là gì? Lươi lợn còn gọi là gì? Đầu lợn còn gọi là gì?

II. Tìm những tiếng có thể thay cho: làm thịt, lần.

III. Lấy mỗi tiếng sau này mà đặt thành một câu: *xấu, tốt, tử tế, độc ác*.

Làm văn: Trả lời những câu hỏi sau này: *Bạn trước người chủ sai đầy tớ giết lợn và bảo gì? Bạn sau lại bảo thế nào? Hai bạn thằng đầy tớ cùng đem cái gì vào? Chủ hỏi thì nó đáp làm sao? Ý bài này là thế nào?*

8 Thương người như thể thương thân

Thấy người **hoạn nạn** thì thương,
Thấy người tàn tật lại càng trông nom¹.
Thấy người già yếu ồm mồm,
Thuốc thang cứu giúp, cháo cơm đỡ dần.
Trời nào **phụ** kẻ có **nhân**,
Người mà có đức, muôn phần **vinh hoa**.
Nguyễn Trãi gia huấn



Thằng bé dắt bà lão lòa đi qua quảng đường

Đại ý: Trong bài nói phải thương hết cả mọi người cùng khổ, hoạn nạn, những người tàn tật, người già cả, người ốm yếu. Làm điều hay thì

gặp hay, dù không nữa, thì trong bụng cũng được hả hê.

Giải nghĩa: **Hoạn nạn** = những điều xảy đến làm cho lo lắng khổ sở. **Phụ** = quên ơn bội nghĩa. **Có nhân** = có lòng thương yêu mọi người. **Có đức** = có bụng tốt, ăn ở tử tế với mọi người. **Vinh hoa** = sang trọng, sung sướng.

1. Cui sóc.

BÀI TẬP

I. Chọn những tiếng dưới này mà đặt vào những chỗ có chấm cho hợp nghĩa: *ốm đau, tàn tật, già cả, nhân đức.*

Người... là người có một cơ quan nào đó trong mình hư hỏng, như mù mắt, què chân.

Người... là người nhiều tuổi.

Người... là người không được khỏe mạnh.

Người... là người có lòng tốt, thương yêu mọi người.

II. Tìm những tiếng đồng âm với những tiếng này và giải nghĩa ra cho rõ: *thương, nhân, càng.*

III. Tìm những tiếng phản nghĩa với những tiếng này và lấy mỗi tiếng đặt thành một câu: *già, yếu, nhân đức, vinh hoa.*

Làm văn: Trả lời những câu hỏi sau này: *Thấy người tàn tật, thấy người già cả, thấy người ốm đau, ta phải thế nào? Tóm lại, thấy người hoạn nạn ta phải thế nào?*

Giải nghĩa câu: Thương người như thể thương thân.

9

Con chồn và con gà trống

Một hôm, con *chồn* gặp con gà trống ở bụi tre. Gà sợ, kêu rối rít¹. Chồn cũng sợ chủ nhà họ bắt được, thì họ đập chết. Chồn bèn lấy lời ngon ngọt dỗ gà rằng: “Sao bác gà lại gắt gỏng² như vậy? Tôi với bác là họ hàng bà con với nhau cả đấy mà.” Gà thấy chồn

1. Chiu chít. 2. Rầy rà.



nói dễ nghe, cất tiếng gáy vui vẻ lắm. Chồn khen nức nở: “Ôi chao! bác gáy sao mà hay như thế! Song tôi còn nhớ ngày xưa ông nhà ta gáy còn hay hơn gấp mấy, vì lúc cụ gáy cụ cứ nhắm mắt lại.” Gà lại gáy, nhưng vẫn còn ngờ vực, chỉ nhắm có một mắt mà thôi. Chồn ở dưới làm như *gõ nhịp*, vừa cười vừa nói: “Ôi chao ôi hay! Hay quá! Nhưng nếu bác nhắm cả hai mắt lại mà gáy, thì tôi chắc bao nhiêu gà ở xung quanh đây nghe tiếng chỉ những nổi cơn ghen lên mà chết!” Gà đắc

ý, nhắm tít cả hai mắt lại, định gáy cho thật hay, nhưng vừa há mỏ, chồn đã nhảy chồm lên cắn cổ mà tha về tổ¹ để ăn thịt.

Ôi! *Mật ngọt chết ruồi*! Hay ưa nịnh hót có khi hại đến thân.

Giải nghĩa: **Chồn** = giống vật mõm dài và nhọn, tai to, đuôi dài, hay bắt gà và chim, ta thường gọi là cáo, nhưng không được đúng vì cáo thuộc về loài mèo. **Gõ nhịp** = đánh cái gì để cùng họa theo vào tiếng đàn, tiếng hát. **Nhắm tít** = nhắm kín mắt lại, hai mi mắt như dính liền với nhau. **Mật ngọt chết ruồi** = câu tục ngữ, nghĩa đen: con ruồi thấy mật ngọt, ham ăn mà chết; nghĩa bóng: người ta ưa nịnh hót mà hại đến thân.

BÀI TẬP

I. Chọn những tiếng dưới này đặt vào những chỗ có chấm cho hợp nghĩa: *nịnh thần*, *gian nịnh*.

Dùng lời ngọt ngào để lấy lòng người ta là...

Nói tâng bốc người ta lên là...

1. Ổ.

Người bầy tôi hay nịnh vua gọi là...

Những quân... đều là giả dối đáng khinh cả.

II. Cất nghĩa những tiếng *dễ* viết *d*, tiếng *giỗ* viết *gi*, và tiếng *rõ* viết là *r* và mỗi tiếng đặt một câu thí dụ.

Làm văn: Xem cái tranh vẽ mà kể lại chuyện con chồn và con gà trống.

10 Người say rượu

Các anh hãy trông người kia đi ngoài đường. Mặt đỏ gay, mắt lơ đãng, quần áo *xốc xếch*¹, chân đi xiêu bên nọ, vẹo bên kia, múa chân múa tay, mồm nói lảm nhảm, chốc lại ngã chúi một cái. Lũ trẻ đi theo sau, reo cười chế nhạo. Thỉnh thoảng anh lại đứng lại, nói những chuyện gì ở đâu đâu. Người qua lại, trông thấy cũng phải tránh xa.

Người ấy vừa ở hàng rượu ra. Chỉ tham mấy chén rượu mà thành ra say sưa, mất cả *tư cách* con người, có khi như là con vật vậy, thật là đáng khinh bỉ.

Hỡi các anh, các anh đã trông thấy người say rượu như thế, thì nên lấy đó làm gương mà giữ mình.

Giải nghĩa: *Xốc xếch* = không được gọn gàng. *Tư cách* = phẩm giá.

1. Xếch xạc.

BÀI TẬP

I. Tìm và cắt nghĩa những tiếng phản nghĩa với những tiếng sau này: *ngoài, xiêu vẹo, tránh xa, say*.

II. Cắt nghĩa chữ *say* với chữ *xay*, và mỗi chữ đặt một câu thí dụ.

Làm văn: Uống rượu hại những thế nào, anh kể ra.

11

Người nghiện¹ thuốc phiện



Trông thầy Chánh Còm, ai cũng biết là người nghiện. Trước kia, thầy là người béo tốt *phương phi*, tinh nhanh² khôn

khéo, mà bây giờ thì mặt bủng da chì, xo vai rứt cổ, giọng nói khàn khàn, cái môi thâm sịt³, nom người lẻo khoẻo⁴ như cò hương⁵. Thầy mới ăn thuốc phiện mấy năm nay mà đã khác hẳn đi như vậy.

Thầy Chánh Còm từ khi *đa mang* thuốc xái⁶ đến bây giờ, thành ra lười biếng⁷, chậm trễ. Sáng dậy, ít ra cũng phải mười lăm điều

1. Nghiến. 2. Lanh lợi. 3. Đen sì. 4. Lỏng không. 5. Cò ma. 6. Từ khi mang lấy bệnh ghiến. 7. Làm biếng.

mới mở mắt ra được, và cả ngày quanh quẩn cạnh bàn đèn, chỉ *cái xe* (thoe) *cái lọ*¹ ngoài ra không thiết đến việc gì nữa.

Xem thế mới biết thuốc phiện là một thứ thuốc độc rất hại. Nó hại sức khỏe, hại tinh thần. Nó làm mất thì giờ, mất tiền của, có khi mất cả phẩm giá con người nữa. Vậy ta chớ nên hút thuốc phiện.

Giải nghĩa: **Phuong phi** = vạm vỡ, trông ra đáng. **Đa mang** = mang lấy, mắc phải. **Cái xe** = cái dục tẩu.

BÀI TẬP

I. Tìm những tiếng đồng âm với những tiếng sau này và cắt nghĩa ra cho rõ: *cổ, mang, súc, giò, phẩm*.

II. Cắt nghĩa những tiếng *trông* với tiếng *chông*, *xái* với *sái* và mỗi tiếng đặt một câu thí dụ.

III. Lấy mỗi tiếng sau này đặt thành một câu: *người nghiện, béo tốt, phuong phi, xo vai rứt cổ, cò hương, đa mang*.

Làm văn: Anh đã trông thấy người ăn thuốc phiện. Người ấy làm những gì, anh hãy kể ra.

1. Cái ống cái nôi.

12 Công việc nhà nông quanh năm

Bài học thuộc lòng

Tháng giêng là tháng ăn chơi,
Tháng hai trồng đậu, trồng khoai, trồng cà.

Tháng ba thì đậu đã già,
Ta đi ta hái về nhà phơi khô.

Tháng tư đi **tậu** trâu bò,
Để ta sắp sửa làm mùa tháng năm.

Sáng ngày, đem lúa ra **ngâm**,
Bao giờ mọc mầm , ta sẽ vớt ra.

Gánh đi ta ném ruộng ta,
Đến khi lên mạ, thì ta nhổ về.
Sắp tiền mượn kẻ cày thuê,
Cấy xong rồi mới trở về nghỉ ngơi.

Ca dao (còn nữa)



Gieo mạ

Giải nghĩa: **Tậu** = mua cái gì để làm của riêng của mình, như tậu nhà, ruộng, v.v... **Ngâm** = để lâu dưới nước.

BÀI TẬP

I. Lấy mỗi tiếng sau này mà đặt thành một câu: **ăn chơi, hái, sắp sửa, vớt, mượn, nghỉ ngơi.**

II. Tìm những tiếng đồng nghĩa với những tiếng sau này: **ném, ngâm, khô.**

Làm văn: Anh kể công việc người ta làm thế nào từ lúc gieo hạt xuống cho đến khi thành cây đem cấy ra ruộng.

13 Công việc nhà nông quanh năm (tiếp theo)



Thợ gặt

Bài học thuộc lòng

*Cỏ lúa dọn đã sạch rồi,
Nước ruộng **vòi**¹ mùi, còn độ một hai.
Ruộng thấp đóng một **gàu** giai,
Ruộng cao thì phải đóng hai gàu sòng.
Chờ cho lúa có **đòng đòng**,
Bấy giờ ta sẽ trả công cho người.*

1. Mộng.

*Bao giờ cho đến tháng mười,
Ta đem liềm hái ra ngoài ruộng ta.
Gặt hái ta đem về nhà,
Phoi khô, quạt sạch, ấy là xong công.*

Giải nghĩa: Voi = không đầy, kém đi, cạn đi. Gàu giai = một thứ gàu có dây, phải hai người cầm mà tát nước. Gàu sòng = một thứ gàu buộc vào ba cái cọc, một người tát. Đồng đồng = hoa lúc còn non, chưa ra khỏi cái màng bọc ở ngoài.

BÀI TẬP

I. Lấy mỗi tiếng sau này mà đặt thành một câu: *dọn, voi, đóng, chờ, trả công, liềm, phoi.*

II. Tìm những từ phản nghĩa với những tiếng sau này: *voi, ngoài, sạch, khô.*

Làm văn: Trả lời những câu hỏi sau này: *Khi ruộng đã cấy mạ rồi nhà nông còn phải làm những việc gì nữa? Tại sao người ta phải tát nước? Khi lúa chín người ta làm thế nào? Lúa gặt về, làm thế nào được thóc gạo?*

14 Làm con phải cho dễ dạy



Đứa bé vâng lời cha mẹ dạy, không đánh đáo

Làm con mà biết yêu cha mẹ, *ân cần* đến cha mẹ thì cha mẹ cũng đã vui lòng lắm rồi. Nhưng muốn cho cha mẹ được vui

lòng hơn nữa, thì con phải vâng lời dạy bảo. Ý mình muốn làm gì, mà cha mẹ bảo đừng, mình cũng phải thôi; ý mình không muốn làm, mà cha mẹ bảo làm, mình cũng phải làm. Ta biết rằng cha mẹ ngăn cấm điều gì cũng muốn cho mình được hay. Vậy mình vâng lời cha mẹ, tức là ích lợi cho mình. Cũng ví như ông thầy thuốc bắt người ốm phải kiêng nhịn vật gì, là để chữa cho người ấy mau khỏi.

Những con nhà không chịu nghe lời cha mẹ thường hay hại đến thân. Ca dao ta có câu: Cá không ăn muối cá *ươn*, con cãi cha mẹ trăm đường con hư.

Giải nghĩa: *Ân cần* = săn sóc đến luôn. *Ươn* = nặng mùi.

BÀI TẬP

I. Tìm những tiếng phản nghĩa với những tiếng sau này: *yêu mến, ích lợi, cương ý*.

II. Lấy mỗi tiếng sau này mà đặt thành một câu: *ân cần, vui lòng, bội phần*.

Làm văn: Trả lời những câu hỏi sau này: *Sao con phải yêu mến cha mẹ? Sao con phải vâng lời cha mẹ? Vâng lời cha mẹ thì được thế nào? Không vâng lời cha mẹ có khi hại đến mình thế nào?*

15 Chớ nên ham mê cờ bạc



Vì cờ bạc phải đi ăn mày

Tính ham mê cờ bạc là một tính rất xấu, nó làm cho người ta phải nhiều sự thiệt hại và mất cả phẩm giá. Ai

đã mắc phải tính xấu ấy thì chẳng mấy người tránh khỏi sự nghèo khổ túng bấn, rồi sinh ra *gian lận điêu đảo*, vì cờ bạc là một cách ăn chơi tổn hại nhiều tiền. Họ là¹mới có khi được, mà được thì xa phí hết ngay, còn khi thua thì nhiều, mà thua mãi thì thành ra công nợ, có khi đến nỗi *vong gia thất thổ*, phải đi ăn mày ăn xin, ăn trộm ăn cắp, làm những điều hèn hạ² xấu xa. Đã cờ bạc thì còn danh giá gì! Dầu ông gì bà gì, mà đã ngồi vào đám bạc, thì cũng thành ra đê tiện. Ai cũng gọi là con bạc³, đồ cờ bạc. Bởi thế cho nên các anh phải giữ gìn, đừng bắt chước những phường cờ bạc, đừng có *tập nhiễm* lấy cái thói xấu ấy.

1. May. 2. Đê tiện. 3. Bọn bạc.

Giải nghĩa: **Gian lận** = giả dối để lừa đảo người ta. **Điên đảo** = gian dối, lật lọng. **Xa phí** = chi tiêu hoang toàng vô ích. **Vong gia thất thổ** = mất nhà mất ruộng. **Tập nhiễm** = tập quen, không bỏ được.

BÀI TẬP

I. Tìm những tiếng đồng âm với những tiếng sau này và cắt nghĩa ra cho rõ: *cờ, bạc, ăn mày*.

II. Lấy mỗi tiếng sau này mà đặt thành một câu: *ham mê, thiệt hại, đề tiện, tập nhiễm*.

Làm văn: Kể chuyện một người thua bạc, lúc mới, phải khổ sở thế nào, rồi sau lại thua mãi thì cùng cực đến thế nào?

16 Kính (gương) đeo mắt



Người nhà quê đeo kính mắt

Có một bác nhà quê dốt nát, thấy một ông cụ già hể khi đọc sách, thì lại đeo kính vào mắt. Bác tưởng rằng đeo kính thì đọc được sách. Một hôm, bác ra tỉnh, vào ngay một hiệu để mua kính.

Bác giở một quyển sách ra, cầm trước mắt để thử kính (gương). Bác thử luôn đến năm bảy thứ kính, mà thứ nào bác cũng chê rằng xấu, không thể xem được sách. *Nhà hàng*

lấy làm lạ, hỏi rằng: “Vậy ông có biết đọc không đã?”. Người nhà quê gất lên, trả lời rằng: “Ô hay! Nếu tôi mà biết đọc, thì *hà tất* tôi phải đến đây mua kính của bác.” Nhà hàng phì cười, bảo rằng: “Đây không có thứ kính nào đọc được sách cả. Ông muốn xem được sách, xin hãy về học quốc ngữ cho *thông đã*.”

Giải nghĩa: Nhà hàng = chỉ người bán kính. Hà tất = sao cần phải. Thông = suốt, đây là nói học cho giỏi đã.

BÀI TẬP

I. Lấy những tiếng sau này mà đặt thành một câu: *ô hay!, hà tất, thông*.

II. Chọn những tiếng sau này mà đặt vào chỗ có chấm cho hợp nghĩa: *Mục kính hay nhãn kính, gọng kính, mặt kính, kính soi, sáng, mờ*.

Kính đeo mắt gọi là... hay là...

Cái phần mục kính để giữ hai mặt kính vào hai tai là...

Khi trông qua mặt kính, thấy rõ thì nói là..., khi không được rõ thì nói là...

Làm văn: Trả lời những câu hỏi sau này: *Một bác nhà quê thấy ông già hễ khi đọc sách thì phải làm gì? Một hôm, bác ra tỉnh vào hàng mua gì? Bác thử kính làm sao? Nhà hàng nói gì? Bác đáp lại thế nào? Anh nghĩ người nhà quê thế nào?*

17 Có học phải có hạnh



Sài Thế Viễn ngồi nói
chuyện với bạn

Sài Thế Viễn, thuở bé đi học, không chuộng nghề văn chương mấy chỉ *chuyên chú* về đường *tâm tính* tức là khoa *tu thân* luân lý vậy. Có người thấy thế, bảo ông rằng: “Đi học cốt là để cầu cho được văn hay chữ tốt, thi đỗ làm quan, chớ *tâm tính* học tưởng không cần gì cho lắm”. Ông Sài Thế Viễn đáp: “Học hành ai cũng muốn cầu cho giỏi, nhưng học giỏi mà lại giữ được phẩm hạnh mới thật là đáng quý. Chớ học mà không có hạnh cũng chẳng làm gì. Phẩm hạnh tức là danh giá của con người ở đời vậy.”

Nhiều người nghe nói, cười ông Sài

Thế Viễn là *vu khoát*.

Sau, ông thi đỗ tiến sĩ, làm quan đến bậc thượng thư, nổi tiếng là một người có phẩm hạnh.

Giải nghĩa: *Chuyên chú* = để cả tâm trí nghĩ vào một việc gì. *Tâm tính* = đây tức là nét ăn ở của người ta. *Tu thân* = sửa mình. *Hạnh* = cách ăn ở tử tế. *Vu khoát* = viễn vông, không thiết với sự thật.

BÀI TẬP

I. Chọn những tiếng dưới này mà điền vào chỗ có chấm cho hợp nghĩa: *luân lý*, *văn chương*, *vu khoát*, *vu khống*, *phẩm hạnh*, *phẩm giá*.

... là chỉ gồm những khoa như thơ phú, tư tưởng hay lời nói đẹp
... chỉ riêng một khoa nói về cách ăn ở cho phải đạo người.

Nói khổng cho người ta là..., nói viển vông, không đâu vào đâu
là...

Cái giá trị của con người là...; cái nết ăn nết ở là...

II. Cất nghĩa những tiếng song viết s và tiếng xong viết x, tiếng chú viết ch và tiếng trú viết tr và mỗi tiếng đặt một câu thí dụ.

Làm văn: Anh kể chuyện một người học trò học hành giỏi, nhưng tính hạnh xấu và tỏ ý nghĩ của anh ra thế nào.

18 Ăn chơi và buôn bán quanh năm



Gánh nhân đi bán

Bài học thuộc lòng

*Tháng giêng ăn tết ở nhà,
Tháng hai cờ bạc, tháng ba hội hè.
Tháng tư đông đậu nấu chè,
Ăn tết **Đoan** **ngọ** trở về tháng năm.
Tháng sáu buôn nhân **bán** **trăm**,*

*Tháng bảy ngày rằm xá tội vong nhân,
Tháng tám chơi đèn kéo quân,
Trở về tháng chín chung thân buôn hồng.
Tháng mười buôn thóc, bán bông,
Tháng một, tháng chạp nên công hoàn toàn.*

Ca dao

Giải nghĩa: **Đoan ngo** = tết mùng năm tháng năm. **Bán trăm** = buộc thành bó từng trăm một mà bán. **Xá tội vong nhân** = xá tội là tha tội; vong nhân là người đã chết rồi. Tục ta tin rằng người ta chết, ai có tội phải giam ở dưới địa ngục, đến ngày rằm tháng bảy thì được tha một hôm. **Chung thân** = cũng như chung lưng, nghĩa là góp tiền mà buôn bán chung với nhau.

BÀI TẬP

I. Lấy mỗi tiếng sau này mà đặt thành một câu: *hội hè, buôn, nhân, đèn kéo quân, hoàn toàn.*

II. Tìm những tiếng đồng âm với những tiếng sau này và cất nghĩa ra cho rõ: *kéo, hồng, bông.*

Làm văn: Ta ăn tết nào to hơn và kể rõ cách ăn tết ra thế nào.

19 Người đi đường với con chó



Người đi đường với con chó

Một người cưỡi ngựa đi đến đầu làng kia, có con chó đang ngủ giữa đường, bỗng giật mình thức dậy, đuổi theo con ngựa, sủa cần mẫn, làm cho con ngựa sợ,

chạy *lông* lên. Người cưỡi ngựa tức giận vô cùng, muốn giết ngay con chó, mới bảo rằng: “Tao mà có súng, thì cho mày một *phát* là hết cần¹. Nhưng mà được, tao đã có cách làm cho mày chết. Nói xong, người kia chạy đến giữa làng, kêu to lên rằng: “Chó dại! Chó dại!” Những người xung quanh đấy, nghe tiếng kêu chó dại, liền vác gậy, vác xẻng ra đuổi đánh chết con chó.

Góm thay cho lời nói của người ta, có khi giết hại được hơn là *đồ binh khí!*

Giải nghĩa: *Lông* = chạy vùng lên. *Phát* = mỗi lần bắn một viên đạn. *Binh khí* = gươm giáo, súng ống.

BÀI TẬP

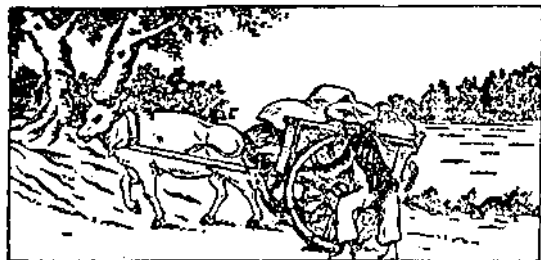
I. Lấy những tiếng đồng âm với những tiếng sau này cắt nghĩa cho rõ: *thức, lông, ngay, súng*.

1. Sửa.

II. Lấy mỗi tiếng sau này mà đặt thành một câu: *cuỡi ngựa, giết mình, sửa, giết hại*.

Làm văn: Trả lời những câu hỏi sau này: *Tại sao con chó đuổi cắn ngựa? Tại sao người đi ngựa muốn giết con chó? Người ấy dùng cách gì mà giết con chó? Sự nói vu độc địa thế nào?*

20 Không nên hành hạ loài vật



Xe lên dốc

Một con bò kéo một cái xe chở hàng hóa rất nặng. Xe lên dốc, con bò cố¹ sức kéo mãi, nhưng cái xe cũng không *xê xích*

được chút nào. Người phu xe vội vàng nhảy xuống, lấy tay vỗ về con bò, rồi mồm thì nói năng dịu dàng như *thức giục*, tay thì *bắt* vào bánh xe, cố đẩy cho xe đi. Một lát, xe lên khỏi dốc, người phu xe để cho con bò đứng nghỉ, và lại đến bên cạnh vuốt ve, ra dáng thương yêu lắm.

Người phu xe ân cần tử tế với con bò như vậy, thật là đáng làm gương cho những quân độc ác, hung tợn, cứ hay đánh đập loài vật rất thậm tệ. Loài vật không phải là vô tri vô giác, mà lại giúp

1. Ráng.

ta được công kia việc nọ, ta nên trông nom săn sóc, chớ có hành hạ đánh đập nó.

Giải nghĩa: **Xê xích** = chuyển đi, nhích lại. **Thúc giục** = bảo làm việc gì cho mau lên. **Bắt** = để tay vào quay bánh xe. **Vô tri vô giác** = không biết, không cảm gì cả. **Hành hạ** = làm khổ sở.

BÀI TẬP

I. Tìm những tiếng phản nghĩa với những tiếng này: *vội vàng, dịu dàng, thương yêu, độc ác, hành hạ*.

II. Lấy mỗi tiếng sau này đặt thành một câu: *thúc giục, vuốt ve, ân cần, săn sóc, đánh đập*.

III. Cắt nghĩa với những tiếng *trông* viết *tr* và tiếng *chông* viết *ch*, tiếng *trâu* viết *tr* với tiếng *châu* viết *ch* và mỗi tiếng đặt một câu thí dụ.

Làm văn: Em của anh có tính hay đánh đập các loài vật, anh lấy lời khuyên bảo nó.

21 Không nên phá tổ¹ chim

Thằng Sửu thấy ở trên cành cây có một tổ chim chích chòe, ba con chim mới nở, thì lấy làm mừng lắm. Nó trèo lên, bắt xuống, để chơi. Chị nó trông thấy, ngăn lại mà bảo nó rằng: “Em ơi! Chớ nên bắt! Chim nó đang sung sướng thế mà em bắt nó, thì nó cực khổ biết là dường nào! Em thử nghĩ chốc nữa, mẹ nó tha mỗi về,

1. Ổ.



Đừng phá tổ chim

mà không thấy con, thì đau đớn thế nào. Vả những con chim con ấy mà em bắt về, thì dẫu em chăm chút¹ nó thế nào, nếu nó không chết, thì cũng chẳng sao bằng mẹ nó săn sóc, nuôi nấng nó được. Thôi em ơi! Em đừng làm nó khổ vô ích, đem để trả mẹ nó. Sau nó lớn lên, nó bay, nó *lượn*, đẹp mắt em, nó kêu, nó hót, vui tai em, nó ăn sâu, ăn bọ thì hoa quả thóc lúa của nhà ta và của *thiên hạ* được đỡ hại.”

Sửu nghe chị nói, lại đem cái tổ chim lên để vào chỗ cũ.

Giải nghĩa: *Lượn* = bay đi bay lại nhiều lần. *Thiên hạ* = cả mọi người.

BÀI TẬP

I. Tìm những tiếng đồng âm với những tiếng sau này và cắt nghĩa ra cho rõ: *tổ, bằng, khổ, mặc*.

II. Tìm những tiếng phản nghĩa với những tiếng sau này: *chăm chút, hại*.

III. Lấy mỗi tiếng sau này mà đặt thành một câu: *mới nở, tha mồi, săn sóc, đẹp mắt, hoa quả*.

1. Săn sóc.

22 Một người anh tốt



Viết thuê kiếm tiền

Ông Thôi Lượng ngày xưa là người rất *hiếu đẽ*, cha mẹ mất sớm, ông phải trông nom nuôi nấng¹ các em. Nhà nghèo, ông phải đi viết mướn để kiếm ăn. Bấy giờ có ông Lý Sùng đang làm quan to, có quyền thế, nhiều người đến làm tôi tớ, để mong đường *danh lợi*. Người anh họ ông Thôi Lượng tên là Quang cũng đi theo Lý Sùng.

Một hôm, Quang đến báo ông Thôi Lượng rằng: “Tội gì mà cứ viết thuê mãi, đi theo Lý Sùng thì được sung sướng. Vả nhà ông ấy lại có nhiều sách, đến đây *tha hồ* mà xem.” Ông đáp lại rằng: “Tôi sung

sướng lấy một mình, mà để các em tôi ở nhà phải đói rét² thì sao cho đành. Thà rằng cứ chịu nghèo đói, mà anh em sum họp với nhau còn hơn.” Nhất định ông không chịu đi, cứ ngày ngày ra chợ viết thuê để lấy tiền về nuôi em.

Giải nghĩa: **Hiếu đẽ** = hiếu là lòng thảo ở với cha mẹ; đẽ là lòng tử tế với anh em. **Danh lợi** = cũng như là công danh phú quý. **Tha hồ** = muốn bao nhiêu cũng có, mặc sức.

1. Săn sóc. 2. Đói lạnh.

BÀI TẬP

I. Lấy mỗi tiếng trong những tiếng này mà đặt thành một câu: *trông nom, kiếm ăn, quyền thế, sum họp, tôi tớ*.

II. Tìm những tiếng phản nghĩa với những tiếng này: *sung sướng, tha hồ, sum họp*.

Làm văn: Tả cảnh một nhà có mấy anh em thân yêu nhau.

23 Không nên báo thù



Không nên báo thù

Một hôm, một người hào phú có chuyện lôi thôi với một người thợ. Đang cơn tức giận, người hào phú lấy hòn đá ném người thợ. Người thợ nhặt¹

hòn đá cất đi một chỗ, nghĩ bụng rằng: “Thế nào cũng có lúc tao lấy hòn đá ném được vào đầu mày”.

Cách ít lâu, người hào phú chẳng may cửa nhà sa sút, cửa sạch không, phải đi ăn xin.

Một hôm, người thợ trông thấy người ấy ăn mặc rách rưới, đi qua trước cửa, vội vàng chạy đi lấy hòn đá, định để ném lại. Nhưng khi tay đã cầm hòn đá, anh ta lại nghĩ rằng: “Người ấy lúc

1. Lượm.

còn giàu sang mà ta báo thù thì *dại*, bây giờ người ấy khổ sở mà ta báo thù thì hèn. Thôi, ta không nên báo thù.” Rồi quẳng hòn đá xuống ao.

Giải nghĩa: **Hào phú** = người giàu có và có thần thế. **Sa sút** = suy kém. **Dại** = đây có ý nói lúc người hào phú có của, có thế, mà mình báo thù thì tất nó hại được mình.

BÀI TẬP

I. Tìm những tiếng phản nghĩa với những tiếng sau này: *túc giận, sa sút, giàu có, khổ sở*.

II. Cắt nghĩa những tiếng *giàu, dầu, rầu*. Lấy mỗi tiếng đặt một câu thí dụ:

Làm văn: Trả lời những câu hỏi sau này: *Một người hào phú lấy gì ném người thợ? Người thợ nhặt hòn đá định để làm gì? Sau người hào phú sa sút thế nào? Người thợ trông thấy định làm gì? Sau lại nghĩ lại làm sao?*

24 Đạo bằng hữu phải cho có thủy chung

Ngày xưa có ông Dương Tiều Sơn là bậc trung thần, thấy người Nghiêm Tung chuyên quyền làm bậy, ông bèn dâng sớ *hạch tội*, bị Nghiêm Tung bắt bỏ ngục. Các quan đều sợ hãi, không ai dám vào thăm. Chỉ có ông Từ Tử Dữ ngày ngày đem cho cơm rượu, Dương Tiều Sơn bảo Từ Tử Dữ rằng: “Anh chớ hay lại thăm tôi, e rồi lại *liên lụy*.” Từ Tử Dữ nói rằng: “Bạn hữu với nhau, chỉ quý về lúc này mà thôi. Đạo luân lý của ta cốt trọng về lòng trung



Từ Tử Dữ đến thăm Dương Tiêu Sơn ở trong ngục

nghĩa, mà bây giờ anh bị kẻ gian thần ức hiếp, lẽ nào tôi lại bỏ anh hay sao? Anh cứ để tôi đi lại thăm anh, dầu có làm sao nữa, thì tôi cũng chẳng thiết gì

quan chức đâu, xin anh đừng ngại!”.

Đáng khen thay ông Từ Tử Dữ biết quên mình mà giữ cho trọn đạo *bằng hữu*!

Giải nghĩa: *Hạch tội* = bẻ tội, bắt tội. *Liên lụy* = lây vạ đến mình. *Bằng hữu* = bè bạn.

BÀI TẬP

I. Lấy mỗi tiếng sau này mà đặt thành một câu: *chuyên quyền, dâm só, thăm, lòng trung nghĩa, ức hiếp*.

II. Tìm những tiếng phản nghĩa với những tiếng sau này: *sợ hãi, trung nghĩa, ức hiếp*.

Làm văn: Cất nghĩa chữ *bằng hữu*, và nói rõ tình anh em bạn ở với nhau phải thế nào.

25 Lính thú đời xưa (lúc ra đi)

Bài học thuộc lòng

*Ngang lưng thì thắt **bao vàng**,
Đầu đội nón dẫu, vai mang súng dài.
Một tay thì cắp **hỏa mai**,
Một tay cắp giáo, quan sai xuống thuyền¹
Thùng thùng trống đánh **ngũ liên**,
Bước chân xuống thuyền, nước mắt như mưa.*

Ca dao



Lính thú (lúc tiễn biệt)

Giải nghĩa: **Lính thú** = lính đi đóng đồn trên mạn ngược. **Bao vàng** = bao bằng vải vàng của lính ngày trước đeo. **Nón dẫu** = nón chóp nhỏ của lính đội ngày xưa. **Hỏa mai** = ngòi súng. Đời xưa bắn súng nạp tiền phải châm ngòi mới bắn được. **Ngũ liên** = trống đánh từng hồi năm tiếng một, để thúc giục người ta đi cho mau.

1. Ghe.

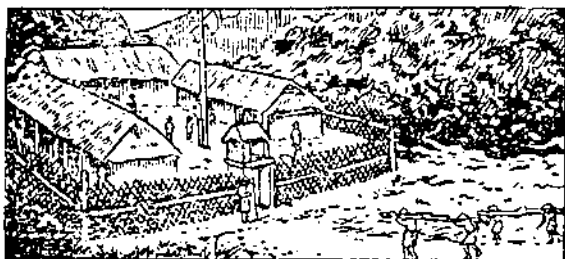
BÀI TẬP

I. Lấy mỗi tiếng sau này mà đặt thành một câu: *thất, mang, cấp, thùng thùng*.

II. Tìm những tiếng phản nghĩa với những tiếng này: *mưa, thất, nước, xuống*.

Làm văn: Trả lời những câu hỏi sau này: *Lính đời xưa ăn mặc thế nào? Lính ngày xưa dùng những khí giới gì? Lúc họ phải đi thú thì thế nào?*

26 Lính thú đời xưa (lúc đóng đồn)



Đồn cổ

Bài học thuộc lòng

*Ba năm trấn thủ lưu đồn,
Ngày thì canh điểm, tối đồn việc quan.
Chém (đốn) tre, đẵn¹ gỗ trên ngàn,
Hữu thân hữu khổ, phàn nàn cùng ai.
Miệng ăn măng trúc, măng mai,*

1. Chặt.

Những **dang** cùng nứa, lấy ai bạn cùng.

Nước giếng trong, con cá nó vấy vùng.

Ca dao

Giải nghĩa: Lưu đồn = nơi lính đóng để phòng bị giặc cướp. Hữu thân hữu khổ = có thân là có khổ, nghĩa là đã làm người, thì ai cũng phải chịu khổ. Dang = một thứ nứa dài dẹt, người ta dùng làm lạt buộc. Nước giếng trong, con cá nó vấy vùng = người đi thú thân thân mình không được thanh thoi như con cá ở giếng.

BÀI TẬP

I. Lấy mỗi tiếng sau này mà đặt thành một câu: *trấn thủ, canh điểm, ngàn, phân nân.*

II. Tìm những tiếng đồng âm với những tiếng sau này và cắt nghĩa cho rõ: *canh, cùng.*

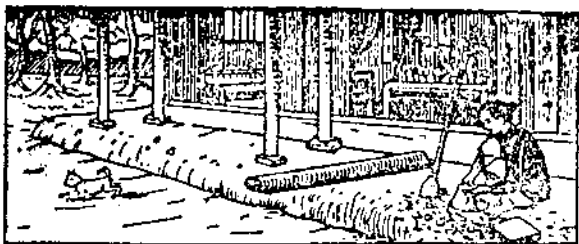
Làm văn: Trả lời những câu hỏi sau này: *Dùng lính để làm gì? Tại làm sao phải sai lính đi ở chỗ lưu đồn? Lính đóng ở lưu đồn phải làm những công việc gì?*

27

Không tham của người

Ông Nguyễn Đình Thản, người huyện Châu Lộc, tỉnh Nghệ An, tính rất thuần hậu, không bao giờ tham lam mà lấy của ai một tí gì.

Ông có mua một cái nhà cũ, định sửa sang lại để ở. Khi người cháu đào viên *đá tảng*, thấy dưới viên đá có hai hũ đựng mười lạng bạc, mới đem vào trình ông. Ông nói: “Đây là của người chủ



Đào được lọ bạc

cũ, không phải là của ta, chớ nên lấy. Nếu lấy là lấy của *phi nghĩa*. Ta nên để trả người ta”.

Nói rồi, ông sai đem cất đi cẩn thận. Sau quả nhiên, người chủ cũ đến xin lấy của ấy, ông gọi người nhà đem ra trả ngay. Người kia cảm phục cái bụng của ông, xin chia đôi để biếu ông một nửa. Ông nhất định không lấy. Người đời bấy giờ ai cũng khen ông là một bậc *quân tử* đáng tôn kính.

Giải nghĩa: **Đá tảng** = một khối đá to. **Phi nghĩa** = trái với lẽ phải. **Quân tử** = người có tư cách, có đức độ hơn người thường.

BÀI TẬP

I. Lấy mỗi tiếng sau đây đặt thành một câu: *tham lam, thuận hậu, cẩn thận, cảm phục, quân tử*.

II. Tìm những tiếng phản nghĩa với những tiếng ấy.

Làm văn: Một người anh em bạn anh khoe với anh rằng: hôm nọ bắt được một cái ví tiền. Anh khuyên bảo anh kia thế nào?

28 Không vì tiền mà làm điều phi nghĩa



Không vì tiền mà làm
điều phi nghĩa

Ông Mã Duy Hàn là một ông quan đời trước, có tiếng là người thanh liêm, chính trực. Thuở ông còn *hàn vi* làm học trò, đến ở trọ một nhà giàu kia. Nhà ấy có thù hằn với một nhà khác, định bày mưu để *vu tội* cho người ta, mới đem một trăm nén vàng cho ông, bảo ông đứng ra làm việc ấy. Ông nhất định không chịu, mà bảo rằng: “Xưa nay tôi học những gì, mà bây giờ tôi lại tham của hại người như thế?” Nói đoạn, ông

ngĩ bụng rằng: nhà này cậy có tiền của, toan làm những điều gian ác, không phải là nhà ta ở được, bèn dọn đi tìm nhà khác ở.

Người ta nên bắt chước như ông Mã Duy Hàn, không bao giờ nên để cho lòng tham *tài lợi* khiến được mình làm điều phi nghĩa.

Giải nghĩa: *Hàn vi* = đói nghèo. *Vu tội* = bày tội ra mà đổ oan cho người ta. *Tài lợi* = của cải.

BÀI TẬP

I. Lấy mỗi tiếng sau này mà đặt thành một câu: *hàn vi*, *thù hằn*, *bày mưu*, *tài lợi*.

II. Tìm những tiếng phản nghĩa với những tiếng này: *hàn vi*, *chính trực*, *gian ác*.

Làm văn: Anh đi học về, đem chuyện ông Mã Duy Hàn đọc cho mẹ anh nghe, mẹ anh bảo anh thế nào, anh kể rõ ra.



Chia quả bứa

Năm và Sáu cùng đan tay đi với nhau. Chợt đâu bắt¹ được một quả² bứa ở giữa đường. Hai cậu tranh nhau mãi. Năm thì rằng: “Quả bứa ấy của tao, vì

mắt tao trông thấy trước.” Sáu thì rằng: “Của tao, vì tay tao nhặt³ lên được.” Hai cậu to tiếng cãi nhau, giơ chân, giơ tay, chực sinh sự đánh nhau⁴. Ngay lúc ấy có cậu Cả vừa đi qua, hai cậu vội mời lại để nhờ phân xử hộ.

Cậu Cả nghe đầu đuôi, cầm ngay lấy quả bứa, bảo hai cậu đứng sang hai bên. *Đoạn*, cậu móc túi, lấy con dao con, bổ (cắt) quả bứa ra làm đôi, rồi làm bộ *ng nghiêm trang* mà nói rằng: “Năm, mày trông thấy quả bứa trước, mày lấy nửa vỏ này. Sáu, mày nhặt được quả bứa lên, mày lấy nửa vỏ này. Còn những múi bứa đây là phần tao, vì tao đã mất công khó nhọc phân xử việc này cho chúng bay.”

Nói xong, cậu Cả bỏ bứa vào miệng rồi vừa đi vừa cười. Còn Năm và Sáu thì đứng trơ mắt ra đó.

Giải nghĩa: *Đoạn* = xong rồi. *Ng nghiêm trang* = ra dáng đứng đắn oai vệ lắm.

1. Xí. 2. Trái. 3. Lượm. 4. Đánh lộn.

BÀI TẬP

I. Lấy mỗi tiếng sau này mà đặt thành một câu: *tranh nhau*, *phân xử*, *hỏi đầu đuôi*, *khoác tay*.

II. Cắt nghĩa những tiếng *dao*, *giao* và *rao* và mỗi tiếng đặt một câu thí dụ.

Làm văn: Nhân bài trên này nghĩ ra một chuyện hai đứa bé tranh nhau đánh trống và về sau thế nào?

30 Bảo cử là gì?



Bảo cử

Sáng hôm chủ nhật, cậu Sử nghe thấy nói có quan về tại đình làng và nhân dân nhộn nhịp¹ rủ nhau đi bảo cử. Sử không hiểu bảo cử là gì,

mới hỏi anh, thì anh giảng rằng:

- Làng ta hiện *khuyết* lý trưởng, vì người lý trưởng trước là ông Phú mới xin *từ dịch*. Nên quan về chủ trương để cho dân kén chọn² một người ra thay. Dân sự kén chọn lấy người thay mặt để ra làm việc quan như vậy gọi là bảo cử.

Sử lại tò³ mò hỏi: “Vậy bảo cử thì người ta làm thế nào⁴?” - Anh

1. Chọn nhón. 2. Lựa. 3. Lẩn. 4. Làm sao.

đáp: “Ai được đi bầu và muốn bầu cho ai, thì viết sẵn tên người ấy vào một mảnh giấy, gấp lại để bỏ vào trong một cái thùng trước mặt quan. Hễ ai được nhiều người bỏ vé¹ bầu cho mình thì người ấy được làm lý trưởng. Ấy đại để cái cách bảo cử như thế. *Tự trung* còn có nhiều điều khó hơn nữa. Nhưng thôi, đợi bao giờ đến tuổi được đi bầu rồi em sẽ biết.”

Giải nghĩa: **Khuyết** = thiếu, đây là không có người làm. **Từ dịch** = thôi không làm việc nữa. **Tự trung** = tự: tới, trung: trong; ở trong việc ấy còn có việc khác nữa.

BÀI TẬP

I. Chọn những tiếng sau này mà đặt vào chỗ có chấm cho hợp nghĩa: *người bảo cử, người ứng cử, vé bầu hay phiếu bầu.*

... là người có quyền đi bảo cử

... là người tình nguyện ra để người ta bầu cho mình. Giấy bỏ tên bầu cho ai là... hay...

Làm văn: Trả lời những câu hỏi sau này: *Quan về làng để làm gì? Làng phải bảo cử ai? Cách bảo cử đại để như thế nào?*

1. Giấy.

31 Thơ cái nón

Bài học thuộc lòng

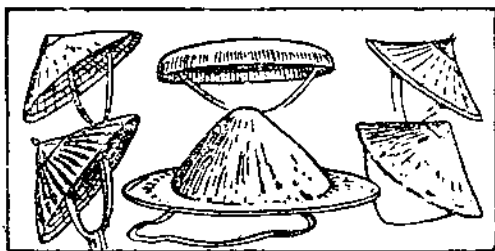
*Dáng tròn vành vạnh vốn không hư,
Che chở bao la khắp bốn bờ.*

*Khi để tưởng nên dù với tán,
Nên ra thì nhạt (lạt) nắng cùng mưa.*

*Che đầu bao quản lòng tư túi,
Giúp chúa nào quên nghĩa sớm trưa.*

*Vòi vọi ngồi trên ngôi thượng đỉnh,
Ai ai lớn nhỏ đội ơn nhờ.*

Thơ cổ



Các thứ nón

Đại ý: Bài này tả cái nón, mà trong lại ngụ ý nói một bậc bề trên có độ lượng bao dung che chở cho nhân dân, cũng như cái nón che mưa, che nắng cho mọi người vậy.

Giải nghĩa: **Vốn không hư** = không dùng làm việc gì đê hạ. **Khi để** = khi đội lên đầu. **Bao quản** = ý nói ai đội cũng được, không riêng tư với ai cả. **Thượng đỉnh** = thượng: trên; đỉnh: chỏm đầu, nói cái nón đội trên đầu.

BÀI TẬP

I. Tìm những tiếng phản nghĩa với những tiếng này và lấy mỗi tiếng đặt thành một câu: *tư, sớm, lớn*.

II. Dịch nghĩa những tiếng sau này: *nón chóp, nón chảo, nón giũa, nón lông, nón tu lờ*.

III. Cắt nghĩa những tiếng *trưa* viết *tr* và tiếng *chưa* viết *ch*; tiếng *tre* viết *tr* và tiếng *che* viết *ch* và mỗi tiếng đặt một câu thí dụ.

Làm văn: Tả một cái nón chóp.

32 Con hổ và con chuột nhắt (lắt)



Hổ mắc lưới

Một hôm, con chuột nhắt (lắt) chạy qua gần con hổ. Hổ thò chân ra bắt. Chuột van lạy rằng: “Trăm lạy ông, thân con bé bỏng, ông tha cho

làm phúc”. Hổ bảo rằng: “Ừ, mày bé thế này tao chẳng thèm ăn thịt. Thôi, ta tha cho.” Chuột được tha, nói rằng: “Cám ơn ông, cái ơn *tái tạo* ấy, con không dám quên. Chắc ông ở hiền rồi lại gặp lành!”.

Được ít lâu, hổ bị mắc vào lưới. Hổ gầm, nhảy hết sức cũng không sao thoát ra được, đành nằm ép một bề để đợi chết. May

sao chuột nhất ta đi qua đấy, trông thấy, chạy về gọi nhà chuột ra, cắn một lát đứt mất lưới, hổ mới thoát được.

Xem như thế thì ở đời làm ơn không bao giờ thiệt, và nhiều khi những kẻ hèn mọn cũng có thể được việc cho ta.

Giải nghĩa: Tái tạo = tái là một lần nữa; tạo là dựng ra. Ý nói như đã chết rồi mà lại cho sống lại.

BÀI TẬP

I. Tìm và cắt nghĩa những tiếng đồng âm với những tiếng này: *tha, mây, gằm, súc, hổ.*

II. Lấy mỗi tiếng sau này mà đặt thành một câu: *bé bỏng, bỏ bèn, tái tạo, gằm.*

Làm văn: Nghĩ ra một câu chuyện ở hiền gặp lành.

33 Ông Chu Văn An



Học trò đứng hầu thầy

Ông Chu Văn An là người tỉnh Hà Đông bấy giờ, đỗ tiến sĩ về đời nhà Trần. Tính ông ngay thẳng và *điềm đạm*, không ham danh lợi, chỉ chăm làm cho tổ

đạo thánh hiền và trừ khử những mối *dị đoan*.

Ông thi đỗ rồi về mở trường dạy học, học trò rất đông, có người làm đến thượng thư, tể tướng, nhưng đối với ông phải giữ lễ học trò. Khi nào đến thăm thầy, vẫn phải đứng hầu. Trong bọn học trò, ai có điều gì không phải, dầu quyền quý thế nào cũng mặc, ông quát mắng đuổi ra.

Vua nghe ông là bậc đạo đức *mô phạm*, triệu vào kinh cho làm quan, để dạy thái tử. Sau ông thấy chính sự trong triều suy đồi, bọn quyền thần lấn kẻ làm bậy, ông dâng sớ xin chém bảy người gian nịnh. Vua không nghe lời. Ông bèn xin từ chức không thiết gì đến công danh quyền lợi nữa.

Người trong nước ai cũng khen ông là bậc cao hiền. Khi mất, vua cho đem thờ trong Văn miếu, ngang hàng với bậc tiên nho.

Giải nghĩa: Tiến sĩ = người thi Đình đỗ. **Điền đạm** = yên tĩnh. **Dị đoan** = mối lạ, những điều huyền hoặc. **Mô phạm** = khuôn phép, có thể làm gương cho người ta bắt chước. **Tiên nho** = những bậc hiền đời trước.

BÀI TẬP

I. Lấy mỗi tiếng sau này đặt thành một câu: *quát mắng, quyền thần, dâng sớ, gian nịnh*.

II. Tìm và cắt nghĩa những đồng âm với những tiếng sau này: *đường, hàng, kính*.

Làm văn: Viết thơ kể chuyện ông Chu Văn An cho bạn nghe.

34 Một người khoan hòa và thuần hậu



Ông Trình Hiệu ngồi ăn tiệc

Ông Trình Hiệu là một nhà hiền triết đời xưa. Ông tính khí cẩn thận, hồn hậu, không hay nói xấu ai bao giờ. Ở nơi *công chúng*, thấy ai *chỉ nghị* người nào, thì

ông bênh người vắng mặt hoặc ông không *bắt chuyện*, chờ cho người ta nói xong, ông mới *thủng thỉnh* mà nói rằng: “Vị tất điều họ đồn đã thật”, rồi ông lại kể những điều hay của người bị chỉ nghị ra cho mọi người biết. Đối với người ngoài thì thế, mà đối với chính mình, thì không bao giờ ông giận ai hoặc trách ai điều gì. Có khi đang dự tiệc, bị có người chế nhạo¹, ai cũng lấy làm ngạc nhiên, nhưng ông cứ để mặc, không cãi điều gì cả. Sau mới nói rằng: “Người ấy say rượu, ta cãi làm gì!”.

Ông khoan hòa thuần hậu như thế, cho nên ai cũng kính phục.

Giải nghĩa: **Công chúng** = chỗ có cả nhiều người ngồi. **Chỉ nghị** = chê bai, bài bác. **Bắt chuyện** = tiếp chuyện, đáp lại. **Thủng thỉnh** = thong thả, dễ dàng.

1. Hủy báng.

BÀI TẬP

I. Lấy mỗi tiếng trong những tiếng sau mà đặt thành một câu: *hồn hậu, nói xấu, vắng mặt, thủng thỉnh, chế nhạo.*

II. Tìm những tiếng đồng âm với những tiếng này và cất nghĩa ra cho rõ: *đồn, mặc, khoan.*

Làm văn: Hôm nọ anh Giáp đi vắng, có mấy người nói xấu anh ấy, anh bênh vực anh Giáp thế nào, anh kể rõ ra.

35 Cái thú nhà quê và cái thú kẻ chợ¹



Cảnh thành phố

Cảnh nhà quê

Anh Minh và anh Ất là hai anh em con cô con cậu. Nhà anh Minh thì buôn bán ở tỉnh thành; cha mẹ anh Ất thì làm ruộng ở nhà quê.

Một hôm, Minh viết thư cho Ất rằng: “Em cố xin phép cha mẹ mà ra tỉnh chơi. Ra đây anh sẽ đem đi xem các *dinh thự* to lớn, *lâu đài* đẹp đẽ, sẽ đem đi chơi những nơi phong cảnh *rực rỡ*, ban đêm đèn máy thấp sáng như ban ngày, người đi lại đông như ngày hội.”

Ất đáp lại rằng: “Đến độ nghỉ hè², anh có về nhà quê chơi thì ta sẽ đi xem người làm lụng ngoài đồng, nơi thì trồng rau, nơi thì

1. Người dinh. 2. Nghỉ bãi trường.

tát nước. Sáng dậy, ta đi câu cá rô, cá giếc, chiều về ta đi lấy ổi, lấy nhãn, hoặc ta ra chỗ rừng bên cạnh chùa, tha hồ cây to bóng mát, rộng rãi thoải mái.”

Giải nghĩa: **Dinh thự** = nhà các quan to ở. **Lâu đài** = nhà to đẹp đẽ. **Rực rỡ** = đẹp đẽ, long lanh

BÀI TẬP

I. Tìm và cắt nghĩa những tiếng đồng âm với những tiếng: *đài*, *đồng*.

II. Cắt nghĩa những tiếng *ràng* và *dằng*, *rau* và *giau*; *rừng* và *dùng* và lấy mỗi tiếng đặt một câu thí dụ.

Làm văn: Trả lời những câu hỏi sau này: *Thầy mẹ anh Minh ở đâu? Anh Minh viết cho anh Ất nói sẽ đưa đi xem những gì? Thầy mẹ anh Ất ở đâu? Anh Ất bảo sẽ đưa anh Minh đi xem gì? Buổi sáng làm gì? Buổi trưa làm gì? Anh thích ở nhà quê hay kẻ chợ? Tại làm sao?*

36 Kể ở người đi



Kể ở người đi

Cơm nước xong rồi, thầy mẹ tôi, anh em, chị em tôi, cả đến kẻ ăn người ở trong nhà, đều tiễn tôi ra tận bờ sông, chỗ thuyền đậu.

Vừa ra khỏi nhà, thì trong lòng tôi tự nhiên sinh ra buồn rầu vô cùng. Từ thuở bé đến giờ, chỉ quen vui thú ở nhà, nay tôi mới biết cái cảnh *biệt ly* là một! Chân bước đi, mặt còn ngoảnh lại: từ cái mái nhà, cái thềm nhà, cái lối đi, cho đến bụi cây, đám cỏ, cái gì cũng làm cho tôi *quyến luyến* khác thường!

Thuyền *nhổ sào*, ai nấy đều chúc cho tôi được thuận buồm xuôi gió, bình yên khỏe mạnh. Thuyền đi đã xa, mà tôi còn đứng nhìn trở lại, nhìn mãi cho đến lúc không trông¹ thấy nhà nữa mới thôi. Ôi! Cái cảnh biệt ly sao mà buồn vậy!

Giải nghĩa: **Biệt ly** = xa cách nhau. **Quyến luyến** = yêu mến, vương vít trong lòng. **Nhổ sào** = lôi sào cắm ở sông lên, để chở thuyền đi.

BÀI TẬP

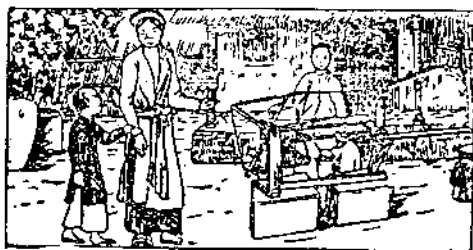
I. Lấy mỗi tiếng sau này mà đặt thành một câu: *buồn rầu, biệt ly, bình yên, khác thường*.

II. Trả lời những câu hỏi sau này: *Khi ăn cơm xong, thì cả nhà đi đâu? Tại sao người đi xa lại buồn rầu? Lúc thuyền nhổ sào, thì cha mẹ anh chúc thế nào? Thuyền đã đi xa, mà người đi ở dưới thuyền còn làm gì?*

Làm văn: Anh đi tiễn một người bạn học xa, thuật chuyện lại.

1. Ngó.

37 Không nên khinh những nghề lao lực



Chớ nên khinh nghề lao lực

Cậu Trác ra tỉnh học đã lâu ngày, nhân dịp Tết được nghỉ, về nhà chơi. Cậu thấy anh đang chân đạp máy cửi, tay đưa thoi, ra dáng vất vả, thì cậu phàn nàn với mẹ rằng:

“Con trông thấy anh con làm ăn mà thương. Con chẳng làm nghề ấy. Con cố học để ngày sau được làm quan, hiển vinh sung sướng.” Bà mẹ cười mà đáp rằng: “Con có chí học hành để mai sau làm quan, mẹ cũng mừng. Nhưng con đừng vội khinh cái nghề của anh con. Anh con có dệt vải, thì bây giờ con mới có quần áo mặc mà đi học, ngày sau con mới có quần áo mặc mà ngồi công đường. Không cứ gì một nghề dệt vải, mà tất cả bao nhiêu nghề khác mà làm bằng chân tay, như cha con đi cày, người thợ rèn sắt, người gồng thuê gánh mướn, người phu kéo xe... Đều là những nghề có ích cả, ta đều phải kính trọng cả mới phải. Con chớ nên cậy có chút học thức mà khinh những người làm ăn vất vả¹.”

Giải nghĩa: Lao lực = nói những nghề làm ăn phải dùng đến sức khỏe, khó nhọc đến thân thể. Tỉnh lý = chỗ quan tỉnh đóng. Cố chí = muốn làm một việc gì cho kỳ được.

1. Cực khổ.

BÀI TẬP

I. Lấy mỗi tiếng sau này mà đặt thành một câu: *tĩnh lý, lao lực, công đường, học thức*.

II. Tìm những tiếng phản nghĩa với những tiếng này: *danh giá, sung sướng, vất vả, mừng rỡ, khinh bỉ*.

Làm văn: Anh kể mấy người làm việc lao lực, mấy người làm việc lao tâm rồi anh kết hai hạng người làm việc đều có ích cho xã hội cả.

38 Rấn¹ đầu biếng học



Cha bảo: “Thằng bé này biếng (nhác) học”

Bài học thuộc lòng

Chẳng phải liu diu, vẫn giống nhà,

Rấn đầu biếng học lẽ không tha.

Thẹn dèn, hổ lửa, đau lòng mẹ,

Nay thét, mai gằm, rất cổ cha.

1. Cứng.

*Ráo mép chỉ quen lời lếu láo,
Lần lưng chẳng khỏi vệt năm ba.
Từ nay Châu, Lỗ, xin siêng học,
Kẻo hổ mang danh tiếng thế gia.*

Lê Quý Đôn

Đại ý: Tục truyền xưa có một người ra cho ông Lê Quý Đôn bài thơ này, lúc ông hãy còn ít tuổi. Đầu đề có chữ “rắn”, ông ứng khẩu làm ngay được, câu nào cũng ghép được tên một thứ rắn: liu điu, hổ lửa, mai gầm, rắn ráo, thần lằn, hổ mang, thật cũng là một nhà thơ có tài vậy.

Giải nghĩa: **Liu điu** = rắn nước; đây dùng nghĩa bóng nói người hèn hạ. **Thẹn đèn, hổ lửa** = ý nói học hành đốt nát, trông thấy đèn lửa mà thẹn thò, xấu hổ. **Nay thét, mai gầm** = ý nói không chịu học, làm cho cha phải quở mắng luôn. **Vết năm ba** = nói phải đòn trên lưng, còn lần. **Châu, Lỗ** = trở đạo Khổng, Mạnh; ông Khổng Tử ở nước Lỗ, ông Mạnh Tử ở nước Châu. **Thế gia** = nói một nhà ông cha đời trước làm nên danh giá.

BÀI TẬP

I. Lấy mỗi tiếng sau này mà đặt thành một câu: *đau lòng, rất cổ, siêng học*.

II. Đối lại với: *biếng học, đau lòng, lếu láo, thế gia* là gì?

III. Cất nghĩa những tiếng *danh, ranh, gianh*. Lấy mỗi tiếng đặt thành một câu.

Làm văn: Kể chuyện một cậu học trò lười bị cha mẹ quở đánh.



Viết thư

Viết thư¹ cho ai tức là lấy chữ viết thay lời nói, tỏ ý với người ta, nghĩa là giải bày những *tư tưởng*, những tính tình của mình bằng chữ viết cho người ta biết.

Vậy thư viết cũng như nói chuyện, phải cho tự nhiên nhưng đã cầm bút viết, thì lời lẽ ắt phải *chải chuốt* hơn và cẩn thận hơn là lời nói.

Thư viết lại cốt phải rõ ràng và *giản dị*, nghĩa là chữ dùng câu đặt, phải cho đâu ra đó, không mập mờ lằng lằng, không nhảm nhí lời thôi, chỉ diễn rõ tư tưởng là đủ, không cần gì phải văn hoa cho lắm.

Thư viết cho họ hàng bạn bè thì cốt phải tỏ lòng tử tế thân ái. Kẻ dưới viết cho người trên thì phải tỏ bụng tôn trọng cung kính, mà người trên đáp lại kẻ dưới thì phải có bụng yêu mến ân cần. Còn thư về việc buôn bán thì phải khúc chiết².

Giải nghĩa: *Tư tưởng* = những điều nghĩ ngợi trong bụng. **Chải chuốt** = tron tru, không lời thôi ngúc ngắc. *Giản dị* = dễ dãi.

1. Thơ. 2. Gãy gọn.

BÀI TẬP

I. Tìm những tiếng phản nghĩa với những tiếng sau này: *tự nhiên, chải chuốt, cẩn thận, rõ ràng*.

II. Tìm những tiếng đồng âm với những tiếng sau này giải nghĩa ra cho rõ: *cầm, cẩn chỉ*.

III. Lấy mỗi tiếng sau này mà đặt thành một câu: *tự nhiên, tin cẩn, khúc chiết, văn hoa*.

40 Chuyện một người thợ đá có lương tâm



Người thợ đá không chịu làm

Người ta ở đời phải ăn ở cho trung hậu thành thực, dầu được giàu sang mà làm điều trái đạo, thì thế nào¹ cũng không làm, mà làm điều ngay lành, thì dầu

có cực khổ, cũng cố² làm cho được.

Xem³ như đời xưa, người Sái Kinh là một đứa gian nịnh có quyền thế, thấy bọn Tư Mã Quang là *trung thần*, không chịu vào đảng với mình, bèn đem lòng ghen ghét, sai thợ khắc tên những ông ấy vào bia đá, bày ở các phủ huyện để làm cho xấu xa. Lúc ấy có một người thợ đá tên An Dân, không chịu khắc, nói rằng:

1. Làm sao. 2. Ráng. 3. Coi.

“Chúng tôi ngu dốt, không hiểu ý làm sao, nhưng cứ như bọn ông Tư Mã Quang thì ai cũng khen là *chính trực*, mà sao lại bảo là *gian tà*, tôi không nổi khắc”. Quan phủ giận, toan bắt tội. An Dân khóc mà nói rằng: “Bắt làm thì tôi xin làm, nhưng xin tha cho, đừng bắt khắc tên người thợ đá dưới bia”. Quan phủ nghe câu ấy, cũng thẹn mặt¹ với người thợ đá.

Giải nghĩa: *Trung thần* = người tôi ngay. *Chính trực* = ngay thẳng. *Gian tà* = người làm điều ác, không ngay thẳng.

BÀI TẬP

I. Lấy mỗi tiếng sau này mà đặt thành một câu: *quyền thế, ghen ghét, bia đá, xấu xa, thẹn mặt*.

II. Tìm những tiếng phản nghĩa với những tiếng sau: *cực khổ, xấu xa, trung thần*.

Làm văn: Người thợ đá dùng những đồ vật gì và làm những cái gì?

41

Chuyện anh em họ Điền



Em đòi chia

Đời xưa có chuyện anh em họ Điền, cha mẹ mất sớm, ba anh em ở với nhau. Anh cả và anh hai lấy vợ

1. Mắc cỡ.

rồi, vẫn cứ ở chung một nhà, mà không có điều gì. Đến khi người con thứ ba lấy¹ phải người vợ không *hiền*, thấy sự ăn tiêu chung chạ như thế, sợ hai anh chiếm giữ mất quyền lợi của mình, mới xui chồng xin ra ở riêng. Người chồng thấy vợ *nói ra nói vào*, cũng chiều lòng mà nói với hai anh xin chia của ra.

Hai anh trước còn không thuận, sau thấy vợ chồng người em cứ kêu nài mãi, bèn đem của cải chia ra làm ba phần. Lúc ấy ở trước sân có một cây *cổ thụ*², xưa nay vẫn tươi tốt. Ba anh em định ngày hôm sau thì chặt xuống để chia ra mỗi người một phần cho đều.

(Còn nữa)

Giải nghĩa: *Hiền* = người có đức hạnh, biết ăn ở phải đạo. *Nói ra nói vào* = nay nói, mai nói để cho người ta xiêu lòng. *Cổ thụ* = cây đã lâu đời.

BÀI TẬP

I. Lấy mỗi tiếng sau này mà đặt thành một câu: *sớm*, *chung chạ*, *chiếm giữ*, *quyền lợi*, *xui*, *chiều*.

II. Tìm những tiếng phản nghĩa với những tiếng sau này: *hiền*, *chung chạ*, *chiều*.

1. Cưới. 2. Cổ thụ.

42 Chuyện anh em họ Điền (tiếp theo)



Anh em định chặt cây

Sáng ngày hôm sau, người anh cả gọi hai em đến để đi chặt cây, thì thấy cây đã chết khô rồi. Người anh cả mới ôm cây mà khóc. Hai em đều nói rằng: “Cây kia đáng giá bao nhiêu mà anh thương tiếc như thế?” Người anh nói: “Nào có vị gì cây này mà ta khóc đâu. Ta nghĩ ba anh em ta cùng một cha mẹ sinh ra, khác gì cây kia một gốc sinh ra bấy nhiêu cành lá, rườm rà tốt tươi là đường nào! Chỉ vì hôm qua ba anh em ta định chặt nó xuống để chia cho nhau, có lẽ nó không nỡ sống mà chịu *phân ly* ra, cho nên mới một đêm mà đã chết khô. Nếu anh em ta phân

ly ra, thì rồi cũng giống như cây này mà thôi. Bởi thế cho nên ta động lòng thương mà khóc”.

Người em thứ ba nghe anh nói vậy, trong lòng cảm động, nghĩ rằng mình không bằng giống *thảo mộc*, mới ôm anh mà khóc rồi *tình nguyện* xin cứ ăn chung ở chung như cũ. Từ đó về sau, họ Điền cứ đời đời ở với nhau rất là hòa thuận, tiếng khen khắp cả thiên hạ.

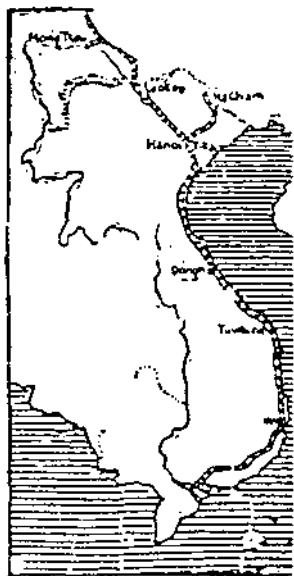
Giải nghĩa: *Phân ly* = phân là chia; ly là lìa. *Phân ly* là chia rẽ nhau ra. *Thảo mộc* = cây, cỏ. *Tình nguyện* = tự mình thuận xin.

BÀI TẬP

Đặt câu: Lấy mỗi tiếng sau này mà đặt thành một câu: *ruòm rà, phân ly, động lòng thương, tình nguyện*.

Làm văn: Kể chuyện một nhà anh em ghét nhau, thành ra thế nào.

43 Sự lợi ích của xe lửa



Ngày xưa, ở nước ta, đường xá ít mà xấu, sự giao thông thật là bất tiện. Nhân dân thường cứ ở đâu biết đó, không năng đi lại, cho nên việc buôn bán làm ăn không mở mang ra được. Bây giờ thì không thế nữa, đường sá đã nhiều lại tốt, lại có xe lửa là một cách giao thông rất tiện lợi cho người ta. Người xứ nọ qua xứ kia dễ như đi chợ vậy. Nhờ vậy người trong Nam ngoài Bắc năng gặp nhau, thành ra không xa cách như trước nữa. Xe lửa lại chở được các thứ sản vật như *nông sản, lâm sản, khoáng sản*, cùng những hàng hóa nơi nọ đến nơi kia,

làm cho các công nghệ càng ngày càng *phát đạt* thịnh vượng thêm, và sự làm ăn cũng dễ dàng hơn trước. Nói rút lại, xe lửa có thể giúp cho sự văn minh tấn bộ được một phần rất lớn. Vậy nên

trong sách Tây có câu rằng: Cứ xem đường xe lửa của một nước nhiều hay ít, thì biết được nước ấy mạnh hay yếu.

Giải nghĩa: **Nông sản** = những sản vật bởi sự trồng trọt mà sinh ra. **Lâm sản** = những sản vật lấy ở trong rừng. **Khoáng sản** = những sản vật lấy ở dưới mỏ. **Phát đạt** = mở mang ra.

BÀI TẬP

I. Lấy mỗi tiếng sau này mà đặt thành một câu: *giao thông, mở mang, tiện lợi, văn minh.*

II. Tìm những tiếng phản nghĩa với những tiếng sau này: *xa cách, thịnh vượng, tấn bộ.*

Làm văn: Anh trông thấy một đoàn xe lửa đi, hình dáng nó thế nào và trong bụng anh nghĩ làm sao, thì nói rõ ra.

44 Nhà ga



Nhà ga

Nhà ga là nơi xe lửa đậu để cho khách lên xuống. Ga nào cũng có chỗ bán vé¹, chỗ cân hàng, buồng làm giấy, buồng cho khách ngồi đợi.

1. Giấy.

Khi xe lửa đến, thì đậu ở trước ga, khách lên xuống xong thì lại chạy. Trong một *đoàn* xe lửa, thì cái xe máy đi đầu có người *tài xế* cầm máy và người đốt lửa. Sau xe máy thì có toa đựng nước và chứa than, rồi đến toa chỗ thư¹ từ và đồ đạc. Sau cùng thì đến các toa *hành khách*. Những toa này chia ra làm nhiều hạng: hạng nhất, hạng nhì, hạng ba và hạng tư.

Giải nghĩa: **Đoàn** = đi một lũ, một dây; đây nói nhiều toa nối với nhau. **Tài xế** = người cầm máy. **Hành khách** = hành: đi; khách: người. Đây nói người đi xe lửa.

BÀI TẬP

I. Lấy mỗi tiếng sau này đặt thành một câu: *xe lửa, hành khách, thư từ*.

II. Tìm những tiếng đồng âm với những tiếng này và cắt nghĩa ra cho rõ: *đổ, than, hàng*.

Làm văn: Trả lời những câu hỏi sau này: *Nhà ga là gì? Trong nhà ga có những gì? Một đoàn xe lửa có những gì? Toa hành khách chia làm mấy hạng?*

1. Tho.

45 Con ngựa khôn ngoan



Người Mường xem túi bạc

Một người Mường cứ mỗi tháng hai phiên đem các đồ vật ra chợ bán. Người ấy cưỡi ngựa, hai bên mình ngựa đeo hai cái giỏ đựng

hàng, đằng trước cổ đeo một cái *bị*, để bán được đồng tiền nào lại bỏ ngay vào đấy.

Một hôm, người Mường đi qua nhà kia, bán được ít *mộc nhĩ*¹, rồi nhảy lên mình ngựa đi, nhưng *thúc* thế nào con ngựa cũng không chịu đi.

Người ấy lại phải nhảy xuống, để xem con ngựa làm sao. Khi nhìn đến cái bị thì sực nhớ ngay lại rằng bán mộc nhĩ quên chưa lấy tiền. Chắc con ngựa biết thế vì nó chưa nghe thấy tiếng tiền bạc bỏ vào bị.

Quả nhiên, lúc đòi tiền bỏ vào bị rồi, thì con ngựa lại *rảo bước* đi ngay. Thế nó có khôn ngoan không?

Giải nghĩa: Bị = đồ đựng, có quai đan bằng cỏ. Mộc nhĩ = mộc: cây, nhĩ: tai; thứ nấm mọc ở các cây mục và có hình như cái tai. Thúc = giục người ta làm việc gì cho mau. Rảo bước = đi mau chân.

1. Nấm mèo.

BÀI TẬP

I. Chọn những tiếng dưới này mà đặt vào chỗ có chấm cho hợp nghĩa: *thắng ngựa, cưới ngựa, phi, tể, bước một, nước kiệu, ngựa ô, ngựa bạch, ngựa hồng.*

Ngồi trên mình ngựa là...

Đóng yên cho ngựa là...

Ngựa đi từng bước là đi..., đi hơi nhanh là..., chạy như bay là... hay là...

Ngựa trắng là... ngựa đen là... ngựa đỏ là...

II. Lấy mỗi tiếng sau này mà đặt thành một câu: *quả nhiên, rảo bước, khôn ngoan, sức nhớ.*

III. Tìm những tiếng phản nghĩa với những tiếng này: *quen, khôn ngoan. Lấy mỗi tiếng đặt thành một câu.*

Làm văn: Trả lời những câu hỏi sau này: *Người Mường mỗi tháng hai phiên đi đâu? Người ấy đeo giỏ, đeo bị vào con ngựa để làm gì? Có một bạn bán hàng xong, sao con ngựa lại không đi? Các anh nghĩ con ngựa làm sao?*

Người đời ngay thật là khôn,
 Gian tham ghen **lận** sao còn được hay?
Mưu thâm chất nặng, chúa đầy,
 Nhà đều ăn cả, tội nay một mình.
 Người làm một việc **chẳng minh**,
 Cũng khi họa đến không dành riêng ai.
 Càng gian, càng giảo ở đời,
 Lại càng khốn đốn nhiều tai âu sầu.
 Dù cho giàu có đến đâu,
 Cũng như nước dốc qua hầu tràn đi.
 Trích ở sách ÂM – CHẤT



Giản tiện

Giải nghĩa: **Lận** = keo cú, bủn xỉn (bỏn xẻn). **Mưu thâm** = dùng những mẹo sâu sắc để lừa gạt người ta. **Chẳng minh** = không được rõ ràng. **Tai** = những điều xảy đến làm cho mình khổ sở. **Cũng như nước dốc qua hầu tràn đi** = câu này ý nói những của

gian tham mà được, thường khi không được bền, tụt rồi lại tán ngay như nước chảy qua chỗ dốc vậy.

BÀI TẬP

I. Tìm những tiếng phản nghĩa với những tiếng này: *ngay, khôn, đầy, riêng, âu sâu, giàu có, họa.*

II. Chọn những tiếng dưới đây mà đặt vào chỗ trống có chấm cho hợp nghĩa: *gian xảo, tham, ghen, ghét.*

Muốn cái gì quá lắm là...

Tức giận vì không bằng người ta là...

Làm những điều khuất khúc, quỉ quái là...

Không ưa người ta hay không ưa cái gì là...

III. Tìm những tiếng đồng âm với những tiếng này và mỗi tiếng đặt thành một câu: *gian, tai, hầu.*

Làm văn: Trả lời những câu hỏi sau này: *Người đời gian tham thường phải chịu làm sao? Gian tham mà được giàu có, sao lại không hay bền? Vậy ở đời, ăn ở cốt phải thế nào là hơn?*

47 Khuyên về làm ruộng

Bài học thuộc lòng

Văn chương phú lục chẳng hay,
Trở về làng cũ học cày cho xong.
Ngày ngày vác cuốc thăm đồng,
Hết nước thì lấy **gàu sòng** tát lên.
Hết mạ ta lại quấy thêm,
Hết lúa ta lại mang tiền đi đong.
Nửa mai lúa tốt đầy đồng,
Gặt về đập **sảy** bỏ công cấy cày.

Ca dao



Vác cuốc thăm đồng

Giải nghĩa: Văn chương = nói gồm cả cách học về đường chữ nghĩa. **Phú lục** = bài văn phải theo vần, theo luật. **Gàu sòng** = một thứ gàu tát nước có ba cái cọc và một người tát. **Sảy** = bỏ thóc vào cái mẹt rồi hắt lên hắt xuống để cho hạt lép bay đi.

BÀI TẬP

I. Tìm những tiếng đồng âm với những tiếng này và cất nghĩa ra cho rõ: *đồng, tát, cuộc*.

II. Lấy mỗi tiếng sau này mà đặt thành một câu: *thăm đồng, quảy, đi đong, bô công*.

Làm văn: Viết cái thư khuyên người anh em về làm ruộng.

48 Có chí thì nên



Ông Châu Trí ngồi học

Ông Châu Trí lúc bé thông minh và chăm học lắm. Năm mới lên mười hai tuổi đã biết làm văn, nhiều người đều khen ngợi.

Song nhà nghèo, ông vẫn phải đến ở nhờ tại chùa Long Tuyên. Không có tiền mua dầu thắp đèn, ông phải đi quét lá đa¹, tối đến đốt lửa lên mà học. Ông học đến năm mười sáu tuổi đã đỗ *giải nguyên*.

Thiên hạ rủ nhau đến mừng và tặng ông một bài thơ:

1. Đa.

Một anh trò kiết chùa Long Tuyền,
Ai ngờ nay lại đỗ giải nguyên,
Ở đời chẳng có việc gì khó,
Người ta **lập chí** phải nên **kiên**.

Giải nghĩa: Giải nguyên = đỗ đầu kỳ thi hương, ta còn gọi là thủ khoa. **Lập chí** = định bụng cố làm việc gì cho kỳ được. **Kiên** = bền, làm một việc gì phải bền lòng, không nản chí.

BÀI TẬP

I. Tìm những tiếng phản nghĩa với những tiếng này: *thông minh, chăm học, khen ngợi, kiết, giỏi, khó*.

II. Cát nghĩa những tiếng *tri* viết *tr* với tiếng *chi* viết *ch* và lấy mỗi tiếng đặt một câu thí dụ.

III. Chọn những tiếng dưới đây mà đặt vào những chỗ có chấm cho rõ nghĩa: *đỗ, hỏng, trượt, thủ khoa*.

Thi mà trúng được là...

Thi mà không trúng là... hay...

Thi mà đỗ đầu gọi là...

Làm văn: Trả lời những câu hỏi sau đây: Ông Châu Trí là người ở đâu? Lúc bé ông học hành giỏi làm sao? Đi thi ông đỗ gì? Lúc thiên hạ đến mừng ông làm gì? Nhắc lại bài thơ người ta tặng ông. Trong bài thơ ấy cốt ý nói cái gì?

49 Một ông quan thanh liêm



Lấy chè không lấy vàng

Ông Trịnh Đàm Toàn là quan đời xưa, có tiếng là người nhân từ trung hậu, chỉ siêng việc nước giúp dân yên, hết lòng bênh vực những kẻ hèn yếu. Thường ai cho gì ông cũng không lấy. Một ngày kia, có người đem lễ một bao trà, ông không muốn nhận, người kia cứ nói mãi, ông nể lòng, bảo cất đi. Đến khi xem ra thì thấy trong bao toàn những đồ vàng cả. Ông không nói gì, lại đẩy nắp lại,

rồi cho gọi người ấy đến mà bảo rằng: “Vừa rồi ta tưởng hết trà uống, mà nhà ngươi lại có lòng tốt đem cho, thì ta lấy. Nhưng bây giờ xem ra thì trong nhà hãy còn đủ uống”. Nói xong đưa bao trà trả lại. Trả rồi ông cũng không tỏ cho ai biết là người ấy đến *cầu cạnh* mình. Ấy, không những ông là một người làm quan thanh liêm mà lại có tính hèn hậu, không hay đem chuyện *bí mật* của người ta mà *thổ lộ* ra ngoài.

Giải nghĩa: Cầu cạnh = xin việc gì. Bí mật = kín đáo. Thổ lộ = tỏ bày cho người ngoài biết.

BÀI TẬP

I. Lấy mỗi tiếng sau này đặt thành một câu: *nhân từ, bênh vực, nể, hèn hậu, bí mật*.

II. Tìm những tiếng phản nghĩa với những tiếng sau này: *bệnh vực, hèn yếu, thanh liêm.*

Làm văn: Anh xem chuyện ông Trịnh Đàm Toàn, bụng nghĩ thế nào? Viết thư nói cho người anh em bạn biết.

50 Thơ con mèo

Bài học thuộc lòng

*Cũng thì nanh vuốt, kém chi đâu,
Chứa biết mèo nào cắn **mũ** nào.
Gióng lịnh tì, **hưu**, tài nhảy nhót,
Ra oai **hùng**, hổ, tiếng **bào** hao.
Ngắm xem biết mèo trèo từ thấp,
Khúm núm thu hình thoát nhảy cao.
Chỉ quyết phen này vồ lấy **cống**,
Rồi lên đài các sẽ **nghe**u ngao.*

Thơ cổ



Hai con mèo

Đại ý: Trong bài, một con mèo có ý nói thì tài ra, thì chẳng chịu kém mèo nào, vì cũng nhảy nhót, cũng kêu gào, cũng mưu mẹo

như các mèo khác. Nếu mèo bắt được chuột thì được thỏa lòng lắm. Bài này lại ngụ ý nói một người học trò khoe tài quyết chí thi cho đỗ mới nghe; tiếng cống trong câu thứ bảy chỉ cống sinh tức là cử nhân đời trước.

Giải nghĩa: **Miêu** = cũng là mèo, đọc ra miêu cho thành âm trắc. **Hươu** = loài mãnh thú. **Hùng** = con gấu. **Bào hao** = tiếng gào thét. **Cống** = chuột cống. **Nghêu ngao** = ý nói kêu tự do, ra dáng đắc chí lắm.

BÀI TẬP

I. Định nghĩa những tiếng sau: *nanh, vuốt, vô, cần* và sau mỗi câu định nghĩa, dẫn thêm một câu ví dụ.

II. Chọn những tiếng sau này mà đặt vào chỗ có chấm cho hợp nghĩa: *gấu, hổ, chuột*.

Hôi như... chù.

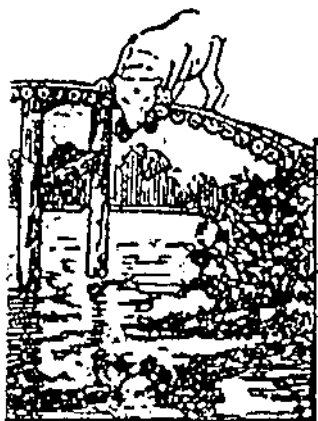
Hồn như...

Dữ như...

III. Tìm những tiếng đồng âm với những tiếng này và giải nghĩa ra cho rõ: *vuốt, chí, vô, cao*.

Làm văn: Tả một con mèo bắt một con chuột.

51 Con chó và miếng thịt



Con chó ngậm miếng thịt

Một hôm, một con chó vào hàng¹ cơm gạo² trộm miếng thịt. Người nhà hàng trông thấy, vác gậy đuổi theo. Con chó đâm đầu chạy. Khi chạy đã xa, đến một cái cầu, con chó đứng lại để ăn. Nhìn xuống sông, thấy có một miếng thịt to hơn miếng thịt đang ngậm trong miệng. Nó liền nhả ngay miếng thịt ấy ra, nhảy xuống sông định lấy miếng thịt ở dưới nước. Nhưng nào có lấy được! Chẳng qua chỉ là bóng

miếng thịt nước chiếu lại mà thôi. Còn miếng thịt, dòng nước *cuồn cuộn* kéo đi, con chó hết sức đuổi theo cũng không sao lấy lại được nữa.

Ôi! Con chó lấy trộm thịt là có tội, con chó nhả bỏ miếng thịt lại là khờ dại. Thả mồi bắt bóng, bóng bắt chẳng được, mồi kia không còn, chẳng là đáng tiếc lắm sao! Người ta ở đời chẳng nên *đứng núi này, trông núi nọ, đã được voi lại còn đòi tiên*. Cái gì đã nắm chắc trong tay, ta chớ nên buông ra mà chực những cái hao huyền³ đâu đâu.

Giải nghĩa: *Cuồn cuộn* = dòng nước chảy nhanh trông như

1. Quán. 2. Táp. 3. Bóng lóng.

cuốn mất đi vậy. **Khờ** = hớ hênh, bị lừa. **Đúng núi này trông núi nọ, được voi đòi tiên** = hai câu tục ngữ, ý nói đã được thế này lại còn đòi thế khác.

BÀI TẬP

I. Lấy mỗi tiếng sau này mà đặt thành một câu: *khờ dại, có tội, hảo huyền*.

II. Tìm những tiếng có thể dùng thay được những tiếng này: *lấy trộm, mồm, kéo đi*.

Làm văn: Trả lời những câu hỏi sau này: *Con chó lấy đâu được miếng thịt? Con chó bị đuổi, chạy mãi đến đâu? Nó trông thấy dưới nước có gì? Nó nhả miếng thịt ra để làm gì? Sau thành ra làm sao? Đọc bài này, các anh nghĩ thế nào?*

52 Đức Khổng Tử

Đức Khổng Tử là ông thánh *chí tôn* trong đạo Nho. Ngài dạy người ta cách ăn ở thế nào là phải đạo luân lý, cùng là hợp¹ với lẽ phải của trời đất. Người nước Tàu và người nước ta đều học theo đạo của ngài.

Thuở ngài còn sống, ngài đã làm quan ở nước Lỗ, sau ngài đi khắp nhiều nước bên Tàu, để đem thi hành cái đạo của ngài, nhưng vì các vua đời bấy giờ không biết nghe lời ngài, cứ lo việc đánh nhau, cho nên ngài lại trở về nước Lỗ, làm sách và dạy học trò.

1. Hiệp.



Đức Khổng Tử

Học trò của ngài đông đến hơn ba nghìn người, mà ai cũng tôn kính và yêu mến ngài như cha. Đến khi ngài mất, các học trò thương nhớ *vô cùng*, đều để *tâm tang* ba năm nữa mới thôi. Trong học trò ngài, có thầy Tử Cống nhớ ơn ngài, làm nhà gần bên mộ mà ở đến sáu năm.

Về sau, các vua chúa đời nào cũng sùng bái ngài. Đến ngày nay ở các làng thì có văn chỉ, ở các tỉnh thì có văn miếu, chỗ nào cũng thờ ngài một cách rất kính trọng.

Giải nghĩa: **Chí tôn** = rất tôn, tôn quý hơn cả. **Vô cùng** = không bao giờ hết. **Tâm tang** = để tang trong bụng, chớ không mặc đồ tang. **Sùng bái** = tôn trọng, kính phục.

BÀI TẬP

I. Lấy mỗi tiếng sau này mà đặt thành một câu: *thi hành, đạo, sùng bái, văn miếu*.

II. Tìm và cắt nghĩa những đồng âm với những tiếng sau này: *tàu, sống, tang, đông*.

Làm văn: Tả cái văn chỉ làng anh.

53 Ông Mạnh Tử



Ông Mạnh Tử

Ông Mạnh Tử là học trò cháu Đức Khổng Tử. Ông cũng toan đem đạo của ngài ra mà thi hành, nhưng vì người thời bấy giờ¹ không ai biết dùng. Ông bèn làm ra sách Mạnh Tử để dạy người ta những điều nhân nghĩa. Ông sở dĩ thành một người có *đức vọng* như thế, là vì ông biết *lập chí* từ lúc hầy còn trẻ.

Thuở ông còn nhỏ, cha mất sớm, mẹ nuôi cho đi học, ông thường bỏ về nhà chơi. Một hôm, bà mẹ thấy vậy, bèn lấy dao cắt đứt khung cửi (khung cửi) của bà đang dệt mà bảo rằng: “Người ta phải lập chí cho bền thì mới nên được người có đức hạnh, nếu không thì có khác gì như tấm vải đang dệt chưa xong này, mà đem cắt đứt đi, thì còn dùng làm gì được nữa.” Ông nghe lời ấy, quyết chí học tập, *suốt* được cái đạo của thánh nhân, thành một bậc đại hiền trong đạo Nho vậy.

Giải nghĩa: **Sở dĩ** = tiếng nói đệm, nói lót, cũng như nói bởi đâu. **Đức vọng** = có danh tiếng to, có thể làm gương cho người ta bắt chước. **Lập chí** = định cái chí của mình, không thay đổi nữa. **Suốt** = hiểu hết được, biết đến nơi, đến chốn. **Thánh nhân** = đây là nói đức Khổng Tử.

1. Lúc đó.

BÀI TẬP

I. Lấy mỗi tiếng sau này mà đặt thành một câu: *nhân nghĩa, đứt khung cửa, đức hạnh*.

II. Tìm và cắt nghĩa rõ những tiếng đồng âm với những tiếng sau này: *nhân, điều, tất*.

Làm văn: Anh viết thư cho bác anh, nói anh đã lập chí định học làm gì.

54 Vĩ nhớ mà buồn



Bài học thuộc lòng

*Đêm qua ra đứng bờ ao,
Trông cá, cá lặn, trông sao, sao mờ.
Buồn trông con nhện chăng tơ,
Nhện ơi, nhện hỡi, nhện chờ mối ai?
Buồn trông chênh chếch sao mai,
Sao ơi, sao hỡi, nhớ ai sao mờ?
Đêm đêm tưởng dải Ngân hà,
Chuôi¹ sao tinh đầu đã ba năm tròn.
Đá mòn nhưng dạ chẳng mòn,
Tào Khê nước chảy hãy còn tro tro.*

Ca dao

Giải nghĩa: Chênh chếch = nghiêng nghiêng. Ngân hà = ở trên trời có dải dài nhiều sao li ti, trông sang sáng, ta gọi là sông Ngân

1. Cán.

hà. **Tinh đầu** = sao Đại Hùng tinh ở gần sao Bắc Cực. **Tào Khê** = tên cái khe bên Tàu.

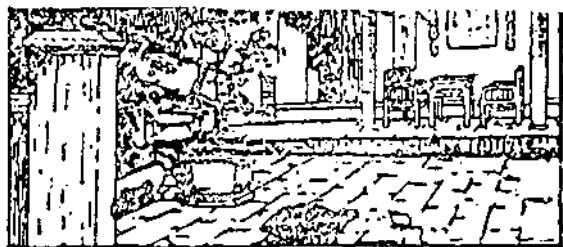
BÀI TẬP

I. Lấy mỗi tiếng sau này đặt thành một câu: *lặng, mờ, mối, chuỗi*.

II. Tìm những tiếng phản nghĩa với những tiếng này: *buồn, chẳng, mòn*.

Làm văn: Một đêm trời thanh mây lặng, anh trông lên trời thấy những gì, anh kể ra.

55 Con rùa và con chuột



Con rùa và con chuột

Con chuột chạy nhưng nhặng¹ khắp nhà, gặp con rùa đang *lịch kịch* kéo cái mai, ra bộ nặng nề lắm. Chuột

liền đến bên cạnh, quật đuôi, nhếch miệng, than thở hộ cho con rùa rằng: “Mày ở trong cái mai ấy khác gì như ở trong *ngục* tối. Khốn thay! Thế mà mày chịu được! Tao đây, cả một tòa *lâu đài*

1. Lung lảng.

trang hoàng rực rỡ, trên, dưới, trong, ngoài tao chơi đâu cũng được.” Rùa nghe nói, đáp rằng: “Nhà tôi ở bé nhỏ thật, nhưng là nhà của tôi; nhà bác ở cao rộng thật, nhưng là nhà của người. Nhà của mình mình ở, dầu bé nhỏ cũng còn hơn ở lâu đài của người ta.

*Ta về ta tắm ao ta,
Dầu trong dầu đục, ao nhà đã quen.*

Giải nghĩa: **Lịch kịch** = ý nói đi ra dáng nặng nhọc lắm. **Ngục tối** = chỗ giam những người có tội nặng. **Lâu đài** = nhà sang trọng to lớn. **Trang hoàng** = bày biện sang trọng. **Ta về ta tắm...** = câu ca dao ý nói ta về ở nhà ta, dầu cho nghèo hèn thế nào cũng hơn ở chỗ khác.

BÀI TẬP

I. Lấy mỗi tiếng sau này mà đặt thành một câu: *nhếch miệng, than thở, dạo chơi, thiết tưởng.*

II. Tìm những tiếng phản nghĩa với những tiếng sau này: *nặng nhọc, rực rỡ, bé nhỏ, đục, quen.*

III. Nói rõ những tiếng dưới này, tiếng nào dùng nghĩa đen, tiếng nào dùng nghĩa mượn: *Khởi vòng cong đuôi; nói dối thò đuôi, mèo chạy cong đuôi. Bụng kín miệng bình; súc cho sạch. Nhà nho thâm thúy; nhà gianh vách đất. Cửa buồng khóa chặt; cửa biển mônong mônong.*

Làm văn: Trả lời những câu hỏi sau này: *Con chuột phàn nàn cho con rùa làm sao? Con rùa đáp lại thế nào? Giải rộng ý nghĩa ngụ trong bài này ra.*

56 Vào hè



Đàn ta, ta gảy khúc Nam nghe

Ai xui con cuộc gọi¹ vào hè.
Cái nóng nung² người, nóng nóng ghê!
Ngõ trước, vườn sau um những cỏ.
Vàng phai, thắm³ nhạt⁴ ngán cho huê.
Đầu cành⁵ kiếm bạn, oanh xao xác.
Trong tối đưa bay, đóm lập lòe⁶
May được nồm nam con gió thổi.
Đàn⁷ ta, ta gảy⁸ khúc Nam nghe.

Thơ cổ

Đại ý. Bài thơ này tả cái cảnh mùa hè: hai câu mở đầu nói mùa hè nóng nực lắm, tiếng cuộc kêu khắc khoải; bốn câu giữa nói hẩn vào bài: cây cối um tùm, hoa nhạt sắc gần tàn, oanh kêu xao xác, đóm đóm lập lòe. Hai câu cuối đóng bài nói mùa hè mà được con gió mát thổi thì lấy làm sung sướng lắm.

Giải nghĩa: Vào hè = bắt đầu mùa hè, đối với ra hè là hết mùa hè. Oanh = chim vàng anh. Nồm nam = gió thổi hướng đông nam lại. Gảy khúc Nam = đây nói bài đàn hát cổ về gió phương nam thổi.

BÀI TẬP

I. Tiếng *cuộc* viết c với tiếng *quốc* viết q có những nghĩa khác nhau thế nào? Lấy mỗi tiếng nghĩa khác nhau đặt làm một câu.

1. Quắc kêu. 2. Đốt. 3. Đỏ. 4. Lạt. 5. Nhàn. 6. Lập lòe. 7. Đờn. 8. Khảy.

II. Lấy bốn câu giữa (thứ ba, bốn, năm, sáu) mà đặt làm văn xuôi.

III. Chọn những tiếng sau này mà đặt vào những nơi có chấm cho hợp nghĩa: lửa cháy, thiêu đốt, cuộc kêu, đom đóm.

Nắng như...

Nóng như...

Lập lòe như...

Khắc khoải như...

Làm văn: Tả cái cảnh một buổi trưa hè ở nhà quê.

57 Con mèo và con chuột



Con mèo và con chuột

Một chú chuột ló đầu ra ngoài tổ¹, trông thấy một bác mèo chọt đi qua. Chú chuột đưa lời trách oán rằng: “Bác thật là độc ác! Họ nhà chúng tôi có dám *trêu* đầu đến các bác, mà sao các bác cứ rình đêm, rình ngày để bắt bớ chúng tôi. Bác phải biết ở đời

ác nghiệt lắm có hay gì. Phải có chút lòng *nhân nghĩa* mới sung sướng được.” Mèo bảo: “Ôi chao! Chú bé khôn ngoan lắm! Chú có nói, bây giờ tôi mới biết ở đời *nhân nghĩa* cần như thế! Tôi xin

1. Ổ.

nghe lời chú. Từ rày tôi thề không dám *động chạm* đến họ hàng chuột nhà ta nữa. Chú ra đây, chú đừng sợ gì. Tôi đã có lòng yêu chú, thương chú lắm đấy.”

Chuột nghe lấy làm *bùi tai*, liền chạy lại chơi với mèo, cái tình *giao kết* tưởng bắt đầu thân thiết ngay từ đây. Nào ngờ chuột vừa ra khỏi tổ, mèo nhảy ngay lại vỗ lấy, cắn chết ăn thịt.

Đời nào mèo lại tha bắt chuột!

Giải nghĩa: **Trêu** = gọi cái tức, chọc cái tức của người ta ra. **Nhân nghĩa** = lòng công bằng và thương yêu người. **Động chạm** = ý nói không dám làm hại chuột nữa. **Bùi tai** = nghe cái gì làm vui tai, vui bụng. **Giao kết** = làm bạn bè với nhau.

BÀI TẬP

I. Lấy mỗi tiếng sau này đặt thành một câu: *trách oán, trêu chọc, rình mò, giao kết*.

II. Gắt nghĩa những tiếng *day*, tiếng *giay* và tiếng *rày* và lấy mỗi tiếng đặt một câu thí dụ.

III. Tìm những tiếng có thể thay cho những tiếng này: *chợt, một chút, nghe lời, từ rày, bùi tai, giao kết*.

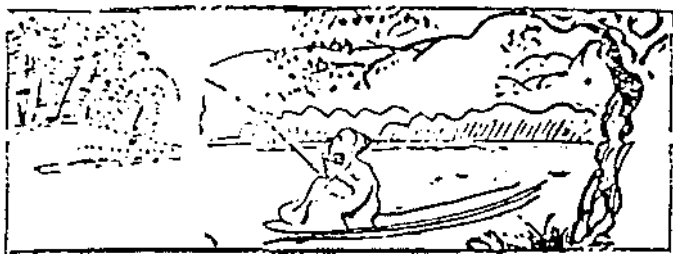
Làm văn: Trả lời những câu hỏi sau này: *Con chuột trách con mèo thế nào? Con mèo nói lại làm sao? Con chuột nghe con mèo mà bị làm sao? Bài này có ý dạy ta gì?*

58 Mùa thu ngồi câu cá

Bài học thuộc lòng

Ao thu lạnh lẽo nước **trong veo**,
Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo.
Sóng biếc theo làn hơi gợn tí,
Lá vàng trước gió khẽ **đưa vèo**.
Tùng mây lơ lửng, trời xanh ngắt,
Ngõ trúc quanh co, khách vắng teo.
Tựa gối ôm cần lâu chẳng được,
Cá đâu đớp động dưới chân bèo.

Thơ cổ



Mùa thu câu cá

Đại ý: Bài này tả cái cảnh một ông già, đang ngồi trong chiếc thuyền con mà câu cá ở dưới ao. Trời xanh, nước biếc, lá vàng rụng, gió huu huu thổi là cái cảnh mùa thu; tựa gối, ôm cần, khách vắng là cái cảnh nhàn hạ.

Giải nghĩa: Trong veo = trong suốt. Làn = gợn nước theo chiều

gió đưa về một ngã nào. **Đưa về** = lá rụng xuống mặt nước, gió thổi chạy nhanh như thuyền.

BÀI TẬP

I. Cất nghĩa những tiếng sau này và lấy mỗi tiếng đặt thành câu: *trong veo, gọn tí, đưa về, xanh ngắt, vắng teo.*

II. Tìm những tiếng phản nghĩa với những tiếng này: lạnh, trong, bé, quanh co, vắng.

II. Tìm những tiếng đồng âm với những tiếng sau này và dùng mỗi tiếng làm một câu: *thu, vàng.*

Làm văn: Anh nói một người đi câu phải cần đến những đồ vật gì và mỗi cái dùng để làm gì.

59 Mỹ thuật



Người thợ vẽ

Người thợ chạm

Người đánh đàn

Mỹ thuật là những nghề người ta làm để phô trương cái đẹp ra. Nghề vẽ, nghề làm nhà, nghề đàn sáo, nghề múa nhảy, nghề làm thơ, nghề diễn thuyết, là mỹ thuật cả.

Người ta nếu chỉ mong ăn cho đủ no, mặc cho đủ ấm, thì đòi người cũng tẻ¹ lắm. Nhưng thường ngoài những cái *thiết dụng*, người ta lại còn thích cái đẹp, cái vui nữa. Com ăn đã vậy, nhưng có xới vào bát kiểu, có và bằng đĩa mun, thì ăn mới ngon hơn, Áo quần mặc đã vậy, nhưng có điểm thêm bộ nhấn², cái vòng, đôi hoa (bông), thì người mới đẹp thêm ra. Nhà ở có đắp³, có chạm, có trần thiết trang hoàng, thì mới lịch sự. Vui tai, thì nghe tiếng đàn, tiếng hát; vui mắt, thì xem múa nhẩy cùng các tranh vẽ; vui trí, thì ngâm vịnh văn thơ. Những cái vui tai, vui mắt, vui trí, sinh ra các mỹ thuật. Vậy các mỹ thuật cũng có ích, chớ không phải là vô dụng, mỹ thuật làm cho đời người thêm sung sướng, thêm *cao thượng*.

Giải nghĩa: *Thiết dụng* = cần dùng, không có không được. *Cao thượng* = chuộng những thú thanh cao.

BÀI TẬP

I. Tìm những tiếng đồng nghĩa với những tiếng sau này: *nghề vẽ, nghề chạm, nghề làm nhà, nghề đàn sáo, nghề nhẩy múa, nghề làm thơ, nghề diễn thuyết*.

II. Tìm những tiếng đồng âm với những tiếng sau này mà cắt nghĩa cho rõ: *thuật, đàn sáo, ấm*.

III. Lấy mỗi tiếng sau này mà đặt thành một câu: *mỹ thuật, phô trương, sung sướng, cao thượng*.

Làm văn: Các mỹ thuật đã kể trong bài này, thì anh thích mỹ thuật nào? Tại sao?

1. Lặt. 2. Cà rá. 3. Khuôn tô.

60 Buôn bán phải thật thà

Bài học thuộc lòng

*Tin nhau buôn bán cùng nhau,
Thiệt, hơn, hơn thiệt trước sau như nhời¹.*

*Hay gì lừa đảo kiếm lời,
Một nhà ăn uống, tội trời riêng mang.
Theo chi những thói gian tham,
Pha phôi thật giả, tìm đường dối nhau.*

***Của phi nghĩa có giàu đâu,**
Ở cho ngay thật, giàu sau mới bền.*

Ca dao



Giải nghĩa: **Pha phôi** = lẫn lộn, điên đảo. **Của phi nghĩa** = của lấy không hợp với lẽ công bằng.

BÀI TẬP

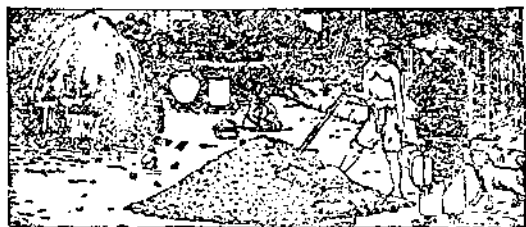
I. Tìm và cắt nghĩa những tiếng đồng âm với những tiếng sau này: *mang, lừa.*

II. Tìm những tiếng phản nghĩa với tiếng này: *giàu, thiệt, gian tham.*

Làm văn: Trả lời những câu hỏi sau này: *Buôn bán cần phải thế nào? Người buôn bán giả dối thì thiệt hại làm sao? Thế nào gọi là của phi nghĩa?*

1. Lờ.

61 Hai anh em



Người em xúc thóc

Hai anh em một nhà, nhưng tâm tính khác nhau. Em thì muốn *yên phận thủ thường*, anh thì lại chỉ thích công danh phú quý.

Khi cha mất được ít lâu, anh bèn thu thập¹ tiền nông đem ngay ra tỉnh, để lo chút phẩm hàm. Đợi mãi gặp dịp, anh mới lo được chút *cửu phẩm văn giai*. Anh lấy làm tự tôn tự trọng, bèn trở về quê cũ, áo sa, nón giựa, rõ ra dáng ông Cửu lăm, để sắp sửa ăn khao (ăn mừng) cả hàng xã.

Anh về nhà, thấy em đang cời trần, xúc thóc² đổ vào vựa, thì lấy làm thẹn thò mà bảo rằng: “Chú làm ăn, tôi coi hèn hạ lắm. Sao chú không theo tôi kiếm lấy chút phẩm hàm, lại cứ đành giữ cái tiếng *bạch đình* người ta chê cười ấy?”

Em đáp: “Em cũng biết ở chốn hương thôn, có chút phẩm hàm, thì vẻ vang thật³. Nhưng em thiết nghĩ phải tốn bao nhiêu công của, mất bao nhiêu ngày giờ, lại còn vào luồn ra cúi, khổ đến thế nào, mới mua được chút công danh hào⁴, thì em đây thật không muốn. Cái chí của em chỉ muốn nối lấy nghiệp cũ của

1. Thu thập. 2. Lúa. 3. Rõ ràng thiệt. 4. Vô dụng.

ông cha cho xứng đáng; làm ăn tuy có phần vất vả¹, nhưng trong bụng lúc nào cũng được thông thả, vui vẻ, không phải lo lắng, luồn lụy² ai sốt cả³.

Giải nghĩa: Yên phận thủ thường = được làm sao bằng lòng như vậy, giữ lấy mực thường. **Phú quý** = giàu sang. **Cửu phẩm văn giai** = bậc thứ chín (bậc cuối cùng) trong phẩm trật các quan văn. **Bạch đình** = chân trắng, những người ở trong làng không có phẩm tước ngôi thứ gì.

BÀI TẬP

I. Lấy mỗi tiếng sau này mà đặt thành một câu: *ăn khao, yên phận, lập công danh, thu tiền nông, giữ nghiệp cũ.*

II. Tìm những tiếng phản nghĩa với những tiếng này: *tôn trọng, vẻ vang, vui vẻ, phú quý, vất vả.*

Làm văn: Trả lời những câu hỏi sau này: *Hai anh em nhà kia tâm tính khác nhau thế nào? Lúc cha mất, anh ra tỉnh làm gì? Còn em cứ ở nhà làm gì? Như ý anh thì anh cho ai là phải? Tại làm sao?*

1. Cực khổ. 2. Chịu lụy. 3. Hết thầy.

62 Ông Tô Hiến Thành



Ông làm quan về cuối đời nhà Lý. Tính người trầm trọng, cẩn thận, *tài kiêm văn võ*. Làm tướng đi đánh giặc, thì thương yêu *sĩ tốt*, bênh vực dân sự, đánh đâu được đấy, quân giặc nghe tiếng đều phải kinh sợ. Làm quan, thì lo sửa sang việc chính trị, mở mang sự học hành, trừ bỏ những kẻ gian nịnh. Bao giờ ông cũng quên mình mà lo việc nước.

Khi vua mất, ông làm phụ trách chính giúp *tự quân* hãy còn thơ ấu. Bấy giờ có một bà Thái hậu muốn bỏ *tự quân* mà lập con mình, cho người đem vàng bạc đút lót cho ông. Ông nhất định không nghe, cứ một niềm giữ lòng trung thành, hết sức giúp *ấu chúa*, theo lời dặn của tiên quân.

Đến khi ông phải bệnh nặng, có người Võ Tán Đường đem ngày châu chực hầu hạ, có ý muốn được ông cử mình lên thay. Nhưng đến khi bà Hoàng Thái hậu đến thăm, hỏi ai có thể thay được ông. Ông cử quan đại phu Trần Trung Tá. Bà Thái hậu *ngạc nhiên* hỏi sao ông không cử Võ Tán Đường? - Ông tâu rằng: “Nếu ngài hỏi người hầu hạ, thì tôi xin cử Võ Tán Đường, nhưng hỏi người giúp nước, thì xin cử Trần Trung Tá”.

Ông trung thành như thế, và lại tài giỏi hơn người, cho nên đời sau ai cũng kính phục và thường ví ông với ông Gia Cát Lượng bên Tàu.

Giải nghĩa: Tài kiêm văn võ = có tài gồm cả văn võ. Sĩ tốt = quân lính. Tụ quân = ông vua lên nối ngôi. Ấu chúa = vua còn trẻ tuổi. Tiên quân = vua đã mất rồi. Ngạc nhiên = lấy làm lạ.

BÀI TẬP

I. Lấy mỗi tiếng sau này mà đặt thành một câu: *trầm trọng, cẩn thận, gian nịnh, thơ ấu, đứt lót, trung thành*.

II. Tìm những tiếng đồng nghĩa với những tiếng này: *cẩn thận, trung thành, thổ lộ, ngạc nhiên*.

Làm văn: Trông hình vẽ mà tả áo mũ của quan đại thần ra thế.

63 Thơ Thăng Mỗ (Anh seo, xâu)



Thăng mỗ đi rao

Bài học thuộc lòng

*Mỗ này cả tiếng lại dài hơi,
Mấn cán ra tay chẳng phải chơi.
Mộc đặc vang lừng trong mấy cõi,
Kim thanh chuyển động khắp đôi nơi.*

*Trẻ già chốn chốn đều nghe hiệu,
Làng nước ai ai cũng cứ lời.
Thứ bậc dưới, trên, quyền cất đặt,
Một mình một chiếu thành thoi ngồi.*

Thơ cổ

Đại ý: Thành mỗ là người đề hạ nhất trong làng, tuy vậy, có tiếng mỗ rao khắp các thôn xóm, thì các người trong làng mới biết việc mà hội họp nhau lại. Bài thơ này khéo về lúc tả những cái rất hèn hạ mà chuyển thành những cái rất tôn trọng.

Giải nghĩa: **Mẫn cán** = nhanh nhẹn và chăm chỉ. **Mộc đặc** = mỗ gõ. **Kim thanh** = tiếng kêu vang. **Cứ lời** = theo như lời mỗ đã rao.

BÀI TẬP

I. Cắt nghĩa những tiếng: *mấy, lời, với, mới*. Lấy mỗi tiếng đặt thành một câu thí dụ.

II. Đặt hai câu thơ cuối bài (thứ bảy và thứ tám) ra làm văn xuôi.

III. Tìm và cắt nghĩa những tiếng đồng âm với những tiếng này: *trong, cán, nước*.

Làm văn: Anh trông thấy cái mỗ thế nào thì tả ra.

64 Thơ cái chổi

Bài học thuộc lòng

*Lời chúa vàng truyền xuống **ngọc giai**,*

*Cho làm lệnh tướng quét **trần ai**.*

Một tay vùng vẫy trời tung gió,

*Bốn cõi **tung hoành** đất sạch gai.*

Ngày vắng rủ mây cung bắc Hán,

Đêm thanh dựa nguyệt chốn lâu đài.

Ôm lòng gốc rễ lâu càng giải,

*Mòn mỗi lưng còn một cái **đài**.*

Thơ cổ



Cái chổi

Đại ý: Bài này tả một cái chổi quét bụi bẩn khắp mọi nơi, quét sạch rồi thanh thoi nghỉ một chỗ, và cứ quét mãi đến cùn, mòn hết cả mà không quản ngại. Nhưng tuy là cái chổi, mà rõ ra khí tượng một anh hùng trí dũng, lúc tiến thì ngang dọc đông tây, lúc thoái thì thanh thoi đài các, bao giờ cũng hết một lòng vì vua vì nước.

Giải nghĩa: Ngọc giai = thềm ngọc, chỉ thềm nhà vua chúa. Trần ai = bụi bặm, chỉ khoảng thế gian. Tung hoành = dọc ngang, ý nói quét ngang, quét dọc đủ các chiều. Ngày vắng rủ mây cung bắc Hán = câu này nói ban ngày cái chổi để thanh thoi

một chỗ. **Ôm lòng gốc rễ lâu càng giài** = câu này ý nói cái chổi quét mãi, mỗi ngày một cùn, còn trố cái gốc ở bên trên ra.

BÀI TẬP

I. Những tiếng: *một tay, tung gió, tung hoành, rủ mây, đêm thanh*, ở trong bài này đối với những tiếng nào?

II. Lấy mỗi tiếng dưới này đặt thành một câu: *rủ, dựa, giài, mới*.

III. Cắt nghĩa những tiếng *rễ* viết *r* với tiếng *ễ* viết *d*. Lấy mỗi tiếng đặt làm một câu thí dụ.

Làm văn: Tả một cái chổi xể.

65 Đời người

Một người đương đi ở trên núi. Đến một nơi, có hòn đá lăn ra hết cả lối đi, không chen chân vào đâu mà bước qua được nữa.

Người ấy cố hết sức đẩy hòn đá, nhưng hòn đá nặng lắm, đẩy làm sao cho *xuể*. đành chịu bó tay ngồi một chỗ mà lo nghĩ: “Nếu ta cứ phải ở đây, trời tối đến, cơm nước không có, chỗ nằm cũng không, hùm beo ra nó vồ mất thì còn gì là *tính mạng*!”

Khi người ấy đương nghĩ thế, có một người khác cũng muốn đi qua đấy, hết sức đẩy hòn đá, nhưng hòn đá cũng chẳng chuyển.

Sau, năm bảy người nữa đến, người nào cũng chực đẩy hòn đá để lấy lối đi, nhưng hòn đá vẫn trơ trơ chẳng ai lay chuyển được. Bấy giờ có một người gọi cả bao nhiêu người kia lại mà bảo rằng:



Đẩy tảng đá

“Anh em ta thử hạp¹ sức nhau vào cùng đẩy hòn đá này xem sao.”

Bấy nhiêu người đều ùa² nhau vào đẩy, thì hòn đá lăn ra bên đường và bấy giờ mới có lối đi, ai về nhà người nấy.

Ấy cái cuộc đời người cũng như thế. Người đi đường ấy tức là người ta, sự đi đường tức là đời người, hòn đá tức là những chuyện khó khăn ở đời. *Thả sức* ra, một người không làm được gì cả, có hạp sức nhau lại mới làm nên công kia việc nọ.

Giải nghĩa: *Xuể* = đủ sức, đủ tài làm một cái gì. *Tính mạng* = cũng nghĩa như đời. *Thả sức* = dùng hết sức để làm một việc gì.

BÀI TẬP

I. Lấy mỗi tiếng sau này mà đặt thành một câu: *làm xuể, bó tay, lo nghĩ, lay chuyển, cố sức*.

II. Tìm những tiếng phản nghĩa với những tiếng này: *tối, hội hạp, khó khăn*.

III. Cắt nghĩa những tiếng *đều* và tiếng *điều*. Lấy mỗi tiếng đặt thành một câu thí dụ.

Làm văn: Trông cái tranh vẽ mà kể lại câu chuyện này.

1. Hiệp. 2. Hùa.

66 Ông Nguyễn Văn Hiếu



Ông Nguyễn Văn Hiếu ngồi xử kiện

Ông Nguyễn Văn Hiếu thuở nhỏ nhà nghèo, đi làm mướn, cắt cỏ cho người ta để kiếm ăn. Sau theo ông Võ Tánh ra giúp vua Gia Long đi

đánh giặc, lập được nhiều công. Khi việc đánh dẹp xong rồi, vua sai ông ra làm *trấn thủ* ở Bắc kỳ.

Ông làm quan rất thanh liêm, không lấy gì của ai bao giờ. Ông lại nghiêm cấm những người nhà không cho giao thông với những người ngoài. Mồng năm ngày tết, ai cho gì cũng không lấy. Ông làm quan to mà nhà vẫn nghèo, lương bổng chỉ đủ ăn, chớ không thừa chút nào. Bà vợ thường hay phàn nàn vì nổi nhà nghèo. Ông cười mà nói rằng: “Bà không nhớ khi ta phải đi cắt cỏ thuê, cơm không có mà ăn, áo không có mà mặc hay sao? Nay được như thế này, còn đòi gì nữa, mà lại muốn lấy của phi nghĩa để làm giàu ru?”

Ông làm quan rất có nhân, và ngăn cấm bọn lại thuộc không cho quấy nhiễu nhân dân, bởi vậy ông ở đâu, dân sự cũng yêu mến lắm. Khi ông làm trấn thủ Nghệ An, một hôm cùng với các quan đồng liêu tra án bọn ăn cướp, có đứa đã chịu thú tội, mà các quan còn muốn tra tấn nữa. Ông nói rằng: “Chúng nó cùng khổ

mới sinh ra làm bậy, nay đã thú tội rồi, thì cứ theo luật mà làm án, hà tất phải kìm kẹp cho lắm làm gì?”

Tính ông thật thà và cần mẫn, đối với người thì rất khoan hòa dễ dãi. Ông thật là một ông quan thuần lương, nghĩa là giỏi và liêm, xưa nay ít có vậy.

Giải nghĩa: **Trấn thủ** = quan đời xưa, cũng như tuần phủ, tổng đốc bây giờ. **Đồng liêu** = người cùng làm quan với nhau. **Thú tội** = nhận tội.

BÀI TẬP

I. Lấy mỗi tiếng sau này mà đặt thành một câu: *thanh liêm, nghiêm cấm, giao thông, phản nân, khoan hòa.*

II. Tìm những tiếng phản nghĩa với những tiếng sau này: *nghèo, yêu mến, khoan hòa, thuần lương.*

Làm văn: Một hôm, có ông quan về làng anh, anh thấy thế nào, kể ra.

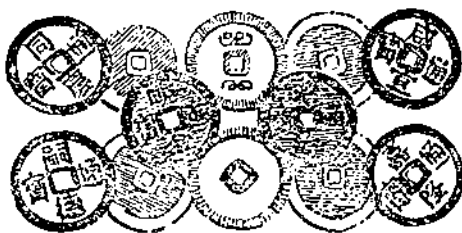
67 Đi chợ tính tiền

Bài học thuộc lòng

Một quan **tiền** tốt mang đi,
Nàng mua những gì mà tính **chẳng** ra.
Thoạt **tiền** mua ba **tiền** gà,
Tiền **ruôi** gạo nếp với ba **đồng** trâu.
Trở lại mua sáu **đồng** cau,
Tiền **ruôi** miếng thịt, giá rau **mười** **đồng**.

Có gì mà tính chẳng thông?
 Tiền rười gạo tẻ, sáu đồng chè tươi.
 Ba mươi đồng rượu chàng ơi,
 Ba mươi đồng mật, hai mươi đồng vàng.
 Hai chén nước mắm rõ ràng,
 Hai bảy mươi bốn, kẻ chàng hồ nghi.
 Hai mươi mốt đồng bột nấu chè,
 Mười đồng nải chuối, chẵn thì một quan.

Ca dao



Giải nghĩa: Tiền tốt = tiền tiêu được. Vàng = đồ làm bằng giấy cúng rồi đốt đi. Hồ nghi = ngờ vực, không biết rõ.

BÀI TẬP

I. Tìm những từ phản nghĩa với những tiếng này: gạo tẻ, chè tươi, hồ nghi.

II. Tìm những tiếng đồng nghĩa với những tiếng sau này và cất nghĩa ra cho rõ: thoạt tiên, chẳng thông, rõ ràng.

Làm văn: Anh đã đi với mẹ anh ra chợ, anh thấy những gì thì anh kể ra.

68 Chuyện Lưu Bình Dương Lễ



Chú Lưu Bình, sao chú lẩn khăn

Lưu Bình và Dương Lễ là hai người bạn chơi với nhau từ thuở còn nhỏ, rất thân thiết. Dương Lễ nhà nghèo, Lưu Bình đem về nuôi, để cùng nhau đêm

ngày đèn sách học tập. Dương Lễ chịu khó chăm¹ học, chẳng bao lâu thi đậu, được bổ đi làm quan. Lưu Bình thì cậy mình nhà giàu, hay chơi bời, cho nên thi mãi không đậu. Về sau lại bị giặc giả cướp phá, nhà cửa sa sút, lúc ấy muốn học, cũng không có tiền mà ăn học nữa, mới tìm đến chỗ Dương Lễ ở, để mong nhờ bạn cũ.

Dương Lễ từ khi đi làm quan, vẫn có lòng nhớ Lưu Bình; khi được tin bạn đến, trong bụng đã mừng, nhưng lại nghĩ rằng: bạn ta hay chơi bời cho nên bây giờ mới khổ. Nếu ta đưa về nuôi, rồi lại sinh lười biếng, thì bao giờ cho thành thân được. Bèn giả làm mặt giận mà nói rằng: “Người làm quan không có bạn bè với người đói khổ”, rồi sai lính đuổi đi. Lưu Bình tức giận ra về.

Dương Lễ vào bảo Châu Long đi nuôi bạn thay mình. Châu Long vâng lời, đem tiền của đi, giả làm người buôn bán, đưa Lưu

1. Siêng.

Bình về nuôi cho ăn học. Trong ba năm, Lưu Bình cố gắng hết sức. Đến khi thi đậu, định đến nhà Dương Lễ để trách mắng, Dương Lễ cho Châu Long ra chào. Bấy giờ Lưu Bình mới biết là người bạn đã hết lòng với mình. Từ đó, hai người lại thân thiết hơn trước.

Giải nghĩa: Sa sút = suy đồi, nghèo ngặt, không như trước.
Thành thân = làm nên danh phận.

BÀI TẬP

I. Lấy mỗi tiếng sau này mà đặt thành một câu thơ: *thuở, thân thiết, đèn sách, buôn bán, trách, mắng*.

II. Tìm những tiếng đồng âm với những tiếng sau này và cắt nghĩa ra cho rõ: *thân, tiền, mới, sức*.

Làm văn: Anh có một người bạn thân, người ấy thế nào, anh kể ra.



Ông nghề vinh qui

Bài học thuộc lòng

*Làm trai quyết chí tu thân,
Công danh chớ vội, nợ nần chớ lo.
Khi nên trời giúp công cho,
Làm trai năm liệu, bảy lo mới hào.
Trời sinh, trời chẳng phụ nào,
Phong vân gặp hội, anh hào ra tay.
Trí khôn sắp để dạ dày,
Có công mài sắt, có ngày nên kim.*

Ca dao

Giải nghĩa: **Tu thân** = tu là sửa, thân là mình; sửa mình cho có đức hạnh. **Công danh** = công là sự nghiệp mình làm ra, danh là tiếng tốt. **Hào** = giỏi. **Phong vân gặp hội** = nghĩa đen là nói gặp lúc gió mây. Người tài giỏi ví như con rồng, hễ gặp gió có mây, thì bay bổng lên trời. Nghĩa bóng là được lúc hiển đạt.

BÀI TẬP

I. Tìm những tiếng đồng âm với những tiếng sau này và cắt nghĩa ra cho rõ: *trai, hào, dạ*.

II. Lấy mỗi tiếng sau này đặt thành một câu: *làm trai, nợ nần, chẳng phụ, công danh*.

Làm văn: Tả một cậu học trò chăm học.

70 Cần phải giữ tính hạnh của mình



Người đi đường lộ

Khi ông Trương Cán mới thi đậu, có vào yết kiến ông Vương Đình Tường là một bậc danh sĩ đời bấy giờ. Ông Vương Đình Tường bảo

rằng: “Hôm trước, trời vừa mưa xong, tôi đi ra phố, có trông¹ thấy một người đi đôi giày mới, đi từ phố này đến phố kia, *rón rén* tìm lối mà bước, chỉ sợ lấm giày; sau quanh vào thành, bùn lầy nhiều quá, người ấy lỡ chân dẫm phải đống bùn, từ bấy giờ cứ bước tràn đi, chẳng tiếc gì đến đôi giày nữa. Xem thế mới biết người ta nên giữ gìn tính hạnh ngay từ lúc đầu, nếu đã lỡ một lần, thì dần dần² thành ra người cần rở³”. Ông Trương Cán nghe lời dạy ấy, lấy làm cảm phục, mà tôn làm thầy.

Ta nay đi học, cũng nên lấy điều ấy làm răn. Dầu việc nhỏ mọn thế nào, ta cũng phải cẩn thận giữ gìn, nếu không thì chỉ có lần đầu là khó, rồi hễ đã quen một lần là quen mãi. Bởi thế cho nên cổ nhân lấy sự giữ mình là cần trọng lắm.

Giải nghĩa: *Yết kiến* = nói kẻ dưới đến thăm bậc trên. *Rón rén* = sẽ đi, đi giữ gìn từng bước một. **Cổ nhân** = người đời xưa.

1. Ngó. 2. Lần lần. 3. Quấy phá.

BÀI TẬP

I. Lấy mỗi tiếng sau này mà đặt thành một câu: *danh sĩ, tính hạnh, cần rõ, cần trọng*.

II. Tìm những tiếng đồng âm với những tiếng này và cất nghĩa ra cho rõ: *thanh, tính, lần*.

Làm văn: Anh có người bạn tính lêu lổ, anh viết thư để khuyên răn người ấy.

71 Thác Khône



Thác Khône

Sông Cửu Long chảy đến Khône thuộc về Hạ Lào, thì có nhiều thác cao tới mười lăm, mười sáu thước và dài đến hàng nghìn¹ thước.

Khúc sông ở phía trên thác thì hẹp lại rồi chảy tràn một vùng có đá *lởm chổm* và rộng tới bốn năm *dặm*. Phong cảnh chỗ ấy thật² là *hùng vĩ thanh tú*. Dưới sông nước chảy ầm ầm nghe như tiếng sấm; trên núi “cỏ chen đá, lá chen hoa”. Giữa thác, đàn cá vẩy vùng; xa xa chim trời lênh bênh³ theo dòng nước chảy. Thác Khône thật là một nơi tiểu sơn lâm mà có đại kỳ quan vậy.

1. Ngàn. 2. Thiệt. 3. Linh binh.

Giải nghĩa: **Lởm chỏm** = lở nhố nhiều lắm. **Dậm** = dậm tây là bốn nghìn thước tây. **Hùng vĩ** = to lớn. **Thanh tú** = đẹp đẽ. **Tiểu sơn lâm** = một khu rừng nhỏ. **Đại kỳ quan** = một nơi có phong cảnh rất lạ.

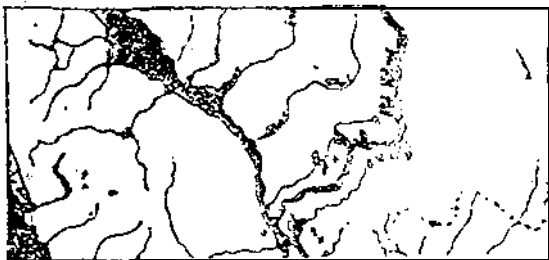
BÀI TẬP

I. Tìm và cắt nghĩa những tiếng đồng âm với những tiếng này: *thác, rộng, ngót*.

II. Lấy mỗi tiếng sau này đặt thành một câu: *lởm chỏm, âm âm, vầy vùng, lênh bênh*.

Làm văn: Tả một nơi phong cảnh đẹp mà anh đã được trông thấy.

72 Xứ Cao Mên



Sông Tonlé Sap và Biển Hồ

Đi vào *Biển Hồ* và *chùa Đế Thiên Đế Thích*, thì phải theo ngược dòng Tonlé Sap là một nhánh sông Cửu Long.

Tonlé Sap có nhiều cảnh lạ, người đi qua nhìn không bao giờ

chán mắt. Hai bên bờ, thì cây cối um tùm¹. Chỗ này *lác đác* mấy cái nhà sàn, cheo leo trên mặt nước; chỗ kia *tịch mịch* một cái lảng, một ngọn tháp hay một cảnh chùa, điểm một vị sư mặc cà sa vàng, đang *trầm tư mặc tưởng*. Thỉnh thoảng những chỗ thưa (sưa) cây, lại có một pho tượng thật lớn mĩm² cười mà nhìn xuống *cõi tục*, tựa hồ như nhìn người đời xô đẩy nhau trong vòng danh lợi.

Nhưng sông Tonlé Sap có cái cảnh lạ hơn cả, là thường dòng nước ở trong Biển Hồ chảy ra, mà đến mùa mưa, nước sông Cửu Long lên to thì dòng nước lại ở ngoài sông chảy lại.

Giải nghĩa: **Biển Hồ** = hồ lớn nhất ở Cao Mên. **Chùa Đế Thiên Đế Thích** = chùa cổ nhất ở Cao Mên. **Lác đác** = rải rác một vài cái. **Tịch mịch** = yên lặng. **Trầm tư mặc tưởng** = ngẫm nghĩ về những điều cao xa. **Cõi tục** = thế giới ta ở.

BÀI TẬP

I. Lấy mỗi tiếng sau này mà đặt thành một câu: *cảnh, nhà sàn, pho tượng*.

II. Tìm và cắt nghĩa những tiếng đồng âm với những tiếng sau này: *vàng, hồ, nước*.

Làm văn: Trả lời những câu hỏi sau này: *Chùa Đế Thiên Đế Thích ở đâu? Sông Tonlé Sap chảy tự đâu? Hai bên bờ sông có những gì?*

1. Um sùm. 2. Chúm chím.

73 Xứ Cao Mên (bài nối)



Mùa nước ở Cao Mên

Đến mùa dòng nước lại như vậy, thì các miền xung quanh Biển Hồ lại ngập cả.

Nước lên đem theo *đất phù sa* vào làm cho ruộng đất tốt thêm, cá theo nước vào hồ, có hàng ức triệu con, để nhân dân chài lưới mà *sinh nhai*. Dân Cao Mên giàu về nghề đánh cá. Nước tràn vào cả các khu rừng gần hồ, mênh mông như biển, ngập cả cây cối.

Mùa ấy gọi là “mùa cá lên ngàn”. Trong khi ấy thì không gì thú bằng một con¹ thuyền *đủng đỉnh* dạo chơi trên mặt nước.

Hàng² năm, cứ đến mùa nước xuống, thì dân Cao Mên mở hội rất trọng thể. Lúc ấy có vua ngự ra cùng với các quan và dân sự đi thuyền theo không biết cơ man nào mà kể. Đợi lúc bước xuống, thì thuyền bơi đến chỗ có cái dây chằng ngang qua sông. Vua làm lễ cầm thanh bảo kiếm chém đứt cái dây ấy, ngụ ý mở đường cho nước xuống để dân sự cày cấy làm ăn.

1. Chiếc. 2. Mỗi.

Giải nghĩa: Đất phù sa = đất sông bồi lên. Sinh nhai = kiếm ăn.
Đủng đỉnh = ung dung, thong thả.

BÀI TẬP

I. Lấy mỗi tiếng sau này đặt thành một câu: *xung quanh, trọng thể, bảo kiếm, mông mênh*.

II. Tiếng nước trong: *nước uống, nước nhà, nhà nước, nước đời, nước cò, nước sơn, khác nghĩa nhau thế nào?*

Làm văn: Ý nghĩa cái lễ cắt dây ở xứ Cao Mên thế nào?

74 Thành Nam Vang



Tháp ở Nam Vang

Nam Vang là *kinh đô* nước Cao Mên. Xưa, đây là một khu đất bỏ hoang, chỉ những cây cỏ gai góc, ao đầm ẩm ướt, thế mà bây giờ hóa ra một chốn thành thị đông đúc, phố xá rộng rãi, lâu đài đẹp đẽ.

Buổi đầu, Nhà nước đào sông khơi ngòi để lấy đất lấp những hồ ao và làm cầu cống để cho tiện đường đi lại. Hai bên bờ sông

dần dần¹ các *dinh thự* nổi lên. Người bản xứ, người Khách thấy thế cũng theo mà làm nhà cửa rộng rãi, cao ráo, đẹp đẽ. Hiện nay Nam Vang là một chốn *đô hội* lớn và đẹp.

Giải nghĩa: *Kinh đô* = chỗ vua đóng. *Dinh thự* = sở làm việc công. *Đô hội* = thành thị to, đông người ở.

BÀI TẬP

I. Lấy mỗi tiếng sau này mà đặt thành một câu: *bỏ hoang, lâu đài, người bản xứ*.

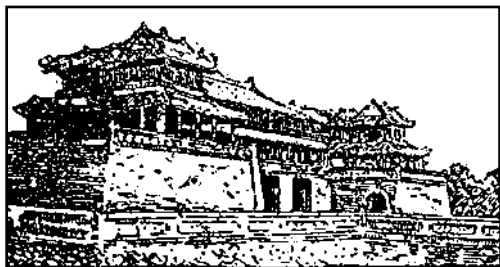
II. Tìm những tiếng phản nghĩa với những tiếng sau này: *đông đúc, rộng rãi, đẹp đẽ, cao ráo*.

Làm văn: Trả lời những câu hỏi sau này: *Nam Vang là gì? Xưa kia Nam Vang như thế nào? Bây giờ Nam Vang đẹp đẽ thế nào?*

75 Huế

Ở Huế, thì chỉ có thành trì và *lăng tẩm* là đẹp hơn cả. Thành thì xây bằng gạch, thật cao, ở xung quanh thì có hào sâu và rộng. Trong thành, chính giữa thì có Hoàng thành, là chỗ cung điện nhà vua; ở bên cạnh thì có các bộ và các viện. Vào Hoàng thành thì đi qua cửa Ngọ Môn và những con đường rộng lát gạch, hai bên có hồ sen rồi mới đến sân rồng, trước điện Thái Hòa là chỗ có thiết đại trào thì vua ngự.

1. Lần lần.



Cửa Ngọ Môn

Các lăng thì ở trong những khu rừng gần kinh đô. Có lăng Gia Long, lăng Minh Mạng, lăng Thiệu Trị và lăng Tự Đức là đẹp hơn cả. Ở đấy thì có

đường rộng, bệ cao, có đền đài, hồ ao, có cây cổ thụ¹, có hoa bốn mùa. Lăng tẩm là một nơi hùng vĩ đẹp đẽ mà lại có vẻ *tịch mịch* vô cùng.

Giải nghĩa: **Lăng tẩm** = mộ các đế vương. **Hùng vĩ** = mạnh mẽ. **Tịch mịch** = yên lặng.

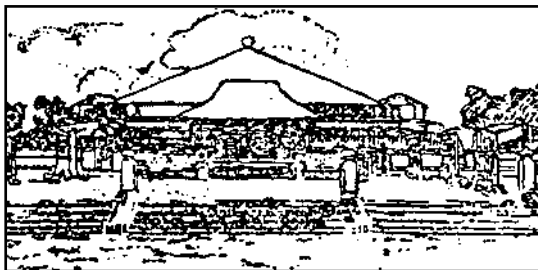
BÀI TẬP

I. Tìm và cắt nghĩa những tiếng đồng âm với những tiếng sau này: *thành, hào, viện, cổ*.

II. Ở trong bài này có những tiếng nào là tiếng chỉ dùng khi nói về nhà vua thôi? Những tiếng ấy nghĩa là gì?

Làm văn: Trả lời những câu hỏi sau này: *Ở Huế có gì đẹp hơn cả? Xung quanh thành có gì? Vào Hoàng thành thì đi qua đâu? Lăng ở đâu? Những lăng nào đẹp hơn cả? Ở lăng có những gì?*

1. Cổ thụ.



Đàn Nam giao

Kể các sự tế tự của ta thì tế Nam giao là trọng thể hơn cả. Tế Nam giao là tế Trời, Đất, cứ ba năm một kỳ, vua ra chủ trì. Khi vua ra tế, thì đội *mũ miện*, mặc áo *long cổn* và đi hia.

Còn các quan thì mũ áo chỉnh tề, đứng hai bên, quan văn bên tả, quan võ bên hữu. Lúc tế có âm nhạc ca vũ và có voi ngựa, quân lính dàn khắp ở ngoài rất nghiêm trang. Cách bài trí, cách tế lễ thật là kính cẩn, tôn nghiêm.

Ai đã được xem tế Nam giao, đã được trông thấy cái cảnh tượng ban đêm đèn đuốc sáng choang, trên bàn thờ khói hương nghi ngút, dưới bao nhiêu người chủ tâm về sự lễ bái như thế, thì ai ai cũng phải sinh lòng cung kính.

Giải nghĩa: *Mũ miện* = mũ ở trên đỉnh phẳng và có mười hai tua tỏa xuống để vua đội lúc ra tế Nam giao. *Áo long cổn* = áo thêu rồng của vua mặc. *Chủ tâm* = để tâm để chí vào một việc gì.

BÀI TẬP

I. Tìm những tiếng đồng âm với những tiếng này và cất nghĩa ra cho rõ: *hàng, bán, dàn, trong*.

II. Tìm những tiếng phản nghĩa với những tiếng này: *trọng thể, ngoài, mặc đứng*.

III. Trả lời những câu hỏi sau này: *Tế Nam Giao là gì? Ai là chủ tế? Vua vào tế, y phục thế nào? Các quan đứng thế nào?*

Làm văn: Anh đã xem tế ở làng, cách lễ bái thế nào, thì tả ra.

77 Hồ Hoàn Kiếm



Cảnh hồ Hoàn Kiếm

Trong thành phố Hà Nội có một cái hồ gọi là hồ Hoàn Kiếm. *Tục truyền* rằng một hôm, vua Lê Thái Tổ ngự ra câu cá ở bờ hồ, chỗ gần sở *Đốc lý* bây giờ, bỗng có một con rùa thật lớn nổi lên trên mặt nước. Vua lấy thanh bảo kiếm ném con rùa, thì nó lặn xuống đem thanh kiếm lên trả vua. Bởi thế mới đặt tên là Hoàn Kiếm.

Ở giữa hồ, về phía tây, có đền Ngọc Sơn. Đi vào đền thì phải

qua một cái cầu. Đền ngoài thì thờ đức Văn Xương, đền trong thì thờ đức Quan Đế. Đứng trước đền, xa xa về phía tay phải (mặt) thì có một cái gò (cồn), ở trên xây một cái tháp gọi là Tháp Rùa.

Xung quanh hồ thì có đường đi sạch sẽ, hai bên có cây cao bóng mát. Chiều đến, thì bờ hồ thật đông như hội, vì là một nơi mát mẻ nhất trong thành phố. Thật là:

*Dập dìu tài tử giai nhân,
Ngựa xe như nước, áo quần như nêm.*

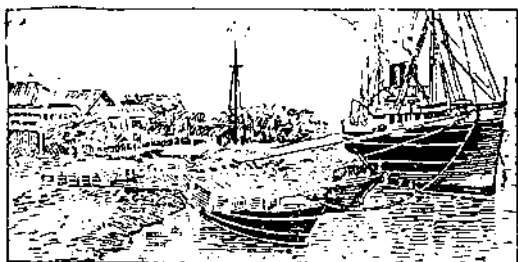
Giải nghĩa: **Tục truyền** = lời miệng truyền lại, không có bằng chứng gì làm đích thực. **Sở Đốc lý** = sở cai trị thành phố.

BÀI TẬP

I. Tìm những tiếng đồng âm với những tiếng sau này và cắt nghĩa ra cho rõ: *kiếm, chốc, nước, thanh, hồ*.

II. Tiếng *giờ* với *rờ*, tiếng *giữa* với *rữa* khác nghĩa nhau thế nào? Thí dụ.

Làm văn: Trả lời những câu hỏi sau này: *Vua Lê Thái Tổ ngự ra câu cá ở đâu? Tại sao lại gọi là hồ Hoàn Kiếm? Đền Ngọc Sơn thờ những vị nào? Tại sao lại gọi là Tháp Rùa? Xung quanh hồ có những gì?*



Bến Sài Gòn

Trước khi người Pháp sang bên ta, Sài Gòn là một nơi có nhiều ao đầm kênh rạch bùn lầy **ẩm thấp**. Thế mà bây giờ thành ra một nơi đô hội rất đẹp ở nước ta. Người ngoại quốc đã cho là “một hạt **trân châu** ở Viễn Đông” này. Mà thật thế, bây giờ ở Sài Gòn có nhiều lầu đài tráng lệ, nhà cửa đẹp đẽ, phố xá rộng rãi, vườn tược mát mẻ, nước máy trong sạch, đèn điện sáng choang, nhân dân đông đúc, kể có hơn tám vạn người, buôn bán phồn thịnh¹, tàu bè qua lại tấp nập² cả năm. Đứng trên cao trông³ xuống, thành phố Sài Gòn chẳng khác nào một khu vườn rộng mênh mênh, một màu xanh biếc, lô nhô nổi lên trên ngọn cây những nhà cao lớn, tựa hồ như muốn ganh đua với cỏ cây mà chiếm lấy một chỗ ở trên cao vậy.

Giải nghĩa: **Kênh rạch** = sông ngòi. **Ẩm thấp** = ướt át, không được khô ráo. **Trân châu** = ngọc trai. Đây vì Sài Gòn đẹp như hòn ngọc trai.

1. Thanh. 2. Rộn rục. 3. Ngó.

BÀI TẬP

I. Tìm những tiếng đồng nghĩa với những tiếng sau này: *đẹp, nhiều, trông, chẳng khác*.

II. Lấy mỗi tiếng sau này mà đặt thành một câu: *bùn lầy, đô hội, lâu đài, sáng choang, ganh đua, chiếm*.

Làm văn: Tả cảnh làng anh.

79 Chợ Lớn



Bến Rạch Ông

Ở Nam Việt *đất xộp* và hay lún. Người ta vận tải những đồ vật nặng có phần khó khăn và nhất là làm đường xe lửa lại càng khó lắm. Cho nên sự giao thông và vận tải đều đi đường thủy cả.

Ở gần Sài Gòn, hai bên bờ Rạch Ông, người đi kẻ lại *tấp nập* lạ thường. Trên phía bắc là chỗ tàu thủy đậu, hàng hóa chồng chất *ngổn ngang*. Dưới phía nam là nơi ghe mành¹ đậu liên tiếp với nhau, dài kể đến một ngàn thước tây, cột buồm lô nhô chen

1. Bàu.

chúc thật là nhiều. Đi quá chỗ ấy rồi cứ theo rạch Ông quanh co ở miền đồng điền, một lát, thì đến những nơi có làng xóm sầm uất¹. Đi khỏi chỗ đó thì trông thấy Chợ Lớn. Ở Chợ Lớn thì nhan nhản những nhà cao cửa lớn, người đi lại đông đúc như kiến, trên bờ, dưới bến *xôn xao* nhộn nhịp, mà phần nhiều là khách trú cả.

Giải nghĩa: **Đất xộp** = đất không chắc. **Tấp nập** = nhộn nhịp. **Ngổn ngang** = bừa bãi, không có thứ tự. **Xôn xao** = ồn ào những tiếng người.

BÀI TẬP

I. Tìm những tiếng phản nghĩa với những tiếng sau này: *xộp, nặng, khó khăn, đậu, liên tiếp*.

II. Lấy mỗi tiếng sau này mà đặt thành một câu: *vận tải, khó khăn, giao thông, chen chúc, quanh co, đồng điền*.

Làm văn: Trả lời những câu hỏi sau này: *Đất ở Nam Kỳ thế nào? Hai bên bờ Rạch Ông có những gì? Trên phía bắc có những gì? Dưới phía nam có gì? Thành phố Chợ Lớn thế nào?*

1. Đông đảo.

80 Cách giao thông

Trong một nước, cách *giao thông* có tiện lợi, nghĩa là hàng hóa vận tải có dễ dàng thì *kỹ nghệ*, thương mại mới phát đạt được. Ở xứ ta từ khi người Pháp¹ sang đến giờ, đường sá mở thêm ra nhiều, sửa sang sạch sẽ hơn trước. Lại thêm ra nhiều cách vận tải, như: tàu thủy, xe lửa, xe điện, xe hơi và đặt dây thép, dây nói ngầm dưới bể, để thông tin tức đi các nơi cho tiện và mau. Lại có máy bay có thể chở được cả hành khách và thư từ, và *vô tuyến điện* để thông tin đi các nơi thật nhanh nhẹn², thật tiện lợi, nhất là cho các tàu đi ngoài biển. Nhờ có vô tuyến điện cho nên nhiều khi tàu bị nạn ở giữa biển có thể báo tin để cầu cứu được.

Giải nghĩa: **Giao thông** = sự đi lại, vận tải. **Kỹ nghệ** = nghề chế tạo ra các đồ dùng. **Vô tuyến điện** = cách thông tin trên không, không cần phải dây.

BÀI TẬP

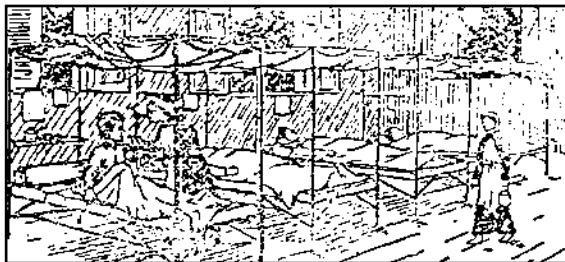
I. Tìm những tiếng đồng âm với những tiếng sau này và cắt nghĩa ra cho rõ: *hàng*, *đường*, *cách*.

II. Những tiếng nào là tiếng kép ở trong bài thì anh viết ra.

Làm văn: Trả lời những câu hỏi sau này: *Tàu thủy để làm gì? Xe lửa để làm gì? Dây thép để làm gì? Vô tuyến điện giúp ta những việc gì?*

1. Lang sa. 2. Lanh lẹ.

81 Một tấm lòng từ thiện



Nhà thương

Bà *phước* Félicienne sang Việt Nam năm 1888, coi ở nhà thương Sóc Trăng, đến năm 1923 thì mất.

Trong ba mươi lăm năm trời, bà đem tấm lòng *từ thiện* mà yên ủi biết bao nhiêu người yếu đau khổ sở. Bao giờ bà cũng *tận tâm kiệt lực* làm việc bốn phận, không nghĩ gì đến công lao khó nhọc. Kể già người yếu, trẻ mồ côi, người tàn tật, ai đã được bà trông nom cho, đều hàm ơn bà cả.

Sau, vì bà trông nom¹ nuôi nấng những người có bệnh phong², cho nên bà mắc phải bệnh ấy mà chết. Bà đem bao nhiêu tâm trí vào việc làm phúc, quên cả tính mạng để cứu giúp kẻ khốn cùng.

Giải nghĩa: Bà *phước* = đàn bà đi tu bên đạo Thiên Chúa, làm phúc ở các nhà thương. *Từ thiện* = có lòng thương yêu người. *Tận tâm kiệt lực* = hết lòng hết sức.

1. Săn sóc. 2. Cùi.

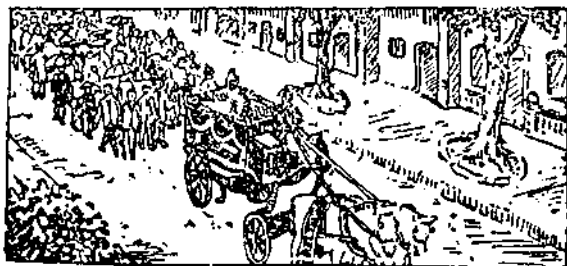
BÀI TẬP

I. Tìm những tiếng đồng âm với những tiếng này và cất nghĩa ra cho rõ: *trong, công lao, hàm.*

II. Lấy mỗi tiếng sau này mà đặt thành một câu: *nhà thương, yên ủi, yếu đau, bốn phận, trông nom, nuôi nấng.*

Làm văn: Trả lời những câu hỏi sau này: Bà *Phuóc Félicienne* sang Việt Nam năm nào và mất năm nào? Bà mất ở đâu? Bà làm được những công đức gì? Bà mắc bệnh gì mà chết?

82 Một tấm lòng từ thiện (tiếp theo)



Đám ma

Lễ cất đám bà Félicienne làm tại Sóc Trăng ngày hai mươi ba tháng tám năm 1923. Các *thân hào* Pháp Việt trong bản¹ hạt, các *đại biểu* những tỉnh Nam Kỳ và cả những người đã chịu ơn bà trong bấy nhiêu năm, đều đi đưa đám rất đông.

Có một đội lính tập đi hộ tang. Đáng lẽ có một ông quan to

1. Bản.

thay mặt Nhà nước đọc bài *điếu tang* để kể công đức bà đã vì hết lòng giúp người mà chết. Song vì khi *lâm chung* bà có trối lại rằng lễ tống táng làm cho giản dị đơn sơ, nên lúc *hạ huyệt* không có bài *điếu tang*.

Tuy vậy, mà lễ cất đám bà rất là long trọng, vì người đi đưa thật đông mà ai ai cũng lấy làm cảm động và thương tiếc bà lắm.

Giải nghĩa: **Thân hào** = những người giàu sang trong hạt. **Đại biểu** = người thay mặt. **Điếu tang** = bài văn điếu. **Lâm chung** = lúc hấp hối, sắp chết. **Hạ huyệt** = để xuống hố.

BÀI TẬP

I. Lấy mỗi tiếng sau này mà đặt thành một câu: *bản hạt, chịu ơn, đưa đám, hộ tang, thay mặt*.

II. Tìm những tiếng phản nghĩa với những tiếng này: *bản hạt, chịu ơn, tống, giản dị*.

Làm văn: Anh đi đưa đám một người quen. Anh trông thấy những gì anh kể ra.

83 Cách sửa mình



Ông Trình Tử

Ông *Trình Tử* xưa để hai cái lọ¹ ở bên cạnh chỗ ngồi. Mỗi khi trong bụng nghĩ một điều gì thiện, thì ông bỏ một hột đậu trắng vào trong một lọ. Một khi nghĩ điều gì ác, thì ông lại bỏ một hột đậu đen vào lọ kia. Lúc đầu, đậu đen nhiều, đậu trắng ít, dần dần đến không còn một hột đậu đen nào. Về sau, không cần phải bỏ đậu trắng nữa, tâm tính bấy giờ thuần nhiên *toàn thiện*.

Vì ông Trình biết sửa tâm rèn tính như thế mới thành được người *hiền triết*. Vậy ta nên lấy đó làm gương mà sửa mình. Trong sách có câu: “Từ đấng *thiên tử* cho đến kẻ *thứ dân* ai ai cũng phải lấy sự *tu thân* làm gốc.” Vậy người ta bất cứ làm gì cũng phải cố² mà sửa mình cho nên con người có phẩm hạnh.

Giải nghĩa: **Trình Tử** = đây là ông Trình Y Xuyên, em ông Trình Hiệu đời nhà Tống. **Toàn thiện** = ý nói nghĩ làm cái gì đều hiền lành tử tế cả. **Hiền triết** = bậc có đạo đức cao và học hành rộng. **Thiên tử** = (con trời) nghĩa là vua. **Thứ dân** = người thường dân. **Tu thân** = sửa mình.

1. Chỉnh. 2. Ráng.

BÀI TẬP

I. Lấy mỗi tiếng sau này mà đặt thành một câu: *hiền triết, đạo đức, tu thân*.

II. Chọn những tiếng dưới này mà đặt vào chỗ có chấm cho hợp nghĩa: *từ thiện, lương thiện, khuyến thiện, hành thiện*.

... là làm điều lành

... là khuyên làm lành.

Người tính hạnh hiền lành là người...

Bụng thương người hay làm điều lành là...

Làm văn: Trả lời những câu hỏi sau này: Ông Trình Tử để hai cái lọ bên cạnh chỗ ngồi để làm gì? Trước, sau, số đậu đen đậu trắng, bỏ khác nhau làm sao? Các anh đọc bài này, nghĩ bụng thế nào?



PHỤ LỤC

Tình nghĩa giáo khoa thư

Son Nam

- Từ đây tới nhà ông Trần Văn Có gần hay xa vậy thầy?

Thầy xã trưởng đáp:

- Ở xóm Cà Bậy Ngọt lận! Để tôi ra lệnh cho phó hương ấp đòi tên đó tới công sở...

Thầy phái viên nhà báo Chim Trời giục mình:

- Tôi là phái viên, đâu có quyền hạn đó đối với quý độc giả thân mến gần xa.

Thầy xã hỏi:

- Phái viên là gì vậy thầy?

- Là người thay mặt cho tờ báo đi cổ động và thu tiền.

- À! Bây giờ tôi mới biết cái thằng Tư Có. Nó thiếu tiền của nhà báo hả? Hèn chi nó bơi xuống lên công sở lãnh báo, đúng bảy bữa là có mặt nó. Nghèo không biết thân lại còn bày đặt làm sang mua báo không trả tiền!

Thầy phái viên cố nén sự bức mình khi nghe độc giả thân mến của mình bị thầy xã khinh khi; thầy hút thuốc suy nghĩ rồi lại hơi buồn buồn mà nhớ đến sự thất bại về tài chánh.

Ông độc giả Trần Văn Có thiếu sáu tháng tiền báo tức là hai đồng sáu các rưỡi. Từ chợ Rạch Giá vô đây, thầy đã tốn gần ba các rưỡi tiền tàu, tiền thuốc hút. Chuyển về lại phải xuất thêm ba

các nữa... Ông độc giả nghèo nàn này chắc gì trả được một đồng trong số tiền thiếu chịu nhà báo!

Nhưng đã tới đây rồi mà trở về thì uống cuộc viễn du Hậu Giang này quá! Thầy phái viên quyết tình binh vực thể diện của người độc giả nọ:

- Không phải tôi đi đòi tiền! Tôi đi dò hỏi ý kiến bạn đọc đối với tờ báo. Tiền bạc là quý... Nhưng ý kiến của bạn đọc lại quý hơn. Độc giả ở tới đâu, chúng tôi đi tới đó.

Sau vài phút đi tới đi lui, thầy xã gặt đầu:

- Được. Để tôi biểu thằng Trạo chèo tam bản đưa thầy. Thầy nên dè chừng. Tên Trần Văn Có nói mười, thầy tin một là vừa. Anh ta công kích tờ Lục Tỉnh Tân Văn của nhà nước Lang Sa gởi xuống công sở; đi ăn giỗ thì nói chuyện Hitle, chuyện nước Ý đánh nước Á, chừng hỏi kỹ mấy nước đó ở đâu, anh ta bí lối nói lảng qua chuyện Tàu...

Thầy phái viên tò mò:

- Vậy thì ông độc giả của chúng tôi rành chữ nho?

- Ai biết rõ được. Anh ta nói có dây có nợ, tích người học trò nghèo tên là người Thừa Cung gì đó... chần heo; ông quan đại thần Lý Tích đích thân nấu cháo cho chị ăn dè đâu bị lửa táp cháy râu. Chưa hết đâu, thầy phái viên ơi! Hễ gặp ai say rượu anh ta nói một hơi như thầy chùa tụng kinh, có ca có kệ. Cái gì mà các anh hãy trông người kia đi ngoài đường, mặt đỏ gay, mắt lơ đãng...

Thầy phái viên cười lớn, nhip mạnh tay xuống bàn ba bốn lần như trống đánh châu hát bội, đôi mắt sáng ngời, chân nhảy nhót như con nít:

- Hay quá! Hay quá! Tôi thăm ông độc giả đó mới được. Ông

làm thầy giáo hả thầy? Nhờ thầy đưa tôi đi gặp mặt. Ngộ quá hen! Ừ! Ừ!

Bực mình quá chừng, thầy xã nghĩ: “Ông phái viên này kêu mình bằng thầy mà lại dám tung bốc kêu Tư Có bằng ông. Hay là ông chê mình không dám xuất tiền mua báo như Tư Có. Chừng bận về, mình mua vài năm báo chơi cho biết mặt”.

Thầy xã hối thúc cho chú trạo sửa soạn quai chèo đưa thầy phái viên đến ấp Cà Bay Ngọt. Thầy phái viên cảm ơn một tiếng nhỏ rồi cúi đầu xuống nói rù rì như xa như gần, trong cuống họng:

- Ờ! Để coi các anh hãy trông người kia đi ngoài đường, mặt đỏ gay, mắt lơ đờ, quần áo xốc xếch, chân đi xiêu bên nọ vẹo bên kia, múa chân múa tay, mồm nói lảm nhảm... Lũ trẻ theo sau reo cười chế nhạo... Đúng vậy, QUỐC VĂN GIÁO KHOA THƯ lớp Sơ Đẳng, Việt Nam Tiểu học Tùng thư... Sách này do Nha Học Chính đã giao cho ông Trần Trọng Kim, ông Đặng Đình Phúc và ông Đỗ Thận soạn... Eo ơi! Cái buổi thơ ấu đó nay còn đâu.

Đường đi ấp Cà Bay Ngọt quá xa vời! Chiếc tam bản nhún xuống một cái “ồ” rồi nảy tới một cái “sạt” theo nhịp chèo hai chèo. Nắng chang chang rắc vàng trên thảm cỏ hoang xanh ngắt. Vài nhánh bình bát de ra, quất vào bụi sột soạt. Xế chiều, cò trắng điểm lấm tấm trên dãy rừng tràm đằng xa. Lau sậy phất cờ như đón người khách lạ. Trích, cúm nùm kêu ré lên. Con rạch thâm hẹp lại. Chiếc tam bản lắc nghiêng như trái dừa khô trên mặt nước đầu sóng gió. Anh Trạo chèo một chèo, nghiêng mình bên hữu. Rồi bỗng nhiên anh chụp mỗi tay một cây chèo mà chèo trên đất khô bên bờ rạch. Chiếc tam bản lại lướt nhanh trong lòng nước quá hẹp, vừa đủ lọt bề ngang.

Anh Trạo mỉm cười:

- Chèo như vậy lệ hơn. Mọi lần mùa hạn, nước cạn queo, dưới sông đầy bùn non, tôi cuôi trâu trên bờ mà kéo. Chiếc tam bản đi như cộ kéo lúa...

- Chú Trạo biết rành nhà Tư Có không?

- Dạ, biết. Tư Có ở một mình, nuôi heo, giăng câu, ăn ong, nghe nói y ở xứ Văng Long, xuống đây tính bề dạy học mà xin phép chưa được...

Buổi cơm chiều ngon lành làm sao! Ăn cá lóc nướng trui, uống rượu “ông Cọp”. Anh Trạo đã về, Tư Có kèm thầy phái viên ở lại ngủ một đêm, chú hứa sáng mai bơi xuống đưa thầy trở lại công sở mà đón tàu đò. Thếp đèn dầu cá kéo thêm một tim thứ nhì nữa, cháy khá sáng. Bếp un dưới đất tỏa lên cuộn cuộn tỏ rõ từng sợi khói mịn màng như mảnh lưới tơ giăng bủa khắp căn chòi nhỏ hẹp.

Tư Có bỏ mừng xuống, chun vô tấn ba phía rồi mời:

- Thầy Hai vô trong này ngồi nói chuyện cho vui. Ở ngoài muỗi cắn. Khói như vậy mà muỗi cứ bu lại rút lênh bênh trong thếp đèn dầu cá đó.

Ngượng nghịu thầy phái viên nhà báo Chim Trời rón rén giờ mừng, chun lệ vào ngồi kế bên:

- Xứ gì lạ quá! Anh Tư ở đây hoài sanh bệnh chết.

Tư Có đáp:

- Xứ Cà Bậy Ngọt tiếng Khơ Me nghĩa là trâu chết. Hồi đó nghe nói trâu “len” tới đây “thất bại”, phong thổ ẩm thấp trâu chết nhiều quá. Họ đặt tên kỷ niệm luôn... Bởi vậy dân tình bệnh hoạn, thua thớt, làng này chưa cất nổi cái trường học.

Thầy phái viên trở mặt:

- Vậy à? Còn mấy làng khác?

- Đông Thái, Đông Hoà, Đông Hưng, Vân Khánh Đông... Không làng nào có trường hết. Thầy nghĩ coi...

- Hèn chi miệt này chỉ một mình anh Tư là đọc giả báo Chim Trời của chúng tôi... Báo có thích hợp không anh Tư?

- Nói chí tình, đó là của người bà con ở Sài Gòn “đăng” dùm tôi, ban đầu tưởng nói chơi dè dặt nhà báo gởi xuống thiệt, xem cũng đỡ buồn. Phần nhiều bài vở của mấy ông viết cao quá. Tôi thường đọc cái trương Văn Uyển, có bài thơ bát cú của cô Bích Lý vịnh cảnh sông Hương. Hay quá lẽ! Về sau, ông Trần Bất Diệt ở Cầu Kè họa vận...

Thầy phái viên gặt đầu, ừ lấy lệ, thật ra hồi nào tới bây giờ đi cổ động cho báo Chim Trời mà ít khi thầy đọc kỹ báo nhà. Tư Có hỏi tiếp:

- Nhà báo Chim Trời đông người không thầy? Chắc là lớn lắm? Làm sao mà thành chữ được.

- Có thợ chuyên môn ráp từ chữ a, chữ b.

- Trời thần ơi! Biết tới chừng nào mới xong, chắc là thợ đông lắm... Còn mấy ông chủ nhiệm, chủ bút, phóng viên... Chắc làm việc rầm rộ ngày đêm.

Thầy phái viên sực nhớ đến tình trạng loe hoe của tòa soạn, gặt đầu lần nữa.

- Làm báo chí cần nhiều trí óc lắm, phải không thầy phái viên? Tiếc là hồi nhỏ cha tôi chết sớm. Hồi đó, ông làm thầy giáo cũng đặt thơ bát cú, tứ cú. Cha tôi chết, má tôi giữ mấy pho sách, dạy lại tôi. Đó là sách QUỐC VĂN GIÁO KHOA THƯ, thầy còn nhớ không?

Thầy phái viên cười:

- Nhớ chứ. Làm sao mà quên được! Hồi nhỏ tôi hát “ca rê”, tay xách tòn ten bình mực đi học ở trường làng. Hồi đó, trí óc mình sáng suốt, nhớ dai lắm. Bây giờ lớn tuổi, đầu bạc hoa râm, đi làm rày đây mai đó, nhớ nhà, nhớ trường học, nhớ làng xưa.

Tư Có nói:

- Chắc là thầy muốn nói bài “*Chốn quê hương đẹp hơn cả*” chứ gì?

Rồi chú đọc một hơi:

- *Một người đi du lịch đã nhiều nơi. Hôm về nhà, kể quen người thuộc, hàng xóm, láng giềng đến chơi đông lắm. Một người bạn hỏi: ông đi du sơn du thủy...*

- Đó ăa! Đó ăa! Anh Tư nhớ kỹ quá... *Người du lịch mới trả lời: ở chốn quê hương... Từ cái bụi tre ở xó vườn cho đến con đường khúc khuỷu trong làng, cái gì cũng gọi cho tôi những mối cảm tình chứa chan...* Bài đó có hình ông già mang kiếng, chống gậy nói chuyện với mấy người khăn đóng áo dài.

- Thì hình nào cũng khăn đóng áo dài. Trừ ra cái hình thằng nhỏ chăn trâu cầm roi: *Ai bảo chăn trâu là khổ... Không, chăn trâu sướng lắm chứ.*

Thầy phái viên phụ họa theo như cùng hợp xướng:

- *Đầu đội nón mê như lọng che, tay cầm cành tre như roi ngựa, ngất ngểu ngồi trên mình trâu, tôi nghe chim hót trong chòm cây, mắt trông bướm lượn trên đám cỏ...*

Rồi thầy kéo qua những đoạn khác mà thầy nhớ:

- Hay quá! Nhà báo bây giờ không ai bằng. Văn chương như vậy là cảm động lòng người... Như cái hình ông già đẩy xe bò lên

dốc, có hai đứa học trò kéo dây tiếp sức. *Trời nắng to. Đường thì dốc. Một ông lão đẩy cái xe lộn. Trên xe có ba bốn con lộn to, chân trôi, phơi bụng và mồm kêu eng éc...*

Tư Có vỗ trán:

- Còn ông già khuôn tảng đá nữa, thấy mà thương: *Trời nhá nhem, chạng vạng tối, tôi thấy một ông cụ già hì hục khuôn một tảng đá. Ông cụ nhấc lên để xuống đến bốn năm lần mới đem được từ đường đến chỗ bụi cây mà bỏ đấy... Lão đi lờ vấp phải tảng đá này, sảy cả chân đau lắm nên khuôn bỏ vào đây, sợ có người vấp nữa chẳng.*

Thầy phái viên lại không chịu rằng mình kém trí nhớ:

- Ngang hình ông già đó, trương phía tay trái có bài *Chọn bạn mà chơi, thói thường gần mực thì đen*. Cha chỉ ngón tay, con đứng khoanh tay cúi đầu mà nghe. Dưới chót lại có hàng chữ: *Ở bầu thì tròn, ở ống thì dài.*

Tư Có gật đầu:

- Đó là ngụ ý răn đe gương tốt hay xấu. Phải siêng năng như Sứu chăm học, ngồi bên đèn mà đọc sách; đừng lười biếng như thằng Bình đánh vòng. Phải bền chí học hành. Ở thầy phái viên chắc nhớ cái hình con kiến tha mồi! Văn chương nghe như đồn Nam Xuân: *Nước mềm, đá rắn thế mà nước chảy mãi đá cũng phải mòn. Sợi dây nhỏ, cây gỗ lớn, vậy mà cua mãi cũng đứt. Con kiến nhỏ, cái tổ to, thế mà kiến tha lâu cũng đầy tổ. Người ta cũng vậy...*

Không ai bảo ai, hai người lại nằm xuống lim dim. Tuổi của họ đã quá ba mươi! Nước chảy mãi mà sao đá không thấy mòn? Sợi dây cưa mãi, gỗ chưa đứt mà sợi dây sắp đứt trước. Sự nghiệp của họ nào đã có gì. Kể mèn cái thú ở nhà quê, người lặn đạn với cái thú ở kẻ chợ.

Nằm mãi không ngủ được, thầy phái viên lắng nghe những tiếng động trong nhà, giữa tiếng một nghiêng gỗ kèn kẹt như người đưa vông, bất chấp tiếng chuột chạy sột soạt và nhất là tiếng muỗi rùng rùng hành kê vo vo, thầy mơ lại những ngày *năm nay tôi lên bảy, tôi đã lớn, tôi không... lêu lổng nữa*. Còn đâu mùi hương của những quyển sách mới bao bì kỹ lưỡng nhưng vài ngày sau đã rách bìa! Làm sao nghe được tiếng phập phồng trong ngực của đứa bé khi trời mưa to, đi học trễ, run rẩy bước vào trường rồi cởi áo phơi ngay trong lớp... Đây, thầy giáo mặc đồ bà ba, lâu lâu bước ra khỏi lớp để chào hỏi khi thầy xă, thầy cai tổng đi ngang qua. Một đôi lúc, thầy giáo quá cay nghiệt đã dùng thước đánh vào những đầu ngón tay non yếu, hoặc huơ cây thước bằng...

Dầu sao đi nữa, những kỷ niệm xa xưa vẫn vui, vui như một lũ học trò giành nhau chụp cho được cây dùi trống, đánh thùng thùng báo hiệu giờ vào lớp.

Giọng Tư Có nói nhỏ:

- Ngủ chưa, thầy phái viên?

Thầy phái viên yên lặng, trời mới mưa, các chỗ trũng đầy nước cả nền cóc và nhái kêu inh ỏi. Vài giọt mưa rớt nhẹ xuống đất... Và rơi trên rạch Cà Bê Ngọt trước nhà. Hồi năm nào, thầy là giọt nước trong lành đó, bây giờ nó đã trôi xa, ra sông, chứa đựng rác rến, chảy băng ra biển. Ừ, họa chăng đó là con đường hiệu quả

nhất là được sớm bốc thành hơi, đầu thai trở lại nguồn... Nghĩ vậy, thầy khoan khải mỉm cười ngồi dậy hỏi:

- Ngủ chưa anh Tư?

- Chưa!

- Tôi này giờ cũng vậy, muốn ngủ sớm để mai về nhà, mà không thấy mệt.

Im lặng một hồi lâu, rất lâu, Tư Có nói ngậm ngùi sau một tiếng thở dài:

- Biết lấy gì làm sở phí cho thầy. Thầy nói thiệt tình nghe coi... Chắc thầy tới đây thâm tiền.

- Đâu có! Đâu có! Mình là bạn đời với nhau...

- Thầy hiểu cảnh tôi. Không lẽ gởi cá lóc, rùa, mật ong... Nhờ thầy đem về Sài Gòn gọi là tiền của tôi trả cho nhà báo. Tôi “đăng” là vì ái mộ báo Chim Trời chớ ít đọc lắm. Máy thầy viết cao quá. Tôi mua để dành về sau cho đủ bộ.

- Anh Tư đừng ngại chuyện đó. Cứ tiếp tục đọc. Lâu lâu dò nơi mục Thư tín không chừng có lời của tôi thăm hỏi anh Tư. Nếu thấy báo đăng đòi tiền các độc giả, xin anh Tư hiểu rằng đó là nhắc nhở các người khác. Tôi hứa nói lại với ông chủ nhiệm mỗi kỳ gởi tặng anh Tư một số báo, hoài hoài cho tới số chót.

Chú Tư Có vô cùng cảm động:

- Thôi, thầy ngủ lấy sức để mai về bình yên. Khuya nghe chồn cáo cộc kêu, thầy đừng giật mình: Ở đây miệt rừng, không có... Xa xa thì nghe tiếng chó sủa trắng.

Thầy phái viên cười giòn, tưởng tượng cái cảnh biệt ly ngày mai. “Ôi! Cái cảnh biệt ly ở xóm Cà Bê Ngọt sao mà buồn vậy!”.

Vĩnh biệt thì đúng hơn. Nghe nó buồn như một giọng hò, một câu rao vọng cổ, nhưng thầy chưa muốn nói ra bây giờ, giờ này.

Trích từ tập truyện HƯƠNG RỪNG CÀ MAU

Nhà xuất bản Trẻ - 1993